VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tiền bạc, văn chương và lịch sử
tạ chí đại trường
trái tim miêng và nỗi bất hạnh
của người phụ nữ
đoàn nhã văn
mười truyện thật ngắn
y chi ● mai ninh ● hồ nhu ● thu thuyền
hoàng chính ● thơ thơ ● nguyễn thị ngọc nhung
nguyễn quí đức ● lê minh hà ● phùng nguyễn
kịch câm
nam dao

truyện
trúc chi ● nguyễn văn sâm ● hoàng nga
hoàng chính ● ngô nguyên dũng ● hoài mỹ

thơ
nguyễn xuân thiệp ● cao xuân tú
nguyễn hữu nhật ● nghiêm xuân hồng
nguyễn thanh châu ● dung nham

168
THÁNG 4 2000

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học
số 168 ● tháng 4, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	3	tiền bạc, văn chương và lịch sử
NGUYỄN XUÂN THIỆP	19	*mưa*
ĐOÀN NHÃ VĂN	20	trái tim miếng và nỗi bất hạnh của người phụ nữ
CAO XUÂN TỨ	29	*tây mỗ*
DUNG NHAM	30	*thơ dung nham*
TRIỀU HOA ĐẠI	32	phỏng vấn hồ minh dũng
TẠ QUỐC TUẤN	39	về hai câu 45-46 trong bản dịch chinh phụ ngâm
NGUYỄN HỮU NHẬT	48	*học nguyễn tuân, chém treo ngành*
MƯỜI TÁC GIẢ	50	những truyện thật ngắn
NGHIÊM XUÂN HỒNG	62	*trên ngọn tử sinh*
TRÚC CHI	63	chút nắng và chút tình
NGUYỄN THANH CHÂU	72	*đêm. sa mạc lan dần*
NGUYỄN VĂN SÂM	73	kể chuyện ngày xưa
HOÀNG NGA	81	nhịp sống
HOÀNG CHÍNH	89	giải oan cho biển
NGÔ NGUYÊN DŨNG	100	dấu giày đón bình minh
HOÀI MỸ	109	lão già otto
NAM DAO	118	kịch câm
BÙI VĨNH PHÚC	144	giới thiệu "giữa hai miền mưa nắng"
VĂN HỌC	149	giới thiệu sách mới
VĂN HỮU	152	ý kiến
VĂN HỌC	157	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2000
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

Thư Tòa soạn
Văn Học

Có thể xem Văn Học số tháng Tư 2000 là một hợp tuyển thơ văn mùa xuân, với đóng góp của một số văn hữu đông đảo lâu nay cộng tác thường xuyên với Văn Học.

Trước hết là mười tác giả cùng nhau viết mười truyện thật ngắn để cùng xuất hiện một lúc trên số báo này, cho thấy phong cách riêng của từng người. Y Chi, Mai Ninh, Hồ Như, Thu Thuyền, Hoàng Chính, Thơ Thơ, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Nguyễn Quí Đức, Lê Minh Hà, Phùng Nguyễn. Mỗi người một vẻ. Tuy có truyện chưa phải là truyện thật ngắn, nhưng lối viết tất cả mười truyện đều giống nhau ở chỗ chỉ chọn cắt một lát tiêu biểu của đời sống. Lát đời ấy có nhiều sớ gỗ đẹp, giống như "bức tranh vân cẩu".

Lần thứ nhì Văn Học giới thiệu một kịch bản đặc sắc khác của Nam Dao, sau thành công của "Treo đầu dây quan họ" đăng trên Văn Học cách đây đúng một năm. "Kịch câm" xác nhận một lần nữa tài viết kịch của Nam Dao; những khốc liệt bi thảm của đời sống được tác giả pha trộn với những mơ ước lãng mạn một cách khéo léo.

Đó là chưa kể những tiểu luận, thơ, truyện của các nhà văn quen biết như Tạ Chí Đại Trường, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Xuân Thiệp, Tạ Quốc Tuấn, Đoàn Nhã Văn, Cao Xuân Tứ, Dung Nham (Kinh Dương Vương), Triều Hoa Đại, Nguyễn Hữu Nhật, Nghiêm Xuân Hồng, Trúc Chi, Nguyễn Thanh Châu, Nguyễn văn Sâm, Hoàng Nga, Hoàng Chính, Ngô Nguyên Dũng, Hoài Mỹ.

Hy vọng 160 trang văn của số báo này sẽ đem đến cho bạn đọc những niềm vui tinh thần hữu ích, giữa không gian ấm áp của mùa xuân nơi xứ người. Xin xem đây là chút quà mọn của Ban Chủ trương Văn Học, đánh dấu mười lăm năm vui buồn với bạn đọc.❐

"Tiền bạc", văn chương và lịch sử

Tạ Chí Đại Trường

(Trước 1975, nhân chạy quanh tìm được mấy đồng tiền xưa ố không xưa lắm nhưng cũng đủ gợi liều lĩnh để kẻ hèn này viết liều láo được một tập sách nhỏ mà một phần sau 75 sửa lại đăng trong Văn học và in thành sách [Những bài dã sử Việt, *Thanh văn 1996.*] *Nay còn một phần nữa, tủi phận, cũng muốn đòi ra tuy tác giả chờ mãi mà vẫn thấy chắc chẳng bao giờ được đi nghiên cứu ở Miền Bắc, khu vực chính yếu của đề tài này. Lại thêm sách vở cũng chẳng có bao nhiêu, không muốn làm kẻ "Đọc [duy nhất] một quyển sách", quyển* Đại Việt sử kí toàn thư, *nhưng cũng không dám hù doạ người mà đành phải lôi giấy tờ cũ ra viết lại, coi như chứng tích đam mê một thời đã thoát nạn phần thư thì cũng nên lợi dụng thời thế để xuất hiện. Mặt khác, vì thói quen mới nhập cuộc thời thế hỗn mang, lại đi lấn đất nhà văn nhà thơ thì cũng phải sửa sang làm sao núp bóng cho được, nên xin các bậc Đại-học giả chớ chê cười.)*

Với đề tài trên thì có thể bàn đủ thứ chuyện trên đời, từ lãnh vực đã trở thành cổ điển của *Kiều* "Có ba trăm lạng việc này mới xong" đến chuyện ngoài giang hồ "Tiền tài như phấn thổ, nhân nghĩa tợ thiên kim." Đành chỉ nói chuyện nho nhỏ vừa với túi tiền của mình, về đồng tiền-đồng, đơn vị trung gian trao đổi nhỏ nhất trên xóm chợ làng quê ngày xưa, vào thời mà, nghe nói lại, đổ cả đống trên lẫm thượng trong nhà, cứ mỗi lần đi chợ là bà bác lấy rổ *xúc một cái*, mang đi.

Đồng tiền đồng

Về hình thức thì đồng tiền có dạng tròn vành, vuông lỗ với ý nghĩa trời tròn, đất vuông, căn bản của kiến thức địa lí, thiên văn học ngày xưa, thật là xưa, được chuyển sang quan niệm siêu hình về sự an bình, hạnh

phúc thường tục: mẹ tròn con vuông. Thường thì đồng đơn vị có đường kính khoảng 24mm nhưng vì nhiều lí do, kể cả lí do *ăn gian*, kích thước chuẩn không thể đều đặn khít rịt như đồng tiền Mĩ ngày nay có thể nhét vào bất cứ cái máy kéo bạc nào nó cũng nuốt được hết, không chịu nhả ra, chỉ reng reng ít tiếng nhạc an ủi chủ nhân thôi. Kích thước 24mm xê xích chỉ vì cách thức đúc thủ công đã đành mà còn vì người ta muốn đúc nhỏ để lợi nhiều đơn vị, tạo ra những vấn đề rắc rối nan giải trong hệ thống trao đổi bằng tiền từ khi nó xuất hiện trên thị trường.

Vì muốn ăn-gian cho nên người ta đúc tiền bằng các thứ kim loại dễ chảy như thiếc, chì, hay trộn lẫn với kim loại chính do đó đỡ tốn công, ít hư hao, giá thành thấp rồi tung ra thị trường "mập mờ đánh lận con đen", cứ tính theo kiểu "đếm đầu chia xâu": một, hai, ba... một tiền, một quan là... ăn tiền. Tất nhiên người ta cũng thấy được giá trị thấp của chúng nhưng trong thực tế chúng vẫn có lúc qua-mặt được nhiều người:

Đồng tiền chì mua mớ tôm tươi,
Mua rau mới hái, mua nàng [người?] đảm đang.
Tiếc thay đồng tiền trinh mua vội mua vàng,
Mua rau muống héo, mua nàng ngẩn ngơ!
(Nguyễn Văn Ngọc, *Tục ngữ phong dao* I, Mặc Lâm 1967, tr. 94)

Chất chính nằm trong tiền (đông trinh/chinh) là đồng, thứ kim loại tạo nên cả một giai đoạn văn minh toàn nhân loại làm mệt công các nhà khảo cứu. Cho nên tiền ngày xưa không phải chỉ là vật trung gian trao đổi mang thuần tính cách ước lệ mà còn chứa chất giá trị riêng nằm trong bản thân của nó nữa. Đại nạn Tam tông của Phật Giáo Trung Hoa là một minh chứng cho tương quan trên bình diện chính trị của giá trị chất đồng nằm trong các tượng và trong các đồng tiền lưu hành ngoài dân gian. Các ông vua sùng mộ đạo Phật đua nhau đúc tượng làm khan hiếm đồng bên ngoài, khiến các chùa trở thành nơi chốn đầu cơ tích trữ, thành cái đích dòm ngó thèm thuồng của nhà chính trị khi còn kém thế; và khi mạnh thế lên thì họ xông vào chùa mang tượng Phật ra đúc tiền, tạo tài sản khuynh loát thiên hạ hay để giữ vững ngôi vị của mình. Gần nhất ở ta là trường hợp Nguyễn Hữu Chỉnh với đồng Chiêu thống của ông vua Lê cuối mùa. Giá trị chất kim loại nằm ngay trong hình thức của đơn vị tiền tệ xưa khiến cho chữ "đồng" thêm ý nghĩa kinh tế tài chính căn bản, có tầm sử dụng rộng rãi, vượt lên cả các chất kim loại cao giá hơn: đồng *bạc*, đồng tiền *vàng*. Rồi kéo dài tới ngày nay, nó trở thành đơn vị tiền tệ Việt Nam, không thấy xu, hào/cắc đâu cả mà chỉ thấy tờ giấy - hình như tờ 50 000 *đồng* là lớn nhất.

Gốc đồng tiền đồng là của Thiên triều Trung Hoa. Cùng là xuất phát từ Trung Hoa mà Cao Li / Triều Tiên / Đại Hàn (rắc rối quá!) và Nhật Bản đều giữ đơn vị "nguyên" của Tàu. Chữ nguyên đã thấy ở tập họp "nguyên bảo" trên tiền đồng nhưng về sau được nâng cấp chỉ giá trị của kim loại bạc và từ đó đi qua tiền giấy. Trong lúc đó, chữ "đồng" còn lại ở nước An Nam chỉ vì người ta giữ lại tên gọi từ một đơn vị trọng lượng tính cho đồng Khai nguyên thông bảo (đúc lần đầu năm 621 Đường Cao Tổ) được quy định tương đương với 1/10 lượng:10 đồng Khai nguyên nặng một lượng. Sự kiện này phù hợp với chứng cớ về kiến thức của tầng lớp trí thức Bắc Hà ngày xưa, chỉ biết đến Đường Tống, chưa biết đến Nguyên, thời kì tiền giấy lấn át tiền đồng, về sau làm quên đơn vị "đồng" của Khai nguyên.

Cũng không nên tham lam mà kể chuyện thời Tam Hoàng, Ngũ Đế. Chỉ cần biết đồng tiền trong hình dạng gần với chuyện ta kể là xuất hiện cuối cùng của thứ tiền kim loại thông dụng ở Á Đông trước khi các hình thức Tây Phương đến thay thế. Một mặt đồng tiền có hai chữ là niên hiệu của vua lúc đúc tiền (thường là năm đầu lên ngôi hay đổi niên hiệu), hai chữ khác thường là thông bảo, nguyên bảo... Mặt sau trơn láng, thỉnh thoảng có các chữ chỉ nơi chốn, năm thứ ... của niên hiệu đúc tiền, và có khi chỉ giá trị tương đương với đồng đơn vị: đương nhị, đương ngũ, đương thập (gấp đôi, gấp năm, gấp mười)...

Có sự thống nhất trong phép đo lường xưa giữa một đơn vị tiền và đơn vị trọng lượng, cả đến đơn vị chiều dài. Cho nên từ chữ Hán đã có sự lẫn lộn, qua tiếng Việt sự phức tạp càng tăng thêm. Về phương diện trọng lượng, chữ *tiền* (Hán), *đồng* (Hán) chỉ một đơn vị nặng bằng 1/10 lượng. Đồng tiền làm cục cân, đồng tiền xếp nối nhau làm đơn vị chiều dài, vì thế mới có cân non, cân già, thước non, thước già! Về phương diện tiền tệ, *tiền* (Việt) là chữ tương đương với *mạch* (Hán), *đồng* là chuyển sang Việt của *văn* (Hán), chỉ *một đồng tiền*. Và vì dùng chữ *tiền* để chỉ một đơn vị tính đếm nói trong một bài viết về tiền bạc bằng tiếng Việt thì dễ lẫn lộn, nên ở đây, khi nào có thể được, chúng tôi chuyển qua cấp bực quan cao hơn để khỏi gây rối rắm đầu óc. "Văn" được dịch sát là "chữ", sinh ra biến giọng "trự" của dân Nghệ Tĩnh. Cho nên anh đồ Nguyễn Công Trứ đánh bạc gặp hên, mừng rơn:

Tưởng làm dăm trự *mà chơi vậy,*
Bỗng chốc nên quan *cũng sướng đời!*

Lại cũng là một câu chuyện về giọng ngông nghênh của nhà nho lỡ

thời tự an ủi - cái loại tâm tính khẩu khí huênh hoang truyền qua cả đám dân thường chẳng biết gì là thơ với thẩn. "Quan" là đơn vị cao nhất của tiền đồng, có đến ba chữ Hán chỉ về nó: quán, mân, cưỡng.

Trong hệ thống tính đếm tiền xưa, như đã nói, thứ tự từ nhỏ tới lớn là văn / đồng tiền, mạch/tiền, quán/quan. Chữ (đồng) trinh Việt có vẻ là lấy từ nghĩa của chữ trinh Hán chỉ phần nền của vách nhà, cột nhà chuyển qua đơn vị thấp nhất của hệ thống xếp đặt tiền. Việc tính đếm Trung Hoa cũng có căn bản là hệ thống thập phân (nhất, thập, bách, thiên..., một tuần có 10 ngày.) Chính chữ mạch lúc ban đầu được mượn làm chữ bá/bách (một trăm). Và một mạch có đủ một trăm như vậy gọi là *mạch đủ*. Song ít khi đủ lắm: Năm Đại Thông thứ 11 (Hậu Tề, 537) có chiếu bắt buộc một mạch ăn một trăm mà dân không chịu, đến cuối đời chỉ còn có 35! Chúng ta phải lưu ý là chuyện bớt số lượng chỉ nằm giữa sự chuyển đổi từ cấp bực thấp nhất (văn / đồng tiền) qua cấp bực thứ nhì (mạch/tiền), còn qua cấp bực thứ ba thì vẫn theo hệ thống thập phân (một quan có 10 tiền.) Điều đó cho ta nghĩ rằng sự thay đổi nhất thiết phải là từ trong dân chúng, trong sinh hoạt hàng ngày, nơi sự trao đổi chỉ cần đến số lượng tiền thấp, của những hàng hoá có giá trị thấp.

Thật cũng lạ. Các tên văn, mạch, quán chỉ là những quy ước tính đếm, còn giá trị thật để trao đổi nằm trong chính các đơn vị đồng tiền, vậy thì nếu chưa đủ trăm thì cứ không gọi là mạch, không đủ ngàn thì chưa gọi là quán, gọi là: tám, chín... chục đồng tiền, gọi bảy, tám mạch, mấy mươi đồng, không được sao? Có lẽ chỉ có thể giải thích bằng một thứ tâm lí nén chịu thực tế tầm thường, thấp thỏi, thấp kém đằng đẵng để ném mình vào ảo tưởng no đủ, cao sang trong thoáng chốc, để có thể sống được. Chưa có một trăm đồng tiền trong tay mà cứ nghĩ mình có một mạch, chưa đủ ngàn đơn vị mà cứ xỏ xâu vào dây lạt, dây mây để chứng tỏ mình có một quan đây! Đó là dạng của một thứ tâm lí vây vo, ngậm tăm xỉa răng khi không có gì trong bụng ố và thành "truyền thống" vẫn ngậm tăm khi đã no đủ. Đó là dấu vết của sự diễu cợt khi quên bẵng bản thân mà chỉa cay độc vào người khác kém cỏi hơn, trong câu chuyện "con cá gỗ" của thầy đồ Nghệ dắt lại vào lưng sau khi lăn nó vào chén nước mắm của bữa cơm không có gì thêm. Hay trong câu chuyện của người "sang" hơn: Hai cha con mang con mắm treo trước mặt, liếc một cái để và miếng cơm, thằng bé không chịu nổi sự dối trá thành thói tự nhiên của người lớn, cứ nhìn mãi con mắm quên cả ăn cơm bị cha tát cho một cái:"Mày ăn mặn quá, uống nước chết cha mày còn gì!" Cái vốn là ảo tưởng, đến lúc này đối với người lớn đã trở thành sự thật, chân lí thiết thân, đời đời không thay đổi mất rồi!

Tiền không-đủ mà vẫn cho là đủ có đầy dẫy trong lịch sử Trung Hoa.

Cuối đời Lục Triều có *Đông tiền* một mạch ăn 80 đơn vị, *Tây tiền* chỉ có 70 đồng (đông, tây lấy ranh giới là kinh đô của nước Sở cũ). Nơi Kinh sư dùng *trường tiền*: 90. Đời Kim Thế Tông chỉ có 80 gọi là *đoản tiền*. Đất Ngô có tên riêng gọi là *Lục thân* (60), *Thất thân* (70).

Với nho sĩ Việt thì Trung Quốc là Tứ thư, Ngũ kinh, Nghiêu Thuấn... nhưng "vùng trời Hoa hạ" của dân chúng chỉ có một khoảnh của hạ lưu sông Dương Tử xuôi về nam, nơi phát xuất của các vua Lí, Trần, nơi có một nước Ngô trở thành quen thuộc trên cửa miệng dân chúng miền Bắc: "thằng Ngô, con đĩ" "chẳng ra ngô ra khoai gì cả" - cây ngô trong câu chuyện gần-như-tiếu-lâm về hột bắp giấu trong đít của viên sứ thần Việt đem về trồng, cho nên không thể dùng để cúng kiếng được. Vậy thì việc Trần quy định (1226) nộp cho "quan gia" phải đủ 70 đơn vị mới là một tiền (mạch), sau hồi Minh thuộc thiếu tiền đồng, Lê Thái Tổ chịu tính tiền chỉ có 50 đồng (1429) nhưng đến lúc ổn định, số đơn vị được tăng thành 60 (Thiệu Bình 1439), tất cả cho thấy rõ ràng dấu vết lục thân, thất thân của đất Ngô. Tuy nhiên dù đã là quan-không-đủ, nước ta vẫn không chịu thua Tàu, vẫn có trường tiền, đoản tiền riêng: tiền quý / cổ tiền và tiền gián / sử tiền.

Tiền quý và tiền gián

Chứng cớ rành rẽ là của Lê Quý Đôn (*Vân Đài loại ngữ*, Phạm Vũ - Lê Hiền dịch, Sài Gòn 1973, trang 444):

-Một mạch sử tiền (tiền gián) có 36 đồng tiền đồng;

-Một mạch cổ tiền (tiền quý) có 60 đồng tiền đồng;

-Mười mạch sử tiền bằng 6 mạch cổ tiền, bằng một quan sử tiền;

-Mười mạch cổ tiền bằng 1 quan 6 mạch 24 đồng sử tiền.

Hai vế sau chỉ là suy diễn từ trên - một cách làm tính giùm cho độc giả của người xưa. Riêng hai vế đầu cũng đủ xác định tương quan đơn vị của hai loại tiền: tỉ lệ đơn vị tính đếm trên cấp bực mạch/tiền, quán/quan của quan-thiếu (tiền gián) và quan-đủ (tiền quý) là 3/5 (36/60 hay 360/600.) Vấn đề đặt ra ngay ở đây là tại sao có con số 36, tại sao không là 30, 40? Có lẽ dân chúng căn cứ ngay trên con số 6 (đã trở thành quen thuộc) từ trên triều đình mà làm thêm một tầng cấp khác (6x6) cho hợp với tình hình thực tế thiếu thốn của mình.

A. Schroeder (*Đại Nam hoá tệ đồ lục - Annam, Etude numismatique*, Paris 1905, trang 61) sử dụng một bản *Vân Đài loại ngữ* khác, cho biết quy định trên là từ tháng 10âl. niên hiệu Quang Thuận thứ 8 của Lê Thánh Tông (1467). Tại sao có quy định như thế? Đương thời ở Đại Việt đã xảy ra chuyện như thời Hậu Tề trước kia chăng? Dân không theo lệnh nằm

1439, đã dùng một thứ đoản tiền cho riêng mình và Lê Thánh Tông trong cố gắng thể chế hoá phép nước nên đành công nhận thói tục bằng một văn bản chăng? Sử sách của ta vốn hà tiện lời thì đành phải dừng lại ở chỗ phỏng đoán vậy.

Ta lại còn phải suy đoán thêm về các từ ngữ được sử dụng. Lê Quý Đôn là người của thế kỉ XVIII, các danh từ chỉ các loại tiền đó vẫn thường được thấy trong thế kỉ XVII, XVIII nhưng người của thế kỉ XV có dùng chữ tiền gián, tiền quý, tiền cổ, tiền sử giống như những nhóm từ định-loại đó vào thời gian sau không, bởi ta thấy trong đó có những nhóm từ mang nghĩa rất mơ hồ? Cho rằng chúng đã được sử dụng từ thế kỉ XV, nhưng nội dung của chúng có biến đổi theo năm tháng - hay có khi đã chuyển đổi cả hình thức trong trường hợp này không?

Cổ tiền, tiền cổ, tiền xưa, tưởng là dễ nhận ra ý nghĩa nhất, nhưng như thế nào để được gọi là "tiền cổ"? Lê Thái Tông khi quy định một quan ăn 600 đơn vị hẳn là để chỉ trước tiên vào các đồng Thuận thiên của cha mình, các đồng Thiệu bình, Đại bảo của chính mình, nghĩa là các thứ chẳng có thể gọi là "cổ". Nếu muốn chỉ chung tiền niên hiệu của các vua trước, vơ vào cả các niên hiệu của Thiên tử phương Bắc (tiền chắc chắn là tốt) thì khá đúng với thực trạng rất nhiều tiền Trung Quốc trong các lô tiền còn tốt thấy được từ trong đất ngày nay. Nhưng sao trong mộ cổ Gò Mun, người ta sắp từng cọc 36 đơn vị của Thái bình thông bảo, tiền của Tống Thái Tông? (Ta suy đoán mà biết chắc chủ nhân của chúng tuy báo cáo khai quật không nói rõ.) Con số trên là đủ cho một *tiền* gián tiền. Cổ tiền đấy, sao không sắp từng cọc 60 đơn vị? Tiền chôn theo người chết là để ăn đường, để hối lộ khi qua Quỷ Môn Quan mà đưa tiền-thiếu thì hàng quán nào nhận, quỷ sứ nào bỏ túi rồi không quất thêm một roi? (Coi hàng quán, quỷ sứ của Âm ti là thứ của nhân dân [ma] cũng được, nhưng lỡ phải nộp thuế cho Ngọc Hoàng thì có phải xỏ xâu lại từng 600 đơn vị không?)

Chữ tương đương với cổ tiền là quý tiền / tiền quý. Thấy tương đương với tiền cổ, người ta dễ dàng nghĩ quý là "quý giá" nhưng không phải. Trong hoàn cảnh riêng lúc này, chúng tôi chỉ thấy nó xuất hiện năm 1625 trong sử với bản chữ Hán kèm theo (*Toàn thư*, bản Chính Hoà, Hà Nội 1993, phần của Phạm Công Trứ, tập III, trang 328, 329, tập IV, 8b, 9a. Phan Huy Chú cũng có nhắc trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch Hà Nội 1992, phần Quốc dụng chí, trang 229. Tất cả đều căn cứ trên một lệnh, chi tiết hơn, may còn văn bản được dịch trong *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, Sài Gòn 1961, trang 68-71.) Nội dung lệnh đó nói về thuế thân nên các dịch giả có khi dùng chữ thuế thân thay vào. Và đó là

chữ quý chỉ tam cá nguyệt, mùa. Vì đó chúng ta có thể nghĩ rằng tiền quý không phải chỉ riêng thuế thân mà còn là thuế ruộng, nói rộng ra, tất cả các thứ thuế nộp cho triều đình. Phỏng đoán không phải là vô căn cứ và nhân đó ta có thể suy ra lí do ghép-đôi với cổ tiền còn mãi đến về sau.

Từ thời Lê Trung hưng (thế kỉ XVII, XVIII), những quy định về thuế má, tặng thưởng có lúc nói sóng đôi tiền quý, tiền gián, hoặc chỉ nói riêng đến việc thu tiền quý cho nhà nước thôi. Lệnh năm Thiệu Bình thứ 1 (1434), Hồng Đức thứ 17 (1486) tuy chỉ là cấm người coi kho, người thu nhận không được chọn lựa tiền quá gắt, nhưng rõ ràng *không có phân biệt loại tiền đồng nào*, miễn bằng đồng là được. Và cũng cho ta ngầm hiểu là nhà nước thu theo quan-đủ (600 đơn vị.) Từ 1226, Trần đã quy định tiền tinh mạch trong dân chúng là 69, còn tiền thượng cung, dâng lên trên, phải đủ 70, thì không lẽ ông Lê Thánh Tông chịu thiệt, cứ để dân chúng theo thói tục riêng mà nộp chỉ có 36 đồng một tiền? Căn bản lợi tức của nhà nước ngày xưa chỉ có ruộng đất và thân xác người dân, vậy thì cách thu đủ như vậy đã khiến cho chữ tiền quý đi vào trong cấp bực quan-đủ.

Chuyện thắc mắc về cách xếp đặt tiền cổ theo quan-thiếu trong mộ cổ Gò Mun ở trên chứng tỏ *vào lúc đó người ta chỉ quan tâm đến cách tính đếm tiền mà không nghĩ đến sự phân biệt phẩm chất của loại tiền sử dụng*. Điều này đã khác đi theo với thời gian. Chữ tiền gián với nghĩa rõ ràng là "tiền xấu" xuất hiện trong sử vào năm 1528, khi sử quan nói về việc Mạc Đăng Dung đúc tiền đồng pha kẽm, sắt sau khi đúc Minh đức thông bảo theo kiểu tiền xưa, không được thành công. Chữ "gián" có nghĩa là "xen lẫn", "lẫn lộn", "chỉ cách nhau một tí." Ở đây sử gia lại là người của thế kỉ XVII (Lê Hi hay Phạm Công Trứ) nên họ có thể sử dụng một từ cũ mà mang ý nghĩa mới, tệ hơn, từ "cách nhau một tí" không đáng quan tâm, đã chuyển sang "lẫn lộn" để chỉ loại tiền xấu đó theo với sự đồng thuận của thời đại. Tiền gián đến đây có thể nói là thuộc về một thứ tiền hầm-bà-lằng, miễn có sắc đồng, vành tròn lỗ vuông, của chính thống cũng được, nguỵ cũng xong, chính tà khó phân bởi vì người dân đúc lậu thì gọi là tiền giả, nhưng chính nhà nước cũng đúc tiền lấy danh xưng của các thứ đang lưu hành, nấp dưới uy tín có sẵn của chúng. (Trong lệnh 1743 cho thấy Lê Trịnh đúc tiền Tống mà, nói theo kiểu ngày nay, lại còn ép dân chúng phải chấp nhận sự sang đoạt "bản quyền" đó khi buộc người ta không được loại bỏ.) Chắc cũng hiểu thứ tiền rắc rối đó được dân chúng chấp nhận, nên các dịch giả ngày nay thường giải thích, chuyển chữ sử tiền / tiền sử thành nghĩa "tiền thường", "tiền thông dụng" (tuy vẫn có sự lộn xộn là chính văn đôi khi vẫn dùng chữ "thông dụng tiền" để chỉ cả tiền cổ lẫn tiền sử.) Vậy có lẽ từ khi Lê Thánh Tông chấp

nhận (1486) lối tính quan-thiếu (360 đơn vị) của dân chúng chỉ ở sự khác biệt về số lượng đối với quan-đủ (600 đơn vị) thì đến thế kỉ XVII, XVIII, loại tiền nằm trong quan-thiếu đã có sự *chênh lệch về giá trị tự thân* (giá trị chất đồng) đối với tiền nằm trong quan-đủ.

Cả hai ý nghĩa quan đủ, quan thiếu, vừa theo lối tính đếm đơn vị vừa theo cách xác định giá trị, thấy trong câu chuyện "đùa bỡn văn chương" của hai nhân vật sống ở thế kỉ XVIII, XIX: Phạm Đình Hổ và Hồ Xuân Hương. Ta không cần minh định tính xác thực lịch sử của loại chuyện tiếu lâm này. Chúng chỉ là dấu vết ẩn ức tình dục, không phải chỉ riêng cho Hồ Xuân Hương như nhiều người nghĩ đến và có khi mượn S. Freud đưa ra làm luận thuyết, mà là chung cho cả nhiều thế hệ nho sĩ vốn chịu đựng một thứ Khổng Giáo mang tính duy lí từ chương gay gắt trong lúc bản thân vẫn sống trong một xã hội thôn dã tràn trề tính dục. Trong câu chuyện trên, "bà" hỏi mượn "ông" năm quan, ông chắc vừa tiếc tiền (*"Bắc thang lên hỏi ông trời, Những tiền cho gái có đòi được không?"*) vừa sợ mất "gái", nên chỉ đưa có ba quan. Đến khi bị bà vặn hỏi:

Sao nói rằng năm lại có ba?
Trách người quân tử hẹn sai ra.
Bao giờ thong thả lên chơi nguyệt,
Nhớ hái cho xin nắm lá đa.

Ông cũng núp bóng nhân dân, truyền thống, nhưng vặn vẹo truyện tích chú Cuội, trả lời khiêu khích dẫn dụ:

Rằng gián thì năm, quý có ba,
Bởi người thục nữ tính không ra.
Ừ, rồi thong thả lên chơi nguyệt,
Cho cả cành đa lẫn củ đa.

Nếu chọn theo lối tính đếm đơn vị thì đưa 3 quan-đủ cũng tức là đưa đủ 5 quan-thiếu, quan nào cũng là quan, có dối trá chút nào đâu! Nếu chọn theo lối tính giá trị thì 3 quan tiền quý (tốt) đã là 5 quan (tiền gián) rồi, nay tôi đưa "người thục nữ" 3 quan tiền tốt, giá trị cũng bằng số lượng hỏi mượn (quan nào cũng là quan), có thiệt thòi chút nào đâu! Còn muốn vơ hết về mình để được cả hai đằng (tiền tốt đồng thời với số lượng nhiều) thì hãy cứ có *dating* để bù phần thiệt thòi cho tôi!

Lối tính toán này không phải chỉ có trong chuyện tiếu lâm mà đã

được nhà nước Lê Trịnh thu xếp với nhân dân rất là cửa quyền, đầy tính năng động, sáng tạo. Nhưng trước hết hãy xét vì sao có sự kiện đậm thêm tính chất tiền xấu trong ý nghĩa về loại tiền gián. Muốn hiểu được điều này lại phải nhờ "người nước ngoài".

Giáo sĩ A. de Rhodes (A. Schroeder, *sđd*, trang 323, 324) thuật lại:

"Những đồng tiền lưu hành ở *Tunquin* [Đàng Ngoài] gồm có hai loại lớn và nhỏ. Loại lớn được tiêu dùng đồng loạt khắp nơi trong xứ và phần lớn được mang vào do thương buôn Trung Hoa cùng thương buôn Nhật Bản hồi trước. Nhưng loại tiền nhỏ chỉ lưu hành trong kinh đô và 4 tỉnh chung quanh, và không dùng ở các tỉnh khác trong xứ; xứ *Cochinchine* [Đàng Trong] cũng không dùng. Tiền này chắc là đem vào khi 4 tỉnh chính này cách biệt với các tỉnh khác bởi cuộc loạn mà tôi đã nói ở trên [phân tranh Lê Mạc]..."

"... *Ba đồng tiền lớn giá bằng 5 đồng loại nhỏ...*(chúng tôi nhấn mạnh.) [Tiền lớn] xỏ trong dây... theo đó mỗi xâu có 600 đồng hay 10x60, được đánh dấu rõ ràng sau 60 đồng như vậy."

May mắn làm sao, khi phối hợp thêm với bằng chứng của Lê Quý Đôn lấy từ sự kiện ở Đàng Trong, ta biết được cỡ tương đối của ba loại tiền. Ông Tham quân vào lo liệu việc hành chính ở Phú Xuân vừa chiếm được, có nhận xét (1777) về tiền Hà Tiên, đã gọi chúng là "tiểu gián tiền". Tiền An pháp, Thái bình của Mạc Thiên Tứ nay còn lại có đường kính khoảng 20, 21mm, tiền niên hiệu Trung Quốc mà A. de Rhodes ghép vào "loại lớn" (cổ tiền) có cỡ xê xích 24mm, vậy thì tiền gián ở Đàng Ngoài của các thế kỉ XVII, XVIII là ở giữa hai giới hạn kia.

Có thể nhìn kĩ hơn về giới hạn đó. Tiền niên hiệu Việt, có lẽ vì xuất thân ở nước nghèo nên thường không lớn như tiền đồng loại của Trung Quốc. Giới hạn 23mm là thường thấy nhất. Vậy có lẽ phải đẩy giới hạn kích thước của tiền gián Đàng Ngoài về phía 21mm của An pháp. Tuy Lê Quý Đôn gọi An pháp là "tiểu gián tiền" nhưng có thể thấy hai loại không xê xích nhau bao nhiêu. Hoặc Lê Quý Đôn nghĩ tới loại An pháp nhỏ (20mm), hoặc tiềm thức của ông quan chiếm đóng khiến ông hạ giá chúng, nhìn thấy chúng nhỏ hơn tiền Đàng Ngoài chăng? (Ông đã từng chê bai quan quyền, dân chúng Đàng Trong xa hoa, phung phí rất mực.) Dù sao thì đối chiếu với những bằng chứng phát hiện ngày nay, ta thấy tiền nhỏ Đàng Trong cũng đồng cỡ với tiền gián Đàng Ngoài. Nếu không như vậy thì làm sao ta lại thấy có đồng An pháp trong mộ ở Mường Thanh xa xôi, heo hút, cùng với những đồng tiền trên Miền Bắc mà tuy không thấy hạng hình tả vẽ nhưng chỉ nghe đến tên, ta đã biết là tiền cỡ nhỏ: Chính nguyên pháp bảo, Trị bình thánh bảo, nguyên bảo, Thánh nguyên

thông bảo... ("Tiền đúc ở Đàng Trong..." *Những bài dã sử Việt, sđd,* trang 284.) Chúng tôi cũng từng thấy đồng Vĩnh định thông bảo mà chúng tôi cho là của Đàng Ngoài, cùng dạng hình với một số có danh hiệu khác, các tiền đó cũng không lớn hơn An pháp, tuy là kiểu thức đúc đẹp hơn. Dạng hình của tiền gián đến lúc này có vẻ đã rõ rệt đối với chúng ta hơn rồi vậy.

Vì thấy có sự chuyển dịch ý nghĩa của tiền gián qua nhiều thế kỉ, nên ta cũng táo bạo xem thử có sự chuyển đổi nào ở cách nhìn sử tiền, một tên khác của gián tiền, của dân chúng các thế kỉ XVII, XVIII không. Nếu phỏng đoán của chúng ta đúng thì trong trường hợp này sự chuyển đổi có vẻ phức tạp hơn, không chỉ dừng lại ở nội dung khó nắm bắt mà cả ở sự thay thế từ ngữ đi theo với xuất xứ hiện vật.

Ta biết những "tỉnh" (province) mà A. de Rhodes nói tới là những vùng chung quanh thủ đô Thăng Long: Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc, ("bốn tỉnh chính") và Thanh, Nghệ ("các tỉnh khác"). Danh xưng công quyền gọi chúng là "trấn", nhưng dân chúng đến gần đây vẫn gọi chúng là "xứ" theo vị trí phương hướng: xứ Đông, xứ Đoài, xứ Nam, xứ Bắc, và đặc biệt: xứ Thanh, xứ Nghệ. Lê Quý Đôn khi nói về tiền Đàng Trong cho biết dân Nghệ gọi cổ tiền là "thư tiền", tiền cái, tiền to, như vậy cũng nối tiếp - mà không biết đến ý của A. de Rhodes là tiền nhỏ "không dùng ở các tỉnh khác" (nghĩa là Thanh Nghệ.) *Vùng này trong phân tranh Lê Mạc thuộc riêng về Lê.* Thăng Long cùng với Tứ trấn, cách biệt với Thanh Nghệ vào thời kì có loại tiền nhỏ lưu hành mà khởi đầu dung dưỡng là từ trên triều đình với Mạc Đăng Dung đúc và cho dùng loại kém giá trị (pha tạp chất mà căn bản vẫn là đồng) khiến sử quan phải dùng đến chữ tiền gián để chỉ chúng. Vậy có phải sử tiền / tiền sử đến lúc này đã trở thành xứ tiền / tiền xứ của các xứ Đông, Đoài... lỏng lẻo với quyền trung ương nên tiền nhỏ, tiền xấu dồn dập phồn tạp ảnh hưởng đến tên gọi có trước không?

Đã nói, dịch giả ngày nay gọi sử tiền là tiền thông dụng, đúng với một nghĩa của chữ "sử" Hán 使 nhưng chữ này cũng còn được đọc là "sứ" (giả). Chữ "xứ" Hán 処 viết khác nhưng cũng lại được dùng cho chữ "xử" (trí). Hai tập hợp từ Hán đã có cùng sự chuyển biến về cách đọc, dẫn đến những từ chỉ hai sự việc khác nhau. Nhưng trong dân chúng thì vẫn có sự lẫn lộn âm của s và x, nghĩa là sử, sứ, xử, xứ được phát ra ngoài cửa miệng lúc đầu, vẫn giống nhau. Có thể nào dân chúng Đàng Ngoài của thế kỉ XVII, XVIII khi chỉ một loại tiền hiện diện trước mắt, đến từ Tứ trấn, đã gọi là "tiền xứ" mà nhà nho, người cầm quyền cứ dùng chữ cũ, hoặc bởi thói quen không chịu thay đổi, hoặc bởi thấy giọng đọc không có khác nên không cần thay đổi chữ viết cho đúng với nội dung mới?

Vậy thì sự phức tạp đã xảy ra từ quy định của quá khứ và thực tế đương thời khiến cho tương quan giữa tiền quý và tiền gián ở các thế kỉ XVII, XVIII càng thêm phần phức tạp, không phải chỉ dừng lại ở sự chênh lệch về tổng số tính đếm. Lê Quý Đôn phân biệt trong *Vân Đài loại ngữ*: "Công tư tiêu dùng, ban thưởng hay cấp phát đều kể theo sử tiền, mà thu nộp thuế thì kể theo cổ tiền; sử tiền chỉ dùng về việc mua bán trong dân gian mà thôi." Tuy các lệnh của các năm Vĩnh Thọ thứ nhất (1656), Cảnh Trị thứ 8 (1669) có nói rõ: " Quan dân mua bán thông dụng cổ tiền, sử tiền...", "... đều dùng cổ tiền, sử tiền, trừ tiền chì, thiếc, gang, sắt..." nhưng rõ ra là có sự dè bỉu tiền sử/gián, như ví dụ ở chuyện quy định tiền thưởng thi bắn năm Chính Hoà thứ 10 (1669): Tiền gián chỉ để thưởng cho những người bắn súng hạng bét, còn các hạng trên đều được thưởng cổ tiền. Và triều đình cũng chỉ kể cổ tiền / tiền quý khi thu vào kho đụn: Nha môn xét kiện lấy tiền công gọi là "lễ đảm" (1659); làng xã theo hương ước không theo lệnh triều đình cho lính về hưu sớm, phạt (1681); quan được thăng chức phải có lễ tạ (1720); nạp kiện mà bỏ ngang không đi hầu, phạt (1718); lính nhập ngũ rồi mà được vào hầu hạ (phủ Chúa) phải nạp tiền (1733); tất cả đều là tiền quý, cổ tiền.

Chính quyền Lê Trịnh dùng tiền gián cấp tiền tuất cho các quan văn, võ, giám ban, tôn thất, quận chúa, cung tần, nghĩa là những người trong và quanh Phủ liêu. Đó là các năm Bảo Thái thứ 2/1721, Bảo Thái thứ 5/1724, Vĩnh Khánh thứ 4/1732, Vĩnh Hựu thứ 5/1749. Tiền thờ cúng cấp ở các năm Bảo Thái thứ 3 (1722), Vĩnh Khánh thứ 4 (1732) cũng bằng gián tiền nhưng đến năm 1767 thì lại phát bằng cổ tiền. Có vẻ điều này trùng hợp với lúc tiền đồng (tốt) đổi dào nhờ khai thác lại mỏ Tụ Long (1757), khai thác các mỏ ở Thái Nguyên, Hưng Hoá, ở Lạng Sơn (1759), thu thuế hai mỏ đồng ở Hưng Hoá (1759).

A. de Rhodes có mặt ở Đàng Ngoài từ 1627 nếu thấy đang thi hành một lệnh đóng thuế thân đưa ra hai năm trước đó (Vĩnh Tộ thứ 7, 1625) chắc cũng phải điên đầu. Ở Tứ trấn Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, hạng *lánh* đóng mỗi năm 3 quan 5 tiền, hạng *quân* 1 quan 5 tiền, hạng *dân* 1 quan 2 tiền 30 đồng, hạng *ưu đãi* 1 quan, hạng *bất cụ* 8 tiền. Chữ "ưu đãi" là của *Lê triều*... Phan Huy Chú và Phạm Công Trứ kể dài dòng hạng ưu đãi gồm có những ai. Lệnh trên ghi từ hai sử gia chỉ nói trống trơn về một loại tiền phải nạp, tuy ta có thể chắc chắn đó là tiền quý, cổ tiền. *Lê triều*... cho ta thêm bằng cớ vì ngoài việc thêm chữ "cổ tiền" có nói rõ số tiền gián các hạng phải nạp: hạng lánh 7 quan (gián tiền), hạng quân 3 quan, 3 tiền, hạng dân 2 quan 5 tiền, hạng ưu đãi 2 quan, hạng bất cụ 1 quan 6 tiền.

Chú ý so sánh kĩ hơn ta sẽ thấy sự lộn xộn khó hiểu trong tương quan tính đếm này cùng với sự bất nhất của các tài liệu. Hãy chuyển sự quy định tương đương trong hai bảng thuế trên theo cách xếp tất cả về hàng đơn vị. Nếu nạp cổ tiền:

1. Hạng "lánh" đóng 2 100 đồng, hay 2 520 đồng gián tiền (theo *Lê triều...*);

2. Hạng "quân" đóng 900 đồng, hay 1 188 đồng gián tiền;

3. Hạng "dân" đóng 750 đồng, hay 900 đồng gián tiền;

4. Hạng "ưu đãi" đóng 600 đồng, hay 720 đồng gián tiền;

5. Hạng "bất cụ" đóng 480 đồng (theo tài liệu Phan Huy Chú và Phạm Công Trứ), hay 576 đồng gián tiền.

Về số cổ tiền mà hạng bất cụ phải nạp, cả Phan Huy Chú lẫn Phạm Công Trứ đều khẳng định là 8 tiền (cổ), vậy có lẽ người sao chép *Lê triều...* đã sai. Đằng khác, nhìn sự tương đương quy định các hạng phải nạp thì, trừ hạng quân, *con số chỉ tiền gián gấp đôi con số chỉ về cổ tiền* (ví dụ 3 quan 5 tiền cổ tiền và 7 quan gián tiền...) mà Lê triều... cũng đã cho biết hạng bất cụ phải nạp là 1 quan 6 tiền gián tiền thì cổ tiền tất nhiên phải là 8.

Nhưng nếu chiếu theo quy định gấp đôi đó áp dụng cho hạng quân thì họ chỉ phải đóng có 1 080 đồng. Cứ theo suy nghĩ bình thường, một điều luật phải có tính cách nhất quán trong từng phần một, có biệt lệ tất nhiên phải được dành riêng hoặc giải thích, nếu cần. Vậy có thể là *Lê triều...* cũng đã bị chép sai ở đây: hạng quân chỉ phải đóng có 3 quan gián tiền mà thôi. (Cái *đuôi* 3 tiền có thể theo đà quáng mắt, lỡ tay mà chui vào văn bản lắm.)

Thường trong các bản dịch người ta dùng ngay chữ "lính" thông dụng ngày nay để dịch chữ "lánh hạng" của văn bản cũ khiến dễ gây lầm lẫn, nhất là khi kề sau đó có hạng "quân" với chữ ngày nay cũng có nghĩa là lính. Chữ "lính" ngày nay có thể từ chữ lánh nọ nhưng nếu cho chúng có nghĩa tương đương là ta đã hiểu lệch thời đại. Chữ "lánh" 另 có từ lệnh lập sổ đinh năm 1470 để chỉ một hạng người riêng biệt theo ý nghĩa chữ Hán của nó. Lê Thánh Tông lập điển lệ lớn dùng được cả ở đời sau, nhưng cấp thời là vét người chuẩn bị đánh Chiêm Thành năm sau, nên "xếp riêng" một hạng tráng đứng trên đầu các hạng quân, dân, lão, cố cùng khác. Vậy thì "lánh tráng" không phải là "lính tráng", có thể bị lôi đi cho chiến dịch 1471, nhưng vào thời bình chỉ là một người dân (hiểu theo nghĩa ngày nay), một thanh niên được xếp vào hạng nhất trong ứng tuyển quân vụ. Vì thế anh ta mới phải chịu thuế thân, chứ nếu đi lính thật sự thì anh ta đã được cấp phát ruộng lính rồi! Phạm Công Trứ viết rõ "lánh hạng vô tòng

chinh nhân" bị người dịch chuyển qua "hạng lính không tòng chinh" trở nên vô nghĩa với người ngày nay. (Lính không tòng chinh sao gọi là lính?) Và anh lánh trừ bị này phải là con nhà, nếu không giàu thì cũng phải có tiền của. Ngày xưa, cả đến thời Nguyễn (ít ra là trên giấy tờ chỉ dụ chính thức), làng xã không được bắt người nghèo đi lính, chứng cớ là có hạng "cố cùng" để riêng trong lệnh kiểm tra người của Lê Thánh Tông kia. Và vì thế "quân"ợ là hạng trừ bị số 2. Lệnh phân loại người của Lê Thánh Tông (mà thời Lê Trung hưng còn theo) có chi tiết cho thấy rõ sự phân biệt trước sau, nặng nhẹ của hai hạng lánh, quân này.

Nhưng vấn đề "tiền bạc" ở đây lại khiến gây ra thắc mắc khác. Nơi phần thứ hai trên kia, chúng ta tính ra số *lượng* tiền đồng người dân phải nạp, *riêng theo chuẩn tính đếm của tiền gián*: 360 đơn vị một quan. Nhưng nếu tính theo *tương quan giá trị* của cổ tiền / gián tiền: 5/3 (như bằng chứng của A. de Rhodes trong cùng thời gian đó) thì số tiền gián đem nạp tương đương với (cổ) tiền quý đã quy định, phải cao hơn nhiều. Theo thứ tự các hạng, đó là: (2 100/)3 500, (900/)1 500, (750/)1 250, (600/)1 000, (480/)800 đơn vị. Rõ ràng nhà nước Lê Trịnh lúc đó đã không theo mức chuẩn có lợi cho mình này. Dân chúng đương thời chắc là lấy tiền gián có sẵn đem ra nạp thuế chứ không dại gì phải lo chạy vạy đổi tiền quý cho được lòng cấp trên. Lấy tiêu chuẩn "gấp đôi" thiệt thòi ở trên, chính quyền có ý định gì? Chắc chúng ta chỉ có thể căn cứ vào lời của Phạm Công Trứ, rằng lệnh đó là "định quy mô cai trị thời bình." Có lẽ Trịnh Tráng mới lên nối nghiệp cha, vừa muốn có thu nhập cho việc điều hành đất nước, vừa e dè bất mãn của dân chúng sau bao năm loạn li mới giành lại được chút an bình, nên định thuế kèm những điều kiện khá cởi mở: Trong lệnh đó có thêm điều khoản chỉ thâu có 7/10 số thuế đã định "để tỏ ý rộng rãi thương dân" (Phan Huy Chú.) Ý định lấy nhẹ thuế tỏ rõ trong việc đưa ra chuẩn bằng cổ tiền để dân chúng có bằng cớ so sánh và tự do chọn lựa cách thức nạp thuế có lợi cho mình vì tờ lệnh "cấm các quan phụ trách thu thuế... không được lạm thu tiền quý" (Phạm Công Trứ.) Có sự lẫn lộn trong từ ngữ sử dụng khiến ta có thể nghĩ rằng điều trên là ngăn chặn các quan tham nhũng, lạm thu tiền thuế thân nhưng vì có thêm chi tiết tiền gián nên ta nghĩ rằng đó là lệnh "không được lạm dụng thu (loại) tiền quý". Loại một quan tiền tốt, 600 đơn vị.

Vậy mà tương quan tiền quý tiền gián còn bị khủng hoảng vì một loại tiền khác: tiền kẽm. Đây là nói chung để chỉ loại tiền khác chủng loại đồng, hiện diện thường xuyên nhiều nhất, chứ từ lâu trong nước vẫn có các thứ tiền gang, sắt, chì cùng lưu hành. Kim loại kẽm (và hợp kim của nó) có độ nung chảy thấp nên dễ có việc đúc trộm, và chính triều đình

trong quá khứ cũng từng tham gia (lệnh đình chỉ năm 1325 của Trần Minh Tông.) Lê Trịnh trong thế kỉ XVII theo truyền thống từ Lê sơ, đã ra nhiều lệnh không công nhận các loại tiền khác ngoài thứ "có chữ đồng" (Lệnh 1658.) Lệnh 1662 kèm các chỉ thị thi hành kiểm tra trên dưới trong ngoài, cấm dân các xã có phép đúc tiền đồng không được nhân dịp mà đúc các loại khác. Năm sau (1663) gắt gao hơn, không những cấm mà còn bắt buộc thu đổi, bù lại bằng một số tiền đồng ít hơn để lệnh tiêu huỷ tiền kẽm có hiệu quả hơn.

Thế mà triều đình không những không buộc được dân chúng theo đúng chính sách đề ra mà còn bị lôi cuốn theo làm tình hình tiền tệ đương thời rối rắm thêm. Chúng tôi từng suy đoán Lê Trịnh có đúc các đồng Vĩnh trị (1676), Chính hoà (1680), nhưng chỉ có thể dựa vào các mẫu thấy được ở Đàng Trong ("Tiền đúc ở Đàng Trong...", *Những bài dã sử Việt*, trang 335.) Chứng cớ tiền kẽm của triều đình là ở lệnh năm 1741: "Cấm kén chọn tiền kẽm (vì triều đình)... đúc tiền lớn nhỏ không đều, nhiều đồng mỏng quá... dân gian không cứ lớn nhỏ, đều chê là tiền xấu..." Điều này là để nói về các đồng Vĩnh trị, Chính hoà ở trên chăng? Năm sau (1742) vẫn còn nhắc việc cấm kén chọn tiền kẽm. Rồi trở lại việc nhà nước đúc tiền đồng (1743) bị dân gian thừa cơ đúc trộm thêm, nhỏ hơn nên bị chê bỏ (lệnh cấm kén chọn 1745.) Những tiền đồng nhỏ này chắc sẽ nhập chung vào loại A. de Rhodes chứng kiến. Còn tiền kẽm hẳn là được đánh đồng với loại tiền giản, kém giá trị hơn tiền đồng như sau này vẫn thấy trước khi người Pháp loại bỏ, thi hành khuôn mẫu tiền tệ mới.

Thật ra thì việc rối loạn tiền tệ này từ thế kỉ XVI, không phải bỗng dưng mà có, không thể trách cứ nơi sự bất lực của nhà cầm quyền Lê Trịnh (theo cách nhìn của người đời sau) hay nơi lòng tham của dân chúng (theo cách nhìn của vua chúa đương thời.) Thế kỉ XVII, XVIII là lúc mối giao thương Đông Tây đã mở rộng với sự xuất hiện của các thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp ... đến châu Á xin mở thương điếm buôn bán, lấn chiếm đất đai và do đó cũng kích động thêm các mối giao thương có sẵn trong vùng. Nhu cầu tiền tệ trao đổi trở thành vấn đề gắt gao. Chúng ta sẽ bàn vào một dịp khác đến sự kiện tiền của các vương triều Việt đúc ra vốn nhằm mục đích khác hơn là tính toán cho nhu cầu kinh tế tài chính trong nước. Số lượng tiền thừa thãi ở Trung Quốc bị đẩy ra ngoài từ khi họ dùng tiền giấy, cũng đủ dùng ở nội địa Đại Việt, trong các chuyến buôn bán trên khu vực Á Đông, dài xuống phía nam, nhưng lại không đủ khi người Tây Phương tới. Chúng ta thấy các chúa Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài phải mua tiền của người Nhật, người Hoà

Lan đúc bán, trong lúc cũng tự mình cố gắng đúc tiền riêng. Khả năng đồng không đủ cung cấp liền xoay qua đúc tiền kẽm. Loạn tiền kẽm ở Đàng Trong vào nửa sau thế kỉ XVIII ("Tiền kẽm và sự khủng hoảng tiền tệ...", *Những bài dã sử Việt*, 356 - 369) xét cho cùng không phải chỉ bởi tham tâm của Võ Vương với sự xúi bẩy của một "cố vấn" Thiên triều mà là bởi khả năng kém cỏi trong việc điều hành đất nước trong một tình thế "đổi mới" không còn như khi khép kín trong khu vực nữa. Tình thế mới đó cũng đã thấy manh nha ở thế kỉ XVI trước, với nhà Mạc, với sự xuất hiện của loại tiền giản mang ý nghĩa kém cỏi của đời sau. Họ Mạc gốc dân chài, vốn người Hải Dương, tất quen thuộc với việc giao thương hơn các nơi nào khác ở sâu trong đất liền. Cho nên Mạc Đăng Dung đúc tiền không phải chỉ để khoa trương danh hiệu một vương triều mới mà còn để sử dụng trong lưu thông. Lời sử quan phe đối nghịch (sử thần Lê Trịnh) có ngụ ý chê bai, trút tội nhưng vẫn cho ta thấy ông vua đầu đời Mạc này đã cố gắng đúc thật nhiều tiền. Ý nghĩa cầu phúc, cầu lợi thấy rõ trong việc xây dựng giữ gìn các chùa Bà Banh vùng biển (và hẳn không quên chùa Bà Banh ở Thăng Long) mang ý nghĩa cúng tế Lỗ Lường, Đĩ Dàng ngày nay còn hiện diện trên đất Chàm cũ. Danh xưng một số chùa Bà Banh đổi dạng thành Miếu Bà Chúa Ngựa còn thấy ở thế kỉ XVIII, XIX có thấp thoáng bóng ông thần Bạch Mã Thái Giám bảo trợ thương buôn trên mặt biển đã Việt hoá từ con ngựa Balaha của dân đi biển Ấn, Khmer, Chàm. Và do đó cũng không nên lấy làm lạ rằng triều Mạc đã xây dựng, thờ phụng rất nhiều hình tượng Quan Âm, vị Bồ tát cứu nạn quen thuộc có liên hệ đến truyện tích cứu người trên mặt biển của thần Bạch Mã. Cho nên có thể nói triều Mạc đã tiếp tục đi theo quá khứ của dòng họ mình, chủ động phát triển giao thương trên mặt biển hơn các triều trước, và vì thiếu phương tiện nên phải sử dụng một loại tiền nhỏ, kém phẩm chất mà đời sau dù chê bai vẫn không thể chối bỏ được. Đó chính là cơ sở khiến cho nhà Mạc cướp được quyền bính, tạo dựng được một nền chính thống riêng, đủ sức giằng co đương cự với Lê Trịnh trong hai phần ba thế kỉ giành làm chủ xứ Bắc.

Vậy thì từ thế kỉ XV (trở về trước bao nhiêu thì không biết), tiền quý tiền giản là cách phân biệt quy định tính đếm cho các loại tiền được coi là ngang giá. Còn từ thập niên thứ ba của thế kỉ XVI, và thế kỉ XVII, XVIII thì đó là sự phân biệt hai loại tiền khác giá trị. Lịch sử tiền giản, tiền quý không phải chỉ là chuyện của hứng khởi hay tham tâm cá nhân, dù là cá nhân cầm quyền mà là của một phần đất nước vậy.

Một quan tiền tốt

Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra?
Thoạt tiên mua 3 tiền gà,
Tiền rưỡi gạo nếp với 3 đồng trầu.
Trở lại mua 6 đồng cau,
Tiền rưỡi miếng thịt, giá rau 10 đồng.
Có gì mà tính chẳng thông?
Tiền rưỡi gạo tẻ, 6 đồng chè tươi.
Ba mươi đồng rượu chàng ôi!
Ba mươi đồng mật, 20 đồng vàng.
Hai chén nước mắm rõ ràng,
Hai bảy mười bốn [2x7] kẻo chàng hồ nghi.
Hai mươi đồng bột nấu chè,
Mười đồng nải chuối chẵn thì một quan.

Giả định rằng người làm bài trên không bị câu thúc vào âm vận để phải làm lệch tình hình thực tế chợ búa, sử gia nào có thể dựa vào các dữ kiện kinh tế khác để tính thời điểm xuất hiện của nó không? Hay, ngược lại, dựa vào yếu tố nào đó để định ra thời gian xuất hiện của bài trên mà xét tình hình giá cả thời đó không? Riêng ở đây ta chỉ có thể làm mỗi một việc là "check" lại sự thật thà của người nội trợ đảm đang kia mà thôi. Cộng lại:

Về đơn vị *tiền:* 3 gà + 1,5 nếp + 1,5 thịt + 1,5 gạo tẻ = 7,5 tiền;

Về đơn vị *đồng*: 3 trầu + 6 cau + 10 rau + 6 chè (trà) + 30 rượu + 30 mật + 20 vàng (mã) + 14 nước mắm + 20 bột + 10 chuối = 149 đồng.

Tất cả chỉ có 9 tiền 59 đồng thôi! Còn thiếu 1 đồng nữa mới "chẵn thì một quan." Người nội trợ giấu mua quà riêng hay thời đó cũng thi hành luật đời Trần (1226) có sửa đổi: tiền dâng lên vua thì một quan đủ 600 đồng còn trong dân chúng chỉ có 599 đồng, một thứ quan-đủ mà thiếu? Điều hành đất nước kiểu *chín* (9) *kể làm mười* (10) này thì nghèo mạt, cùng cực suốt đời là phải rồi.

Chân thành gởi địa nội chư quân tử: Bài viết tuy đôi lúc có dạng "không chính quy" nhưng vấn đề rõ ràng không đếm xỉa đến tác giả, vẫn rất là chính quy. Cho nên mong rằng quý vị nào có phương tiện, tài năng đức độ hơn, ra tay chỉ giáo, thật lấy làm đội ơn lắm lắm. Mong thay!

Tháng Ba 2000

Mưa

NGUYỄN XUÂN THIỆP

mưa mù sa. mưa tháng tám hay mưa tháng năm
tôi đi. hồn cây. mưa hạ hay mưa mùa đông
em vẫn bên bờ kia . biển. mây. vàng nắng đậm
tôi nhìn trời. gọi một vầng trăng trổ bông

mưa từ đất rộng. áo em phai. mưa qua sông
mưa saigon. mưa ở đây. mùa new orleans
tiếng đàn trầm rụng. quán âm. cõi blues núc nở
khuya rồi. có tiếng sóng. và rừng xưa
nước mắt xanh

em có nhớ. mai kia. sẽ mưa trên hồ sen. trên
rặng nhãn
tôi làm cánh chim tu huýt trên đồi cỏ may
em chơi nhảy dây. nhó cột giùm đôi vạt áo
thơ. con chuồn chuồn đỏ
bay suốt ấu thời. chiếc kẹp tóc quên trên ổ rơm

khi xa tôi. trời mưa không nhỉ. thì cứ nói
là mưa đi
thêm chút mộng. người xa nước. lúc chia tay những
bông hải đào đỏ
rơi. mái hiên thưa. nhìn gì nữa. phố mưa
thấm trên trang sách. em ôm vào ngực. lỡ
mai người về
thì mưa
những guồng tơ quay. dưới mái nhà mây xám
mùa thu
rồi mùa hạ
tiếng ve khơi biển rộng
vỡ quá khứ. mù tôi đi
qua những chiếc cầu treo. thành phố quạ
trở giấc tường vi. mưa ở đây. mưa từ rất xa. rất xa.

Trái tim của Miêng và nỗi bất hạnh của người phụ nữ

Đoàn Nhã Văn

Đến với Miêng, người đọc bắt gặp ngay cái tâm bão của bà: dựng lại những bất hạnh của người phụ nữ trước dông cuồng của thời cuộc, trước sóng gió của lòng người. Tại sao không là hạnh phúc, mà lại là những nỗi bất hạnh, những bi kịch lớn? Bước vào từng truyện ngắn, người đọc sẽ tìm được câu trả lời cho chính mình.

Đã có nhiều chục ngàn trang sách để viết về phái nam trong thời chiến, sau cuộc chiến, và trên xứ người. Số trang sách dành cho những người phụ nữ cùng thời, quả có hiếm, nếu không muốn nói là quá ít ỏi. Thiếu bình đẳng chăng? Thật ra không phải thế. Có lẽ những gì mà người đàn ông trải qua, thường dễ nhận biết. Họ chiến đấu ở sa trường; họ đổ máu vì đất nước; họ bị giam cầm hàng loạt sau 1975. Hình ảnh họ bám vào từng tháng ngày lịch sử. Nỗi mất mát của họ dễ nhận diện. Còn ở người phụ nữ, nỗi đau dai dẳng không kém nhưng âm thầm hơn. Vết thương của họ cũng sưng tấy lên với đổi dời của thời cuộc, với bi đát của quê hương. Bản tính của người phụ nữ là chịu đựng, nên cái đau của họ ít lộ ra bên ngoài. Nhưng cũng có lẽ, đi sâu vào tâm lý người phụ nữ, chạm với niềm thống khổ tận cùng của họ, đòi hỏi một sự kiên nhẫn và một cảm thông lớn, rất lớn. Vì vậy không có nhiều tác phẩm viết về cái "đau" của họ. Chưa bao giờ có một tập hợp nhiều mảnh đời khác nhau, mà mỗi mảnh đời là một bi kịch, một bất hạnh lớn, như ở Miêng. Bà không chỉ chụp lại những bức tranh thời thế, mà bà đã thổi vào đó những hơi thở ấm của cuộc đời, trái tim bà cùng đập những nhịp chậm, nhanh ở những giây phút bình thường hay căng thẳng cùng nhân vật, vì thế đã tạo nên những

truyện ngắn đầy sức sống. Qua những truyện ngắn của bà, ngoài một tấm lòng, người đọc còn thấy ánh lên những nét tài hoa.

Chân dung của những bà cụ, những người mẹ già, hiện đều và rất rõ nét trong truyện của Miêng. Mà tại sao lại phải kể chuyện về các cụ? Tôi nghĩ, đó cũng chính là câu hỏi đã chất vấn và thôi thúc Miêng trong nhiều khoảng thời gian khác nhau. Có thể đã lập đi, lập lại nhiều lần.

Theo vòng quay của một đời người: sinh-lão-bệnh-tử, thì các cụ đã bước vào giai đoạn: lão, bệnh. Và dĩ nhiên, chuyện gần đất xa trời chỉ là chuyện phải đến, và có thể đến bất cứ lúc nào. Hình ảnh hôm nay của các cụ cũng là hình ảnh của chúng ta trong những năm dài sắp đến. Đó chính là những tấm gương, sống thực nhất, rõ ràng nhất của cuộc đời. Mà cuộc đời vốn đa dạng, nên hình ảnh các cụ đã được Miêng vẽ lại dưới nhiều góc cạnh khác nhau. Mỗi bức chân dung chứa đựng những ưu tư, những dằn vặt, những ám ảnh, những dồn nén, những cô đơn, những dông tố, .v.v., và tất cả những điều vừa nói, đã gom lại làm thành những cơn sóng dữ, phủ lên cuộc đời của họ. Rồi từ các cụ, lan rộng sang những người phụ nữ trẻ, từ trong nước, ra đến từng ngóc ngách bên ngoài hình cong chữ S. Ở bất cứ một nơi nào, người đọc cũng bắt gặp những nỗi bất hạnh nghiệt ngã của họ. Ở trong nước, họ tất bật, ngược xuôi với cuộc sống, chạy chọt từng miếng cơm manh áo cho con, lo cho chồng những tháng ngày cơ cực sau cuộc đổi đời bi thảm. Vết thương của họ không là những vết thương ngoài da, mà là những vết cắt sâu lút đến tận tâm khảm. Họ bị lường gạt từ vật chất đến tinh thần. Nhìn lại giọt máu rơi trong bụng mình, lòng họ quặn lại nhưng vẫn rộng mở để có thể tha thứ cho kẻ hại mình.

"Cô hài lòng với quyết định của mình.Ờ, cho dẫu hắn đối với cô không chân thật, nhưng cô tha thiết gì đến việc hắn ngồi tù? Thôi thì, thêm một lần, cô nhắm mắt hy sinh cho cái gì cao cả hơn là cái tự ái căm hờn thường tình của con người. Cô đi bãi nại cho hắn được ra về." (trang 163)

Đến một lúc nào đó, sức người không còn chịu đựng được nữa, sinh ra quẫn trí.

"Chị bước đi với những bước chân chơi vơi vô hồn. Cũng không phải là lần đầu tiên trong đời hai bàn chân đong đưa chị vào nỗi u mê vô định như vậy, nhưng lần này thì quả thực là chị cứ như một chiếc lá khô để cơn gió mặc tình cuốn đi lơ lửng ngập ngừng." (Trang 65).

Sống trên chính quê hương mình không được, cách duy nhất là ra đi, dù trăm ngàn cay đắng đang chập chờn phía trước. Trên đường vượt thoát, biết bao người vợ, người mẹ bỏ mình trên biển cả:

"Có, cô y tá đưa hết giấy má thư từ của ông ấy cho em xem. Em đọc rồi, vợ con đều chết biển khi vượt biên" (Trang 19, 20).

Cả một trời dông bão, cả một biển mông mênh đen ngòm, cả một không gian lạnh ngắt; cộng với cướp biển, hải tặc; tất cả hùa vào nhau, cướp đi bao sinh mạng. Rồi trên xứ người giá buốt:

"Tôi đi theo người đàn ông thứ nhất vượt biên. Tới Pháp, anh bảo em triệt sản đi, anh không muốn có con nữa. Chẳng biết anh nói gì với bệnh viện. Người ta đưa tôi lên bàn mổ rồi hai tuần sau thì thả về. Ba năm sau anh bảo lãnh vợ con qua" (Trang 18)

Dĩ nhiên kết quả của những cuộc tình như vậy xảy ra như thế nào, không cần dài dòng, người đọc có thể đoán được.

Người phụ nữ không chỉ đối diện với những con sóng bạc đầu của lịch sử, mà họ còn phải chịu đựng những nghịch cảnh bắt nguồn từ những tập quán lâu đời của xã hội. Rõ ràng nhất và sống động nhất là hình ảnh của chị Thảo trong truyện ngắn *Hiếu Thảo*. Ở đây, khi bậc cha mẹ quyết định hết mọi thứ cho con cái, điều vẫn thấy trong những gia đình người Á đông, dù rằng con cái đã trưởng thành, đã tạo ra những bi kịch lớn cho con mình. Khi con cái không thể quyết định theo ý mình, kết quả là họ chỉ như một chiếc bóng đeo đuổi bên cạnh thế hệ trước. Đời họ tiếp nối từ sự lỡ làng này đến những mất mát nọ. Như chị Thảo trong truyện, khi ở tuổi yêu đương thì cha mẹ từ chối lời cầu hôn của người yêu vì không môn đăng hộ đối. Khi bước vào lớp tuổi "lỡ cỡ", cha mẹ lại một lần nữa tự quyết định lấy cho chị *"mày muốn thì cứ đi, chứ sống nhờ vào rể là tao không đi."* Khi đến đường cùng thì

"Bây giờ nếu có thằng nào muốn dẫn con Thảo đi ngoại quốc, tao cũng cho đi. Người Miên cũng được." (trang 104).

Cuộc đời đâu phải ai cũng ngồi đó mà chờ đợi chị Thảo. Vì thế, chị với mẹ mình như hình với bóng. Khi bà cụ mất đi, đời chị không còn gì nữa, con người hóa điên rồ.

"Chị Thảo chà xát phiến đá trên mộ mẹ với tất cả sức lực của chị. Chị chà với vẻ khẩn trương, miệng lẩm bẩm người ta bảo chà khô mới bóng, người ta bảo chà khô mới bóng. Chị có hình ảnh của một người đang lên đồng. Mặt chị võ vàng, buồn rời rợi, mắt ráo hoảnh gần như khô cứng trước cái nhìn lúc nào cũng ngơ ngác vô định, nhưng miệng thì luôn luôn mấp máy như đang nói chuyện với ai. Trông chị như miếng giẻ khô nhúng nước." (Trang 101)

Đây là một bi kịch lớn của người Á đông, và nhất là người Việt Nam.

Nhìn qua lăng kính cuộc đời, trước hết, Miêng sống và thở với những

nhân vật của bà trong những giai đoạn khắc nghiệt của đất nước. Giữa những gọng kìm lịch sử, họ là những người kém may mắn để phải đối đầu với bão dông. Bão dông không chỉ ở thời cuộc, mà còn nằm trong lòng người. Khi bão dông gây ra bởi những người cùng một màu da, thì sức công phá của nó khó mà tưởng tượng nổi. Hậu quả của nó là những vết sẹo ngàn đời trong tâm khảm của những người phụ nữ Việt Nam.

Thứ đến, Miêng không chỉ dựng nên bi kịch, bà còn đưa ra một thách đố lớn: làm sao giải quyết được những tồn đọng ngàn năm, những lớp rễ xơ cứng đã dính chặt vào ý nghĩ của người Việt chúng ta. Dù rằng bà không viết ra từng lời, từng chữ rạch ròi như vậy, nhưng người đọc vẫn thấy được điều này nằm giữa những dòng chữ của bà. Dĩ nhiên, mỗi người có một cách đối diện và giải quyết khác nhau, còn nhà văn, mục đích duy nhất của họ là gợi lại, mở ra những thách đố cho cuộc đời, cho mỗi người đọc. Thách đố này không phải chỉ cho một thế hệ, mà cho nhiều thế hệ nối tiếp nhau.

Nhìn qua lăng kính nghệ thuật, *Truyện ngắn Miêng* là một tác phẩm đẹp, rất đẹp.

Trước tiên là góc cạnh tương phản. Nghĩa là, dùng hình ảnh này để bật lên một hình ảnh khác, một suy nghĩ khác. Nói rõ hơn, "suy nghĩ khác" đó, chính là điều bà muốn gởi gắm đến người đọc. Bà dùng niềm vui để tả nỗi buồn; bà vẽ hồn nhiên để dựng nên sóng gió. Đây là nghệ thuật. Không. Đây là tầng cao của nghệ thuật.

Trong truyện ngắn *Hy Sinh*, sau khi một người lính nằm xuống cho quê hương, tin buồn được báo cho gia đình hay, vũ trụ như ngừng lại, cảnh vật như không còn êm đềm như hằng ngày, mà có cái gì như dấy lên, xóa nhòa đi những nét thường tình. Cái gì đó chính là nỗi dằn vặt của người đi báo tin. Điều không bình thường là hình ảnh bà mẹ hình như chưa hiểu trọn nghĩa hai chữ *hy sinh*, mà ngược lại cứ tưởng con mình chịu khó chịu cực để gởi tiền về cho bà.

"Tui biết mà. Thằng con tui hao giờ cũng hy sinh lắm. Tiền nữa? Đó, hễ có tiền là nó cho tui liền hà. Tội nghiệp, nó không giữ lại, nhằm khi gió máy" (Trang 124).

Chẳng thà thấy bà mẹ khóc lóc thảm thiết như vẫn thường thấy hằng ngày, người làm nhiệm vụ báo tin có lẽ đỡ thấy bứt rứt hơn, đỡ đau xót hơn khi ra về. Đằng này, người mẹ cứ dửng dưng, cứ như vui sướng. Đằng sau cái ngô nghê của bà là cả một trời đổ vỡ, đớn đau.

Còn nữa, bà dùng hình ảnh bất thường để nhắm đến cái bình thường, và ngược lại. Ngay như trong quan hệ yêu đương, ân ái chẳng hạn. Với

người Việt Nam, chuyện đồng tính luyến ái là chuyện "bất thường". Nó nằm ngoài cái hàng rào suy nghĩ của hầu hết những người Việt Nam. Và dĩ nhiên, đến hôm nay, con số chấp nhận chuyện này quả là còn quá nhỏ. Nhưng với người ngoại quốc, nhất là các quốc gia tiên tiến, chuyện này bình thường. Vậy nếu đứng bên ngoài mà nhìn vào, phải chăng ta còn có những suy nghĩ "bất thường"? Bình thường và bất thường chỉ cách nhau có một sát na. Bà không đi hết; chỉ đến nửa chừng rồi dừng lại, để người đọc tự nhận ra cái bình thường và bất thường dưới nhãn quan của mình. Chính sự lấp lửng tạo nên những ưu tư lớn nơi người đọc.

"Đêm đầu tôi nhường giường cho chị. Đêm hai chị bảo tôi cùng nằm, âu yếm vuốt tóc tôi. Đêm ba giữa đêm tôi thức giấc, mơ hồ cảm giác tay anh sờ soạng khắp người. Đêm tư tôi bẽn lẽn như cô dâu mới về nhà chồng. Đêm năm nhớ lời ngoại dặn: đứa nào nói thương thì theo nó đi, đừng hòng ai mang trầu rượu" (Trang 18)

Rồi bà dùng cái quê mùa, đôn hậu, cái chơn chất, thật thà trong một bà cụ, để bật lên tấm lòng trong suốt, mênh mông của những người mẹ. Và điều này đã tạo nên những xúc động lớn.

- Bà già muốn mua vé đi đâu?

- Tui đi thăm con tui.

Chữ "tui" hơi kéo như bày tỏ một quyền sở hữu thiêng liêng khó ai chiếm đoạt.

- Ờ thì bà thăm con hay thăm bồ gì cũng được, hễ còn chỗ thì tui bán. Con bà ở đâu?

- Ở La cu La gì đó.

Người bán vé nháy mắt:

- La cu La dái.

Nhiều tiếng cười nổi lên. Bà cụ có vẻ quýnh, nhếch mép ngô nghê. Người bán vé dịu giọng:

- Thôi được, La dái để lần sau. Lần này tui bán cho bà đi La cu. Mấy người?

- Tui đi mình ênh. (Trang,120)

Phương thức dùng hình ảnh tương phản có từ lâu, lâu lắm. Nhưng sử dụng trong văn chương, không phải dễ dàng. Nó đòi hỏi một nhà văn không những giàu sáng tạo mà phải tôi luyện trong chữ nghĩa. Có tôi luyện đủ lửa, có gạn lọc tới độ chín muồi, thì hình ảnh sử dụng mới sắc sảo, tự nó đủ sức, làm bật lên điều mình muốn nói, mà không cần dài dòng dẫn giải, thuyết minh. Phương pháp này là một trong những phương pháp mà Kim Thánh Thán gọi là phép *vẽ mây nẩy trăng*. Muốn trăng

sáng, đẹp, hãy vẽ thêm mây. Trăng đẹp hay không là tùy vào khả năng người vẽ. Khả năng thấp: mây che trăng. Khả năng vừa: trăng chưa đủ sáng. Khả năng thượng thừa, người thưởng ngoạn nhìn mây, thấy sự rực rỡ của ánh trăng vàng. Và Miêng là một trong những họa sĩ cao tay trong phép *vẽ mây nẩy trăng* này.

Ở một khía cạnh khác người đọc cũng thấy cái rất riêng của bà. Đó là vấn đề phục bút. Ngón nghề phục bút là một trong những phương pháp nghệ thuật khó sử dụng. Phục bút là sử dụng lại nét bút trước đó, hình ảnh trước đó, hay chi tiết trước đó thêm một lần nữa. Mà chính ở lần thứ hai này, dù tác giả không nói hết lời, dù người viết có bỏ lửng lơ, người đọc vẫn liên tưởng đến, vẫn nhận thức được việc gì đang xảy ra. Thử đọc lại một truyện ngắn của bà, truyện *Nhân Chứng*.

Cả hai đều có gia đình. Hai người gặp nhau ở phòng mạch của người đàn ông. Họ bắt đầu lén lút đi lại với nhau sau đó. Chiếc giường dành cho bệnh nhân cũng chính là nơi hai người trao thân gởi phận.

"Chúng tôi cùng nằm bên nhau, nhưng không úp mặt vào tường, mà úp mặt vào nhau để nghe tiếng thở, nghe tiếng tim đập mạnh và nghe tiếng lòng yêu thương mời mọc. Lần đầu tiên thấy tôi hốt hoảng vì khi ra về cửa vẫn mở toang, anh cười tin tưởng:

Không sao đâu. Không có hẹn thì chẳng ma nào đến. Nếu ngại thì em nhớ đóng. Ừ, anh vẫn có thói quen không đóng cửa phòng ngoài" (trang 139-140).

Rồi sau đó, người đàn ông bị đưa ra trước vành móng ngựa vì bị tình nghi giết vợ mình. Người đàn bà sau những giằng co dữ dội trong nội tâm, cuối cùng bất chấp mọi hàng rào ngăn cản, đã ra làm chứng để minh oan cho ông vì mang suy nghĩ: có thể ông đã vì bà mà âm mưu giết vợ mình. Sau đó, bà bị gia đình xa lánh. Nhưng điều quan trọng dẫn đến chỗ tuyệt vọng, rồi cuối cùng là cái chết của bà lại là một việc khác. Người đàn ông bay bướm này có cô tình nhân khác, và họ cũng thân mật trên giường bệnh trong phòng mạch của ông ta, như chính bà và ông ta đã từng. Trong một lần họ bên nhau, *"có tiếng cửa đóng lại làm cô gái giựt mình và hỏi cái gì vậy anh. Anh khoác áo ra xem rồi trở vào trả lời là không có gì, chắc gió hoặc đứa bé nào chơi nghịch đóng cửa ngoài."* Nhưng sau đó, khi hay tin bà tự vẫn, người đàn ông mới biết nguyên nhân đưa đến cái chết của bà. Đó chính là thói quen của hắn: *"Ừ, anh vẫn có thói quen không đóng cửa phòng ngoài."* (Trang 153). Câu chuyện kết thúc ở đó.

Cái gân guốc của truyện ngắn nằm ở nơi bỏ lửng. Chỉ có tiếng dập cửa, và thói quen của gã đàn ông được nhắc đến. Cái thói quen của gã đã

từng làm bà hốt hoảng trong lần đầu ân ái. Đây là nghệ thuật phục bút. Dù bà bỏ lửng nhưng người đọc vẫn đi suốt đến kết cục của bí ẩn. Chính cái thói quen của hắn (không đóng cửa phòng ngoài) đã tạo cơ hội cho bà thấy hết mặt trái của gã đàn ông đằng sau khuôn mặt trí thức và lối nói chuyện uyên bác của hắn. Người đàn bà thất vọng trước sự giả dối của gã đàn ông, người mà mình quyết định dứt bỏ mọi thứ kể cả hạnh phúc mong manh của gia đình để bênh vực cho hắn. Giờ thì hắn ôm ấp một người đàn bà khác. Khi sự thực phơi bày, bà như đi vào ngõ cụt. Vì thế bà tự vẫn. Lối phục bút của Miêng là một cách diễn đạt tuyệt vời trong văn chương: không nói gì hết, nhưng lại là nói tất cả.

Ở những truyện thật ngắn, Miêng dựng nên những cốt truyện đơn giản nhưng kết thúc bất ngờ. Nỗi bất ngờ kéo người đọc trở về với thực tại. Sống với thực tại, chứ không ngủ mê trong tiểu thuyết. Bởi cuộc đời luôn là một chuỗi thay đổi bất ngờ. Chính vì thế, ta không dễ dàng đoán được suy nghĩ, tâm trạng, hay hành động của người chung quanh, có khi là một người thân quen của mình. Ở kết cục bất ngờ, truyện ngắn như đẩy một cánh cửa, mở ra một chiều hướng khác, tạo nên những bầu không khí mới, khắc một dấu ấn đáng nhớ trong lòng độc giả.

Trong truyện ngắn *Ai Thương*, dấu chấm hết hạ xuống đã kéo theo sự ngạc nhiên và mang không khí vui vui , thì ngược lại ở truyện *Biển*, kết cuộc đầy cảm động. Điều bất ngờ là người đàn ông trút hơi thở trong tay một người đàn bà xa lạ, mà trong cơn đồng thiếp ông cứ tưởng là vợ mình. Ở truyện *Trăn Trối*, cái so le của cuộc đời, tạo nên sự trộn lẫn vừa cay đắng bờ môi, vừa cười ra nước mắt. Khi người cha sắp lìa đời trăn trối lại những điều tâm huyết với con trai mình, ông tiếc nuối đã không dạy con văn hóa Việt. Ông buồn vì lúc ông còn mạnh khỏe, chính ông đã đẩy nó ngày càng đi xa ông hơn, bởi ông muốn nó có vợ, có con để ông có cháu, có người tiếp tục mang cái họ của ông. Nhưng ngược lại, vợ nó lại là một người không bình thường, "cô" ấy là một gã con trai! Rồi không kịp nữa, dù là lời cuối cùng với đứa con trai, ông ra đi trong sự nuối của chính mình. Vừa lúc đó tiếng điện thoại reo vang. Người vợ tiếp chuyện điện thoại, mới vỡ lẽ rằng: người gọi cho chồng mình không phải để chia sẻ hay cảm thông, mà là nhắc đến một điều hết sức trái khoáy trong hoàn cảnh này.

"-A lô! Vâng! A chào anh! Cám ơn anh. Tôi vẫn thường nghe nhà tôi nhắc về quyển sách ấy. Vâng, anh ấy rất cần. Vâng, nhưng bây giờ thì trễ quá rồi. Cám ơn anh nhiều. Vâng, xin chào anh." (Trang 224)

Miêng sắp xếp bất ngờ trong một hoàn cảnh không thể ngờ được một

cách hoàn hảo! Ôi, cay đắng của cuộc đời.

Trong hai mươi mốt truyện ngắn, mỗi truyện mang một dấu ấn khác nhau, một góc cạnh riêng biệt. Trong số này, có những truyện ngắn sẽ ở lại với người đọc dài lâu như *Biển, Hy Sinh, Điệu Thuyền, Nhân chứng.*

Hãy lấy *Biển* làm một minh chứng.

Truyện ngắn *Biển* chứa nhiều điều đáng suy gẫm trong cuộc sống. Khi đọc xong, người đọc cứ cảm thấy bàng hoàng. Người đọc bị cuốn hút từ chữ đầu đến chữ cuối, và nhất là kết cục bất ngờ. Cái dư âm như ngân xa, xa, xa mãi trước tấm lòng và cử chỉ của người đàn bà vô danh, mang lại niềm vui cuối cùng cho người đàn ông bất hạnh, mà vợ và con ông đã bỏ mình trên biển cả khi vượt thoát.

"Chị khẽ khàng đặt tay lên ngực anh. Rồi bỗng bạo dạn hơn, chị choàng qua, siết vòng tay lại. Nụ cười ngây ngây ngô trên tay anh kéo dài như vô cùng:

-Con đâu em?

-Con đang ngủ. Anh cũng ráng ngủ một chút đi cho khỏe.

-Em nè, vợ chồng, có những lúc, cơm không, lành, canh không, ngọt, anh có, lỡ, giận la em, cái gì, em bỏ, qua cho anh, nghe, đừng, giận, bỏ anh, tội, nghiệp, cái chính, là, biết, anh thương, em vô, cùng, nghe em, đời anh, chỉ, có em, và con...

Chị khóc:

- Anh đừng nghĩ quẩn quanh nữa. Em không giận anh đâu. Em cũng thương anh lắm!

Hai người y tá đẩy băng ca đi. Ngang qua cửa sổ, tấm ra pha lẫn vào vùng tuyết ngoài kia.

Bước vào ca-bin, chị để cạt vào máy điện thoại và bấm số.

- Anh hả? Em đây. Trẻ nhỏ dậy hết chưa? Xà va anh à. Một người đồng bào (chị thở dài) Không, dĩ nhiên là không bà con gì với mình cả. Khi em tới thì tối rồi và coi bộ ông ta lẫn lộn hết cả, tưởng em là vợ. Có, cô y tá đưa hết giấy má thư từ của ông ấy cho em. Em đọc rồi, vợ con đều chết biển khi vượt biên, chỉ còn ông ta sống sót với mấy người thôi (chị khóc). Xong rồi anh ạ. Vâng, lúc năm giờ sáng, trong tay em" (Trang 21)

Chưa đầy ba trang giấy, không tới 700 con chữ, nhưng chứa đựng nhiều nhân vật, chuyên chở nhiều điều muốn nói. Ngắn, nhưng là cả bao nhiêu phần đời góp lại. Từng mảng lịch sử được dựng nên. Những xáo trộn trong đời vỡ ra. Những nổi trôi cuối đời cuốn xoắn vào nhau, tạo nên một sức hút lớn, kéo những mất mát của một đời người càng dài thêm hun

hút.

Một truyện thật ngắn, chứa hết những tấm lòng, mang đủ những ước mơ, sống lại những hạnh phúc. Nhiều ý tưởng được cài đặt khéo léo. Nếu không là một dày dạn từng trải, một tinh tế và cảm thông, một góp nhặt và đãi lọc, chắn chắn không bao giờ dựng được.

Theo Nguyễn Công Hoan, *"truyện là bịa y như thật"*. Thật? Ở đây ông muốn nói truyện viết như thế nào mà lôi kéo độc giả. Độc giả đọc xong cứ như thấy nhân vật đó ở gần gũi với chúng ta, thấy hình ảnh đó như sờ được trong đời sống, thấy ý truyện đó sao mà giống với những gì mình thấy, mình nghĩ quá. Đó là thật. Trong khi đó, ngược lại, có những chuyện thật ngoài đời, nhưng khi đưa nguyên bản vào truyện, nó không còn "thật" nữa, nhân vật có thể cứng đơ hay ý truyện cứ gập ghềnh, chưa đủ sức thuyết phục người đọc. Hoặc nếu không là chuyện thật thì ắt là bịa, nhưng bịa chưa tới nơi tới chốn. Điều này có thể thấy ở Miêng trong một truyện ngắn của bà, truyện *Ỗm Ờ*. Khi đọc xong truyện này, ta có cảm tưởng là khó có thể có một nhân vật nữ và những cuộc tình như vậy nối kết nhau bên cạnh cô trong cuộc sống này. Miêng đào bới sâu vào những người tình của nhân vật chính. Bà đi từ tánh tình mỗi người. Bà thông thạo nghề nghiệp cả ba trong bọn họ. Thậm chí bà còn len lỏi vào tận triết lý sống của từng nhân vật. Mỗi một chi tiết có thể "thật". Vâng, có thể. Nhưng nhiều cái giống "thật" được đặt ngay ngắn bên nhau vẫn chưa đủ để tạo nên một cái "thật" trong tổng thể. Mà đây mới là điều cần thiết của truyện ngắn. Nếu bắt buộc phải làm sự so sánh, phải xếp truyện này với những truyện còn lại, thì có lẽ *Ỗm Ờ* đứng xa, khá xa so với những truyện ngắn khác trong cùng tập truyện ngắn của Miêng.

Tổng quát, Miêng đã dựng nên những mẫu nhân vật tuy bình thường nhưng đầy những giá trị điển hình. Bà viết ít lời, nhưng mỗi chữ, mỗi ý đều mang trọn vẹn vai trò của nó: dẫn người đọc vào từng mắt xích của những bất hạnh, những chông gai, những mất mát, những nổi trôi, những tuyệt vọng, và cả những hy vọng của từng nhân vật. Nhiều mắt xích nối liền với nhau tạo nên những chuỗi bất hạnh lớn mà người phụ nữ Việt Nam của hậu bán thế kỷ hai mươi phải gánh chịu. Mỗi một chặng đường họ đi qua, đều dấy lên những nỗi đau. Mỗi bước chân họ bước tới, đều dồn lại những niềm thống khổ. Như một số phận, như một định mệnh, những niềm đau, những bất hạnh này trải dài trong từng truyện ngắn của Miêng. Nó lồ lộ trước mắt, nó lẩn quẩn bên mình, người đọc có cảm giác như mình sờ được vào từng gai góc ấy.

Tây Mỗ
CAO XUÂN TÚ

Đi giữa đường quê, trưa, màu cổ
Mùa xé rào, đã hết lập xuân
Rung rinh mái rêu, lung linh nắng
Lạ. Hàng dậu thưa, một búp dào, hồng

Giếng sâu soi mãi nhìn không thấy
Mặt tôi chen với mảng mặt người
Múc một gáo. Mát. Chưa từng
Uống. Quê hương mới nếm thử một lần

Ngồi giữa nhà, quê, màu cổ
Tôi xé rào nắm bàn tay, hồng

1.2000

Miêng không cố ý tạo nên những tiếng kêu dậy đất, vang động đời thường. Bà chia sẻ với người đọc một giọng điệu man mác, trầm buồn. Chính điều này đã tạo nên nỗi da diết và sự thấm thía trong mỗi truyện ngắn của bà.

Dù là bi kịch nhỏ trong đơn vị gia đình hay bi kịch lớn bên ngoài xã hội, Miêng đều đi đến gần như tận cùng những đổ vỡ, đau thương. Đằng sau những bi kịch đớn đau; cuối đường những bất hạnh nghiệt ngã, bà muốn gõ cánh cửa bình an và mở ra những niềm hạnh phúc. Bởi bất hạnh càng lớn, niềm hạnh phúc mới được nhận chân càng rõ. Khổ đau có trùng trùng, niềm an lạc mới thực sự được nghiệm ra trong đời sống thường nhật. Và những người đang tận hưởng những an lạc, những hạnh phúc này, chính là chúng ta: những độc giả của bà.❐

Đoàn Nhã Văn
12/1999

Kỳ sau: *Hồ Minh Dũng - Ngòi bút của tình thương*

Thơ Dung Nham

Lục bình
Trên sông vàng phù sa
dề lục bình
trôi
rất hòa bình
Nở hoa

Đợi trăng
Bên bờ sông chiều tà
Ba người bạn thiết
lặng yên
uống miết
Đợi trăng lên

Trong quán cóc
Ngồi trong quán cóc
Nhìn giòng đời trôi
Cắn một miếng nỗi-buồn-thiên-cổ
nhậu chơi
Ngắm một thoáng đùi non mười bảy
hết xẩy!

Khỏe
Không phải là mình ngu
Nhưng mình không muốn khôn
Khôn quá đâm hư người
Và làm mình mất sướng

Đời mình chỉ thích sướng
Nên mình giả làm ngu
Mọi người chê mình cả
Một mình mình, khỏe ru!

Giao cảm
Người đã hiện ra – trong một sáng tinh mơ
trên dãy núi đá nâu
giữa sóng lao xao:
Vầng hào quang dọi ánh xanh mặt bể
Bao hoài nghi vụt tan biến
Tôi quì xuống ngưỡng vọng Người:
Bậc cao cả của Khiêm Nhượng, Im Lặng và Sáng Tạo

Trong tăm tối tôi lắng nghe lời Người:
Lòng kiên trì ẩn tàng trong mắt lấp lánh các vì sao
Giữa sa mạc hoang vu tôi lắng nghe lời Người:
Vọng âm thì thầm bất tuyệt của trùng dương bát ngát
Tiếng gió rì rào ngàn cây vang mãi chốn xa xăm
Nơi đồng không quạnh quẽ tôi lắng nghe lời NGười:
Âm thanh róc rách của suối ngàn tuôn trào
trong khe đá
Trong đau thương tôi lắng nghe lời Người:
Hình ảnh áo nâu, mặt mẹ già hiền dịu –
gợi nhớ đến bao người cùng khổ
Giữa ánh sáng vinh quang tôi lắng nghe lời Người:
Hương ngạt ngào phương thảo ẩn kín giữa ngàn hoa.

U linh thay! Quyền lực cõi Lắng Yên
Cao cả thay! Nguồn mạch của Khiêm Tốn - Chế Ngự
Ngất ngây tâm hồn tôi mở ra tiếp nhận
ánh sáng của Vô Ngôn.

Phỏng vấn Hồ Minh Dũng

Triều Hoa Đại thực hiện

Triều Hoa Đại (THĐ): *Tôi nhớ không lầm thì ông và gia đình rời bỏ quê hương như vậy ngót nghét đã hơn sáu năm. Đã có lần nào ông trở lại "quê xưa, làng cũ" chưa nhỉ?*

Hồ Minh Dũng (HMD): Chưa. Nhưng trong mơ, đã có nhiều lần tôi cay cú trở về rồi.

THĐ: *Trong giấc mơ, ông thấy "nó" như thế nào? Tại sao lại cay cú?*

HMD: Y như anh chàng Từ Thức lãng mạn ngày xưa trở về quê nhà. Không còn gì, ngoại trừ sông núi. Tôi xác xơ, lơ láo hơn, mặc dù sông núi đó "niềm nỡ" với tôi. Cay cú vì tôi về hai tay không.

THĐ: Bốn tác phẩm cho khoảng thời gian chưa đầy sáu năm ở quê người, như vậy sự làm việc của ông kể ra cũng "phi thường" đấy chứ?

HMD: Viết nhiều, có nhiều tác phẩm chắc gì đã là "phi thường". Cái quan trọng không phải là số lượng, mà là khám phá. Tạo ra được năng lực để xua đuổi ảo tưởng ám ảnh đời sống, có mình trong đó. Tôi viết, vì không viết không được. Nhà tôi khuyên tôi, *gắng viết cho qua một đời*. Nhà tôi sợ tôi lao đao trong hồi tưởng quá khứ. Tôi thì viết để mình khỏi bị "cho qua".

THĐ: *Còn về phần truyện dài* Cõn Mây *vừa được Văn Mới ở California ấn hành, ông mất bao lâu để viết nên cuốn ấy?*

HMD: Cưu mang nhiều năm, viết gần bốn năm, mỗi ngày một ít. Kiên trì lắm, khó nhọc lắm, mới có.

THĐ: *Anh yêu những nhân vật nào trong ấy. Vân Hà, Tôn Nữ Tịnh Quyên, Hương Nguyễn, Hoàng Phan, Thượng Sĩ Đa, ông Minh Tâm?*

HMD: Tôi yêu vú Phấn.

THĐ: *Vì sao?*

HMD: Vì giống mẹ tôi.

Khi mẹ tôi hấp hối, tôi còn ở trong tù, tận một miền Trung du Bắc

Việt, (mà có người tù hình sự, không biết nói thật hay đùa rằng, nếu trèo lên ngọn núi đá vôi nào cao nhất thì thấy được mái Đền Hùng). Anh chị tôi phải thay phiên nhau "nói dối" với mẹ là tôi đã về thấu ngoài ngõ. Mẹ tôi cứ nuối ngắc ngoải như thế, sống thêm được một ngày một đêm trên đời. Tôi cám ơn mẹ tôi đã sinh tôi ra ở nông thôn, ru tôi lớn lên chỉ lặp đi lặp lại vài ba câu hò mộc mạc, quê mùa.

Móc, bứa, ổi, cơm nguội, bộp, rau dền tía, rau sam, hoa muồng chuộng, hoa cứt quạ, dông lửa chạy ngù ngờ ngoài bãi cát, bọ rầy trên những cành dương liễu lúc chạng vạng cứ ám ảnh tôi không nguôi, trong đời, trong văn chương. Tôi tự hào về ngọn nguồn gốc gác ấy. Nếu không ai "phàn nàn", chắc tôi chỉ viết quanh đi quẩn lại trong tâm hơi của cha mẹ tôi đã thở.

THĐ: *Sau những:* Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa, Câu Nam Ai Thất Lạc *và* Một Mình Em Đến Giữa Đời, Cồn Mây *là cuốn truyện dài đầu tiên của ông, ông có so sánh gì giữa hai thể truyện ngắn và dài, chẳng hạn như cách dựng truyện, nhân vật và những tình tiết chung quanh?*

HMD: Vấn đề nầy, các bậc thức giả đã đề cập đến nhiều, tôi không dám lạm bàn. Chỉ thêm vài lời: ngắn hay dài đều "khó" như nhau. Truyện dài đòi hỏi thì giờ, kiên trì và nhẫn nại hơn. Cái tuổi, hoàn cảnh tôi bây giờ, viết được một truyện dài càng "khó". Tôi viết xong, in ra, đọc lại, thấy sướng hơn truyện ngắn, mặc dù vẫn chưa được hoàn hảo, vừa ý. Tôi xin mượn câu của văn hào Boris Pasternak để cho mình: chưa vươn được ngang tầm với tất cả những gì đang tồn tại trên đời và chưa thấu hiểu được ngôn ngữ của cuộc đời, ngôn ngữ của bầu trời, của mặt đất.

Trong *Văn Học số* 122 (tháng 6.1996), anh Khánh Trường có nói, theo anh, viết là một công việc lương thiện và ít tốn kém nhất, phàm bất cứ kẻ nào - nghèo hèn hay giàu có, dốt nát hay thông tuệ - cũng đều làm được. Tôi chỉ tin hai chữ *lương thiện* trong nầy. Chắc là anh bạn họa sĩ của tôi "nói chơi" cho vui.

THĐ: *Sau* Cồn Mây, *ông có ý định viết thêm truyện dài nữa không?*

HMD: Tôi ao ước. Nếu còn sức khỏe, còn sống.

THĐ: *Đọc* Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa, *độc giả thấy ông mô tả, ghi lại "sinh hoạt" của các triều đình xưa cũ (dù chỉ là hư cấu), ông thấy cần thiết lắm không để làm cái công việc ấy?*

HMD: Tôi đính chính, chỉ hư cấu một phần thôi. Phần còn lại chính sử giúp tôi tái tạo, thiết lập mô hình. Tôi thích làm công việc nầy, vì trong lòng thấy vui. Vợ tôi, các con tôi, và một số bạn bè khuyên tôi nên tiếp tục. Tôi sẽ nghe theo. Nhân đây, tôi cám ơn bạn văn Trần Doãn Nho đã cùng tôi nhìn ngắm thấu đáo những thân cói ba phía lạ lùng trên chiếc

chiếu của Thị Lộ bên bờ hồ Hoàn Kiếm ngày xưa.

THĐ: *Thế còn lịch sử vừa mới sang trang thì sao, bởi bề gì thì ông cũng là một người góp tiếng khóc, tiếng cười trong ấy. Vậy, ông có nghĩ rằng một ngày nào đó cũng sẽ làm cái công việc mà Solzhenitsyn đã làm?*

HMD: Trong một số truyện ngắn và phần cuối truyện dài *Cồn Mây*, tôi đã làm công việc nầy rồi. Tôi sẽ làm tiếp, nếu còn được viết.

THĐ: *Ông thử ôn lại xem, trước năm 1975, ông đã viết những cái gì mà sau nầy khi Miền Nam đổi chủ, thì nhà cầm quyền mới đã gán ghép cho ông cái tội "Biệt kích văn hóa Mỹ-Ngụy" thứ vừa?*

HMD: Trong những truyện ngắn, trước năm 1975 của tôi đăng rải rác trong *Văn* (Trần Phong Giao), *Bách Khoa* (Lê Ngộ Châu), *Chính Văn* (Nguyễn Mạnh Côn), *Thời Tập* (Viên Linh)à đều có tiềm tàng chống lại sự tàn nhẫn của chiến tranh do bọn người vô lại chủ xướng. Ông Lữ Phương, sau năm 1975, đã lôi cái truyện ngắn "Vết Cuồng Lưu" của tôi đăng trên *Văn* số 136 (ngày 15.8.1969) cho là điển hình, để quy tôi là nhà văn phản động, ôm chân đế quốc. Tôi kể chuyện hai người lính hai phe, khi xáp lá cà, súng đạn không sử dụng được, bèn vật nhau ngon lành trong một dòng suối nước lũ. Anh lính trẻ của quân đội VNCH đã thề giữa trời đất rằng, nếu thua, bị giặc bắt, anh sẽ lấy dao lam (thủ sẵn trong bóp) rạch bụng tự tử, không để cho giặc bắt ở tù.

(Xin nói thật nhỏ câu nầy với anh, đó là chuyện hư cấu trong văn chương. Còn ngoài thực tế, khi thua trận, tôi không đủ can đảm để làm chuyện đó, lại đóng vai hàng thần lơ láo. Không phải là tôi tham sống đâu, nhưng vì quá sợ cái chết lúc máu nóng trong người còn chạy rần rần. Đáng xấu hổ thay với anh binh nhì yêu dấu trong trí tưởng của tôi).

THĐ: *Giờ đây ngồi nghĩ lại ông thấy vui hay buồn, hãnh diện hay khổ đau về cái "tội" mà người ta đã gán ghép cho ông?*

HMD: Sao lại buồn, lại đau khổ chứ? Nếu không hãnh diện thì ít ra mình cũng yên tâm đã chọn đúng cái vị trí cho mình. Những năm ở tù, tôi và những người đồng cảnh ngộ giam chung (trong nầy có Lâm Chương, Huỳnh Văn Phú, Phan Minh Khánh) còn bị họ làm nhục gấp trăm, ngàn lần như thế, vẫn thấy trái bồ hòn mình ngậm trong miệng có vị ngọt!

THĐ: *Ông cho tôi trở lại câu chuyện ở trên một tý, chuyện lịch sử ấy mà, khi ông viết những chuyện dã sử có phải dụng ý của ông là muốn nhắc nhở những người tuổi trẻ sau nầy đừng quên lịch sử của mình?*

HMD: Trước đây, năm 1996, tôi có nói với nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh trong một lần "trò chuyện" (đăng ở *Hợp Lưu*), tôi không có chuyên chở một ẩn dụ nào hết khi viết những chuyện gần với lịch sử. Nay, hơn ba năm sau, xa cố hương lâu hơn, thấm đòn lưu lạc hơn, bóng hoàng hôn

cuộc đời đuổi sau lưng ráo riết hơn, lòng tôi thấp thỏm sợ hãi, nhiều thứ. Nay tôi nói lại với anh, không chỉ ở thể loại này, mà bất cứ thể loại nào, tôi vẫn tin những người cầm bút - trong đó có tôi - đều hướng về niềm mơ ước tối thượng đó.

THĐ: *Nhà văn Thảo Trường nói: "Nhà văn đi đến đâu cũng mang tổ quốc của mình đi theo trong tim". Trong những năm xa cách quê hương như thế này tổ quốc có còn ở trong tim ông không?*

HMD: Không có tổ quốc trong tim, trong óc, làm sao viết văn cho "ra hồn" được. Mà có gắng gổ viết ra, thì cũng không ra gì. Cáo chết đã ba năm còn quay đầu về núi, huống chi người. Tôi tin điều gì nhà văn Thảo Trường viết ra đều có lý.

THĐ: *Và, những năm tháng trong lao tù CSVN, tổ quốc đã ở nơi nào?*

HMD: Ở ngay trong những hạt bo bo còn nguyên vỏ, trong những hạt bắp thay cơm, trong những miếng da trâu dai nhai hoài để dụ nước bọt. Đêm đêm, nhìn ra ngoài song cửa sắt, tôi còn thấy được những vạch chớp hình lá lan trường kiếm lóe lên ở bên trời, thấy cả mảnh trăng tròn, trăng khuyết và một vì sao lúc nào cũng mọc sát bên trăng. Còn nghe rất rõ tiếng sấm vời vợi dưới lòng đất, tiếng dế, ễnh ương kêu và tiếng lau sậy cọ chạm vào nhau. Chung quanh tôi, trong cảnh "ngô ngưu suyễn nguyệt" vẫn còn thấy cả đường bay thẳng ro của cô tò vò mang sâu về ướp trong tổ để sau nầy cho con ăn. Còn thấy được hai nhánh đuôi dài đen tuyền của chú chèo bẻo vội vã bay qua đồi nương kiếm mồi tha về cho vợ đang ấp trứng. Tôi thấy mình còn đu chơi trên những nhánh rễ phụ chằng chịt ở gốc đa đình làng hay hồ hởi bước lên những nhịp cầu tre lắt lẻo, bắc qua dòng nước ánh lên sắc rong cỏ trong veo. Tôi nhớ ơn và bám giữ những hình ảnh ấy, nó nuôi tôi lớn khôn thêm trong văn chương.

THĐ: *Thế thì ông nghĩ gì về hai chữ Văn Học, nó có mang một mục tiêu nào khác như đạo đức, triết lý và chính trị hay không?*

HMD: Văn Học là dùng ngôn ngữ và hình tượng để thể hiện đời sống con người và xã hội loài người. Tôi mong vai trò của nó "độc lập, tự chủ" như "vai trò của nắng" (của Mai Thảo). Bóng đêm sẽ ùa tới, lạnh lẽo, tối tăm, ẩm mốc và hoang vu để hủy diệt (hay làm băng hoại) sự sống. Tôi thích và thuộc lòng cái câu nhà văn Võ Phiến đọc trước mồ Mai Thảo ở Quận Cam: "Văn chương nghệ thuật không đảo lộn được thời thế, không tiêu diệt được cái gì, cứu vãn được cái gì một cách thần kỳ, ngoạn mục. Nhưng văn chương nghệ thuật, nó trao cho cuộc sống một cái hồn. Cái gì là vô hồn? Anh đã biết, ai cũng biết. Và cái gì toa rập với nó để xua đuổi ý thức, anh cũng biết rồi: hang hốc, sình lầy, bóng tối, vô ơn bội nghĩa,

chực chờ cơ hội thò đầu ra để múa may.

Và: Cần phải để có những chỗ trắng trong cuộc đời / Nhưng không phải trên trang giấy / Viết ra cả ngoài lề.

Tôi yêu mấy câu thơ nầy của Boris Pasternak, viết ra đây, tặng anh, *một người làm thơ không hề mệt mỏi.*

THĐ: *Hỏi chơi cho vui thôi, ví thử mai kia mốt nọ khi được tái sinh làm kiếp người một lần nữa, thì ông có xin Thượng Đế để được làm con dân nước Việt, hay là đã "lạnh cẳng" vì khổ đau, tù đày, đói khát mà "nhụt khí nam nhi"?*

HMD: Anh hỏi chơi cho vui, thì tôi cũng trả lời chơi cho vui. Mai kia mốt nọ được tái sinh, chắc chắn tôi sẽ xin làm người Việt Nam một (hay nhiều) lần nữa. Đau khổ thì có mặt khắp nơi trên mặt đất. Nhưng đau khổ ngay trên quê hương mình, dù kiếp nào đi nữa, cũng ít người quay lưng, hay có quay thì cũng không đến nỗi 180 độ. Đau khổ nào tôi cũng chịu được, đã quen rồi, nhưng tôi sẽ cố nài với đấng Quyền Năng, xin dẹp cái chuyện tù đày, kiểu tự tiện chà đạp như cải tạo, ớn lắm.

THĐ: *Tò mò một chút, hồi mới qua, ông ở California, một thời gian khá lâu, chung đụng với nhiều anh chị em văn nghệ sĩ. Khi xa, có để lại trong lòng ông ấn tượng nào không?*

HMD: Tôi cám ơn miền đất ấy đã cho tôi cái cảm giác lạ lùng khi tôi ngơ ngáo mới đến. Cám ơn những người Việt (đến lâu) bên ấy đã cho tôi một bài học vỡ lòng khi đem thân lưu lạc. Nhưng khi xa, tôi còn nhớ đến nhiều điều, nhiều người.

Một Phan Tấn Hải vừa bồng con thơ vừa "nổi nóng" dạy cho tôi biết sử dụng computeur đầu tiên, rồi cũng vừa bồng con thơ vừa lái xe chạy "hú hồn" trên xa lộ đưa vợ chồng tôi lên phi trường ra đi. Cái lồm ngồm khó khăn ngồi dậy của Mai Thảo, đưa cả hai bàn tay xương xẩu ra đỡ lấy *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa* của tôi mang đến tặng. Cái "tay bắt mặt mừng" hiếm hoi của Huỳnh Hữu Ủy ngày đầu gặp tôi trên phố Bolsa, làm nhớ biết bao thuở còn trai trẻ bạn bè gặp nhau một xó nào đó ở Nội Thành. Tấm tình đôn hậu của anh chị Đan Thanh Trần Ngọc Chất. Tôi làm sao quên hình ảnh hiền từ của anh Lê Đình Điểu, cái chân tình đậm đà chạm đến tấc lòng của Nghiêu Đề, phong cách sống thoát khỏi vòng đè nén của Lê Uyên Phương. Tôi cũng không sao quên những cây mai tứ thời (có khi nổi hứng biến thành nhị thời nơi đất khách) đứng lặng thinh nghe chim hót (trong lồng) bên hiên nhà Nguyễn Mộng Giác, bụi mía lau màu gỗ gụ xơ rơ sau hè nhà (cũ) Khánh Trường, cả tiếng điện thoại gấp gáp đêm 30 năm nào của Nguyễn Xuân Hoàng gọi lên Tòa Soạn Nhật báo *Người Việt* nhận nhuận bút kịp ra phố mua chai rượu về độc ẩm phút giao thừa. Tôi

còn nhớ cả màu (và mùi) mấy lát bánh chưng năm nào anh Phạm Xuân Đài trao cho tôi trong phòng sinh hoạt văn học *Thế Kỷ 21* cuối năm, nhớ sự tỉnh táo trong gian truân của chị Bùi Bích Hà, cái tâm "ít át" của An Phú Vang, những giọt cà phê bên hiên mưa, chiều cuối ở Cali, mà tướng mực (Tàu) cùng với Hoàng Khởi Phong "viết lên trời mây". Nhớ cả bước chân Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Mộng Giác (ba lần bảy lượt), Nguyên Khai, Ngô Thế Vinh, Phạm Việt Cường, Phạm Đức Vượng, Trần Phúc đến thăm tôi trong căn nhà nhỏ ở Midway city. Còn nhiều nữa, bác Nghiêm Xuân Hồng, người bạn trẻ Đặng Hiền, anh Thạch Hãn, anh Mai Kim Ngọc, Phạm Quốc Bảo, Thái Tú Hạp, Kinh Dương Vương, Nguyễn Chí Kham, Phùng Nguyễn, Anh Lê Bi + Chị Hương, anh Thế Uyên, Định Nguyên, anh Viên Linh, chị Nhã Ca, cái tình cảm lặng lẽ thầm kín của Khế Yêm, cái cởi mở hào phóng của Đỗ Kh. Còn hai người bạn trẻ nhiệt tình từ lục địa khác đến cho tôi thêm nhiều ý niệm cuộc đời là Trần Vũ và Thường Quán nữa chứ. Cho phép tôi "kê toa" (thuốc) dài dòng một chút. Sự nhắc nhở nầy là một niềm vui cho riêng tôi. Một số người, khi từ giã ra đi, tưởng có ngày gặp lại, nay đã ra thiên cổ, tôi tưởng niệm họ.

Và mai kia mốt nọ, khi xa nơi nầy, nếu có ai đó hỏi tôi, rất có thể tôi trả lời rằng, tôi nhớ một chuyến chạy xe bạt mạng (với Hạ Thảo Yên) trong đêm đầy sương mù về thăm anh, có dịp nhìn thấy những "tiểu thư, con gái nhà ai" đứng lóng ngóng dưới chân cột điện mà phía trên hàng ngàn cánh phù dung bay xúm xít quanh ánh đèn vàng. Có dịp nhìn thấy tận mắt những bụi đùng đình lầm lũi yên phận, những cành hoa quỳnh tả tơi trong vườn anh. Nhớ đêm khuya, con đường ngoắt ngoéo trước nhà anh, công kéo nhau đi từng đàn. Tôi yêu cái thứ tự, lớp lang và tương kính của họ nhà công: ông bà đi trước, cha mẹ giữa, thế hệ con cháu lẽo đẽo theo sauà

THĐ: *Làm phiền một người có lòng với văn chương, chữ nghĩa như ông thế nầy, tôi cảm thấy có tội với thánh hiền lắm lắm. Nhưng đã lỡ rồi (cho lỡ luôn), tôi xin hỏi ông vài câu nữa. Thế ông muốn những tác phẩm của ông về trước trong nước, đồng thời hay sau ông?*

HMD: Quá lời rồi, anh THĐ ơi! Khi ra đi, tôi hai tay không. Khi về, lần nầy, tôi không còn "cay cú" nữa, vì hai vai tôi nặng chĩu tác phẩm của mình, oai phong biết bao! Sông núi còn nguyên thì tôi không lo sợ gì. Và tôi có cơ hội để trả nghĩa sự "niềm nỡ" của sông núi ngày nào. Tôi hơn Từ Thức ở điểm nầy.

THĐ: *Nhìn chung cho một năm qua, nhận xét về sinh hoạt chữ nghĩa trong và ngoài tổ quốc của ông, như thế nào?*

HMD: Trước hết, tôi vui mừng vì thấy có thêm những người cầm bút

xuất hiện. Họ viết mạnh, có người viết hay, chững chạc, đề tài mới lạ. Họ đã can đảm, đàng hoàng bước lên một con đường, mà họ biết trước sẽ sa mắc vào một trận đồ bát quái. Trong năm qua, cũng có rất nhiều tác phẩm (đủ thể loại) xuất bản, điều đó bớt đi - một phần nào - lo lắng của những người quan tâm đến sự "lão hóa" hay "vận số" văn học Việt Nam ở hải ngoại.

Còn ở trong nước, tôi không có cơ hội theo dõi nhiều. Thỉnh thoảng có đọc những truyện của cô Nguyên Hương (xuất thân từ thợ may), Nguyễn Huy Thiệp và vài bài viết của Dương Thu Hương, tôi thích thú.

THĐ: *Ông vừa nói: trong năm qua, cũng có nhiều tác phẩm (đủ thể loại) xuất bản, điều đó bớt đi - một phần nào - lo lắng của những người quan tâm đến sự "lão hóa" hay "vận số" văn học Việt Nam ở hải ngoại. Vậy ông có thể đơn cử một vài tác phẩm / tác giả mà ông vừa nói đề cập đến?*

HMD: Nhiều lắm, tôi không nhớ xiết. Có mấy tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc cho tôi như là *Cảm Nhận* của Võ Phiến, *Gió Biếc* của Lê Minh Hà, *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt* của Lâm Chương, *Tôi Cùng Gió Mùa* của Nguyễn Xuân Thiệp.

THĐ: *Một câu hỏi chót, nhà văn Lâm Chương và tôi đã đến chia vui với ông, ngày ông ra mắt truyện dài* Cõn Mây *tại Vũ Trường Đêm Saigòn ở thành phố Atlanta (30.10.1999). Một thành phố người Việt định cư không nhiều, không khí sinh hoạt Văn Học xưa nay lại không được "rôm rả". Vậy mà cả mấy trăm người đến với ông chật ních, hoan hỉ, tình nghĩa. Cả hai chúng tôi đều hãnh diện lây cái trân quý văn chương đó. Còn về phần ông?*

HMD: Tôi nhớ ơn anh và Lâm Chương, cả anh Nguyễn Thanh - độc giả hâm mộ tôi, từ xa xôi đã đến ở với tôi mấy ngày. Tôi vốn thường sơ suất trong giao tế. Nhờ lượng Người Xưa, mượn câu thơ: *Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà. Bác đến chơi đây, ta với ta.* Tôi nghĩ đây là niềm vui chung cho những người cầm bút có tấm lòng tử tế, không riêng gì tôi.

Một vị bô lão ở đây có hỏi tôi, trước khi tổ chức ra mắt sách, tôi có cầu khấn với bà Margaret Mitchell không? Tôi nói có, thành khẩn lắm! Cụ ấy mỉm cười nói, nhờ bà ấy phù hộ cho đấy. Tôi cám ơn ông cụ có cái tâm đại Bồ Tát đó. Nếu ai gặp tôi cũng hỏi một câu bóng gió ý nhị như thế thì chắc tôi sẽ viết hăng hơn.

Bó hoa mà anh và Lâm Chương được độc giả mến mộ tặng cho nhân dịp nầy, là nở từ miền Cuốn Theo Chiều Gió, nhưng gió (hay bão, lốc xoáy) chỉ cuốn đi sắc thôi, hương còn ở lại dài dài, phải không?

THĐ: *Cám ơn nhà văn Hồ Minh Dũng.*❐

Nhận xét về cách viết và giải thích hai câu thơ 45-46 trong bản dịch Chinh Phụ Ngâm

Tạ-quốc-Tuấn

Bản dịch nôm tác phẩm Chinh Phụ Ngâm của Đặng-trần-Côn do bà Đoàn-thị-Điểm thực hiện (có một số người cho là do Phan-huy-Ích) đã được nhiều người in lại và giải thích. Trong các ấn bản này chúng ta thấy khá nhiều khác biệt. Tuy có những khác biệt không mấy quan trọng, nhưng cũng có những khác biệt làm yếu bản dịch nôm hay làm sai lạc ý của nguyên tác.

Trong bài này chúng tôi xin nêu ra một vài nhận xét đối với hai câu thơ 45 và 46 của bản dịch nôm dịch hai câu thơ 52 và 53 của nguyên tác bằng Hán văn.

I. "xe" hay "quân"?

Các ấn bản từ trước đến nay của bản dịch nôm đã chép câu thơ 45 như sau:

Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu

Đấy là câu dịch nôm câu thơ 52 trong bản nguyên tác:

Tiền xa hề, bắc Tế-liễu

Điểm đáng chú ý là trong khi câu nguyên tác dùng từ "xa" thì câu dịch nôm lại dùng từ "quân." Vậy trong hai từ này, từ nào thực sự do tác giả Đặng-trần-Côn hay dịch giả Đoàn-thị-Điểm hoặc Phan-huy-Ích đã dùng trong tác phẩm của mình?

Trong Hoa ngữ hai từ "xa" và "quân" viết bằng Hán tự đều có một chữ chung là "xa" (= xe; từ này vừa là bộ thủ vừa là chữ). Điểm khác là từ "quân" viết với bộ Xa và chữ Mịch (= trùm ở trên; từ này cũng vừa là bộ thủ vừa là chữ). Chính hai từ Hoa ngữ này đã được dùng trong bản dịch

nôm để ghi âm từ Việt ngữ "xe" và "quân." (Trong bài này chúng tôi không muốn đề cập tới các cách viết chữ nôm khác của hai từ này).

Sự khác biệt trong bản nguyên tác (xa) và bản dịch nôm (quân) do đâu mà có? Phải chăng tác giả Đặng-trần-Côn thực sự đã dùng từ "quân", nhưng do sự sơ ý của người sao chép hay người khắc in đã bỏ mất chữ "mịch" khiến cho câu 52 trở thành "Tiền xa hề, bắc Tế-liễu"? Hay là dịch giả Đoàn-thị-Điểm, Phan-huy-Ích thực sự đã dùng từ "xe" nhưng người sao chép hoặc người khắc in đã tự ý thêm chữ "mịch" vào để câu dịch nôm 45 trở thành "Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu"? Chúng ta không có câu trả lời thỏa đáng bởi vì thiếu nhiều yếu tố.

Tuy nhiên, việc sơ ý hay cố ý của người sao chép hoặc người khắc in có thể và đôi khi đã xảy ra trong quá khứ đối với một tác phẩm viết bằng Hán tự hay chữ nôm. Thực vậy, trong quá khứ, khi một tác phẩm được biên soạn xong tác giả bao giờ cũng trao nó cho một người sao chép lại trước khi được đem khắc in. Người sao chép và người khắc in đại đa số lại ít học nên việc bỏ sót một hay nhiều nét là việc không thể tránh được. Mặt khác, có khi một tác phẩm được biên soạn xong nhưng vì một lý do nào đó không được in mà chỉ được truyền tay nhau đọc, rồi, nếu thích, người đọc sao chép lại. Trong khi sao chép, người này có thể sơ ý viết bỏ sót nét hay tự ý thay đổi một hay nhiều từ mà người đó nghĩ là cần thay đổi để cho hay hơn, đúng hơn, thích hợp hơn, mà không hỏi ý kiến tác giả.

Tuy nhiên, nếu dùng từ "quân" thay từ "xa" trong câu nguyên tác hoặc dùng từ "xe" thay từ "quân" trong câu dịch nôm câu vẫn có nghĩa. Chúng tôi chỉ nói là "có nghĩa" thôi, chứ không phải là thích hợp. Muốn cho thích hợp, câu dịch nôm nên dùng từ "xe" vì ba lý do sau đây:

Thứ nhất, từ nôm "xe" dịch đúng từ "xa" của câu nguyên tác.

Thứ hai, nó diễn tả đúng cách hành quân tác chiến của người Trung-hoa thời xưa.

Tuy *Chinh Phụ Ngâm* được tác giả Đặng-trần-Côn dùng để nói lên tình trạng loạn lạc chiến tranh đương thời ở nước Việt, hay, nói cho đúng hơn, trong thời chúa Trịnh-Giang (1729-1740), nhưng vì tất cả các điển tích, nhân danh, địa danh trong tác phẩm đều là của Trung-quốc nên chúng ta có thể suy luận rằng khi nói về người chinh phu cũng như đoàn quân đi đánh giặc tác giả đã có ý nói tới quân đội Trung-hoa, chứ không phải là quân đội Việt.

Chúng ta biết rằng trong mỗi cuộc hành quân thời xưa của người Trung-hoa, ngoài quân bộ và quân kỵ ra thường còn có thêm một số "xa" được dùng. "Xa" ở đây không phải là xe chở người, dù là chở người chỉ huy cuộc hành quân (trừ phi dùng chở vua khi vua ngự giá thân chinh),

mà là những "xa" dùng vào việc phá thành hay vượt thành, như: tràng xa, pháo xa, đích xa, vọng lâu xa, lữ công xa, phiên thê thạp vân xa, hành thiên kiều, hàng ma xử, đao xa, v.v.(1)

Thứ ba, nếu dùng từ "quân" trong câu 45 như thấy trong các ấn bản dịch nôm thì từ này có ý chỉ quân bộ, chứ không phải là quân kỵ, bởi vì quân kỵ đã được nói tới trong câu 46 bản dịch nôm:

Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương

hay câu 53 nguyên tác Hán văn:

Hậu kỵ hề, tây Trường-dương

Hiểu như vậy chúng ta thấy ngay từ "quân" không diễn tả đúng phương thức hành quân tác chiến xưa của người Trung-hoa là quân kỵ, nhất là các tướng quân cưỡi ngựa, bao giờ cũng đi trước, còn quân bộ đi sau, chứ không phải là:

Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương.

Trái lại, khi cần "xa" để phá thành hay vượt thành thì "xa" bao giờ cũng đi trước, trước cả quân kỵ.

II. "doanh liễu" hay "doanh Liễu"?

Sách *Chinh Phụ Ngâm* do các giáo sư Đào-đăng-Vỹ, Bùi-hữu-Sủng và Hà-mai-Phương sao lục và giới thiệu (tr. 27), *Giảng Luận Chinh Phụ Ngâm Khúc* của giáo sư Vũ-tiến-Phúc (tr. 89), và *Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc* của Phan-huy-Ích do ông Nguyễn-văn-Xuân giới thiệu (tr. 182) đã chép câu thơ 45 như sau:

Quân trước đã gần ngoài doanh liễu

Trái lại, theo sách *Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca* do giáo sư Nguyễn-thạch-Giang giới thiệu, hiệu khảo và chú giải (tr. 16) và sách *Chinh Phụ Ngâm Khúc* do giáo sư Nguyễn-Huy chú giải (tr. 17; bản này ở ngoài bìa bên dưới nhan đề in cỡ chữ lớn cón ghi thêm câu "theo đúng cổ văn" in cỡ chữ nhỏ, nhưng ở trang trong lại không có câu này) đã chép là:

Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu

Tuy sự khác biệt của các ấn bản này liên quan tới cách viết tử "liễu" bằng Việt ngữ không quan trọng cho lắm nhưng nếu viết là "doanh liễu" như sách của các giáo sư Đào-đăng-Vỹ, Vũ-tiến-Phúc và Nguyễn-văn-Xuân dễ tạo ra sự hiểu lầm.

Từ "liễu" trong câu 45 là chữ gọi tắt của địa danh "Tế-liễu" (trong nguyên tác bằng Hán văn đã dùng đủ tên "Tế-liễu"), một vùng đất ở tây nam huyện Hàm-dương (từ năm 1958 được cải làm thành phố) tỉnh Thiểm-

tây ngày nay. Đó là nơi đóng quân của tướng Châu Á-phu (hầu hết các tài liệu của người Việt-nam viết lầm là Chu Á-phu) đời Hán Văn-đế (179-156 TCN) để đề phòng người Hung-nô (có tài liệu gọi là giặc Hồ) từ phương bắc xâm lăng. Doanh trại này rất kiên cố và quân lính chịu kỷ luật rất nghiêm minh nên về sau người Trung-hoa dùng từ "liễu dinh" (Việt-nam gọi là "doanh liễu") để chỉ chỗ binh lính đóng quân (trong Hoa ngữ gọi là "quân dinh") nói chung và doanh trại chỉnh tề, bền vững, có kỷ luật nói riêng.

Nếu viết là "doanh liễu" người ta có thể hiểu lầm đó là bất cứ một doanh trại quân đội nào thôi. Như vậy câu 45 sẽ có nghĩa là "quân trước đã tới gần ngoài doanh trại", một câu nói rất mơ hồ, chứ không xác định cho bằng ý "quân trước đã đến gần bên ngoài vùng Tế-liễu."

Xét về một phương diện khác, từ "doanh liễu" trong câu 45 nếu dùng với nghĩa "quân dinh" sẽ vi phạm luật đối trong thơ: từ "doanh liễu" trong trường hợp này là một danh từ chung chỉ một doanh trại đóng quân nên không đối được với từ "Trường-dương" trong câu 46 bản dịch nôm (hay câu 53 trong nguyên tác Hán văn) là danh từ riêng chỉ tên một địa phương.

Vì vậy, cách viết "doanh Liễu" của các giáo sư Nguyễn-thạch-Giang và Nguyễn-Huy thích hợp hơn vì nó tránh được sự hiểu lầm và tuân thủ được luật đối trong thơ.

III. Trường-dương Hồ-bắc hay Trường-dương Thiểm-tây?

Câu nguyên tác 53 và câu dịch nôm 46 có đề cập tới Trường-dương. Trong hai bản văn này từ "dương" được viết với bộ Mộc (= cây; gỗ) và chữ Dương (= mở ra, giương ra).

Các giáo sư Vũ-tiến-Phúc, Đào-đăng-Vỹ và Nguyễn-Huy đã giải thích Trường-dương là "một địa điểm ở Hồ Bắc" (Vũ-tiến-Phúc, tr. 90), hay "tên một huyện ở tỉnh Hồ-Bắc bên Tầu" (Đào-đăng-Vỹ, tr. 41, chú thích 32), hoặc "đất Trường-dương thuộc tỉnh Hồ-bắc Trung-quốc" (Nguyễn-Huy, tr. 17, cước chú 2). Theo thiển ý của chúng tôi, ba vị giáo sư này lầm huyện Trường-dương thuộc tỉnh Hồ-bắc với cố cung Trường-dương thuộc tỉnh Thiểm-tây.

Thực vậy, ở Trung-quốc có hai nơi cùng gọi tên là Trường-dương (Ch'áng-yáng theo âm Quan thoại) nhưng cách viết bằng Hán tự lại khác nhau.

"Trường-dương" thứ nhất là tên một huyện thuộc tỉnh Hồ-bắc. Từ "dương" ở đây viết với bộ Phụ (= núi đất, đống đất; to, lớn; nhiều; thịnh

vượng) và chữ Dương (đã giải thích ở đoạn trên). Huyện được lập thời nhà Hán (206 TCN - 221 SCN), mới đầu gọi là huyện Lang-sơn. Đến thời nhà Bắc Nguy (386-535) huyện đổi tên là Trường-dương, từ "dương" ở đây viết với bộ Mộc. Trong thời nhà Tùy (589-618) tuy huyện vẫn mang tên là Trường-dương, nhưng từ "dương" lại viết với bộ Phụ. Sang thời nhà Đường (618-907) huyện Trường-dương đổi thành châu và gọi là châu Mục. Rồi đến thời nhà Tống (960-1280) một lần nữa châu Mục đổi trở lại là huyện Trường-dương và từ "dương" lại viết với bộ Mộc. Sau hết, chỉ từ thời nhà Nguyên (1280-1368) trở đi từ "dương" mới được viết với bộ Phụ không thay đổi. Cũng xin nói thêm là năm 1984 huyện được cải qui chế thành "Trường-dương Thổ-gia Tộc Tự Trị Huyện"(2).

Mặt khác, "Trường-dương" thứ hai là tên một cố cung của nước Tần (sau khi thống nhất Trung-quốc năm 221 TCN thì cải thành vương triều), tọa lạc ở đông nam huyện Trưu-ốc (từ năm 1964 cải tên là huyện Châu-chí) tỉnh Thiểm-tây ngày nay. Từ "dương" trong tên này trải qua mấy chục thế kỷ chỉ có một lối viết là với bộ Mộc.

Vì từ "dương" trong tên huyện Trường-dương ở tỉnh Hồ-bắc đã nhiều lần thay đổi cách viết bằng Hán tự nên nhiều người thường lầm nó với cố cung Trường-dương ở tỉnh Thiểm-tây.

Chúng tôi nghĩ rằng tên "Trường-dương" của câu thơ nguyên tác 53 hay câu thơ dịch nôm 46 chỉ cố cung Trường-dương chứ không phải huyện Trường-dương.

Thứ nhất, trong cả bản nguyên tác lẫn bản dịch nôm các tác giả và dịch giả chỉ nói trống không "Trường-dương" chứ không xác định là huyện Trường-dương hay cố cung Trường-dương.

Thứ hai, theo *Trung-hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc Địa Đồ* (nhà xuất bản Trung-quốc Địa Đồ, Bắc-kinh, 1995), thành phố Hàm-dương (nơi kế cận doanh Tế-liễu) ở cách huyện Châu-chí (nơi kế cận cố cung Trường-dương) 45 cây số về phía đông bắc và cả hai cùng thuộc tỉnh Thiểm-tây. Trái lại, huyện Trường-dương ở tỉnh Hồ-bắc (theo giải thích của các giáo sư kể trên) cách huyện Hàm-dương tỉnh Thiểm-tây (nơi kế cận doanh Tế-liễu) tới 540 cây số về phía đông nam. Một đạo quân đi kéo dài tới 540 cây số, cho dù được chia ra làm nhiều nhóm và nhóm này cách xa nhóm kia hàng chục cây số, ngay trong hiện tại cũng khó có thể có được, chứ đừng nói là cách đây nhiều thế kỷ.

IV. "Khuất nẻo", "ngút nẻo" hay "ghé nẻo"?

Sau hết, các sách của các giáo sư Vũ-tiến-Phúc (tr. 89), Đào-đăng-Vỹ

(tr. 27), Nguyễn-Huy (tr. 17) và Nguyễn-thạch-Giang (tr. 16) đều chép câu 46 như sau:

Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương.

Riêng sách của soạn giả Nguyễn-văn-Xuân (tr. 182) lại chép:

Kỵ sau còn ngút nẻo Trường-dương.

Đặc biệt là Cơ Sở Đồng Tiến khi in lại bản *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của giáo sư Vân-bình Tôn-thất-Lương đã chép câu 46 ở nơi phần Việt ngữ (tr. 20) giống như đa số các sách khác:

Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương

nhưng trong phần chữ nôm (tr. 179), mà Cơ Sở Đồng Tiến nói là "với thủ bút của Bà Đoàn Thị Điểm" (tr. 157), tức là phóng ảnh in trong sách kể trên của giáo sư Tôn-thất-Lương, lại chép là:

Kỵ sau còn ghé nẻo Trường-dương.

Điều làm chúng ta thắc mắc là tại sao trong cùng một tác phẩm của cùng một soạn giả mà lại có hai chữ dùng khác nhau trong cùng một câu? Chúng ta phải tin vào phần chữ Việt hay phần chữ nôm? Nói rộng hơn nữa, trong ba từ "khuất", "ngút" và "ghé" từ nào thích hợp hơn cả?

Bản nguyên tác Hán văn không giúp gì được. Thực vậy, câu 52-53 nguyên tác chỉ nói:

Tiền xa hề, bắc Tế-liễu

Hậu kỵ hề, tây Trường-dương

nghĩa là trong khi xe (xa) đi trước đã tới phía bắc dinh Tế-liễu thì ngựa (kỵ) đi sau hãy còn ở phía tây cung Trường-dương.

Vì vậy chúng ta phải xét từng từ một.

1. Ghé

Trong bản chữ nôm *Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca* do giáo sư Tôn-thất-Lương dùng làm tài liệu chứng minh cho cuốn Chinh Phụ Ngâm Khúc của mình, từ "ghé" được viết bằng chữ nôm với bộ Túc (= cái chân; bước; đủ) và chữ Ký (= gửi; phó thác; ở nhờ; dựa, nương nhờ).

Theo thiển ý của chúng tôi, từ "ghé" không thích hợp chút nào. Từ này có nhiều nghĩa:

(a) tạt vào, rẽ vào (thí dụ: thuyền ghé bến; ghé vào nhà chơi).

(b) kề vào, áp vào, dựa vào, sát vào (như: ghé tai nói thầm; ghé vai gánh vác; ghé ngồi);

(c) nhìn nghiêng về một bên (chẳng hạn: ghé mắt; ghé nhìn);

(d) thêm vào (thí dụ: ngồi ghé; thuốc bốc ghé bổ; ghé gạo thổi cơm; ăn ghé).

Trong bốn nghĩa kể trên, từ "ghé" của câu 46 trong bản dịch nôm (phóng ảnh) được dùng theo nghĩa thứ nhất (tạt vào, rẽ vào).

Tuy nhiên, chúng tôi không nghĩ rằng bà Đoàn-thị-Điểm đã dùng từ "ghé" trong bản dịch nôm của mình, bởi vì từ này làm cho câu 46 trở nên vô lý.

Trong một cuộc hành quân khẩn cấp như kể trong *Chinh Phụ Ngâm*, tại sao quân kỵ không đi gấp thẳng đến chiến trường đánh giặc mà lại ghé vào Trường-dương? Nếu là quân bộ thì chúng ta còn có thể hiểu được: vì sức người có hạn, trong cuộc hành quân đường dài tới 45 cây số (và nhất là 540 cây số nếu chúng ta chấp nhận thuyết của các giáo sư cho rằng Trường-dương của câu 46 là huyện thuộc về tỉnh Hồ-bắc), người lính bộ cần phải ghé vào một nơi nào đó (ở đây là Trường-dương) để nghỉ lấy sức, trước khi tiếp tục lên đường. Trái lại, đối với quân kỵ 45 cây số chưa thấm vào đâu, người và ngựa không cần phải nghỉ để lấy lại sức. Chỉ đối với cuộc hành quân dài 540 cây số, người ngựa mới cần ghé nghỉ.

2. Khuất

Đáng tiếc là các ấn bản *Chinh Phụ Ngâm* dùng từ "khuất" trong câu 46 không cho biết đã dùng bản dịch nôm của ai, do nhà nào xuất bản và in năm nào để chúng ta có thể biết được từ này viết bằng chữ nôm như thế nào. Hơn nữa, những người sao lục để in các ấn bản này lại không hề nói gì về việc sử dụng từ "khuất" cả.

Từ "khuất" trong Việt ngữ có nhiều nghĩa:

(a) gặp hay bị cái gì ngăn cách, che lấp, làm cho mất không trông thấy (thí dụ: mặt trời khuất núi; ngồi khuất ở sau cột);

(b) vắng, không có, thiếu (như: vắng mặt khuất lời; "thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau", Kiều);

(c) chết (chẳng hạn: kẻ khuất người còn);

(d) co, trái với duỗi (thí dụ: có lúc khuất có lúc thân = có lúc co có lúc duỗi);

(e) chịu nhục, nhất là trước sức mạnh (như: thế cùng phải chịu khuất; không chịu khuất trước bạo quyền).

Nghĩa thứ nhất kể trên chính là nghĩa của câu:

Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương

bởi vì câu này có ý muốn nói là quân kỵ vẫn còn ở mãi tận Trường-dương xa lắc xa lơ, mắt mọi người không trông thấy được như bị một màn không gian ngăn cách, che lấp.

3. Ngút

Mặt khác, trong bản dịch nôm soạn giả Nguyễn-văn-Xuân cho là của Phan-huy-Ích từ "khuất" lại được thay thế bằng một từ viết bằng chữ nôm với bộ Vũ (= mưa) và chữ Kỷ (= cái ghế). Từ viết cách này có hai cách đọc: "ngút" và "ngất".

"Ngút" là một động từ và có nghĩa là bốc lên cao (chẳng hạn: mây ngút; khói ngút).

Trái lại, "ngất" tùy trường hợp là một động từ, tính từ hay trạng từ và có bốn nghĩa:

(a) cao lắm (thí dụ: núi cao ngất trời);

(b) rất sang (như: diện ngất);

(c) tình trạng người lăn ra bất tỉnh, không biết gì hết, vì các mạch máu trong óc thiếu máu, chết lặng đi (chẳng hạn: ngất đi một hồi lâu rồi tỉnh lại);

(d) tình trạng bị xúc động mạnh quá độ như bị bốc lên cao đến nỗi không biết gì trong giây lát (thí dụ: cười ngất, khóc ngất).

Đó là phân biệt nghĩa theo lý thuyết. Trong thực tế, khi diễn tả ý niệm khoảng không gian xa cách người ta vẫn quen dùng hai chữ "ngút" và "ngất" thay thế cho nhau. Nếu có phân biệt thì là ở chỗ "ngút" được dùng khi nói về ý niệm khoảng không gian xa cách theo chiều ngang (như: xa ngút ngàn; ngút tận chân trời); còn với ý niệm khoảng không gian xa cách theo chiều dọc người ta dùng "ngút" hay "ngất" cũng được (chẳng hạn: cao ngút trời, cao ngất trời).

Từ "ngút" trong câu dịch nôm 46 được dùng với ý niệm chỉ khoảng không gian xa cách theo chiều ngang (từ Tế-liễu đến Trường-dương, hay từ Trường-dương đến Tế-liễu) vì vậy không thể đọc là "ngất" như có một số người chủ trương.

Nói tóm lại, theo thiển ý của chúng tôi, vì từ "ghé" làm cho câu thơ không hợp lý chút nào nên chắc không phải là chữ bà Đoàn-thị-Điểm đã dùng trong bản dịch nôm của mình. Trái lại, hai từ "khuất" và "ngút" đều diễn tả ý niệm một đạo quân rất lớn, rất đông, đến nỗi trong khi đoàn quân đi đầu (xa, xe) đã tới gần Tế-liễu rồi mà đoàn quân đi sau (kỵ) hãy còn ở mãi tận Trường-dương rất xa (ngút), xa đến độ mắt nhìn không thấy được (khuất). Dùng hai từ này đều thích hợp.

V. Kết Luận

Các thắc mắc liên quan đến hai câu thơ dịch nôm 45 và 46 trình bày bên trên một phần là do sự sơ ý hay cố ý của người xưa khi sao chép hay khắc in (thắc mắc thứ nhất và thứ tư) đưa đến nạn tam sao thất bản, một cái nạn làm nhức đầu không ít những người nghiên cứu các tác phẩm xưa của Việt-nam, và một phần là do sự không chú ý đến cách viết của người ngày nay (thắc mắc thứ hai), hoặc là do sự hiểu lầm của người giải thích (thắc mắc thứ ba). Trong khi khác biệt giữa cách viết "doanh liễu" và

"doanh Liễu" có thể gây ra hiểu lầm, khác biệt về từ "xa" và "quân" làm cho câu thơ yếu vì trái với thực tế; tuy nhiên khác biệt về vị trí của "Trường-dương" khiến cho câu thơ trở nên vô lý, nhất là khi chúng ta đối diện với việc dùng từ "ghé" thay vì "khuất" hay "ngút" trong câu 46.❐

CHÚ THÍCH

(1) Gọi là "xa" bởi vì tất cả đều được đặt trên từ 2 đến 8 bánh xe, nhưng trừ hai trường hợp là có mui và che chung quanh giống như xe thường thấy, còn thì đều bỏ trống và không có mui.

(a) *tràng xa:* gồm một cây gỗ lớn và nặng, một đầu đẽo nhọn, quấn bằng giây thừng vào một cái trục lắp ngang hai cọc lớn gắn trên 4 bánh xe, dùng để phá thành;

(b) *pháo xa:* gồm một cái xà quay quanh một cái trục dài lắp trên một khung gỗ có 4 bánh xe, đầu xà là những túi lưới, dùng để quăng những tảng đá nặng từ 2 đến 25 cân Tàu (hay là từ 1 đến 12,5 ký) lên đầu thành hay vào trong thành;

(c) *đích xa:* tuy gọi là "xa" nhưng không có bánh xe, chỉ là một cái khung bên trên gắn hai trục ở hai đầu có dây thừng quấn quanh, đầu dây thừng có cái xà dùng để nâng vật nặng lên đầu thành;

(d) *vọng lâu xa:* xe 8 bánh trên dựng một cái giá mang một cái hòm lớn trông như hình một ngôi nhà mái nhọn mỗi bên khoét hai lỗ để người bên trong có thể đến gần thành quan sát mà không bị nguy hiểm;

(e) *lữ công xa:* xe 8 bánh bọc mui chia làm nhiều tầng, mỗi tầng chứa nhiều lính, một đầu ở hai tầng trên cùng gắn nhiều thanh đao hay cây thương, dùng để đưa quân lên thành;

(f) *phiên thê thạp vân xa:* xe một đầu có 4 bánh trên gắn một cái thang lớn để nâng quân lên thành;

(g) *hành thiên kiều:* xe một đầu có 6 bánh gắn một cái thang lớn có thể kéo lên kéo xuống để đưa quân lên thành;

(h) *hàng mã xử:* xe 4 bánh bọc mui, một đầu gắn nhiều thanh đao hay cây thương, đinh ba, dùng để chém địch hay chặt xe địch;

(i) *đao xa:* xe một đầu có 2 bánh, nhiều xà ngang, mỗi xà gắn nhiều thanh sắt lớn, nhọn và cứng nhô dài ra, dùng để chọc thủng ngựa hay người quân địch.

(2) Thổ-gia là một trong số 55 dân tộc (hay sắc tộc) ở Trung-quốc hiện nay. Họ sinh tụ tại các Thổ-gia Tộc Tự Trị Huyện ở tây nam bộ tỉnh Hồ-bắc (trong hai huyện Ngũ-phong và Trường-dương), đông bắc bộ tỉnh Quí-châu (trong hai huyện Ấn-giang và Duyên-hà) và đông bộ cùng trung bộ tỉnh Tứ-xuyên (trong các huyện Thạch-trụ, Tây-dương, Tú-sơn và Kiềm-giang).

Học Nguyễn Tuân, Chém treo ngành

NGUYỄN HỮU NHẬT

1

Ga Hàng Cỏ, gác Nguyễn Tuân
con hẻm khuya vắng, dấu chân sớm mờ
viết tùy bút, như làm thơ,
tài hoa năm cũ bây giờ ở đâu?
Ván thô, gỗ gụ lên màu,
cánh lưng hằn vết cong nâu dáng nằm
ngọn đèn dầu hỏa tối tăm
phòng hai mươi mét vuông đầm khói hoa
Ghế mây, thành dọng nước trà
đóng khô dấu ấn tuổi già mỏi tay
tấm khăn thổ cẩm sợi dày
bạc tua nước nhuộm từ ngày sợ ai

2

Rượu tàn, cặn đóng đáy chai,
chân dung Nguyễn Trãi thở dài ngó ra:
cấp cho kẻ sĩ căn nhà
không bằng chuồng lợn, chuồng gà ở quê?
«Vang bóng một thời» đi, về
thương thân khi tỉnh, lúc mê tiếc đời
tranh Phố Phái, nói nên lời:[1]
treo chơi để nhớ thật người bạn yêu
Sơn mài Nguyễn Sáng ba chiều
không gian đọng lại ít, nhiều thời gian
buông đàn còn tiếng ngân đàn
chén mời lã chã, lệ đàn dụa cay

3

Người tỉnh giả làm kẻ say
dạp chân nghiêng đất, vung tay lệch trời
cuộc chơi cùng tận cuộc đời
nhếch môi khinh bạc, mở lời khinh khi
Cái thang ọp ẹp biết gì
kêu đau dưới mỗi bước đi của người
về nhà, xa cách cuộc đời,
xa nhà, gần gụi toàn nơi máu bầm
Chạm nhẹ vào mặt cõi âm
bật ra, tiếng gió thổi lầm cờ bay,

bút không cầm vững trên tay
tựa hồ bóng ảo người lay vách tường
4
Ban-công nhìn thẳng ra đường
ngày thơm hoa sữa đêm sương trắng màn
trên chiếc ghế dùng làm bàn
chữ rơi nước mắt như tàn thuốc rơi?
Văn chương là thú lạ đời
hại người viết để giúp người đọc sao?
mái nhà thấp, nhà văn cao
còng lưng nào phải ra vào cửa quan
Gò mình khít với cơ hàn
lâu dần dấu hỏi là toàn thân cong
tình trơ gác cũ vôi bong
viên gạch mẻ góc, tấm lòng giữ son.
5
Văn chương đỉnh núi, sườn non
xới không đầy nổi bát con mỗi ngày
những đời chí cả xưa nay
đớn đau cơm gạo, dọa đầy vợ con?
Cái mất lại là cái còn,
đạo người tài tứ vuông tròn với hoa,
bán ấm-không-nắp ấm trà
để lần sau đắt gấp ba giá thường!
Đá sỏi quấn lớp kẹo gương
tan trong miệng ngọt mùi Hương Cuội tàn
đường gươm ngọt, tiếng chuông vang
«Chém treo ngành» ở «Chùa Đàn» được sao?[2]
Đứng đuổi thấp, nhìn lên cao
khen, chê sao vẫn là sao trên trời
vì yêu, phải tỏ, thật lời
chê, khen người vẫn là người tài hoa ./.

[1] *Tranh vẽ Phố Hà Nội của họa sĩ Bùi Xuân Phái.*
[2] *Chém treo ngành: Chém đầu mà cố không đứt hẳn khỏi mình (trong VBMT). (Chính trị không chặt đứt hẳn văn nghệ?) Hương Cuội, Chùa Đàn, Vang Bóng Một Thời, tên các tác phẩm của ông Nguyễn Tuân.*

Những truyện rất ngắn
mười tác giả

Vành khăn - *Y Chi*

Tôi đang nằm mơ. Em tôi vén vạt chiếc áo dài màu trắng, nghiêng người bước vào lều. Tôi nhìn em. Ai son phấn cho mà trắng thế? Em cười. Tóc em chải ngược, ép cả về phía sau. Không còn sợi ngang sợi ngửa. Ô hay, thế khăn vành em đâu? Thợ chụp hình bảo không có cũng được chị ạ. Tôi cuống lên, lục tung hết các góc lều. Chiếc khăn vành đám cưới của tôi đâu rồi, để tôi cho em mượn. Cả chiếc khăn của Trâm của Thảo cũng biến mất. Sao thế nhỉ? Em nhìn tôi ái ngại. Thôi chị ạ, đến giờ em phải đi. Tôi nhìn vào tay em, có tờ giấy nát nhàu chữ nghĩa, lại có chen con số 258. Em cúi đầu bước ra khỏi lều. Tôi với theo, có chiếc mũ đỏ, Thảo vẽ hoa kim tuyến vàng, cũng hợp với áo em mà. Em quay lại, cười một nụ long lanh.

Thoắt chút nhìn ra không thấy người. Chỉ nắng chang chang, lặng im không cả chút gió.

Trò chuyện - *Mai Ninh*

Cửa căn phòng này hình như không bao giờ khoá. Những ngày đầu khi cô bé đến đây, hắn thường đứng sẵn gần khung kính rộng cuối phòng, nhìn ra chụm cây khô mùa đông ẩn hiện trong bóng tối. Không lần nào hắn quay lại khi nghe tiếng động, tuy thế không thể đứng lâu, phải trở vào chiếc giường chăn gối lung bung. Cô bé cứ việc để cặp sách cạnh chân bàn, thu dọn lặt vặt, đọc tờ giấy dặn dò của người y tá đã để lại và sắp xếp những hộp thuốc, kim chích trong ngăn tủ có khoá, rồi kéo chiếc ghế dài thành chỗ nằm cạnh cửa sổ. Những nốt nhạc từ căn phòng bên kia vuông

sân reo lên từng chuỗi, dập dềnh. Thỉnh thoảng cô nhìn về góc tối, hắn trở mình trong tiếng thở nhọc, đứt rời nhưng rất nhỏ tựa cố tình kềm giữ. Nếu cô lại gần, hắn khua tay xua đuổi, lăn sát vào vách và kéo chăn trùm kín cổ. Khác hẳn khi nổi cơn đau, hắn lồng lên túm chặt tay cô đe dọa, nằng nặc đòi mở tủ.

Nhưng hôm nay, cửa vừa mở, hắn đã ngồi ở giường, hai đầu vai nhô cao trong tấm áo vải rộng. Nhiều ngày đã qua, gã thanh niên thật ít lời, thường tránh nhìn cô bé hay tỏ vẻ dửng dưng. Chẳng ngờ lúc này ánh mắt xanh trong, phẳng lặng đi theo từ cạnh bàn tới khung cửa đầy vệt mưa khô. Bất chợt hắn buông một câu nói trống:

- Giờ này là giờ những cô gái nhỏ phải ở nhà, học bài.

Cô bé chưa kịp phản ứng, hắn đã hỏi thẳng:

- Tại sao cô đến đây?

Bấy giờ cô quay vòng tóc nâu mượt, cố điềm tĩnh nhìn vào lòng mắt sững chong chờ đợi.

- Đây cũng là một phần trong chương trình y khoa của tôi, thêm nữa được trả tiền.

Một thoáng ngạc nhiên, nhưng hắn gằn giọng:

- Trả tiền, dụ một cô sinh viên nhỏ làm cái trò nguy hiểm, lây bệnh mất mạng như chơi.

Trước sự mỉa mai, cô bé hơi bực đáp ngay:

- Do tôi chọn lựa. Người ta có thể mất mạng ở mọi nơi, trong mọi hành động.

Hắn khẩy một tiếng cười khan:

- Ừ, hành động. Hành động như tôi, rồi giẫy chết! Cứ nói ra đi.

Bỗng nhiên hắn ngừng, cúi đầu xa vắng. Cô gái xoay lưng dựa hẳn vào chiếc tủ, thót ngực nhói đau khi mắt chạm phải tấm ảnh cài ở giá gỗ trên tường. Trong hình, hắn ngồi sau mô-tô, mặt rạng rỡ kề vai một gã bạn trai, mái tóc mượt bay. Mãi một lúc lâu, hắn ngửng lên, tay khoát vu vơ, giọng thật dịu như than thở, dặn dò:

- Một cô gái xinh đẹp không nên liều lĩnh.

Rồi khẽ nhếch miệng giễu cợt:

- Một cô gái xinh đẹp càng không nên dữ dằn thái quá.

Cô bé không đừng được cũng bật cười:

- Tại anh bắt tôi làm chuyện không được phép, thuốc giảm đau đâu thể thay thế thứ anh vẫn thèm chích. Cứ đau là anh...

Nhưng cô vụt im vì gã trai đột ngột đổi thái độ, mắt long lên, chồm tới:

- Cô biết thế nào là đau hả?

Cô bé hoảng hốt chùn lại, nhưng cố cứng giọng:

- Cho chính tôi, chưa. Nhưng tôi đã làm gạc, trông chừng nhiều người khác, toàn những người bệnh nặng, toàn những cơn đau. Anh đừng tưởng chỉ có anh...

Tiếng thở gã thanh niên trở nên gấp gáp, cô gái vội bước đến. Hắn ngước lên, chưa bao giờ cô bé đụng phải một màu mắt trong suốt. Trong như mặt gương rọi tận đáy một sự chịu đựng, một nỗi buồn, ngay cả điều gì hồ như đợi chờ câm lặng. Lần đầu tiên cô cầm nhẹ bàn tay hắn. Những ngón thuôn dài mềm mại, móng cắt đẹp đẽ, nằm yên trong tay cô.

- Tôi chẳng chia sẻ, chẳng làm gì được cho cái đau của họ, nhưng họ chấp nhận sự có mặt của tôi. Anh không thấy thôi.

Cô định nói nhiều hơn, nhưng hắn đã rút tay về, loay hoay nằm xuống cùng với tiếng nhạc vừa trỗi lên, tuôn vào phòng đầy ắp, như thể không có bức tường, không có khung kính ngăn chia với không gian đêm xanh ngoài khuôn sân vắng. Cô bé đứng dậy, lại gần cửa sổ. Trăng đã lên cao. Không quay lại, cô hỏi nhẹ:

- Anh có nhiều đĩa nhạc, sao không thấy anh nghe.

Im lặng. Mãi lúc sau, vọng từ góc giường:

- Tôi đã đánh mất tôi.

Nơi cửa sổ đọng ánh trăng, tiếng trả lời:

- Không, anh đã bỏ quên anh.

- Chẳng có gì cứu rỗi.

- Đừng cố ý đi tìm. Tiếp nhận làm dịu nhiều thứ lắm.

Rồi đột nhiên im lìm. Chỉ còn những nốt dương cầm tung tăng trên mấy bờ tường, bay bổng lên cuộn vào trong âm thanh bừng sáng của dàn nhạc. Khi hợp âm cuối cùng ngân dài rồi bặt hẳn, cô bé trở vào mở ngăn tủ sửa soạn những viên thuốc đem đến cạnh giường. Gã thanh niên ngồi dậy uống từng ngụm nhỏ, từ tốn. Cô bé giúp hắn đắp chăn rồi về chỗ nằm cạnh cửa sổ, hạ đèn. Hắn giõi theo bóng lưng mềm dịu vỗ về chiếc gối. Và nói, chỉ đủ một mình:

- Ngủ ngon.

Chẳng bao lâu cô bé thiếp đi nhẹ nhàng cùng tiếng lá thay đêm. Lúc bấy giờ, hắn ngồi dậy, dọ dẫm trong ánh đèn yếu nhạt. Ngang qua tủ thuốc, hắn mỉm cười, lần đầu tiên nó được bỏ quên, không khóa. Bên ngoài khoảnh sân, những khung cửa tối êm đềm yên nghỉ. Xa hơn và cao hơn, sao trời xúm xít trên từng ngọn thông đen sẫm.

Đối thoại - *Hồ Như*

"Bà thật giống mẹ của tôi."

"Ồ, thật sao?"

(Cười khẽ. Im lặng)

"Cô có thích sợi dây chuyền đó không? Màu ngọc không tươi quá, hợp với nước da của cô lắm."

"Nhưng màu này không giá trị, lại thêm đường răn đá bên cạnh miếng ngọc."

"Cô biết không, nhiều người chuộng màu này lắm. Còn đường răn đá, đó là tại ngọc già. Tuy xấu một chút, nhưng không hay dễ vỡ như ngọc non."

(Cau mày) "Bà biết ngọc quá nhỉ? "

(Cười) "Tôi buôn ngọc nhiều năm rồi..."

"Buôn nhiều năm cũng không chắc bà biết rõ. Bà chỉ muốn ép tôi mua miếng ngọc."

"Ồ..."

"Vả lại, tôi mua sợi dây chuyền làm quà cho mẹ tôi, cho nên màu ngọc có hợp với nước da của tôi hay không, không phải là vấn đề."

"Sao cô không đưa bà nhà đi xem, như vậy sẽ chắc bà thích loại nào."

(Hơi xẳng) "Bà thích dạy đời nhỉ? Bà phải nhớ, tôi đã khôn lớn rồi, trưởng thành rồi, đâu phải còn là con nít."

(Ngỡ ngàng) "Tôi không dám."

(Trao sợi dây chuyền, lễ độ) "Thôi cám ơn bà. Xin chào."

Giận - *Thu Thuyền*

Hôi chiều, anh rủ chị đi nhà hàng ăn *steak*. Chị có bao giờ dám từ chối anh? Anh cao một mét tám. Chị thì đo mấy cũng chỉ thước rưỡi. Anh điên tiết thổi phù một cái cũng đủ làm chị ngã rạp xuống đất. Mà anh dễ điên tiết lắm. Chả dại làm trái ý anh!

Sau khi cả hai ngồi ngay ngắn trong tiệm, bồi bàn ghé lại hỏi anh chị dùng thức uống gì. Anh nói: "A Cock for me!". Người bồi há hốc miệng. Chị vội đính chính: "Ý anh ấy muốn Coke, Coca Cola...". Tên đàn ông vỡ lẽ, cúi đầu giấu nụ cười, lủi nhanh vào trong. Chị quay qua anh, thì thào: "Cock tiếng lóng là con... củ xê. Phải gọi là Coke, như cái ly, cái cốc". Anh thấy ngượng và nhục. Chị làm bữa ăn của anh mất ngon. Miếng thịt

anh cắt nhỏ thế mà nuốt mãi không vô, cứ kẹt ngắc ở cổ.

Đến tối, chị hí hoáy sơn móng tay còn anh thì nằm dài trên giường xem TiVi. Anh nhờ chị đi pha một tách cà phê. Chị vừa phùng miệng thổi móng, vừa quạt tay trong không khí: "Móng tay em chưa khô, anh chờ một tí!". Anh quắc mắt. Chị buột miệng phản đối đôi mắt gầm ghè của anh: "Ô hay, anh!". Anh bung người tới chộp lấy bàn tay với những chiếc móng còn ướt sơn hồng của chị, kéo tuồn tuột vào bếp. Tay trái anh đè nghiến cổ tay chị lên thớt, tay phải anh cầm con dao phay ghì lên những ngón tay trắng xanh của chị. Anh muốn nhìn thấy cảnh chị rúm nhũn ra vì sợ nhưng anh chỉ thấy ánh mắt khinh khi của chị. Có lẽ chị đoán được anh đang kiếm chuyện để rửa cái nhục ban chiều. Anh điên tiết lên. "Coi rẻ tao nè!"

Phập!

Nơi ẩn náu - *Hoàng Chính*

Gã công nhân đùng đùng bỏ về. Trăm mảnh vụn của tờ giấy sa thải chấp chới bay như bươm bướm. Những bánh xe cày xuống mặt đường. Cát bụi tung mù bãi đậu xe. Nửa tiếng sau, gã trở lại. Tiếng súng nổ lốp bốp như bắp rang. Ba người chết với nét hãi hùng trên nét mặt. Chủ hãng, người cai và một mẹ công nhân hay bươi móc, chỉ chọc. Kẻ sát nhân thong thả lái xe lại bót cảnh sát. Tôi mới giết tụi nó xong. Câu tự thú ngắn gọn. Giọng nói gằn xuống hai chữ «tụi nó» như người ta gạch dưới những chữ quan trọng. Tôi giết cả ba đứa. Súng tôi còn để trong xe. Chìa khóa đây. Chiếc xe mầu đỏ.

Đó là chuyện thật. Khoảng năm sáu năm trước. Ngay trong thành phố này. Báo chí tường thuật từng chi tiết. Và hắn, anh chàng công nhân viên làm chung với tôi, viết lại từng chi tiết; thêm mắm thêm muối cho gay cấn gấp trăm ngàn lần chuyện thật, rồi chuyền tay cho mọi người đọc chơi. Ai cũng khen hắn viết hay. Dĩ nhiên là hay rồi. Bởi hắn là nhà văn. Có sách xuất bản đàng hoàng. Hắn ít nói. Cả con người hắn chỉ được nụ cười ngây thơ; nụ cười không vấy chút gì thâm độc. Hắn lịch sự với mọi người; ngay cả với tôi, kẻ ra vào văn phòng cả xếp lớn lẫn xếp nhỏ như người ta ra vào tuỳ tiện, thoải mái cái nhà vệ sinh ở cuối hành lang. Cái tật lớn của hắn là sáng tác bất kể lúc nào. Có lần nghe hắn gõ giòn vào bàn đánh chữ máy vi tính như gà mổ thóc, mụ chủ bước ra, đứng sau lưng hắn, nheo nheo con mắt Tiệp Khắc đã có nhiều nếp nhăn, bắt gặp những đám mẫu tự la tinh có dấu có móc ngoằn ngoèo ở trên, bèn hỏi hắn mày viết gì

thế. Bị bắt quả tang, hắn đỏ mặt bối rối, rồi tuôn ra cái sự thật đầy gai góc. Viết truyện. Mới tìm được nét tâm lý trung thực, phải viết liền không thì nguội mất. Mụ chủ lặng lẽ bỏ đi. Chiều hôm ấy, mụ chủ nói với tôi là hắn xài giờ của hãng và máy móc của hãng để làm chuyện riêng. Tôi thì thầm với hắn chuyện ấy, thêm chút muối chút mắm rằng tôi có nói giùm để mụ chủ thông cảm chuyện viết lách của hắn. Hắn cám ơn tôi và hào hứng nói thêm rằng một giây phút cảm hứng có thể ghi tên nhà văn vào danh sách vĩnh cửu. Hắn nói mỗi lần sáng tạo một nhân vật, hắn đã sống trọn vẹn tâm trạng nhân vật ấy. Từ kẻ sát nhân, kẻ anh hùng, người thất nghiệp, gã ăn mày, ăn xin, tên sở khanh, người đứng vất vơ đầu đường xó chợ, kẻ trộm, kẻ cướp, tên hãm hiếp phụ nữ... Tất cả những tâm lý nhân vật ấy hắn đều đã tự đọa đày mình để trải qua, để sống thực, để viết cho «sống». Hắn khoe. Nhưng tôi không tin. Dẫu vậy, tôi cũng đem kể lại với con mụ cai, rồi tâu lại với mụ chủ. Tôi không ghét gì hắn ngoài cái lịch sự, cái trầm mặc Á đông của hắn. Những thứ đó làm tôi ngứa mắt. Nghe tôi kể xong, mụ chủ chỉ tắc lưỡi. Tao không tin nó đủ tư cách sống trọn tâm trạng của nhân vật. Sao không, tôi cãi. Nó là nhà văn bên nước nó mà. Văn chương của bọn thiểu số ư? Tôi không đồng ý với hai con mụ nhưng tôi cũng không mấy tin tưởng hắn có thể vượt nổi ra ngoài cái hàng rào ngôn ngữ èo uột thiểu số của nước hắn.

Vậy mà mụ chủ quyết định đuổi hắn. Lúc nghe cái quyết định đột ngột ấy, tôi vừa ngạc nhiên vừa hả dạ. Cũng tội nghiệp cho hắn. Làm nhà văn, viết bằng cái ngôn ngữ èo uột thiểu số. Nghe đâu thơ hắn ngọt ngào mê đắm.Chính mắt tôi thấy những cô gái nhỏ nhắn, dễ thương đến tận văn phòng tìm hắn. Với tôi, con mẹ Roumanie xồn xồn thì tất cả những người đàn bà Á Châu, nhất là Việt Nam đều nhỏ nhắn, duyên dáng, dễ thương. Có lúc hắn giải thích: Đó là khách. Có lúc hắn nheo mắt bảo: Độc giả ái mộ! Tôi ghét những cô gái cầm cuốn sách lại cho hắn ký tên. Và bây giờ thì tôi hả dạ biết bao, bởi hắn bị sa thải khỏi hãng rồi. Đáng đời thằng đàn ông lầm lì tối ngày chỉ biết có thơ với văn ấy! Có lần, viết xong một đoạn- ngay trong giờ ăn trưa của hãng - hai con mắt hắn đỏ hoe. Tôi hỏi, hắn thốn thức trả lời bằng giọng rạn vỡ rằng nhân vật làm hắn khóc. Vì thương nhân vật chính trong truyện ngắn đang viết mà hắn không cầm được nước mắt. Rồi hắn bảo khóc được như vậy là mừng, bởi nhân vật phải thế mới là sống thực. Tôi hỏi nhân vật bị gì mà bạn cảm động đến như vậy. Hắn bảo nhân vật bị mất việc làm, trong lúc vợ con đau ốm và cha mẹ ở quê nhà đang cần sự giúp đỡ. Bạn yêu văn chương đến vậy sao? Tôi hỏi. Hắn chậm rãi trả lời, chứ sao, nước tôi có bốn ngàn năm văn hiến mà!

Vậy mà hắn lại bị đuổi việc giữa lúc bất ngờ nhất. Mấy ngàn năm văn

hiến hay lịch sử gì gì ấy thì cũng không cứu hắn khỏi những ngày khốn khó trước mắt.

Buổi sáng, giờ nghỉ giải lao, tôi tần ngần đứng nhìn hắn soạn hộc tủ. Hắn làm tôi liên tưởng tới những con gà bươi đống rác ở những nông trại miền quê. Giấy tờ, hồ sơ, lẫn với những mảnh giấy nhỏ chi chít những chữ (chắc bản thảo của hắn chứ gì!) Hắn chần chừ đọc mảnh vụn này, tần mần vuốt lại miếng giấy kia. Rồi bỗng dưng hắn lôi từ cái đống hỡi ơi ấy ra một tờ giấy, đứng bật dậy, nhìn chăm chăm vào những con chữ ngoằn ngoèo, rồi quay lại, dúi vào tay tôi. *Đọc lại đi!* Hắn ra lệnh, cộc lốc. Tôi nhận ra ngay. Tấm giấy sáu bảy năm về trước, hắn viết lại câu chuyện thật về vụ sát nhân trong hãng của gã công nhân bị áp bức. *Đọc kỹ đi!* Hắn lặp lại trước khi tiếp tục chúi đầu vào đống giấy vụn. Hắn làm tôi nhói tim. Bước đi không tiện mà ở lại cũng không xong. Trong một cử chỉ ngắn gọn, hắn tuồn hết giấy tờ vào cái bọc rác đen, buộc túm lại, đẩy cửa sau, lầm lũi bước đi, như đã tìm ra được một câu trả lời, một lối thoát nhẹ lòng. Nắng vạch bóng hắn đổ dài trên nền đất nâu. Tôi hối hả chạy biến vào phòng hai mụ xếp.

Gần cả tháng trời sau đó, mụ chủ, mụ cai bám dính lấy nhau. Bốn gò má hốc hác nhô cao những xương xẩu như đất đá trong thời kỳ tạo sơn trên mặt đất. Bọn họ còn có thêm những cái quầng thâm dưới hai con mắt. Hãng tốn bộn tiền mướn thêm nhân viên an ninh canh gác mọi lối vào.

Nhưng chả có chuyện gì xảy ra!

Vài tháng sau, tình cờ gặp hắn trong thư viện, (nói nào ngay, thỉnh thoảng tôi cũng vào thư viện, mượn cuốn băng về xem giết thì giờ!) tôi đã kể cho hắn nghe mọi chuyện từ cái hôm hắn bỏ về. "Cứ tưởng hôm ấy bạn về xách súng lại hãng chứ!" Tôi lên giọng khích bác. Hắn chỉ cười. Chút ngạo mạn vắt trên khóe môi. "Bạn không giận khi bị đối xử bất công sao?" Hắn thản nhiên, "Tôi đã buồn, đã giận mỗi lần nhân vật của tôi bị ngược đãi hay gặp chuyện không vui, thành ra đến phiên tôi, lòng tôi chả còn chút cảm xúc nào để phẫn nộ..."

Bây giờ thì tôi tin hắn thật lòng sống chết với nhân vật trong truyện của hắn. Dù không đọc được những gì hắn viết, tôi cũng tin là hắn tạo được những nhân vật đậm nét trong cõi văn chương hắn, và thành thật mà nói, cho đến bây giờ tôi mới thấy được cái yếu đuối của những kẻ dùng văn chương làm nơi ẩn náu.

Xin lỗi - *Thơ Thơ*

Bi là một đứa bé ngoan. Nó không thích bố mẹ cãi nhau vì nó. Thật

ra họ cãi vã về tất cả mọi chuyện: nhà cửa, công việc, tiền bạc, mẹ chồng, bố vợ..., nhưng Bi chỉ ghi nhận những việc liên quan đến nó.

Chẳng hạn như chuyện ăn uống. Bi không thích rau và trái cây. Mẹ hay ra điều kiện: Con ăn hết táo mới được chơi *game*.

Bố bênh Bi: Đừng có ép nó.

Mẹ: Không phải ép, mà là tập cho nó ăn trái cây.

Bố: Nhưng nó không thích.

Mẹ: Không thích nhưng cần cho sức khỏe của nó.

Bố: Càng ép nó càng sợ.

Mẹ: Nó là con tôi. Tôi phải lo cho nó.

Bi nhai trệu trạo miếng táo: Nhìn mẹ ơi! Bi ăn táo được này.

Nó nhìn mẹ khẩn khoản: Mẹ ơi, mẹ yêu bố. Bi yêu bố mẹ.

Don't worry mẹ ơi!

Bố mua *soda, chocolate,* và *chips* về cho Bi. Nó mừng lắm.

Mẹ không vui: Ăn mấy thứ này không tốt.

Bố: Chút thôi, ăn thua gì.

Mẹ: Nó mập lắm rồi. Bác sĩ nói gì anh không nhớ à?

Bi lo lắng: Cái này ngon lắm. Mẹ ăn thử đi. Ngon lắm!

Mẹ bực bội: Anh muốn nó *obese* à? Rồi lớn lên nó bị tim, bị *stroke*, bị tiểu đường, cao máu, thận gan đủ thứ hết. Cứ một người tập *diet* còn người kia cho ăn uống thả dàn thì còn làm gì được nữa. Trời ơi!

Bố vung tay: Im đi!

Chai *soda* bay đập vào tủ lạnh, nước tóe đầy sàn: Im đi. Nói gì lắm thế. Có im đi không hả!!!

Bi khóc thét lên. Mẹ tái mặt: Đừng làm thế trước mặt nó. Không hay đâu.

Bi chạy theo mẹ, nhưng mẹ đã khóa cửa phòng. Bố ôm Bi: Bố cho con ăn, nhưng con ăn ít thôi. Để dành mai ăn tiếp.

Bi đỡ sợ, nó ăn *chip* ngon lành, nhưng vẫn nghĩ đến mẹ: Bố đừng mắng mẹ, *ok*?

Bố thở dài. Bi vỗ vai bố: *Don't worry* bố ơi. Bi muốn ở với bố mẹ.

Bi lên năm tuổi thì bố mẹ nó ly dị. Họ nghĩ thế còn hơn cãi cọ mỗi ngày trước mặt con. Họ không biết Bi tưởng bố mẹ bỏ đi vì lỗi của nó. Bố nó có bạn gái, mẹ nó lấy chồng mới. Bi ở với bà ngoại. Bà tập nó ăn rau quả, bớt đồ béo và đồ ngọt. Bà bình tĩnh và kiên nhẫn hơn bố mẹ. Nhưng tối đi ngủ Bi vẫn khóc. Nó nhớ những quả táo nó vứt lén vào thùng rác, nó ray rứt nghĩ: Bi xin lỗi mẹ, mẹ ơi. Nó lại nghĩ tại nó không nghe lời bố, nó ăn một lần hai gói *chips*, uống hai chai *soda*, ăn hết hộp kem *chocolate*,

nên nó mập, nên mẹ giận bố, nên bố buồn bố bỏ đi. Bi úp mặt vào gối: Bố ơi, Bi xin lỗi bố. Bây giờ Bi giỏi rồi. Bi *diet*, Bi bớt mập rồi. Đừng cãi nhau nữa, *ok*?

Tìm người - *Nguyễn thị Ngọc Nhung*

Tìm một phụ nữ đi chuyến buýt 3 giờ chiều trên đường Magnolia, xuống trạm gần Bolsa.

Trạm buýt nơi ngã tư Magnolia và Bolsa giống như những trạm buýt khác ở quận Cam. Cũng băng ghế đơn giản, trên có mái che, ba bề vừng quảng cáo lồng sau *plastic* trong. Càng gần Bolsa, càng có nhiều quảng cáo dĩa, băng nhạc Việt với hình ca sĩ đã được tô vẽ thêm trên lớp son phấn cần thiết khi lên hình. Phía bên kia đường Bolsa, có một trạm buýt chỉ đơn giản chiếc băng ghế không mái che, nơi lưng dựa quảng cáo một hiệu tàu vị iểu. Mỗi khi trời mưa lớn, ngang qua những trạm buýt nhỏ chen chúc người lố nhố trốn mưa đợi xe, tôi thấy Lệ.

Cười có một cái răng khểnh. Má phải có lúm đồng tiền. Khoảng ngoài ba mươi.

Lệ không có răng khểnh. Cười cũng không có đồng tiền. Và dưới ba mươi. Năm đó Lệ mới tập tễnh bước vào một thế giới bất thần toàn người lớn. Nếu không muốn nói là với một tốc độ quá nhanh. Lệ bỏ nhà đi theo một người đàn ông có vợ. Trong lúc chờ đợi - lời hứa hẹn nào cũng êm ái, từ từ để anh dàn xếp - Lệ buộc phải đi làm nuôi thân. Người đàn ông có vợ đó không đủ sức nuôi Lệ đi học tiếp.

Áo trắng, quần nâu đậm, cầm cây dù màu đỏ kèm với một túi giấy lớn, tóc dài.

Lệ ăn mặc đỏm dáng thời trang rẻ tiền vì lương thư ký có giới hạn. Nhưng Lệ cảm thấy mình như một chiến sĩ trong trận sống mái đời người cứ phải so sánh mãi với người vợ kia trên mọi phương diện. Thế nên Lệ mắc phải một lỗi lầm vô tình là đã bắt chước người đàn bà ấy. Lỗi vô tình vì người đàn ông càng kể về vợ - Lệ tò mò muốn biết rõ hơn về tình địch của mình - Lệ càng ăn mặc kể cả cắt tóc, giống như người vợ đó, nhưng trên một kiểu mẫu rẻ tiền hơn như một bản sao nhợt nhạt, vì đã nói, lương thư ký có giới hạn. Nhưng hình như điều này lại khiến người đàn ông hài lòng khi Lệ hoàn toàn không có lý lịch nào hết của chính mình.

Tôi ngồi kế bên mặc sơ mi trắng quần xám nói chuyện một chập lâu.

Hình như mới qua chưa đầy năm, có cha đau tim đang nằm nhà thương. Xin gọi số (xxx) xxx-xxxx. Rất muốn được liên lạc với cô.

Hình như Lệ đợi người đàn ông đó dàn xếp, hơi lâu. Khi Lệ mất kiên nhẫn, hình như cũng vừa đúng lúc người đàn ông đó dàn xếp xong xuôi với vợ để lấy một người không phải là Lệ.

Tháng mười hai thường có mưa. Năm đó trời mưa lũ hơn bình thường. Nước ngập đầy những góc ngã tư thấp, lỗ cống không kịp thoát lượng nước nhiều quá mức. Tôi quẹo chậm. Sực nhìn thấy giữa những khuôn mặt lố nhố nơi trạm buýt chật hẹp, mưa giăng tạt trước sau, mặt Lệ tái lạnh ướt nước nhìn ra.

Tôi lưỡng lự lựa chọn rồi đi thẳng. Bởi tôi đã từng là vợ của người đàn ông đó.

Ngột Thở Quá - *Nguyễn Quí Đức*

Hắn biết, nếu mình không phải là người nổi tiếng, một người đáng được khâm phục và trọng vọng, thì chẳng nên nghĩ đến chuyện ghi một câu gì trên mộ của mình. Một thứ văn mộ chí để nhắc cho người đời về những thành quả của mình.

Phần lớn những người chết rồi cũng chỉ được chôn cất thầm lặng. Mộ bia nhiều lắm sẽ ghi tên và vài con số, ngày sinh, ngày tử.

Hắn cũng không có dự tính rời bỏ cuộc sống trong những ngày sắp tới, nhưng biết làm sao được. Cuộc sống mong manh. Chuyện xúi quẩy hay xảy ra. Và hắn nghĩ là ai cũng nên soạn sẵn cho mình một câu ghi lại một điều gì đó trên mộ bia của mình. Tại sao hắn lại suy nghĩ về những điều u tối này. Nói cho cùng thì hắn bị ảnh hưởng của những cuốn sách Việt Nam. Các tác giả ngày xưa thừa hưởng của người Pháp cái tinh thần cho rằng muốn làm người lãng mạn thì phải biết u buồn, phải trải qua khổ đau.

Không có gì đáng ngạc nhiên nếu biết rằng một hôm, hắn tức khắc mê mẩn mê muội mấy câu thơ của một thi sĩ Pháp, bây giờ đã là người thiên cổ, mà hắn tóm tắt lại như sau: *Anh nằm mơ thấy đám tang của mình. Em đã không đến tiễn anh đi. Anh chết mà nghe rõ tiếng cười của em.*

Chỉ có người Pháp mới thích những sự khổ nhục tàn khốc như thế.Hắn đọc xong mấy câu thơ đã nghĩ ngay đến chuyện rời bỏ cõi đời. Và đến câu ghi chú trên bia của chính mình. Và hắn chọn ba chữ đơn giản: *Ngột thở*

quá.

Ba chữ đó sẽ không cho phép hắn tự xưng là thi sĩ. Nhưng hắn biết, ai có đi qua nấm mồ của hắn cũng sẽ bật cười. Và khi nằm bất động dưới những tấc đất, hắn lại sẽ nghe được tiếng cười của thế gian.

Đón người từ nghìn trùng - *Lê Minh Hà*

Bố bảo mẹ tính lãng mạn dở hơi, văn chương nửa mùa, đặt tên con gái là My, tưởng gì, chỉ là con tằm. Con gái mẹ dài người, tinh quái, tên Tha My là lạ, cũng thông minh, nên bạn trai có vẻ nhiều hơn bạn gái.

My ra trường thì yêu. Anh học ở Đức; Luật rừng; cao mét tám; quần bò gấu sờn; áo lông màu bộ đội. Đêm ba mươi tết, anh lừng lững trước cửa. Bọn con trai lườm nguýt nhau trước đó cả tiếng đồng hồ tự động nhường ghế cho anh. My ra ban công đứng, ù tai không phải vì tiếng pháo mà vì khóc.

Anh hay đèo My đi chơi trên cái Mipha màu bạc tha từ Đức về. Poocbaga cao, vừa với đôi chân dài ngoẵng của My, nhưng lại không chở nặng được. My ngồi sau, quay qua quay lại liên tục mỗi lúc gặp bạn trên phố. Bạn My bảo xót cho cái xe. «Anh Khánh đèo mày đi chơi thế chắc ba bảy hai mốt ngày cái Mipha gẫy». My chỉ cười, cười như thế kể từ sau hôm giao thừa ra ban công đứng khóc. Cười khi cùng anh đến xem cái nhà bố mẹ hai bên góp tiền tậu cho. Cười cả khi tiễn anh ngoài sân bay. Anh sang Áo thực tập sáu tháng. Về thế nào cũng có một khoản để mông má lại cái nhà trước khi cưới.

Từ Áo, anh qua Mỹ thăm bà cô. Và viết thư về kể việc anh có thẻ xanh. Bằng cách mà ông em con bà cô gả cho. Hai năm nữa anh có thể ly hôn, và anh sẽ về khi nào hết cấm vận để đón My.

«Anh hứa!» Đêm, My nằm hết sấp lại ngửa. Nghe giường mẹ cọt kẹt, cọt kẹt. Biết bao giờ Mỹ thôi cấm vận hả giời.

Buổi chiều mẹ anh đến chơi, than nhà bấn, xin gửi lại phần tiền bố mẹ đã góp mua nhà cho hai đứa để lấy lại cái nhà cho anh con cả. Không thấy ông anh của anh ở. Mẹ thở dài: «Đến nhà người ta thưa thưa thôi con ạ!» Rồi đưa My tiền chẳng biết mẹ dành dụm từ bao giờ bảo mua lấy cái xe. Dạo này con gái Hà Nội kết mini Nhật.

Cái xe mua độ ấy My đi đã tã ra rồi. Con em gái có người yêu làm ở sân bay bàn: «Mua xe máy đi chị. Mua em cho tiền. Thời buổi này đi xe đạp chỉ tổ hít bụi, lại toàn hỏng việc». My lắc. Hai đứa em cười: «Bà chị mình trung thành với mốt. Thế nào mốt cũng quay lại với bà này. Như cái quần loe ngày xưa đấy.» Thằng em theo đà: «Mà bà My nhà mình cũng

ngày càng mốt. Y như mấy cô người mẫu. Trên dưới như nhau trước sau như một, nhìn chẳng biết sắp đến hay sắp đi...» Mẹ không nói gì, nhưng nhìn kiểu gì không biết mà hai đứa đột nhiên im phăng phắc.

...Thế mà rồi Mỹ bỏ cấm vận. Buổi chiều tan họp, cô thủ thư gọi với. «Chị My chị My! Có điện thoại!» Lại còn đứng bên My thì thầm: «Anh Khánh gọi từ Mỹ hả chị?» Một giọng đàn ông quen lắm. Lâu lắm rồi... «Anh vừa về. Mai anh sẽ tới thăm em và hai bác.» My rùng mình. Không phải «anh sắp về»...»Hai bác!?»...

Mẹ nhẹ nhàng: «Khánh ngồi chơi nói chuyện với My nhé.» Rồi cầm tờ báo vào phòng trong. Hai đứa em đồng thanh chào râm ran: «Anh Khánh đi tư bản về mà không được màu mỡ như hồi học ở xã hội chủ nghĩa nhỉ!» Rồi cũng lên xe máy phới.

Anh ngập ngừng bảo sao ngần ấy năm mà My vẫn như xưa. My cười: «Gần như xưa thôi anh.» Rồi sổ sàng: «Phải anh muốn hỏi tại sao My làm bà cô đến tận giờ đúng không? Tại vì My là con tằm. Con tằm ấy mà...» My cười khanh khách, nghe như tiếng bát vỡ. Anh cũng cười, hơi ngơ ngác.

Mẹ lục đục làm gì ở phòng trong. My im bặt. «Tại sao? Ừ! Tại sao? Hay thật! Chẳng lẽ chỉ vì muốn chờ nhau?»

Một ngày và buổi sáng hôm sau - ***Phùng Nguyễn***

Gã mở cửa bước vào phòng. Người đàn bà nhỏ nhắn rời mắt khỏi khung hình TV ngước lên nhìn, vẻ hỏi han. Gã bước đến cạnh giường, cúi xuống hôn lên trán người đàn bà, những sợi tóc bạc chạm vào má gã nhồn nhột. Hơn một giờ sáng rồi, sao mẹ còn thức? Gã cằn nhằn nho nhỏ, tự hỏi có ai ở vào tuổi gã vẫn còn cái đặc quyền ôm hôn mẹ trước khi đi ngủ hay không. Chắc sẽ có người ganh tị, gã nghĩ. Một liên tưởng vụt đến như vệt sao băng ở cuối trời, lóe lên rồi mất hút. Gã đi về phòng mình, dự định sẽ đọc cho hết chương cuối của cuốn sách mang theo từ lúc sáng sớm. Nhưng mắt gã ríu lại. Gã mệt. Một ngày rất đầy, bắt đầu từ sáu giờ sáng với một trăm hai mươi dặm trên con xa lộ ồn ào, ly cà phê rất đậm trong căn *studio* của người bạn hai tiếng đồng hồ sau đó, thêm một ly nữa ở quán ăn, buổi trưa và những lời bình phẩm đầy giễu cợt về những bức tranh gã không hiểu chi hết ở phòng triển lãm của đám họa sĩ quen biết, lại một chầu cà phê vào lúc bốn giờ chiều trước khi đến dự buổi tất niên của một tạp chí gã vẫn cộng tác, ở đó gã trêu ghẹo mọi người có mặt (nghĩa là kể cả chính gã) ngoại trừ cô bạn viết văn hiền lành mà mỗi khi có dịp trò chuyện đều khiến gã rất yên tâm, như thể gã luôn có điều gì không yên tâm! Ngày chỉ

Trên ngọn tử sinh
NGHIÊM XUÂN HỒNG

Tâm dùa trên ngọn tử sinh,
Khua vang pháp giới giật mình thiên thu
Sống là giấc mộng đêm qua
Chết là nương ánh trăng tà mà đi.

Hỡi ơi, Tâm ấy là gì?
Thay hình đổi dạng miên kỳ không thôi
Thay hình đổi dạng làm gì?
Khiến cho kiếp kiếp khó nhìn tra nhau.

Lạ thay!! Mà thực lạ thay,
Những chùm duyên nợ vẫn tay dèo bồng
Đèo bồng vạn nẻo tử sinh...
Khi Tâm trúng dạo buông tay vang cười...

Làm sao nối lại giòng tâm tưởng
Cho kiếp phù trầm chớ lãng quên
Làm sao trả sạch ân tình cũ
Để thả một giòng giấc thụy miên?

chấm dứt ở phút cuối cùng của buổi ra mắt một tạp chí nặng về các tiết mục văn nghệ trình diễn tại một vũ trường lớn, ở đó gã ngồi với những người đàn bà xinh đẹp mà do một ngẫu nhiên nào đó đều diện trang phục đen, nhìn người ta nhảy múa, ca hát rất ồn ào náo nhiệt.

Gã rơi vào giấc ngủ một cách dễ dàng lúc một giờ ba mươi sáng. Và thức giấc lúc bốn giờ hai mươi hai phút, kêu nhỏ Trăng ơi! Trăng là cái tên gã vẫn dành cho người đàn bà vừa nói lời chia tay với gã chưa đầy bảy mươi hai tiếng đồng hồ trước đó. Bên ngoài vẫn còn tối đen. Vệt sao băng bỗng trở lại, vẽ một đường thẳng như đường tên bay, mũi tên nhọn chẻ đôi bầu trời đen ngòm lao về phía gã. Sẽ trúng ngay hồng tâm, gã biết chắc!

Chút nắng và chút tình

Trúc Chi

Bệnh ngặt nghèo cần phải vào nhà thương để điều trị thì không nói làm chi, chớ còn cảm lạnh cảm nóng, nhức đầu sổ mũi lặt vặt thì cũng giống như những rung cảm bâng quơ vậy, nó đến phá rầy mình hồi nào mình cũng không để ý, mà nó để cho mình yên thân lúc nào cũng không hay.

Sáng nay, mấy chén trà nhấp đã thấy ngon miệng. Vẫn nhúm trà ấy, vẫn ngần ấy nước cốt, ngần ấy nước sôi châm thêm cho trà bớt sánh mà nghe đã ngọt hơn là chén trà sáng hôm qua, dù phẩm và lượng không thay đổi. Tôi định uống tiếp hai viên Tylenol nữa, theo lời dặn của anh bạn bác sĩ, nhưng mà thôi. Tôi cảm thấy khỏe trong người rồi. Tôi thuộc vào loại bệnh nhân bạc bẽo, vừa hết rên là quên thầy! Thuốc thì cũng là vạn bất đắc dĩ thôi. Nói cho đoan đích, mấy viên Tylenol nọ không để lại một dư vị khó chịu nào ở đầu lưỡi cả, nhưng tôi muốn thoát ra khỏi cái tâm trạng của người bị cảm. Tôi sợ rằng uống thuốc vào, tôi lại nghĩ rằng mình chưa lành hẳn, và cái loại ý nghĩ đó, nó có thể ảnh hưởng đến hương vị của chén trà thứ tư này, chén trà mà tôi đang tận hưởng trong cái yên tĩnh của một buổi sáng hứa hẹn là sẽ đẹp trời, theo như lời dự báo thời tiết trên đài ABC tối hôm qua.

Định bụng uống xong mấy chén trà sớm, sẽ bắt tay ngay vào một đôi việc cần phải giải quyết gấp nội nhật hôm nay. Nhưng mà chưa được. Là vì nắng đẹp quá. Nhìn những tia nắng dìu dịu đang ân cần thăm hỏi những lá trúc xác xơ ngoài hiên, những lá trúc khô vàng sau mấy tuần lễ lạnh lẽo, tôi tạm phong cho tôi cái quyền dẹp sang một bên một đôi thứ mà cách đây có mấy phút, tôi nghĩ là cần phải làm ngay. Tôi là một người sống tùy hứng. Chỉ có lúc nào phải chịu áp lực của những điều thuộc vào loại "thượng khẩn" tôi mới chịu ngồi xuống mà sắp xếp thứ tự ưu tiên của

công việc trong ngày. Đã vậy, lại còn ngang, còn bướng, không chịu để cho ai sắp xếp giùm cho tôi cả. Coi vậy chơ mà mọi sự trong đời tôi cho đến nay, có vẻ như là... cũng đâu vào đấy cả, dù rằng trong cái "đâu vào đấy" của riêng tôi, có rất nhiều những thứ lủng củng, lộn xộn, cấn cái. Nghĩ cho cùng, mọi sự trong cuộc đời này rồi thì đâu cũng vào đấy cả, nhưng mà xét cho kỹ, có chỗ vẫn chưa ổn! Từ điểm khởi hành cho đến đích của một chuyến đi nào đó, đường chim bay là gọn gàng nhất, mà con người lại là một động vật không có cánh.

Tôi vẫn có cái thói quen ngồi mà "nhìn" chính tôi như vậy. Mà cũng như mọi cái nhìn khác trong thế gian này, nó có phần tình là phần lý. Tôi nhận thấy rằng cái tình của tôi đối với chính tôi, xưa nay thắm thiết lắm, cho đến giờ này, đã quá cái tuổi mà cổ nhân gọi là "nhĩ thính thuận", cái tuổi mà tôi bắt đầu nghĩ rằng tai nghe chuyện chi đi nữa thì hai bàn tay cũng nên vỗ đều thôi, cho đến giờ này, cái tình ấy nó vẫn chưa lạt, chưa phai. Tôi nghĩ rằng sông có cạn, đá có mòn đi nữa thì tôi vẫn còn yêu tôi. Rứa mới mệt!

Còn về cái phần lý thì nói của đáng tội, có lúc tôi cũng cố khách quan mà theo dõi chính tôi, như một thám tử rình mò ghi chép kỹ nhất cử nhất động của một nghi can trong một vụ tội phạm nào đó. Người thám tử ấy ghi vào quyển sổ tay đầy đủ mọi hành động có thể đưa ra làm bằng chứng mà buộc tội đương sự. Nhưng mà đến ngày ra tòa, ông chánh án trong phiên xử đó bao giờ cũng đại lượng, khoan hồng, thành ra rốt cuộc, lần nào tôi cũng được tha bổng cả. Vậy mới nguy!

Cứ cho là nắng tơ vàng ngày xuân đi cho có chuyện và viết! Thứ nắng này vàng, dịu, ấm mà trong vắt vào một ngày Đông, quả có hiếm. Thường lại không được như hôm nay, thường lại có cái lạnh tê tái nó làm mất hẳn vẻ dịu dàng của những vùng ánh sáng trên thảm cỏ, trong vườn hoa, trên mái ngói. Mà tiếng đàn chim sẻ ríu rít trên những cành cây xum xuê không trút lá vào mùa đông tự nhiên nghe vui tai lạ. Hình như cái thứ nắng tơ vàng này của đất trời nó đang phụ họa với lòng một kẻ đang cầm bút mà nghĩ về một điều hẳn đã từng là nỗi băn khoăn nghìn đời trong lòng những kẻ hay... băn khoăn. Tôi đang nghĩ đến mùa Xuân, ngày xuân. Băn khoăn trước cái vô hình mà hiển nhiên của bước đi của ngày tháng. Băn khoăn về xuân trên địa cầu, xuân trong lòng mình. Phút này, tôi muốn tin vào thuyết thiên nhân tương dữ của nền triết học cổ Trung quốc mà nghĩ rằng con người và trời quả là cùng có với nhau. Bây giờ, ở bên Tàu, người ta đang bận rộn nhiều hơn với một đôi món hàng nhập cảng từ bên Tây, bận rộn với duy vật biện chứng, với duy vật sử quan, với bước đi tất yếu và duy nhất của lịch sử vân vân... thành thử cái ý nghĩ duy linh cũ

mèm của tôi có vẻ như không theo kịp bước tiến của hơn một phần tư nhân loại sinh sống ngay ở phía Bắc nước ta. Thôi thì đành lạc hậu vậy. Vả chăng, tôi chưa bao giờ là một người lo trước cái lo của thiên hạ. Đã vậy, chỗ nào thiên hạ vui, tôi nhảy xổ ra mà vui trước. Chả gì thì cũng khỏe cái thân!

Bây giờ là ngày thứ 45 của thiên niên kỷ này, của năm 2000. Tôi đã nghĩ đến cái náo nức cách đây mới có hơn sáu tuần lễ, của cả thế giới trong chuyện đón mừng thiên niên kỷ này.

Từ đầu năm ngoái, trong nhà bưu điện gần chỗ tôi làm việc thấy có treo một thứ lịch chạy bằng điện. Tôi gọi nó là lịch, nhưng thực ra nó vừa là lịch vừa là đồng hồ. Một thứ đồng hồ cho biết rằng, vào lúc tôi ghé vào mua tem để gửi mấy tấm thiếp chúc mừng lễ Giáng Sinh cho nhiều người quen biết ở cái nước Mỹ này, ở bốn phương tám hướng trên cái địa cầu trên đó tôi thấy cái tình của con người đối với con người có vẻ như ngày càng lạt lẽo (anh bạn thân gốc Hà Nội mới đây đã gân cổ lên mà nói rằng:"phải nói là nhạt nhẽo mới đúng!") vào lúc ấy, tuổi thọ của năm 1999, chỉ còn có 22 ngày, 8 giờ, 24 phút và...một số giây mà tôi không nhớ nổi. Hai con số chỉ giây cứ chớp lia lịa mà đếm ngược. Người ta chế ra cái đồng hồ đó, bảng lịch đó ra để đón thế kỷ thứ 21, và thiên niên kỷ này. Đón mừng ngay vào lúc hàng số trên cái bảng điện đó "biến" thành một dãy số không. Khắp thế giới, đã có vô số những hoạt động, dịch vụ chuẩn bị đón chào giây phút ấy, không riêng gì cái trạm bưu điện nhỏ này.

Thật ra, cứ làm nhắng cả lên, chứ không đón thì nó cũng đến! Thì nó cũng đã đến rồi. Không biết ai là người đầu tiên đã "tập đi" cho thời gian, nhưng mà từ ngày cái từ ngữ "bước đi của ngày tháng" được sáng chế ra thì thời gian nó nhất định không bao giờ chịu dừng cả! Nghe thì sáo, nhưng mà nghiệm cho kỹ thì quả là như vậy thiệt.

Mấy ý nghĩ lẩn thẩn này đang đưa tôi đến với chuyện so sánh âm và dương lịch. Một sự so sánh cũng lẩn thẩn không kém. Dương lịch chọn một cái mốc nào đó, tùy tiện, rồi bắt đầu đếm từ năm 0 cho đến năm nay, năm 2000 và tiếp tục mãi cho đến lúc nào, vì một lý do nào đó, không còn có ai trên địa cầu này nữa để mà đếm. Âm lịch cũng tùy tiện mà chọn một cái mốc nào đó, dùng thiên can địa chi mà bắt đầu bằng Giáp Tý, đến Ất Sửu vân vân... cứ một vòng 60 năm lại trở về Giáp Tý. Và cũng như vậy, cho đến lúc không còn có ai trên mặt đất này mà tiếp tục nữa. Cách làm lịch của Tây phương dùng những con số mà xông tới... vô tận. Cách gọi tuế thứ (tên năm) của người Tàu loáng thoáng cái ý niệm chu kỳ trong Dịch Kinh. Một bên dùng con số để đánh dấu một năm. Một bên dùng

vận chuyển của ngũ hành trong một chu kỳ.

Khác đấy, nhưng mà cả hai đều dựa vào điều mà triết học Trung quốc cho là lẽ tuần hoàn trong vũ trụ, mà khoa học Tây phương gọi là quỹ đạo trái đất quanh mặt trời. Và trong cái lẽ tuần hoàn ấy, giữa cái quỹ đạo vô hình ấy, có tôi hôm nay ngồi nhìn cách ghi ngày tháng trên một tờ lịch mà chợt nghĩ rằng, Đông và Tây khác nhau ở những gì không biết, nhưng cả hai đều "công nhận" là năm tháng có cái chu kỳ Xuân, Hạ, Thu, Đông của nó. Cái phần thuần lý trong cách làm lịch của Đông và Tây đưa đến một kết luận chung là mỗi năm có bốn mùa, tuy rằng thời gian phân chia mùa có xê xích đôi chút. (Cho nên mới có những ngày Nguyên Đán rơi vào giữa tháng Hai dương lịch.)

Còn cái phần kia, cái phần tình, cái phần rung cảm, phần xúc động của con người, của mỗi người, khi đứng giữa mùa hoặc đứng trước những buổi giao mùa của thiên nhiên hoặc của cuộc đời của mình, có vẻ cũng không khác nhau cho lắm. Xuân Diệu say sưa với tuổi trẻ, với mùa xuân trong cuộc đời, ai cũng biết rồi. Mà ở tận bên Nga, Tourguenev cũng rạo rực thiết tha không kém khi ông viết quyển *Suối Xuân* *. Từ Việt Nam sang Nga, ghé qua Ba Tư, lắng cho kỹ, lại nghe Omar Khayam tha thiết mời chúng ta vội vàng hưởng xuân "...rót cho đầy ly kẻo rượu đời rồi sẽ cạn"**

Tôi trích dẫn lung tung vậy cốt cũng để nói lại một điều hiển nhiên! Cốt làm một điều thừa: mùa trong tình cảm của mỗi người, thường không kể đến sắc hoa, màu lá. Và tuy cũng ít lâu nữa mới hết mùa Đông, nhưng mà sáng nay, cái thứ nắng dịu dàng này nó giục tôi phải khai bút mà mừng một chút xuân đâu đó đang len vào ý nghĩ.

Tuần trước, chú em rể đi Việt Nam, có ra Hà Nội mấy hôm, cặm về một món quà nhỏ của người anh họ: một hộp mứt sen trần, mua tại một hiệu mứt bánh ở Phố Hàng Điếu. Tôi bảo nhà tôi cất cho kỹ kẻo nó khô đi thì uổng cả công chú em rể tôi. Mứt sen nó kỵ nhất là khô là sượng. Vẫn biết ăn có nhai, nói có nghĩ nhưng mà mứt sen trần là một thứ không nên nhai kỹ, bởi vì tự nó, nó phải "thau" (dễ tan) trong miệng mới đúng khẩu vị, ít ra là cái khẩu vị của dân Huế tôi. Dặn vợ xong, tôi sực nghĩ đến cái "đống" năm tháng mà tôi đang chở trên người. Cố tránh chữ già rồi tôi phải vòng vo vậy!

Là vì mới ngày nào đây tôi chưa hề có những ý nghĩ lẩn thẩn vậy. Bánh kẹo thấy giữa bàn, không cần biết của ai cho, của ai mua, tôi mở ra mà thử ngay, kể như là bất luận giờ giấc, nếu vợ tôi không cẩn thận để một mẩu giấy nhỏ căn dặn là "để biếu anh chị X... hoặc... để đem đi kỵ bác Y... hoặc ... của cháu Z gửi lại đây, mai nó đến lấy..." Tôi sực nhớ câu tri tử mạc nhược phụ (biết con không ai bằng cha) nghe lóm được trong một

buổi chuyện trò ngày trước giữa một bậc phụ chấp Nho học và cha tôi. Tôi bắt chước mấy ông Tàu thời xưa mà chế ra cái câu tri phu mạc nhược phụ. Biết chồng không ai bằng vợ. (đảo lại, chưa chắc đã đúng!) Cho nên mới có những lá "tình thư", những mẩu giấy vắn tắt mấy lời ân cần dặn dò nọ. Đời này, chuyện gì lại không có lý do của nó. Kể cả cái chuyện hảo ngọt.

Nói cho ngay, tôi dặn vợ đem cất gói quà của ông anh họ không hẳn là vì tuổi tác trong người tôi nó lộ ra trong một câu nói mà tôi thấy là lẩm cẩm. Lẩm cẩm thật sự đó chớ, "thấy là" chi nữa! Mùa Giáng Sinh đã qua, mà Tết cũng qua rồi. Đã đành, mứt bánh ở thời buổi này nó xuất hiện bất kể tiết, bất kể thời. Nơi nào cũng có. Bánh chưng bánh tét quanh năm tràn đìa trong các hiệu tạp hóa. Bánh Trung Thu phây phây giữa nắng hạ Ca-Li. Mứt nhiều màu đủ loại phơi phới trên các quầy hàng ở khu Bolsa bất chấp thu đông. Nhưng mà gói mứt sen này đối với tôi nó quí lắm. Nội cái công chú em rể tôi tha nó về từ Hà Nội đã là quí rồi, mà cái tình của người anh họ tôi gửi vào đó rất đậm đà, tôi biết.

Mứt ngào ở Hà Nội, mà sen trong lòng người anh họ tôi, trong tôi là sen của những chén chè mát ruột vào những đêm hè đứng gió nơi cố đô, là hương dịu dàng bên hào Thành Nội, là màu đỏ tía trên những búp mới chớm nở, là những giọt thủy tinh nhún nhẩy trên cánh lá tròn mướt nhung... Sen của thiếu thời, của những buổi rong chơi trên những con đường nhiều cây, đầy bóng mát trong và ngoài Thành Huế. Người Hà Nội say hương cốm Vòng gói trong lá sen vào những buổi heo may về thăm những cành sấu ven Hồ Gươm, lọt vào những ngõ thuôn có lá bàng đang thay màu. Người Huế ngất ngây trong cái ngọt ngào của hương sen nhẹ tỏa xung quanh hồ Tịnh Tâm, quanh hào Thành Nội...

Anh họ tôi, người con trai si tình ấy của xứ Huế, vào cái đêm Việt Minh - cái áo cũ ấy của đảng Cộng Sản Việt Nam - đặt chất nổ phá sập ba vài cầu Trường Tiền cùng với nhiều kiến trúc khác trong hoàng thành, người con trai ấy vào cái đêm lịch sử ấy, lại bị lịch sử cắt đứt đoạn một chút tơ duyên vừa mới chớm. Rồi thì anh mắc nghẽn luôn ở ngoài Bắc. Rồi lập gia đình ở ngoài ấy. Rồi ở trong Nam này... người ta cũng đi lấy chồng... Năm ngoái, bên một ấm trà sen, giữa một đêm thu Hà Nội, anh tôi đã nhắc đến hương của mùa cũ... Sen xa hồ sen khô hồ cạn.. À, chuyện có chi là lạ đâu. Ở trong Nam này, mấy chục năm qua, tôi đã từng đọc và nghe được rất nhiều những cảnh éo le như vậy. Lịch sử thường vẫn gây khốn đốn cho nhiều kẻ chung tình, mà không cứ là tình yêu nam nữ. Và khốn khổ nhất là cái lớp người chung tình với lý tưởng của đời mình trong buổi nhiễu nhương.Vậy nên mới có người xõa tóc lang thang bên bờ sông

Mịch La, trầm mình trong dòng sông ấy mà để lại khúc Ly Tao, vậy nên hơn hai nghìn năm sau tâm sự của nàng Kiều và một phần nào mối sầu hận của Nguyễn Du mới được nhà thơ họ Vũ gói ghém trong mười bốn chữ châu ngọc *Gió mưa năm ngón hai hàng lệ/Cát bụi mười phương một chữ trinh.*

Mà nói đến chuyện chung tình thì trong những chỗ quen biết xa gần, danh tính anh bạn góa vợ, nay cư ngụ tại một thành phố nhỏ gần San Diego, phải được đưa ngay lên đầu sổ. Cách đây ba năm, cái hồi chị vợ còn sống, hai vợ chồng tính chuyện về hưu, mới đem bán ngôi nhà khá lớn mà họ đang ở để mua một cái khác nhỏ hơn, gọn hơn. Đúng vào cái hôm ký kết giấy tờ mua nhà mới, chị vợ bị một cơn tai biến mạch máu não rồi qua đời sau mấy hôm bất tỉnh. Hôi ấy, tôi có việc phải đi xa, nên không đến được mà tiễn chân người đàn bà ấy trong cái chuyến lên đường cuối cùng. Nghe người quen kể lại thì bạn tôi có vẻ bình tĩnh lắm, buồn thì có buồn lộ ra mặt, nhưng mà anh không khóc. Hôm làm lễ nhập quan, có người nhắc anh tháo cái nhẫn cưới trên tay vợ, anh đã làm ngược lại. Anh đã tháo cái nhẫn cưới trên tay anh mà đeo vào tay người quá cố. Nhiều người ngạc nhiên nhưng không dám có ý kiến chi ở vào giây phút ấy. Sau này, con gái anh hỏi tại sao anh không giữ cái nhẫn cưới ấy làm kỷ niệm, anh đáp:

"Gần bốn mươi năm nay, cái nhẫn đó là một phần của mẹ những lúc không có mẹ bên cạnh ba, một phần của cuộc sống của ba mẹ. Ba chưa đi theo mẹ được thì ba tạm nhờ cái nhẫn đó nó thay ba mà ở với mẹ."

Con gái anh thuật lại cho tôi nghe hành động khác thường ấy vào hôm tiểu tường chị bạn trong ngôi nhà mới. Ngôi nhà mà chị chưa kịp dọn vào để chung sống với chồng những năm tháng mà tôi nghĩ có thể là đã đầm ấm, hạnh phúc. Nhưng mà Trời lại không cho! Nước mắt chạy quanh, con gái anh mếu máo:"Ba mẹ cháu quí nhau lắm."

Tôi nghe rõ hai tiếng "quí nhau". Phải rồi, quí dĩ nhiên là bắt nguồn từ tình buổi đầu, mà nó còn chỉ khái niệm nghĩa sau một thời gian bên nhau nữa. Đọc và nghe trên báo, trên truyền hình những vụ ly dị của nhiều nhân vật tai mắt trong mọi giới ở nước Mỹ này, có lúc tôi đã băn khoăn tự hỏi không biết trong tiếng Anh, có hay không cái từ dùng để diễn đạt khái niệm nghĩa. Tại một số các nước mà tôi đã có dịp đi qua, chính mắt tôi đã trông thấy, theo dõi cuộc sống của nhiều đôi vợ chồng già thật là tận tụy với nhau những khi trở trời trái gió, những khi ông ươn mình, bà cảm cúm. Có lần, tôi đã nói chuyện về cái khái niệm nghĩa này với một ông bạn người Anh, bạn vong niên, lớn hơn tôi cả hai chục tuổi, khi tôi thấy hai vợ chồng ông săn sóc cho nhau từng chén trà có pha sữa tươi, từng lát

bánh mì nướng phết bơ. Không hẳn là cung kính như tân, cũng không hẳn là tình tứ, mà họ có vẻ mến nhau lắm. Tôi có hỏi ông bạn, trước là giáo sư Anh ngữ tại đại học Luân Đôn, về một từ tương đương với cái nghĩa trong đời sống vợ chồng sau khi đã dài dòng liệt kê một loạt thí dụ để làm sáng tỏ cái khái niệm ấy. Suy nghĩ một hồi, ông cười hóm hỉnh quay sang trêu vợ:

"Tôi nghĩ không ra, nhưng không phải vì vậy mà chúng tôi không biết ăn ở với nhau cho có ni-ơ, phải không mình?" (ni-ơ là cách ông bạn tôi phát âm tiếng nghĩa.)

Mùa hè năm ngoái, anh bạn góa vợ của tôi điện thoại rủ tôi xuống chơi, luôn thể anh cũng muốn biết ý kiến tôi về bản thảo một tập thơ tiếng Anh mà tác giả là một người cháu gọi anh là chú ruột. Tôi nói sẽ xuống nhưng mà cứ hẹn rày hẹn mai mãi cho đến bữa trong năm, đâu khoảng 24 Tết, nhân đi San Diego có chút việc, trên đường về tôi ghé thăm anh. Ở đây, bất thùng chi thình tạt vào nhà một người quen là chuyện rất không nên làm. Bởi vì một lần bốc đồng như vậy, có khi phải lái xe cả nửa tiếng mà không chắc người mình muốn gặp đã có nhà. Chưa nói đến cái khoản lịch sự thông thường nó buộc mình phải báo trước. Nhưng giữa bạn tôi và tôi cũng là chỗ khá thân tình mà bạn tôi cũng đã nghỉ hưu, nên tôi ngụy biện với chính mình mà cho rằng cơn "hứng bất tử" của tôi là hợp lý, hợp tình, hợp cảnh. Run rủi sao mà lại có anh ở nhà.

Con cái đã có gia đình và đi lập nghiệp ở các tiểu bang khác nên bạn tôi sống một mình trong một ngôi nhà nhỏ nằm trong một khu khang trang, cách bờ bể chừng ba cây số. Nhà ở trên đồi, từ phía trước nhìn ra thấy cả khu phố ven biển, thấy cả cái cảng nhỏ chi chít những chiếc du thuyền, tàu máy neo dọc mấy cái bến dài, thẳng tắp. Hai bên lối đi dẫn vào nhà là hai dãy hồng đã trụi cả hoa lẫn lá. Thảm cỏ nhỏ cũng vàng úa mà hai khóm bông giấy hai bên nhà rõ ràng là không được cắt tỉa. Những cành đầy gai lớn cứ theo ánh nắng sớm chiều mà mọc tua tủa bốn phương tám hướng theo kiểu mạnh ai nấy sống. Liếc nhìn mấy khóm lài um tùm ở mép vườn trong khi chờ bạn tôi mở cửa, tôi đã nghĩ đến câu, (có thể là của Chateaubriand, tôi không nhớ nổi) *"tâm hồn mình cũng héo úa, nếu mình không biết săn sóc đến những đóa hoa bên cửa sổ."* Nhìn con đường nhựa ngoằn ngoèo bò xuống phía biển, tôi cũng nghĩ luôn đến hai câu của anh bạn thơ Cao Tần, được viết ra vào những ngày tháng vất vả cực nhọc ở vào thời kỳ mà hàng vạn cánh bèo di cư vừa mới dạt vào vùng ven biển này: *Nhà tôi ở toòng teeng đỉnh đồi/Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc!*

Nhưng mà cái ngăn nắp sạch sẽ trong căn phòng khách bày biện rất đơn giản đã làm tôi ngạc nhiên không ít. Bộ ghế mây có đệm vải thêu

những đóa hoa lớn, chiếc bàn gương trên có một cái bát kiểu Nhật Bản, có vẽ những con sóng lớn và mạnh, giống như con sóng ngút trời trong bức danh họa nọ của Hokusai. Trên tường có theo phiên bản phóng lớn bức tranh của Lê Lựu thuật lại cảnh hai Kiều đang nép dưới hoa, một bức ảnh lớn chụp cửa Ngọ môn, và một bức khác chụp cảnh đồng lúa miền Nam, với mấy chiếc thuyền con trên một con kênh rộng, nước phù sa đục ngầu. Tôi nhìn kỹ căn phòng khách, tịnh không có bóng dáng một bàn tay đàn bà. (không một cánh hoa, dù là hoa giấy, hoa giả) Vậy mà cái khăn thêu "rua" lót dưới cái bát Nhật Bổn trông thẳng thớm, trắng tinh. Cái dĩa gạt tàn, tuy có dăm mẩu thuốc mà trong bóng lắm. Căn phòng khách này, nó không được trang hoàng theo một lối, một kiểu nào cả, Mỹ cũng không phải Mỹ mà Việt Nam cũng không ra Việt Nam, nhưng mà nó sạch sẽ, sáng sủa, xinh xắn.

Bạn tôi đẩy chén trà Ô Long vùng An Khê bên Trung quốc về phía tôi rồi trao cho tôi tập thơ khá dày:

"Thơ thằng cháu tôi đó. Nó gửi cho tôi vì nó biết tôi cũng thích xem thơ, nhưng nó quên mất rằng tôi chỉ cảm được thơ tiếng Việt tôi. Còn thơ ngoại ngữ, hiểu thì cũng hiểu đấy, nhưng mà tiếng Anh của tôi... tôi chưa đủ sức mà cảm..."

"Bộ anh tưởng tôi khá hơn anh sao?"

Bạn tôi cười:

"Không. Nhưng mà tôi biết anh thích xem thơ ngoại ngữ, ít ra là thích hơn tôi. Còn một chuyện này nữa. Cháu tôi nói là nó làm thơ tự do, free verse, anh biết rồi chứ gì. Thật tình, chú cháu, không lẽ mình hạ nó trước khi nó đem đi xuất bản, trước khi nó đăng đài, nhưng có nhiều trang tôi thấy không ổn. Cứ như là văn xuôi với những câu dài lê thê được ngắt quãng, xuống hàng ngang xương! Đây này, anh đưa tôi chỉ mấy chỗ..."

Tôi trao tập thơ lại cho bạn, dùng kế hoãn binh mà nói sẽ đem về nhà đọc cho kỹ trước khi có ý kiến. Thơ chứ có phải là vè lục bát quảng dầu cù là hiệu Con Cọp đâu mà liếc qua rồi đặt tờ báo xuống bàn. Bởi vì tôi thừa biết rằng những điều như thơ tự do và thơ "không" tự do, tức là thơ có vần, có khổ, có đoạn vân vân , nói cho đến ngày tàn thiên niên kỷ mới toanh này cũng chưa xong. Chỉ có loại thơ mà tác giả đã bị mất tự do sáng tác, đọc là nhận ra ngay.

Tôi đổi câu chuyện:

"Lâu nay anh có đi chơi xa ở đâu không?"

"Thật ra có đi thăm các cháu ở bên Florida và trên Washington, nhưng cũng không hẳn là đi chơi." Trầm ngâm một hồi, bạn tôi nói tiếp:

"Từ ngày nhà tôi mất, tôi cũng không thiết nữa. Trước kia, vợ chồng

có nhau, quen rồi. Bây giờ, đi một mình... buồn. Góa vợ sau gần bốn mươi năm ăn ở với nhau... Tôi không đến nỗi vất va vất vưởng như cụ Nguyễn Khuyến, nhưng mà... Cái bát Nhật Bổn này, nhà tôi mua hồi chúng tôi đi Tokyo năm 91."

Bạn tôi im lặng mà tôi cũng cố ý im lặng, không hút thuốc mà cũng không nhấc chén trà ngon. Những người sống độc thân ở cái tuổi đã ngoài sáu mươi, mà chỗ giao du lại ít ỏi như bạn tôi, ít khi họ thổ lộ tâm sự. Nghề cũ của tôi là nghề nghe, kể cả cái nghe lóm. Tôi có cảm giác là tôi đang sắp sửa nghe được một điều gì đó lạ lạ, hay hay. Tôi chờ. Nói dốc theo kiểu Khổng Minh thì đúng là:"Quả như lời ta liệu." Y như rằng! Trầm ngâm một hồi lâu, bạn tôi cất tiếng, nhưng mà cất tiếng để buông ra một câu nghe như ám hiệu hoặc khẩu hiệu cần phải được giải mã, tôi không hiểu:

"Cái khó nhất là áo quần."

Tuy không hiểu nhưng vì muốn khuyến khích cho bạn tôi nói, tôi tiếp tục im lặng, không để lộ ra ngoài mặt cái tình trạng ngẩn tò te của tôi. Chừng dăm phút sau, anh nói tiếp:

"Hồi nhà tôi mới mất, khi dọn vào đây, có rất nhiều đồ đạc cũ tôi bán, tôi đem cho mấy cơ quan từ thiện cả, trong đó có nhiều thứ do chính tay nhà tôi mua sắm trong hơn hai mươi năm ở Mỹ, sách vở, bàn ghế, nồi niêu. Tính tôi lộn xộn, bừa bãi. Mà nhà tôi lại gọn gàng lắm. Dọn vào đây, tôi cố giữ cho được ngăn nắp như hồi nhà tôi còn sống. Lúc đầu cũng khó, nhưng mà tôi cứ mường tượng như là có nhà tôi ở bên cạnh. Lâu dần rồi cũng quen.Tôi cố ý vứt bớt những gì không cần thiết, thành ra cũng đỡ dọn dẹp. Chỉ có áo quần của nhà tôi là tôi không thể nào đem cho ai được cả. Tôi còn giữ lại hết ở trong phòng. Nữ trang thì đương nhiên là tôi để cho cháu gái nó giữ. Ngày trước, hình như ở nhiều nơi bên mình có cái tục đem áo quần của người đã chết mà đốt đi. Nhưng mà tôi không muốn, không nỡ, không rứt ra được thì đúng hơn."

Cái người quan phu này quả có chung tình thật. Câu xếp tàn y lại để dành hơi,(tuy còn có chỗ tồn nghi về tác giả vì có một đôi thuyết cho rằng bài Khóc Bằng Phi không phải là của vua Tự Đức) của một bậc vương giả si tình, thường mỗi lúc nhớ đến, tôi thấy cái tứ thơ nó lạ, nó đẹp. Nghe được câu chuyện của anh bạn, nghĩ đến bảy chữ đó, tôi thấy câu thơ còn đượm chút buồn nữa. Cái đẹp mà lại còn vương chút buồn, có vẻ như nó càng thấm thía.

Ấy, đời này có người này kẻ khác. Có chồng nọ chồng kia. Hồi đầu năm ngoái, nhân ngồi nói chuyện với một anh bạn văn, lâu nay hình như đã gác bút, chúng tôi có nhắc đến cái chết một người quen mà tôi nghĩ là

đêm. sa mạc lan dần
NGUYỄN THANH CHÂU

đêm hoang vu đêm sa mạc cát
bao bủa tôi tiếng sói tru trăng
hồn thảng thốt kiếp nào trôi giạt

lung linh. lung linh trời quê cũ
mùa giải oan dàn sếu sang sông
người thương ơi! ràn rụa mắt trông

đêm ly hương đêm trăn trở thức
dúng trơ vơ mấy cụm xương rồng
rực bông đỏ như tim ứa máu

mặt giếng dâu? săm soi dáng hẹn
lòng ngùi cố sự lỡ thiên thu
ngày về cời lại bếp tro ủ

đêm hoang sơ đêm biền biệt dắm
giấc mơ nào rờn rợn u minh
dợi nhau tàn hương lửa ba sinh...

dù mình có rộng lượng đến mấy cùng không thể gọi là gương mẫu được. Tứ đổ tường ông ta không thiếu một món nào, mà tôi nghĩ nếu có thêm một thứ đổ tường thứ năm nữa, ông cũng kiêm luôn. Tôi nói với người văn hữu nổi tiếng là có một cái lưỡi sắc và độc:

"Mình nghĩ, ông ấy chết đi là bà ấy thoát nạn."

Anh bạn văn của tôi gật gù:

"Thật ra, có người chồng nào chết đi mà vợ không thoát nạn đâu!

Nghĩ đến lu bù tật xấu, thói xấu của chính mình, tôi chưa hỏi ý kiến của vợ tôi về câu nói của anh bạn. Tôi sợ lại phải nghe một mệnh đề ở thể khẳng định. Tôi sợ nhà tôi đồng ý.❐

---

* Les Eaux Printanières.

**...Before life liquor in its cup be dry.

Kể chuyện ngày xưa

Nguyễn Văn Sâm

Năm 63 sau ngày thay ngôi đổi chúa, Sàigòn trùm ngập trong không khí hăng say của một thành phố bỗng nhiên thấy mình vương thân lớn lên đến tuyệt cùng của sự áp dụng lý thuyết dân chủ. Người khổng lồ tiềm tàng nhiều sức mạnh và trăm tay tự do không biết làm thế nào tiêu pha hết các xung lực bên trong. Nhân sự và năng lượng dự trữ quá nhiều. Khuynh hướng và lý thuyết cũng không phải ít. Phía nầy các tướng lãnh trẻ, sạch rục rịch đảo chánh lần nữa để đem lại ổn định cho quốc gia. Phía kia các khuôn mặt dân sự sáng giá từng vào tù ra khám, họp bàn sách lược mới về cứu nước và dựng nước thay thế cho sách lược cũ vốn mới nghiên cứu và ban hành trước đó không lâu. Sàigòn đầy rẫy lãnh tụ sinh viên với khả thể hô hào tụ họp được hơn mười ngàn khuôn mặt trẻ dễ dàng chiếm đường phố suốt ngày. Sàigòn phong phú các bậc trưởng lão tôn giáo chỉ hiểu dụ một câu có thể làm náo loạn sinh hoạt thường nhựt của thủ đô cả tuần kế đó. Sàigòn ngập tràn tin tức bất bớ, trả thù trong bóng tối. Sàigòn với vô vàn cuộc thưởng chức phong quan không theo hệ thống luật lệ hằng hữu. Đã khác rồi thời luật pháp cần có của một đô thị trên đà phát triển trong giai đoạn chiến tranh. Sinh hoạt êm ả của ngày xưa không còn thấy đâu nữa. Dân chúng đắm chìm trong ưu tư bất trắc của ngày mai với chuyện thực phẩm khan hiếm, đầu cơ và các bản nhạc hùng đặc trưng của chỉnh lý, đảo chánh cùng với hiến ước, hiến chương, ước pháp. Tôi ngồi phía sau cóp chiếc xe lô Minh Chánh nhìn thiên hạ xuôi ngược. Tất cả nếu không biểu lộ nét chán chường thời thế thì là vết hằn của năm tháng lo âu. Sao nỡ ra đi bỏ thành phố thân yêu không thương tiếc? – Hơn hai mươi năm chung tình rồi còn gì. Em Sàigòn biến chất chớ không phải tôi tình phụ bỏ bê. Trong phong ba của bom đạn Đồng Minh cuối thế chiến, tôi chỉ theo cha mẹ về quê vùng Chợ Đệm náu nương một thời gian ngắn rồi

lại lục tục trở lên Sàigòn sống đời thơ ấu cho đến lúc bước những bước rục rè chánh thức vào đời như một người trưởng thành. Tôi từng đứng nhìn không mỏi mắt đàn kiến người đưa đám tang anh học sinh họ Trần, đám táng lớn nhứt thế kỷ cho một thanh niên trẻ tuổi nằm xuống vì tiếng nói đối kháng chế độ thực dân. Tôi từng theo chân đoàn người thật dài và yên lặng tiễn đưa nhà văn độc nhất đang sống ở Miền Nam của văn đoàn Tự Lực, nằm xuống để phản đối không cho người khác xử mình. Tôi đi tìm một thành phố hiền hòa nào đó, trốn tránh sự ngột ngạt của những dao động lúc nào cũng có thể xảy ra cho thủ đô thần tượng. Vị Giáo Sư ngành Triết dạy môn Đạo Đức tại trường Đại Học tôi đang theo, lúc đó phụ trách ngành Trung Học, thể theo lời yêu cầu phụ giúp của người bạn vừa tham chánh trong một chánh phủ gọi là của dân nghèo, ký giấy cho tôi được về dạy giờ tại ngôi trường mang tên vị văn hào mù lòa nhưng tượng trưng cho hào khí của miền Nam khả ái. Tôi chưa có một hình ảnh gì rõ rệt về ngôi trường mình sắp đến. Tất cả đều là những cảm giác mù mờ đựa trên các dữ kiện thiếu cơ sở. Không thể nào trường nầy cựu trào hơn ngôi trường tôi từng theo mười năm trước, mang tên nhà văn bác-ngữ-học danh tiếng cuối thế kỷ vừa qua. Không thể nào trường nầy tọa lạc trên vùng đất khang trang như ngôi trường của tôi. Không thể nào trường có phong vị học hành như ngôi trường đã cho tôi niềm hãnh diện trong thời niên thiếu.... Không thể, và biết bao nhiêu cái không thể khác hiện ra trong trí.

Các ý nghĩ đó thay đổi khi tôi đến trước ngôi trường nhiệm sở. Cổng sắt to lớn, uy nghi. Cột xi măng bề thế. Ngôi nhà chức vụ của ông Giám học như biệt thự nho nhỏ, xinh xinh. Trường rộng rãi, nguyên cái sân thôi cũng đã to hơn toàn thể khu đất của nhiều trường ở Sàigòn. Kiến trúc trường cổ kính theo hình chữ U, dãi lầu ngang tôi còn nhìn thấy lan can và nhiều thanh sắt uốn nắn hay chạm hoa văn đặc biệt của mô thức kiến trúc Pháp đầu thế kỷ. Trường nằm lọt trong lòng một khu vừa thị tứ vừa thơ mộng. Con đường me phía trước sao mà vừa rộng thênh thang vừa đẹp đẽ đến kỳ thú, gợi tình. Những cây me có thể đã trơ gan cùng tuế nguyệt hàng bảy tám chục năm nay, thân to lớn, cành lá xum xuê, tạo nên con đường me bay ngay trong ký ức tôi từ lần đầu tiên gặp gỡ. Cảm giác đó vẫn còn giữ cho đến ngày hôm nay, đoạn đường đời đã bước vài bước sang chặng cuối. Con đường Ngô Quyền bên hông trải dài bằng nhà cửa sang trọng, biết bao nhiêu nhà lầu kiến trúc đẹp đẽ, kín cổng cao tường, nói lên sự hiện diện của mình chỉ bằng mùi bông sứ bông trang thơm ngào ngạt. Con đường phía sau là khu chợ, nơi mà sau nầy là chỗ thầy trò chúng tôi nhiều tối ra ngồi trước tô bò viên và ly rượu thuốc Vĩnh Tôn Tâm nhìn sinh hoạt buổi chiều ồn ào của tỉnh lỵ, bàn chuyện đội đá vá

trời. Hình ảnh ngôi trường trong trí khác với hình ảnh thật sự bên ngoài đã thay đổi tình cảm của một thầy giáo mới vào đời là tôi. Tôi cười làm quen với những cậu học sinh áo trắng quần dài xanh, huy hiệu bằng vải thêu chữ xanh may luôn trên áo. Qua họ tôi nhìn thấy hình ảnh mình năm ba năm trước, tự hào với đàn em các lớp nhỏ nhưng bở ngỡ với quá nhiều ngã đường kỳ bí trước mặt. Những cái gật đầu chào ngỡ ngàng đồng thời chứa đựng một sự kính trọng cùng thân thiện đến ấm lòng. Tôi đi về phía văn phòng. Dãy nhà bên trái đối với cổng lớn, dựa lưng vào đường Ngô Quyền. Một vị giáo sư đứng tuổi, người rắn chắc, thấp, dáng thể thảo gia, tóc hớt cao, mà sau này tôi mới biết là thầy Tổng Giám Thị có cùng tên với mình, kêu hai học sinh bê bối mà nãy giờ ông đang giảng luân lý, đứng qua một bên, đón tôi lại, hỏi rồi niềm nỡ chỉ văn phòng hiệu trưởng. Tôi cảm thấy ấm áp nhờ sự chào đón đầu tiên đó. Ngay từ phút nầy tôi biết rằng Sàigòn đã thật sự vắng mặt trong tôi, từ đây mình là một phần tử không thể tách rời của ngôi trường tại vùng đất mận hồng đào nầy. Đời mình rồi sẽ gắn bó với nó nếu những trở ngại đừng quá lớn lao.

Phút trình diện thân mật và dễ dàng hơn tưởng tượng. Tôi nhìn ra ông Hiệu trưởng, gọi ông bằng Thầy và nói rằng mình xuất thân từ ngôi trường nhiệm sở tiền nhiệm của ông. Ông xưng Thầy và gọi tôi bằng con, tiếng con thân thiết khiến tôi cảm động thật sự dù mình đang ở trong tuổi tự cho đã lớn và phải kềm chế những xúc cảm không hợp với phái tính. Ông nói sơ qua về sinh hoạt của trường, khuyên tôi nên học thêm năm chót để hoàn tất học trình cần thiết của một giáo sư trung học. Ông nói về bổn phận của người thầy ở đây và bổn phận đối với chính mình khi tôi có dịp về Sàigòn. Giọng nói của ông ấm cúng, từ tốn, tỏa ra sự thân yêu đùm bọc trong từng lời một của một người đi trước đối với lớp trẻ đi sau. Tôi cảm thấy được che chở ở nhiệm sở đầu tiên trong đời qua lời khuyên chủ chân tình của ông. Giờ phút nhậm chức sao mà giống như những phút tâm tình của hai người với tình sư đệ.

Theo lời chỉ dẫn của thầy Hiệu trưởng, tôi vào văn phòng Giám học để xin được xếp thời khóa biểu. Thật sự tôi là thành viên của ngôi trường từ đó. Đấy là những ngày đầu của năm 64.

Thằng Đất thường bối rối khi tôi kêu lên hỏi bài. Cả lớp ồn ào khi thấy nó khó nhọc lách mình giữa khoảng cách quá hẹp của cái ghế dài và bàn viết. Cử chỉ cùng điệu bộ của nó không phù hợp với một học sinh Đệ Ngũ chút nào. Đó là thân hình của một người trưởng thành, to lớn, mạnh khoẻ. Nó cao hơn tôi nguyên một cái đầu mà lại cố tình đứng xáp vô tôi để bạn bè thấy ngay được sự cách biệt hình dáng của hai thầy trò. Tôi lùi

lại, bước lên bục giảng, nó biết thân không dám bước theo lên. Bây giờ nó vừa khoanh tay hếch mặt lên trời vừa ưỡn ngực hít thở óp bụng làm Thần Đèn lực lưỡng trong tuồng Ấn Độ Ali Baba. Cả lớp cười nghiêng ngửa, có đứa được dịp đấm thình thịch vào thằng bạn kế bên. Lớp học thật sự mất vẻ nghiêm trang cần có. Tôi bối rối thiệt tình. Đã làm thân dạy giờ mà không nắm vững được lớp thì chuyện gì sẽ xảy ra. Tôi làm mặt nghiêm, lấy thước bảng gõ xuống bàn kịt kịt rồi ra luật rằng từ bây giờ trò Đất muốn làm gì cứ việc làm nhưng trò nào cười sẽ bị phạt. Chưa biết hình phạt là gì nhưng nghe tiếng phạt đứa nào cũng nín im. Tội nghiệp thằng Đất, nó kềnh càng nhưng vẫn là một đứa học trò vừa qua khỏi Tiểu học không bao lâu, kiến thức mọi môn đều kém. Thế mà tôi lại bắt nó trả lời những câu hỏi hơi quá sức, ngay cả đứa học trò thông minh nhứt của tôi, con của một nhà văn chuyên tả cảnh sinh hoạt đồng quê khá nổi tiếng ở vùng nầy cũng không trả lời được. Ngay cả sự giải thích hình ảnh quá hoàn hảo của anh chàng Vân Tiên khoan khoan ngồi đó chớ ra bằng phản ứng do cảm thức thất bại của tác giả trong đời bình thường cũng là một giải thích quá tầm thâu hoạch đối với thằng Đất và các bạn. Vậy là nó lãnh đủ những hờn giận của một thầy giáo chưa có kinh nghiệm và chưa phân định được chuyện học hành và cảm xúc không kềm chế của một người thầy. Thằng Đất tiu nghỉu khi xách tập về với một cặp số không màu đỏ và lằn gạch dưới đậm dài như ngọn roi mây quất vào lòng nó. Lớp học êm thật êm, tôi nghe cả tiếng một con ruồi vo vo đằng cuối lớp. Tôi nhận được tiếng thở dài của những đứa học trò nhỏ hiền. Những cái nhìn lấm lét làm chùn lòng tôi. Miệng cắt nghĩa bài nhưng hồn tôi như đi trên than hồng của sự hối hận, nghe tiếng mình sao mà vô vị, bất xứng và đáng ghét.

Chú hỏi sau nầy tôi có xin lỗi hay nói gì với thằng Đất cho nó mát dạ không hả? Cái bậy nầy dẫn tới cái bậy kia chú ơi. Tôi lờ đi với lý do mình là thầy, chỉ tỏ ra săn sóc nó hơn, ngọt ngào với nó hơn chớ tuyệt nhiên không nói gì đến cơn giận nắng mưa vô lý của mình. Cho tới bây giờ gần bốn chục năm qua tôi vẫn còn mường tượng vẽ mặt cười cười trong khổ sở và bắp tay cuồn cuộn của nó khi tôi đánh quẹt lọ vì những câu nó trả lời không hợp ý mình. Chú biết không, thằng dễ thương vậy mà năm sau phải bỏ học ngang, chưa kịp thi cả bằng Trung Học Đệ Nhứt Cấp. Bạn bè Đất cho tôi biết nó vô Dân Vệ ở xã nhà để được gần gũi gia đình. Đời bận rộn quay mòng trong cơn lốc thời gian và cuộc sống bon chen khiến tôi quên bẵng nó, không biết về sao Đất như thế nào nữa. Chiến tranh thời nầy đã nuốt chửng vô vàn thanh niên, không biết người học trò đặc biệt đó của tôi thoát khỏi chăng nanh vuốt của con quái vật gọi là cuộc chiến?

Chú muốn nghe nữa?

Toàn chuyện buồn không à! Chuyện vui bay thoát mất tiêu trong tăm tối, chuyện buồn man mác mới tồn tại chú không biết điều đó sao? Lúc đó tôi tạm trọ trong nhà nọ. Nhà lầu ba từng ở đường Ngô Quyền, chủ nhà là một bà bác độ chừng năm mươi tuổi, quả phụ của một thầy giáo. Nhà rân rác lắm, trước kia nghe đâu có mở tiệm cầm đồ, thầy giáo mất, bà bác cho học sinh ở trọ để vui cửa vui nhà. Bà sắp xếp cho tôi ăn riêng theo khẩu phần và giá biểu của giáo sư. Độ một thời gian, sau khi đã quen với đám học trò cùng nhà, thấy các em ăn uống kham khổ tôi nghĩ rằng ăn chung với tụi nó tốt hơn. Kết cuộc là nhiều bữa tôi đói, phải ra chợ ăn thêm vì sức học trò ăn quá mạnh, loáng một cái trên mâm đã không còn gì. Cũng nhờ ăn chung mà tôi chơi thân với những đứa học trò lớp Đệ Nhứt, khoảng cách giữa thầy trò chỉ vài ba tuổi thôi. Chúng biết nhiều chuyện xảy ra trong vùng. Chúng nhứt quỷ nhì ma, biết nhà nào có con gái xuân thì, biết trái cây bà bác cúng rồi để đâu, biết thức ăn nào còn để dành lại. Một bữa kia vào lúc bảy giờ tối vãng vẳng đưa tới tiếng kèn đám ma tò le từ xóm bà giám thị Đẹp. Tôi đưa mắt hỏi thằng Thượng, nó trả lời trong tiếng thở dài, thầy Th. đó, ổng bị bắn sẻ trên đường về. Rồi nó kể tiếp, ông đi tác chiến đâu chừng được một năm, mới có giấy biệt phái, vừa giao đại đội đi về thì bị. Tài xế cũng không biết, chỉ thấy ông gục đầu qua một bên rất lâu tưởng là ổng ngủ.

Tôi rùng mình, trong túi tôi hai ngày nay có tờ giấy kêu trình diện Bộ Quốc Phòng do Chuẩn Tướng Giám Đốc Nha Động Viên họ Bùi ký tôi chưa biết phải đối phó cách nào. Tờ giấy bây giờ nghe như đương vương mấy ngón tay móng dài ra cào cào bắp vế tôi nói rằng mình có mặt. Đêm hôm đó và hai ngày sau tiếng kèn u uất là nỗi ám ảnh không rời. Tôi chưa từng biết Th., đám tang tôi cũng không đi dự thế mà lòng nghe xót xa cho anh, cho những người cùng trang lứa. Chắc anh khi cầm tờ giấy biệt phái đã xây biết bao nhiêu mộng, đã vẽ ra nhiều chuyện mình phải làm cho tương lai. Thùy vô tử nhưng đây là lần đầu tiên tôi nghe về cái chết của một đồng nghiệp bất hạnh. Tiếng kèn và tấm giấy gọi nhập ngũ đã tạo cho tôi nhiều ác mộng. Tội nghiệp cho người hay nghĩ đến chuyện có thể xảy ra cho mình trong tương lai. Không có thì giờ phân tích lòng mình, tôi chỉ biết rằng mình sợ trò chơi binh nghiệp ngay từ khi nghe chuyện bất hạnh xảy ra vào Giờ Thứ Hai Mươi Lăm của Th.

Chú muốn nghe nữa?– Được.

Tôi có một đứa học trò ưa cùng tôi bàn luận chuyện văn chương thi

phú. Nó thuộc thơ văn nhiều hơn tôi tưởng. Lắm lúc nhận xét của nó quá khích đến lạ lùng. Thằng Thiện bữa nọ đưa tôi tập thơ Từ Ấy in trong vùng Giải Phóng ở Bến Tre. Tập thơ khổ nhỏ, in đẹp, giấy trắng tốt. Tôi cầm mà tay run run. Không phải đùa, lớn chuyện rồi đây. Thằng Thiện theo bên nầy hay bên kia mình đều kẹt cứng. Khuyên bỏ hay khuyên giữ tập thơ đều khó, đều có thể có phản ứng ngược. Tôi hỏi ở đâu em có, nó trả lời là của anh em, anh ấy lớn hơn em một tuổi, thi vô Đệ Thất không đậu, ở nhà. Bây giờ anh ấy theo phe bên kia. Vùng xôi đậu mười bốn mười lăm là phải theo họ hay đi ra thành phố. Ảnh chọn ở lại vì em còn mẹ già và hai em gái nhỏ. Thỉnh thoảng tối ảnh còn được về nhà thăm má em giúp bửa củi đắp mương, đào ao, đập lúa. Đi lính Cộng Hòa không biết bao giờ mới được thăm gia đình. Tôi nói nhưng mà Thiện đừng cầm tập thơ đó khơi khơi như vậy, nguy hiểm cho em. Nó là một thứ quốc cấm. Thà em hiểu, em chọn phe thì có lý, đàng nầy em chỉ thích thơ và tò mò muốn biết nội dung trong đó. Cái hại không bù với cái lợi trong trường hợp nầy. Thằng Thiện thở dài xếp lại tập thơ đút túi. Từ đó nó không bàn gì đến chuyện thơ phú với tôi nữa. Tôi quên đi Từ Ấy, chỉ nhớ đến chuyện hai anh em Thiện. Rồi đây sẽ có lúc hai đứa cầm súng bắn nhau mà mọi sự bắt đầu bằng chuyện thi đậu hay thi rớt vào Đệ Thất. Ước gì trường tôi có đủ chỗ cho tất cả học sinh Đệ Thất. Ước gì đất nước chúng ta không có những vùng xôi đậu. Chú hỏi về sau hả? Thằng Thiện tôi gặp lại ở Sàigòn sau đó, đang theo học trường Chiến Tranh Chánh Trị. Nó nhắc đến những đứa học trò cùng trọ với chúng tôi bây giờ đã thành nhân chi mỹ bằng một giọng thiệt vui. Tụi em gặp nhau là nhắc tới thầy hoài, nhắc tới sư tổ nữa. Tôi chận ngang, nói rằng mình hãnh diện khi thấy các em thành tài, đất nước mình nghèo, quê hương mình chìm trong đại nạn chiến tranh nhưng trường học đã làm tròn nhiệm vụ đào tạo, và học sinh đã sống xứng đáng đời học sinh.

Chú biết không, không gì thiệt thòi cho trẻ em bằng cắp sách đến trường mà không tin những gì thầy cô giảng. Không gì dễ làm hư trẻ em bằng sự đối nghịch giữa trường học và trường đời. Chú có thể chê thời tôi sống có nhiều cái bê bối nhưng chú không thể chê tình thầy trò và sự giáo dục mà các em đón nhận....

Tôi từ giã nhà trọ để khỏi đi sâu vào những chuyện khó xử về sau, chuyển tới ở chung trong chuồng cu phía sau trường với người thầy cũ mà học trò tôi thường gọi là sư tổ. Như đã nói với chú, chiều chiều tôi cùng với một anh bạn nhà giáo gốc võ sĩ cùng hộ tống thầy mình ra ngồi sau chợ nhâm nhi để quên đời và bàn chuyện lớn. Tôi thật sự làm quen với các đồng nghiệp là lúc nầy. Anh Lê, Toán Lý, cờ hạng cao, anh Quách, vua

cờ, Giám học Lâm vui tánh, anh Đại, Sử Địa, bạn học với tôi, anh Sáng râu, triết gia, tuyên bố không thèm cưới vợ. Anh Phẩm Bá, Pháp văn, nhiều tham vọng, anh Tâm, Triết, vận động hăng hái để có Đại Học Tiền Giang, anh Nghĩa Trung, Vạn Vật chuyển sang Luật... Còn biết bao nhiêu người khác nữa không thể kể hết như các anh Mai, Thứ, Kiến, Long, Nhơn, T.V... Tất cả đều dễ thương với bạn bè và hết lòng với đám môn sinh, lúc nào cũng muốn học trò mình thành đạt, đem lại rạng rỡ cho trường. Sau này trong dòng đời xuôi ngược, có dịp gặp lại họ hay không tôi đều có hình ảnh tốt về những con người tận tụy đó, những con người một lòng đem đời mình đắp xây cho thế hệ sau. Giờ đây tất cả đã tan tác bốn phương, người chết, người bệnh, người nghèo, người lưu lạc nhưng tôi biết chắc rằng ngày xưa họ đã làm quá hơn sự đòi hỏi của vai trò mình mà không đòi hỏi một sự báo đền nào

Xin đọc cho chú một ý thơ mới hiện ra trong trí già này. Không phải do sáng tác mà là phóng dịch từ một bài hài cú của Kishu, nhà thơ thiền danh tiếng của Nhật Bản:

Bốn mươi năm đây đó,
Về lại trước trường xưa,
Tôi chưa từng đi một bước nào.

Phải, bằng tấm lòng, người ta gắn bó với xứ sở, quê hương hay một địa phương nào đó. Trở về lại nơi chốn kỷ niệm xưa là tiếp nối ngay với thời điểm lúc bỏ ra đi. Khoảng thời gian tôi không có mặt ở trường này bây giờ đây bị xoá tan hoàn toàn trong trí nhớ như là chưa bao giờ hiện hữu. Tĩnh giấc kê vàng đó chú. Tôi thấy mình trở lại những tháng ngày trẻ trung đứng trước đám học sinh, chăm chú nghe thầy giảng bài mặc dầu trong trí họ mới vài phút trước còn đầy những ưu tư về nghèo khó, quân dịch, tình phụ, áp lực của vùng xôi đậu.... Chú thấy đó, tôi sẵn sàng mở rộng nội tâm mình ra ráp vào hiện trường nhưng khung cảnh không sẵn sàng. Nét thay đổi vật chất về hình thể ngôi trường, sự dững dưng của học trò không biết tôi là ai, cái nhìn dò xét của người điều hành khi tôi xin phép được một mình ên đi vòng vòng phía bên trong.... đều là chuyện thường, chuyện nhỏ, không đáng kể. Điều tôi không chịu được là thấy người ta đua nhau lấn chiếm, đành đoạn giành giựt đoạt xé từng mảnh thịt xương của ngôi trường. Căn nhà Giám học không còn nữa, nhiều phần đất chung quanh đã bị tướt lột, bán lại sang qua không biết bao tay người. Chú thấy đó, hàng rào sắt chung quanh trường tượng trưng cho sự bảo vệ học sinh đối với xã hội đảo điên đã bị bứng lên đem đâu mất. Người ta thi nhau đổ rác, phóng uế phía sau nhà mình, có biết đâu phía đó quay về các

lớp học. Đau đớn nhứt là diễn trường cho những sinh hoạt phi giáo dục lại xảy ra tại chỗ này. Tất cả đều có từ *ôm* đi sau. Chú có thấy thiệt là vô lý hay không khi thầy cô giảng bài, học trò học ngồi trong lớp, chỉ cần nhìn ra cửa sổ sẽ thấy, sẽ tưởng tượng được rõ ràng cảnh kề vai cọ vế? Vị vĩ nhân mà trường mang tên có nói *Thà đui mà giữ đạo nhà*. Đạo nhà đây không gì khác hơn là nhân luân. Bây giờ thì tang thương đến cả từng mảnh nhỏ của ngôi trường vì người ta không làm tròn nhân luân đó chú. Chú thấy các thông cáo đóng hàng chục thứ tiền dán trên bảng kia không? Trẻ con làm sao còn tin tưởng được những gì người lớn nói?

Mà thôi, kể chuyện cổ tích với chú bao nhiêu đó đã đủ, trách móc rồi cũng dư lời, nói nhiều thêm nước mắt lại đoanh tròng. Già rồi không ai muốn điều đó, trẻ con chung quanh chúng cười cho. Lão đại hồi luôn luôn là phút bẽ bàng. Mục đồng tá vấn vẫn là cảnh đau lòng đứt ruột. Tôi nói cái gì vậy cà? Thôi! Chú ở lại mà chứng kiến cảnh hí trường thấm thoát. Mai ngày biết đâu sẽ có những thầy, những trò khác về đây ngồi kể chuyện sang đàng với chú như tôi. Rán mà nghe tâm sự họ với tất cả cõi lòng rộng mở nhe chú!

Cây me to xào xạc cành khi người ngồi dựa gốc nó bây giờ đứng dậy chệnh choạng bước đi. Dáng ông coi bộ mạnh khỏe nhưng sao bước chân lại xiêu xiêu như người say rượu băng xiêng. Lá me vàng úa bay lả tả, lượn lờ trong không gian, như xúc động bùi ngùi đưa tiễn, rớt lấm tấm trên cái đầu bạc trắng của người thầy giáo già mất quê hương và mất luôn cả kỷ niệm.❐

(viết riêng cho đặc san Nguyễn Đình Chiểu)

thiên nga giữa cõi người

tập truyện ngắn của

Tâm Thanh

Tạp chí Văn Học xuất bản

"Chủ ý của Tâm Thanh là truy tầm những bi kịch muôn thuở ngay trong những hoàn cảnh bất ngờ nhất, nơi người ta tưởng không bao giờ có bi kịch. Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngơ ngẩn bàng hoàng vì băn khoăn không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý."

Văn Nghệ phát hành. - Sách dày 200 trang. Giá 10 Mỹ kim

Nhịp sống

Hoàng Nga

Gửi cả nhà

Đang đi làm ngon trớn, thình lình tôi ngã bịnh. Đột ngột như cái cây bị sét đánh nằm chổng gọng trên mặt lộ. Nhưng công việc cuối năm chồng chất như núi không cho phép tôi nghỉ ngơi lâu. Vật vờ được hai hôm, tôi phải trở dậy như Phù Đổng Thiên Vương rùng mình biến thành người lớn, lăn xả vào đánh đấm túi bụi trời đất với mọi việc, từ trong nhà ra tới ngoài ngõ. Đến ngày sinh nhật Chúa, bẹp dí trong góc phòng như một cái mền rách, tay chân dở không muốn lên nổi, tôi nằm rên rỉ cái bài hát bị nhập tâm từ trước bảy lăm, thời quân trường đổ mồ hôi, chiến trường... vẫn đổ máu, nếu mai anh chết em có buồn không, anh xin bia đá ghi tên người sống (?!)... Trời hăm bốn tháng mười hai đẹp như đang độ sang xuân, cỏ cây xanh mượt, tuyết tan sạch bóng không còn chút tàn tích rét mướt nào, cũng không có gì hứa hẹn một đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời làm tôi đau khổ đến cùng tận. Tôi quấn chăn, quắt người như con tôm, não nề đưa mắt ngó dúm thiên nhiên tội nghiệp ngoài khung cửa kính không che rèm, gồm một mảng cỏ, một nhành cây trơ lá, một dậu dây leo khô cứng, một mảnh tường vôi xám và một chút xíu bầu trời trong xanh, nhớ câu thơ của bạn tôi, một góc trời như chốn lưu đày (Thanh Hà), mà tái tê, u sầu.

Con gái tôi đi ra đi vào, nhìn tôi lắc đầu:

- Mẹ hát... ghê quá, coi chừng hàng xóm nó... gọi cảnh sát!

Giọng con bé đầy vẻ chán chường, cộng thêm... hăm dọa, nhưng cuối cùng chắc coi bộ không cách gì ngăn được giọng ca bến xe chết chóc của tôi, con bé nhào đến lay vai tôi:

- Dậy thay quần áo đi uống... bia đá với con.

Tôi lắc đầu từ chối. Con bé nghiêm giọng:

- Mẹ không dậy, con đi một mình. Đi luôn cho tới hết lễ mới về!

Nghe câu tuyên bố xanh đờn của con bé, tôi hoảng hồn, trở dậy ngay lập tức. Nhà hai mẹ con, mà một kẻ đòi... bỏ nhà ra đi, giông luôn cho tới hết lễ mới về thì kẻ còn lại biết làm cái quái gì cho hết mấy ngày *holidays* bây giờ! Tôi lồm cồm bò vào phòng tắm, tròng vào người bộ quần áo để mặc đi làm treo sẵn ở đó. Con tôi nhăn mặt, phản đối bằng một tiếng kêu ai oán:

- *Mummy!*

Tôi ngó con đau khổ nhưng rồi cũng đành phải lại thay áo xống, lựa bộ đồ đẹp vừa vừa, áo thun cao cổ bên trong, trái tim trễ ngực bên ngoài, đỏ một màu sáng chói; giày cao gót, ví xách, khăn quàng cổ, và cuối cùng, son phấn. Con tôi máu săn sì tràn trề như nước sông Hồng bên Tàu, luôn luôn canh chừng và bắt tôi phải chưng diện, làm dáng, "để không ai được phép chê mẹ!". Trước hôm tôi về ăn cưới cô em gái, nó cũng dặn dò kỹ lưỡng:

- Mẹ phải tỉa nhổ cẩn thận đấy nhé. Nhớ chụp nhiều hình mang sang đây cho con coi!

Trời ơi, sống đến hơn nửa đời người, dẫm lưng tưng trên cái lứa tuổi nhi bất hoặc vài bước rồi, tôi mới nhận ra rằng, con người ta -và nhất là tôi- sống ở trên đời là để... sợ. Nhỏ sợ cha mẹ, lớn sợ chồng, về già thì sợ con!

Nỗi sợ, tôi cưu mang hơn nửa vòng địa cầu, về đến bên nhà, sáng ngày cưới, tôi thức dậy sớm, hì hục như đánh giặc, làm điệu hiếm khi làm đến hơn cả tiếng đồng hồ, chăm chút, tỉ mỉ... chà láng từng phần chi tiết trên gương mặt, đến nỗi ai cũng sốt ruột. Con em bà con chạy ra chạy vô phòng, trêu, "nhà trai chỉ còn có... năm giờ nữa là tới nơi rồi, chị phải nhanh nhanh lên kẻo không kịp!". Nhưng cũng chính vì nhờ trâm cài lược giắt, xiêm y là lượt, môi son má phấn như thế, mà một ông bạn cũ của kẻ tôi từng đầu ấp tay gối, sửng sốt ngó tôi một hồi rồi chặc lưỡi:

- Cái thằng đó có khùng mới bỏ một cô vợ còn tràn trề sức sống như thế này!

Phải thú thật là lúc đó tôi vừa lòng lắm. Hả dạ lắm. Thấy con gái tôi có lý lắm. Nhưng tối lại, cả nhà tôi, những người còn... tỉnh rượu, hay mới vừa tỉnh rượu, ngồi lại với nhau sum họp chuyến chót, trước khi tôi giã từ đất mẹ, ồ xào đủ mọi chuyện về cái đám cưới ban sáng, cũng con em họ, nhìn tôi rất lâu, xong đưa ra nhận xét:

- Bà này than thân trách phận, la làng quá xá về chuyện bị bỏ bê phụ bạc, mà ngó cái kiểu ăn diện, áo hở cổ, hở vai, lòi đến cả nửa... tấm lưng

như vậy, chắc thế nào thiên hạ về đến nhà cũng đặt lại vấn đề, cũng nghi vấn là chẳng biết ai đã bỏ ai!

Khốn khổ thân tôi, mười hai bến nước, trong đục loạn cào cào, sống giữa... hai lần đạn của một thứ tâm thần bất ổn, lao chao, khi muốn làm cô phụ nửa chừng xuân cho thiên hạ... khen đoan chính, khi lại rối rắm thấy cuộc đời quá xá bất công đối với mình bằng nỗi cô đơn chuyên trị; nghe con em họ "búa" cho một câu nhức xương, tôi phân vân, đau khổ mang nỗi lòng về kể lể với con gái tôi. Nhưng con bé khoát tay một cách hết sức mạnh mẽ:

- Kệ thiên hạ!

Và dùng một câu chắc học lóm được ở đâu đó, "chuyện đời mà mẹ!". Chuyện đời, quả thật là có nhiều khi chẳng biết nghĩ như thế nào cho phải. Nhỏ em gái tôi yêu một anh chàng lúc mới mười chín tuổi. Gia đình đôi bên eo xèo, kèn cựa, chuyện người lớn làm... mích lòng con nít, hai đứa đành phải bồ nhau khơi khơi gần chục năm. Sau, chàng khăn gói lên đường theo song thân và em út qua Mỹ, diện HO. Không biết trước lúc chia tay, chàng và nàng có hứa hẹn điều gì hay không, nhưng cả nhà tôi, ai cũng coi như "thôi rồi". Hai thằng em út, kế con nhỏ, có vợ, sinh con, thỉnh thoảng dẫn về nhà một người, làm chung cơ quan, học chung ở trường đại học tại chức, trường ngoại ngữ, bổ túc nghiệp vụ v.v..., giới thiệu với bà chị. Người nào ngó cũng được, từ dung nhan tướng mạo đến kiểu cách ứng xử ăn nói, chỉ tiêu, định lượng thông thường đều đạt mức trên trung bình. Vậy mà, trước sự chung thủy... bất khuất kiên cường, thành đồng tổ quốc của con nhỏ, hoàn toàn chẳng có âm mưu, kế hoạch nào được thực hiện! Sau chán, hai thằng em bèn quay ra hát bài nhạc khá thịnh hành ở quê nhà của nhạc sĩ Trần Tiến, "chị tôi chưa lấy chồng"...

Con nhỏ em tôi, từ thuở lên chức cô của mấy đứa nhóc, không đi làm việc nước, cũng chẳng cáng đáng giang san nhà người nào, ngày hai buổi ngoài chuyện đón đưa các cháu đi nhà trẻ, đi học vẽ học đàn, chiều chiều chở mẹ đi chích thuốc tiểu đường, đi uốn tóc gội đầu; thì giờ còn lại chỉ vào ra, chờ... thư bên Mỹ gửi về. Năm dài tháng rộng, con nhỏ bỗng trở nên... nặng ký. Mẹ tôi ái ngại nhắc chừng, bớt ngủ sẽ ốm lại con à. Tuy nhiên, lời nhắc nhở bấy giờ của bà già, có lẽ đã hết còn tính chiến đấu, câu "coi chừng tao" có lẽ đã mất sự hiệu nghiệm như thuở chị em tôi còn nhỏ, nên cái tác dụng chẳng có gì đáng kể. Con em tôi, chắc tưởng bà già nhắc nhở mình kiểu... "hút thuốc có thể là nguyên nhân gây nên bịnh ung thư", nên mỗi bận có tấm hình gia đình nào gửi qua, nhìn thấy con bé, là tôi lại la làng, mẹ bảo nó nhịn ăn giùm con!

Thời con gái trôi qua vèo vèo, cô em tôi không có cơ hội "ưa đứng

nhìn trời bơ vơ" như cô em nào đó của Lê Trạch Lựu, tuổi thanh xuân trôi tuột xuống dốc một cách rất đáng sợ. Hai mươi, ba mươi rồi chuẩn bị tứ thập, mà chẳng nụ tầm xuân nào nở ra xanh biếc cho em tôi hái. Chẳng con đò nào đỗ bến đưa em tôi sang sông. Hai thằng em khỉ ơi là khỉ, thương chị thì thương nhiều, nhưng khi bà chị nhận được tiền hay quà từ Mỹ gửi về, đã được nhậu nhẹt một chầu tưng bừng hoa lá, lại còn được cười hi hi với nhau, gọi đó là khoản "bồi thường chiến tranh"!

Cuộc đời và cuộc tình của nhỏ em tôi đến giai đoạn kể như là "xong rồi", hồ sơ kể như sắp sửa đã kết thúc, gần mười năm sau khi "người đã đi rồi em vẫn còn đây", có nghĩa là cỡ độ xấp xỉ hai chục mùa xuân mòn mỏi yêu đương và chờ đợi kẻ ra đi không hẹn ngày trở lại; tôi và chị tôi bỗng nhận được thông báo của gia đình, đám cưới con bé. Giật nẩy cả người, tôi lật đật gọi điện thoại về nhà, hai thằng em lại cười hí hố:

- "Mỹ" chịu mở rộng thương thuyết rồi.

Và vẫn bằng cái giọng điệu cà rỡn, cà chớn y như hồi còn nhỏ, hai thằng dụ khị tôi về cố quốc:

- Thường muốn gặp anh em bà con đông đủ, chỉ có hai dịp là đám cưới và đám ma. Nói thiệt với bà, chứ đám ma thì buồn, còn đám cưới, dĩ nhiên là vui hơn... đám ma!

Cả nhà tôi, mấy chị em, từ nhỏ cho đến lớn, gần như đứa nào cũng có cái giọng điệu cà rỡn như thế với cuộc đời. Gần như đứa nào cũng không phải sống, mà là giỡn hớt với mấy chục năm hiện diện trên mặt đất của mình. Chẳng chuyện gì được chúng tôi đặt lên hàng đầu, cũng chẳng chuyện gì rơi rớt xuống hạng cuối. Bà chị lớn của tôi học hành mười mấy năm xứ người, hôm dọn nhà giúp chị, tôi lượm ra được một cái ống như cái ống tre đựng bút của các nhà nho ngày xưa, vất lăn lóc trong góc tủ đặt ngoài nhà kho đầy bụi bặm; hỏi chị là cái gì vậy, chị tôi ờ, ờ, cái bằng tiến sĩ. Rồi chị bảo tôi vất vào thùng cạc tông đem qua nhà kho mới cho chị. Con nhỏ em tôi, tính hơi giống bà chị lớn, ăn nói nghiêm trang hơn, ít trững giỡn hơn tôi với hai thằng út, nhưng cứ tính mười mấy, hai chục năm yêu đương và chờ đợi, đi ra đi vô đến phát... mập như thế, mà không được kể là đã chơi... lô tô với cuộc đời, thì chắc chắn phải kể nó thuộc loại... mát dây, khùng!

Tôi về Sài Gòn ăn đám cưới, mừng câu chuyện tình kết thúc có hậu và có... thật cuối thế kỷ, là thành viên thứ thiệt của gia đình, nhưng cứ coi như là đã bị liệt vào loại "khách vãng lai", không biết việc gì để giúp, nên cuối cùng, chỉ còn đi tới đi lui, ân cần xem cả nhà và cả nước... thở ra thở vào. Đều đặn, tự do. Độc lập hạnh phúc. Đi tới đi lui, tôi nhận ra một điều,

là thở, ở quê nhà, hoàn toàn chẳng có ai chen lấn ai. Chẳng ai chèn chấu ai. Tỉ dụ như có người nào đó muốn, hoặc có sức, thì có thể thở gấp đôi, gấp ba, thậm chí gấp mười lần hơn người khác, mà sẽ chẳng bao giờ bị kể đã vi phạm chính sách, âm mưu phục vụ cho đế quốc thực dân, hay phá hoại nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cũng không làm lũng đoạn tài sản của nhân dân gì cả. Thở, không kinh phí, nên không bị tính thêm phụ chi. Càng không bị phân biệt đối xử Việt kiều hay người ngoại quốc. Tôi đoán bởi có lẽ, thở và không khí, nằm ở ngoài điện... qui hoạch.

Sáng sáng, rảnh rang nằm vắt tay lên trán, mỗi ngày chọn một niềm... đau, tai rân ran những khúc phượng cầu kỳ... quặc, tôi "tri cố canh tân" những điều tai nghe mắt thấy ở quê hương. Nhận ra đất nước ở vào thời điểm dễ chịu một cách tạm bợ, con người ta cũng sẵn sàng chấp nhận mọi thứ tạm bợ một cách hết sức... dễ chịu. Chẳng hạn hàng xóm chửi con, tôi ghi thêm vào tri thức tiếng Việt của mình -sau khi đã kiểm chứng lại ở những tờ báo y học hằng ngày- rằng điều hòa kinh nguyệt có nghĩa là phá thai. Đi đăng ký tạm trú, tôi hiểu ra công an lãnh lương của nhà nước và lãnh... thuốc lá của nhân dân. Theo con em đưa cháu đi học ở trường bán công, được xây dựng dựa theo tinh thần nhà nước và nhân dân cùng làm, tôi biết phụ huynh sẽ có cơ hội đóng... trọn học phí! "Tư nhân" hơn, "cá thể" hơn, đi ăn sáng, nhìn cái quán cà phê trồng toàn dừa kiểng từ trong ra ngoài, từ trước tới sau, tôi đoán không sai, người gọi tên quán là... Tre Xanh.

Mấy ngày tôi tạm trú ở Sài Gòn, mưa nấc cụt từ Tân Định ra Nguyễn Huệ, từ Hai Bà Trưng qua Phạm Ngũ Lão, từ Bà Chiểu về Gò Vấp. Đường xá khúc dầm dề ướt đẫm, khúc tanh ráo, khúc nham nhở như xe cứu hỏa rò rỉ vừa chạy ngang. Áo tơi, áo mưa, cởi ra mặc vào giống hệt biểu diễn thời trang trên truyền hình. Nhà bận rộn chuyện cưới xin, tôi lửng lơ ra quán cây dừa, cây tre ngồi ngó ra đường, nghe mạch đời rầm rì sau những tàn lá xanh. Cái quán, là một ngôi biệt thự cũ thời Pháp, cỡ nhỏ, tọa lạc trên một con đường tương đối mát mẻ. Đi vài đoạn là ra đến chợ Bến Thành. Phía trước quán sạch gọn, có dù che, bàn ghế tươm tất, quầy tính tiền nằm trên thềm nhà cao để thâu ngân viên có thể nhìn thấy khách vào ra, và để cảnh giác khách... chạy làng. Cà phê ở đây thuộc loại cái nồi ngồi trên cái cốc. Cái nồi thường hơi cáu bẩn, móp méo đôi chỗ. Cái cốc bằng thủy tinh, có khi trong suốt, có khi mờ mờ đục. Trà cúc cũng được lọc kiểu tương tự như cà phê nhưng sẽ đính kèm một phích nước sôi riêng để châm thêm. Thỉnh thoảng có vài người khách ngoại quốc, Tây ba lô, Tây có vợ Việt, Tây ăn dầm nằm dề "làm kinh tế", đến uống cà phê, ăn bún thang, bánh cuốn. Thứ bảy, Chúa Nhật dặm thêm mì Quảng, bún bò

Huế.

Một cái quán điểm tâm đúng nghĩa. Nhưng tôi gần như chẳng ăn được thứ gì ở đó. Lý do thứ nhất bởi tôi không quen ăn sáng, thứ nhì, dở. Còn hai thứ thức uống kiểu cách, mất thì giờ tôi hay gọi ra cho có, cũng đã lạ hoắc lạ huơ, không còn hợp với cái lối nốc cả nửa lít cà phê mỗi sáng của tôi. Tuy nhiên, tôi chịu cái không khí còn tương đối "Sài Gòn" ở đó với chút bóng mát thiên nhiên, lấp lánh vài ba giọt nắng rơi rớt xuống mặt bàn từ những tàn lá xanh phía trên cao -cái thứ bóng mát, gần như vô cùng hiếm hoi ở đất nước tôi thời này, đã giữ được tôi làm thực (hay nhầm?) khách ở đó nhiều ngày.

Nhưng mãi gần đến ngày tôi đi, từ cái quán ấy về, tôi mới nghe người nhà kể cái quán khá nổi tiếng, được nhiều người biết đến bởi ngay tại đó, bốn tay trùm kinh tế của thành phố đã bị điệu đi giữa lúc đang đánh bạc với nhau. Án tử hình dành cho họ sau này, không phải tội đánh bạc mà là tội gian lận, tội thành lập quá nhiều công ty ma. Khi bị xử bắn, trong miệng họ, mỗi người đều có một quả ổi lớn. Có lẽ vì lý do nhân đạo, nhà nước sợ tội nhân... cắn vào lưỡi! Nghe kể, tim tôi muốn nhảy ra ngoài. Bởi một trong bốn tử tội là người quen của gia đình tôi. Ông đẹp trai, cao lớn phong độ, hào hoa, và giỏi kinh doanh. Tôi nghĩ, nếu được quăng vào xã hội phương Tây, có lẽ cùng lắm là ông chỉ bị ra tòa nếu vợ con đòi ly dị, chia của. Ở ngoài này, hình như tôi chưa thấy ai có bất động sản, đem bán lại cho một công ty nào đó với giấy tờ chứng minh, trước bạ vân vân và vân vân, đầy đủ, mà lại bị tử hình. Hôm cuối cùng tôi đến quán, chia tay với hai người bạn, một người đùa tôi bằng câu hát nào đó, "hai người chia tay sao chẳng nói điều chi, mà hương thầm vương vấn bước người đi", tôi thật tình chẳng biết nói điều chi, nên đành cười trừ. Và mãi cho đến lúc đã ngồi trên phi cơ rồi, tôi vẫn không cách gì tìm ra được câu tạ từ. Với người đang sống. Và với người quen cũ của gia đình tôi.

Gia đình tôi hay có thói quen bù khú, nhậu nhẹt với nhau. Nhưng ở bên này trời, hai mẹ con tôi lại hiếm khi có dịp ngồi ăn chung. Thậm chí ăn sáng ăn tối, cà phê cà pháo cũng khó. Có lúc do công việc trái giờ giấc, chỉ nhìn thấy nhau nhiều nhất là hai tiếng đồng hồ trong ngày. Dăm hôm, tôi chỉ *phone* về:

- *Darling*, trưa nay con ăn gì vậy?

Vì thế khi có được đôi ba giờ rảnh rang dành cho nhau, hai mẹ con thường mổ xẻ huyên thuyên từ chuyện trên trời xuống tới dưới đất, từ địa ngục lên đến thiên đường, từ niềm tin tôn giáo, chính trị, văn học cho đến cả chuyện tào lao... ngồi lê đôi mách. Cái thú được ngồi nghe con kể lể,

tâm sự đủ thứ chuyện trên đời, nhiều khi tôi tự an ủi, đâu phải ai cũng có thể có. Nhưng lắm lúc tôi cũng giật mình, la thầm lên trong bụng, lẽ ra tôi đã phải nghiêm trang hơn, phải "ngầu" hơn, mới đúng bậc phụ mẫu!

Chuyện bá láp nắng mưa của tôi với con, thường loanh quanh ở những... than thở, về người này người nọ, uẩn ức nọ uẩn ức kia. Tôi hay kể đủ thứ chuyện, kể cả những sự việc và người, mà cố gắng lắm, con bé vẫn không thể nào hiểu được đâu vào đâu, cũng chẳng biết tôi "ám chỉ" người nào! Nên đôi khi, con bé lại trêu, "cái ông này (hay bà này), hình như con nghe *mummy* than phiền đúng... ba mươi lần rồi!". Nghe chuyện nghiêm trọng hơn, có vẻ xúc phạm tôi nhiều hơn, con bé thường xoa vai tôi:

- *Be happy, mummy*. Đừng thèm để ý ba cái lẻ tẻ đó.

Ngoảnh tới, ngoảnh lui, thấy mình bắt đầu tựa vào con, như cội cây già bắt đầu cần sức vóc lực lưỡng của những thân trụ chống đỡ bên cạnh, tôi giật cả mình. Con bé có vẻ vững chãi hơn tôi thời bằng tuổi nó rất nhiều. Chơi với một đám bạn giàu từ trong trứng nước giàu ra, giàu nứt đố đổ vách, gia đình không chỉ một hai cơ ngơi mà cả chục, cả nguyên dãy phố, văn phòng không chỉ một mà cả chuỗi, trải dài ra đến tận cả ngoại quốc; tôi e dè bảo chơi với bạn như vậy khó chịu thấy mồ sao chịu nổi, con bé hùng dũng đáp lại, như thế mới đỡ mất công... tủi thân. Và nó tuyên bố:

- Mẹ đi làm... có đóng thuế đàng hoàng là con đủ hãnh diện rồi!

Con bé lý luận một cách hết sức mâu thuẫn, nhưng cũng khá hữu lý:

- Chỉ trừ khi trúng số năm bảy chục triệu, chứ kiểu làm lụng công chính đúng y như lời Chúa dạy của mẹ, thì còn lâu lắm mẹ mới xây được cho con cái... *maison*. Nên con khó chịu với người có năm bảy cái maison làm gì hở mẹ?

Một lần, con bé hỏi tôi:

- Mẹ dọn lòng sạch sẽ để gặp Chúa nếu Chúa tái lâm khi trái đất thình lình sụp chưa?

Tôi ậm ừ:

- Ờ, thì mẹ tin Chúa, nếu Chúa đến, mẹ sẽ ra trình diện Chúa y như người ta thất trận đi... trình diện cải tạo hồi xưa ở nước mình vậy.

Con bé nhìn tôi:

- Có nghĩa là bị bắt buộc hả?

Tôi phì cười. Nghĩ đến ngày gặp Chúa, chắc tôi phải nói với Ngài, tôi chỉ là... binh nhì, để Chúa phán xét cho... cải tạo dăm ba ngày thôi. Con tôi nghiêm giọng:

- Phần con, con lúc nào cũng sẵn sàng. Mỗi ngày thức dậy, con đều tạ ơn Chúa đã cho con làm người. Đã cho con sống trên mặt đất. Dầu đời

sống của con có khốn khổ thế nào chăng nữa, con vẫn thấy biết ơn Chúa vì Chúa đặt để trong con một lương tâm đúng đắn, một tấm lòng trong sạch. Con nghĩ, mỗi sáng khi "guten Morgen" với chính mình, soi trong gương, người ta nhìn thấy mình, không cần biết đẹp xấu thế nào, mà thấy lòng vẫn hân hoan, thấy không có điều gì để phàn nàn vì sự hiện diện trên đời, là còn "xài" được.

Chúa chúng tôi dạy, và chúng tôi tin, trần thế chỉ là quê hương tạm bợ, còn nơi Ngài ngự, mới đích thực là chốn để đi về. Cuộc sống... tréo cẳng ngỗng, con tôi thỉnh thoảng bị chập choạng giữa hai "cõi tạm", bên này và bên kia trái đất. Tôi hay trêu con bé... *homeless* khi nó bảo không biết mình thuộc về "cõi tạm" nào, Việt Nam, Đức hay Úc. Còn tôi, bình thường vẫn anh dũng và kiêu hãnh mình đứng hoàn toàn vững vàng trên chốn chôn nhau cắt rốn, bám chặt không rời cái đất nước bốn nghìn năm văn hiến của mình; có ngờ đâu lần "dừng gót phiêu du về thăm nhà", rảnh rang ngồi nghe những nhịp đời, những mạch sống đập vang bên tai, bỗng bàng hoàng giật mình nhận ra chính mình cũng đã bị long chân, bứt lìa khỏi cội rễ một cách vô cùng quái đản. Bỗng thấy mình chơ vơ, lạc lõng ghê gớm quá giữa trần thế. Và lòng bỗng buồn không giấy bút nào tả được.

Một cái ước mơ hết sức ích kỷ, hết sức hèn, tự dưng mọc nhánh, đâm chồi trong lòng tôi. Tôi ước, giá mà Chúa của tôi tái lâm thật giữa lúc này như thiên hạ đang đồn đãi, thì thế giới không cần hô hoán, không cần làm cách mạng cũng đại đồng. Thiên hạ và tôi chẳng phải hoang mang mình đang sống ở cái cõi tạm nào, đang thở trong bầu không khí nghẹt hay thông nào. Dĩ nhiên cũng chẳng phải lo "khi lìa trần có mấy người đưa". Tôi cam đoan, mạch đời lúc đó chắc chắn không chỉ gãy sáu vài mười hai nhịp cho vui như ca dao. Mà gãy tất! Tan nát. "Sụm bà chè".❐

Tìm mua, tìm đọc

đó đây...

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

Giải oan cho biển

Hoàng Chính

Hắn không biết gọi cô gái bằng gì cho đúng. Mãi, hắn mới đề nghị, bằng cách nói trống không, như thể đang đề cập đến một chi tiết không quan trọng về thời tiết, "Gọi là Tiểu Muội nghe được đấy nhỉ."

"Sao cơ?" Đôi mắt cô tròn xoe. Hắn thấy chiếc bóng khẳng khiu mình trong đó.

"*Huynh muội, muội huynh*.. nghe dễ thương. Gần gũi mà trang trọng."

Cô gật gù, "Cải lương một tí, nhưng không sao."

Đó là những mẩu đối thoại xảy ra trong trí tưởng tượng của hắn. Lúc kể cho cô nghe, hắn hình dung thấy cô gật gù, "Em thấy cũng hay hay..."

Từ đó, hắn có cho cô một tên gọi thật hiền.

Cô thường kể cho hắn nghe về vùng biển ấm nơi cô đang ở. Giọng cô mời mọc, "Có dịp nào đó, anh qua đây chơi. Đêm trăng sáng em sẽ dẫn anh ra biển nghe sóng vỗ rì rào. Em sẽ dẫn anh đi tìm những con ốc biển thường bò lăng quăng trên bãi. Em sẽ chỉ cho anh coi những con dã tràng loay hoay se cát. Em sẽ chỉ cho anh coi những vết cắt san hô dưới bàn chân rướm máu. Bữa trước, em đuổi bắt một con hải âu anh biết không. Con chim dạn không tưởng tượng được. Nó chờ em lạI thật gần rồi mới vỗ cánh bay đi. Có lần em chạm cả vào bộ lông trơn mượt. Con chim dụ em chạy vòng quanh trên bãi mãi tới khi em ngã nhào vào con sóng. Lúc ấy, nó mới vỡ ra những tiếng kêu thống khoái. Đám du khách nhìn em cười ngặt nghẹo. Em xấu hổ quá thôi..."

Cô trẻ thơ trong cách nói, trong câu nói và ngay cả trong khóe cười. Cô đưa hắn qua biết bao nhiêu là bể dâu, trở về thời thơ ấu. Và cái thời thơ ấu ấy làm lòng hắn rưng rưng.

Biển. Hắn nhớ biển hơn bất cứ thứ gì trên thế gian. Hắn mê những con sóng. Hắn tương tư tất cả những gì liên quan đến biển. Nghe cô kể

trong điện thoại, trong những dòng điện thư gửi cho hắn, lòng hắn xốn xang không yên.

"Vậy thì lúc nào có dịp, anh bay qua đây đi, em trả anh về cho biển..."

Tưởng những lời rủ rê của cô chỉ có trong tưởng tượng, ai ngờ đâu một sớm nọ hắn khăn gói lên đường, đáp chuyến bay vượt bao nhiêu là lục địa, bao nhiêu là đại dương. Suốt đường bay, cứ mỗi lúc trời quang, bắt gặp cái nền biếc xanh mênh mông phía dưới, lòng hắn lại tẩm đẫm sương mù.

Hắn đến, lôi thôi, lếch thếch như dân cái bang chính hiệu. Vừa nhận ra nhau xong, cô "chấm" ngay cái túi du lịch cũ rích của hắn, "Anh có cái túi hay nhỉ."

"Túi này ấy à?" Hắn ngượng ngập vỗ nhẹ vào cái túi vắn vẹn cũ rích, đeo lệch một bên vai. "Mang từ trại tỵ nạn qua đây đấy."

Cô nhìn hắn, cười nửa miệng. Hắn không kịp hiểu ý cô, nhưng cũng cười theo.

Nhìn căn phòng tươm tất, hắn chắc lưỡi, ngoẹo đầu, "Tiểu Muội nhà mình chu đáo quá!"

Cô lại cười.

Ngay chiều hôm ấy, hắn đề nghị, "Tối nay mình ra biển ngắm trăng mọc nghe."

Cô gái ngơ ngác nhìn hắn vài giây, rồi tủm tỉm cười, "Tuần này không có trăng."

"Không có trăng à?" Hắn thảng thốt.

"Vâng ạ!"

Lâu lắm hắn mới lại nghe được giọng bắc. Hắn nhớ quá đỗi cái nũng nịu xa xưa của một người con gái bắc.

"Bao lâu nữa mới có trăng vậy?"

"Nửa tháng."

"Lâu vậy?"

"Thì hai tuần chứ mấy, anh!"

Cô yên lặng nhìn hắn buồn. Cái buồn chấp chới trong hai con mắt loang loang.

Dường như thấy hắn tư lự, lòng cô cũng không yên. Hắn đoán thế, lúc nhìn vào đôi mắt màu nâu đậm.

"Uổng quá, anh ra tuần này không có trăng..." Cô ngần ngừ một lát rồi đề nghị, những ngón tay vuốt những sợi tóc lòa xòa trên trán, "hay là anh ở lại thêm hai tuần nữa được không?"

Hắn nhìn cô, đo đếm chiều dài, chiều rộng những ý nghĩ tàng ẩn trong từng ngôn từ vắt trên đôi môi mịn màng.

Cô dạn dĩ, "Cái vé máy bay của anh đâu?"

Thấy hắn lừng khừng, cô nhanh nhảu lục giỏ hắn tìm tấm vé. Đi đâu hắn cũng mang cái xách tay xập xệ đi theo. Hắn tần ngần nhìn mười ngón tay cô thoăn thoắt lục lọi những giấy tờ chữ nghĩa chi chít.

"Giấy đâu mà nhiều thế này!"

"Rác không à!" Hắn ngượng ngùng, lấp liếm.

Gió vờn tóc cô bay. Cô bốc đại một mảnh giấy nhỏ, nụ cười đọng trên môi, "Giấy gì đây?"

"Tấm vé số. Đừng đọc..."

Hắn càng bối rối, cô càng không buông tha. Cô đọc lướt những dòng chữ rối rắm, "Bé ơi, thôi ngủ, khuya rồi, kẻo thâm quầng mắt, ngậm ngùi lòng anh." Hai câu lục bát hắn viết cho cô dạo nào. Hai câu thơ làm cô bối rối. Cô gạt những mảnh giấy nguệch ngoạc lũ chữ kiến bò qua một bên, lôi ra cái túi vải nhẹ thênh màu nâu nhạt. Hắn hốt hoảng quơ tay chụp lấy cái túi.

Hắn nắm lấy cổ tay cô, đẩy những ngón tay thuôn dài vào xấp giấy tờ gài giữa cuốn sách dầy.

"Vé trong đó đó."

Trong lúc cô lật lật những trang giấy mỏng tanh, bàn tay kia hắn lén lút nhét cái túi vải vào túi quần.

Không thấy hành động của hắn, cô mở trang sách, lôi ra tấm vé máy bay màu hồng nhạt, "Phải đây không?"

"Nó đó."

Hắn nhìn tấm vé màu sắc gợi tình. Tấm vé đi du lịch thiên đàng hạ giới thành ra cái màu cũng gợi cảm.

"ở lại ít ngày chờ trăng nghe?" Cô đề nghị.

"*Are you sure?*"

"*Yes.*"

Bàn tay cô thoăn thoắt. Âm thanh sắc, gọn. Tấm vé máy bay trong chớp mắt hóa thành những cánh bướm mỏng manh đáp lên những con sóng bạc.

Hắn ngỡ ngàng nhìn cô, rồi nhìn những con sóng quấn lấy gót chân cô. Những con sóng làm hắn chóng mặt.

Chiều hôm ấy, cô giữ lời hứa. Cô dẫn hắn xuống bãi biển. Hai người loay hoay xây biết bao nhiêu lâu đài.

"Anh nghĩ gì vậy?"

"Lâu đài này..."

"Sao anh?"

Hắn lặng thinh nghĩ đến nhúm sợi tình cảm mong manh đang đan

chung với cô tấm chăn hạnh phúc. Có phải là tình yêu đó chăng? Nếu không là tình yêu, người ta đâu có miệt mài ngóng đợi và vượt bao nhiêu là đại dương mà tìm đến...

Lúc ngước lên, bắt gặp người con gái đang nhìn mình đăm đăm, hắn buông rơi những ý nghĩ vụn vặt, vội đuổi theo những con dã tràng.

Hắn chạy như hắn thuở lên chín, lên mười.

Lúc hắn trở lại, cô đưa cho hắn coi cái vỏ ốc xà cừ. Cô áp vỏ ốc vào tai hắn.

"Anh nghe thấy gì không?"

"Chỉ nghe thôi, chả thấy gì..."

Cô nũng nịu, "Chọc quê em hoài..." Rồi cô nghiêm trang, "Cái này về để chặn giấy tờ cho khỏi bay."

Hắn cười. "Chỗ anh làm việc chả bao giờ có gió. *Sóng gió* thì có chứ gió không thôi thì chả bao giờ... Nhưng cứ cho anh, để anh dằn những bài thơ em gửi."

Cô nắm tay hắn, xô hắn vào con sóng lớn vừa mới ập vào bờ cát.

Hắn lao đao như người say rượu.

Buổi sáng, cô thức sớm. Nắng và gió vờn bên chiếc màn cửa màu hồng. Cô vén màn nhìn vạt nắng đầu ngày nhấp nhá trên ngọn dừa. Cô dõi nhìn ra biển cả ở phía sau nhà.

Cô bắt gặp bóng hắn lui hui trên cát. Cô vội vã pha một ly cà phê, tất tưởi chạy xuống bãi. Hắn đi đâu mất tiêu. Nhưng toà lâu đài còn đó. Và những vỏ ốc trắng vạch đều hai cái tên quen đan chéo vào nhau. Tên cô và tên hắn. Cô bâng khuâng nhìn xác một con dã tràng nhấp nhô dật dờ theo bọt sóng vướng trên cát ẩm.

Cô nhớ hắn thường hỏi thăm những con dã tràng. Con dã tràng có mấy chân em nhỉ. Lâu quá, anh quên mất tiêu rồi!

Cả về những con ốc mượn hồn, những mảnh san hô cứa gan bàn chân rướm máu. Những cơn gió lạnh về đêm... Cả về những lần biển nổi giận.

Chợt nghe tiếng hắn gọi từ xa, phía sau ghềnh đá. Cô chạy lăng quăng dọc theo bờ cát. Những ngụm cà phê hắt trên ngực áo. Bóng hắn lấp ló bên tảng đá hình thù kỳ dị. Cô chạy qua hướng khác. Hắn đuổi bắt hụt hơi. Rồi bỗng dưng cô ngã nhào xuống những con sóng. Tiếng la thất thanh của cô hẳn làm lòng hắn xốn xang. Ly cà phê văng khỏi tay cô, vục vào cát mịn. Mảnh san hô sắc cạnh nằm trơ vơ trên cát.

Hắn hì hạch đỡ cô dậy, dìu cô ngồi xuống bãi, nâng bàn chân cô lên miệng. Cô cảm được miệng hắn hút chặt lấy da thịt cô như miệng cái ống giác hơi thuở nhỏ bà nội thường áp lên lưng cô mỗi lần gió máy cô nhức đầu, sổ mũi. Vị mặn của máu hay của muối biển thấm vào những kẽ răng

hắn. Lúc buông bàn chân cô ra, quanh mép hắn cát viền một cái vòng méo mó. Cô che miệng cười.

Hắn ngơ ngác như người đi lạc.

"Hình như người phụ nữ Nhật Bản không bao giờ cho người đàn ông khác thấy bàn chân của mình phải không anh?" Cô ngu ngơ hỏi.

"Hình như vậy."

Những câu trả lời của hắn nước đôi, mơ hồ, có có, không không. Chả bao giờ cô hiểu được. Và cái khó hiểu nhất nơi hắn là ánh mắt săm soi; là cái nhìn vằn vện tia máu ném vào những con sóng vô tình ngoài khơi xa thẳm.

Một lần, cái nhìn tóe máu của hắn đã làm cô hốt hoảng, "Anh sao vậy?"

Hắn bàng hoàng, "Đâu có... Anh *OK*."

"Anh làm em sợ quá đi!"

Hắn lặng thinh. Cô thì vẫn lao xao, "Như thể anh đang nhìn thấy cái gì ngoài khơi."

"*Nothing*!"

"Có!"

Hắn lấp liếm, "Để anh kể cho nghe..."

Rồi hắn kể cho cô nghe. Nhưng hắn chỉ nói về những cái thời xa lơ lắc. Làm như ở bên cô, hắn nhớ lần hồi vô số những vũng biển ấu thơ. Cả những lần trốn học, nấp sau chiếc xuồng nằm chênh vênh trên cát, để thày giáo và cả lớp phải túa đi tìm...

"Hôm sau." Giọng hắn như ly cà phê pha đậm nỗi u uất không tên, "nói dối mẹ là vợ thầy sanh nên thầy cho học trò nghỉ hết."

"Tới bây giờ, chắc mẹ cũng chả biết đâu anh nhỉ." Cô thì thầm, nhưng hắn cũng nghe được đến cả nỗi ngậm ngùi trong giọng nói của cô.

"Mẹ quên rồi."

"Mai mốt gặp, em sẽ nhắc mẹ; em sẽ kể tội anh..."

Cô nói, như thể hai người đã có một lần đính ước.

Hắn xoay qua nhìn cô, "Mẹ tin anh lắm."

Thấy môi cô hơi mím lại, hắn vội nói chữa, "Nhưng gặp em, chắc mẹ sẽ tin em hơn anh."

Người đàn ông nghĩ đến lúc đưa cô gái về thăm mẹ. Những con ngõ quanh quất bóng cây. Hắn nhớ những cây bàng rũ lá trước sân. Hắn thấy những con sâu ngoằn ngoèo bò trên lá. Những con sâu buông mình vật vờ ở đầu những sợi tơ. Hắn thèm có một con sâu trên tóc cô, để hắn có cớ vuốt ve những sợi tóc mềm.

"Anh nhớ những chiếc ghe biển trát keo bóng mầu hổ phách quá,

Như ơi." Hắn thở than với cô lúc nhìn những chiếc xuồng máy xả ga chạy tối đa kéo theo những người chơi môn thể thao trượt nước. Biển xanh thẫm dưới bầu trời không một gợn mây.

Hắn đi bên cạnh cô, theo hai chiếc bóng đổ dài trên cát, "Anh nhớ mùi nồng của muối ở những bãi biển ấu thơ."

"Anh có cái gì mà bí mật thế?" Một buổi chiều cô hỏi, ngón tay trỏ thuôn dài chỉ vào cái túi hắn đeo bên vai.

"Có gì đâu!" Hắn lúng túng quơ quào hai bàn tay trước mặt như đứa bé bị bắt gặp đang ăn vụng.

"Em thấy anh dấu kỹ như người ta giữ gìn bảo vật."

"Có gì đâu!" Rồi hắn nói ngay qua chuyện khác. Nhưng những con dã tràng khẳng khiu chân cẳng, những con ốc mượn hồn, những con cua gai góc không làm cô quên được cái vật đầy bí mật mà hắn lúc nào cũng giữ kè kè bên mình.

Cô cố không nhắc đến cái vật bất ly thân ấy của hắn, cho đến khi cô thấy dường như cái vật lạ lùng ấy không còn là mối bận tâm của hắn nữa. Hôm ấy, chờ hắn xuống bãi được một lúc, cô tò mò mở ngăn kéo tủ, lấy cái túi vải cũ kỹ ra. Cô thở hào hển như người vừa chạy qua một quãng đường dài. Cô loay hoay mở cái nút thắt miệng túi.

Một mùi hôi mốc xông lên làm cay nồng hai mũi. Cô hắt xì một hơi hai ba cái. Cô chạy ra cửa sổ, nhìn chăm chăm xuống bãi. Người đàn ông ngồi trên bờ cát. Cắm cúi, loay hoay. Chắc lại một tòa lâu đài cho cô và hắn, cô thầm nghĩ.

Rồi cô vội vã trở về với cái túi bí mật.

Những ngón tay run run gỡ hoài không ra cái nút thắt. Tim cô đập dồn dập tiếng trống của những vũ điệu thổ dân lúc sắp kết thúc một màn vũ sôi động. Lúc miệng túi mở ra, cô thấy hai miếng gỗ nâu khắc thành hình trái tim và hình cây thánh giá. Miếng gỗ hình trái tim có khắc hai chữ cái quấn vào nhau. Cô thầm tìm tên và họ người đàn ông trong những chữ ấy nhưng không được.

Mùi ngai ngái, tanh tanh của vết máu bầm hằn trên thớ gỗ làm cay nồng mũi cô.

Cô vùi vội cái túi vải vào ngăn tủ.

Buổi tối, cô rủ hắn đi nhặt củi về đốt lửa trại. Hai người ngồi đối diện nhau. ở giữa là ngọn lửa lách tách nứt ra từ những cành cây khô. Rồi hai người dựa lưng nhau, nhìn những vì sao lấp lánh. Gió dạt tóc cô bay sang cả vai hắn. Mùi muối nồng nồng, và mùi tóc cô làm hắn ngây ngây.

"Tiếng Sóng. Tên cuốn tiểu thuyết của một nhà văn Nhật Bản. Tiếng

sóng đổ đầy không gian anh, hoà với tiếng sóng vọng ra từ trí tưởng." Tiếng hắn thì thầm nghe như tiếng gió ru.

"Anh thấy biển của em có giống biển thời thơ ấu của anh không?" Cô hỏi.

"Giống em à, giống lắm..." Hắn quay mặt ra ngoài khơi, hấp tấp trả lời.

Cô bắt gặp trong giọng nói của hắn, cái ngột ngạt, nghẹn ngào như giọng nói một người đang cơn xúc động ngặt nghèo.

"Anh nhớ biển trong truyện của Yukio Mishima."

Cô lặng thinh nghe hắn kể.

"Truyện đọc lâu lắm rồi, anh chỉ còn nhớ cái cảnh cô gái cởi áo hơ trước đống lửa cho khô, lúc cô và một đứa con trai khác kẹt lại đâu đó trên hải đảo."

"Anh nhớ khôn thật đấy!"

"Còn lại là biển cả mênh mông và sóng dạt hàng hàng lớp lớp."

Rồi hắn lại thì thầm cho cô nghe về biển. Hắn giới thiệu với cô những đứa bạn ấu thơ của hắn. Lũ con trai nghịch ngợm bốc cát ném nhau. Choàng những mớ rong biển bùi nhùi lên cổ nhau. Hắn nói về những con sứa lửa làm nổi mẩn đỏ khắp người.

Và hắn kết luận, "Biển trong trí nhớ anh chỉ thiếu một bóng hình con gái."

Và hắn lặnh thinh.

Trong đầu hắn, những mảnh ký ức được chắp lại. Khoảng trống cuối cùng được lấp đầy. Cô ở đó, trong cái ô vuông trống trải cuối cùng của đời sống hắn.

"Về thôi anh, ngồi hoài cảm lạnh chết!"

Người đàn ông đứng sững như người lên cơn hóa đá. Cô ngơ ngác nhìn hắn. Tóc hắn vật vờ trên vừng trán chữ nhật.

Cơn bão ở miền trung. Gió nhổ bật những dây chằng giăng bốn phía. Mái nhà tranh sụm xuống. Thằng bé khom người lại tránh né những kèo những cột. Tiếng cây vặn mình răng rắc. Nhà đổ rồi. Con bé em mếu máo. Nhưng thằng anh thì không sợ. Còn bố thì vẫn lăng xăng kéo những sợi dây kẽm gai chằng chịt mong cứu căn nhà xiêu vẹo. Mẹ cuống quýt gọi con. Thằng anh bỏ chiếc cặp xuống cái bàn gỗ gẫy lìa một chân. Vậy là hôm nay được nghỉ học phải không mẹ? Hắn tần mần nói như thể cho một mình hắn nghe.

"Anh có điều bí mật muốn nói với em." Một buổi chiều, hắn thì thầm cho cô nghe những lời dường như mới khai quật từ tận đáy lòng.

Cô tròn đôi con mắt đợi chờ. Hắn nhìn đăm đắm một lọn tóc mai của cô ngả màu nâu trong nắng nhạt.

"Hiền muội!" Hắn gọi cô bằng hai chữ đã dùng lúc mới quen.

Cô vuốt tóc, lên giọng nghịch ngợm, "Đại sư ca có điều gì muốn nói?"

Hắn cũng lên giọng cải lương, "Hiền muội có biết anh là ai không vậy?"

"Dạ không."

"Sao dám cho anh tạm trú?"

"Em cũng không biết nữa."

"Lỡ anh là tội phạm từ đất liền trốn ra đây thì sao?"

Trong một giây, đôi mắt cô chớp vội. Nhưng cô dấu thật nhanh những ngỡ ngàng.

"Em giam anh ở đây luôn!"

Cô mạnh miệng nói thế thôi chứ hắn nghĩ trong lòng cô đang dấy lên một chuỗi những chấn động như dòng phún xuất thạch cuồn cuộn dưới lòng đất của hải đảo nơi cô đang sống.

Hai con mắt cô không rời hắn một phút giây nào.

"Có bao giờ em nghĩ anh là tù vượt ngục không?"

Không có câu trả lời. Hắn thấy người con gái nuốt nước miếng. Một nếp nhăn mờ ảo hằn lên, thấp thoáng trên sống mũi thuôn dài. Tóc vẫn đùa trong gió. Đôi vai ngập ngừng một cái nhún vô hình, mờ ảo. Và những ngón chân cô miết xuống trên nền cát bạc.

"Anh chả bao giờ nói với ai..." Hắn thì thào.

Cô vẫn ngây ra nhìn hắn, cõi lòng manh nha cơn cào cấu của cảm giác bị phản bội.

"Mà cũng chả ai thèm nghe anh nói. Bây giờ chỉ một mình em nghe anh. Thành ra anh muốn nói thật."

Hàm răng cô cắn muốn nát bờ môi.

Hắn run run cầm lấy hai bàn tay cô, "Đừng nói với ai, nghe."

Cô điếng người, mặc dù thân thể cô mềm nhũn.

"Hiền muội!"

Cô cố tẩm chất cải lương vào giọng nói, nhưng cô không ráp nối nổi thành câu kệ được nữa. Thành ra cô thì thào, "Đại huynh..."

Buổi tối, cô nhức đầu, chóng mặt. Cô nhớ cái miệng hút chặt thịt da cô. Cô mềm như miếng thạch; cô bị cuốn sâu vào cái hang sâu đen ngòm có những chiếc răng sắc cạnh. Cô xây xẩm mặt mày. Lồng ngực nhoi nhói đau. Cô nghĩ hoài đến cái miệng như ống giác hơi của người đàn ông lúc hắn hút máu ở vết cắt dưới gan bàn chân cô. Cô nghĩ đến những nhà tù

liên bang. Tên tù vượt ngục dễ thương. Cô nhớ đến mảnh gỗ khắc hình thánh giá. Cô nghĩ tới mảnh gỗ khắc hình trái tim; trái tim nhuốm máu. Cô đang chứa chấp phạm nhân. Gió lùa những sợi tóc vờn bay trên ngực áo. Cô nghĩ đến những ngón tay thuôn dài của hắn xới sâu vào lòng cát ướt. Những ngón tay xới trên ngực non. Xốn xác, xôn xao. Trong một thoáng, cô hoảng hốt lắc đầu. Những ngón tay tội phạm. Xứ sở buôn súng đạn tự do. Ai cũng có thể trở thành kẻ sát nhân. Hắn đã giết bao nhiêu người rồi vậy? Hình ảnh trái tim và cây thánh giá gỗ nồng nặc mùi tanh và sậm màu máu bầm hiện ra rõ nét trong trí tưởng tượng cô.

Như người mộng du, cô quay trở vào, lững thững bước về phía bàn học. Cái ống nghe điện thoại màu ngà. Ngón tay cô run run bấm những con số. Tiếng nói ở đầu dây. Hai tai cô lùng bùng. Đôi con mắt lướt thướt vạch dài trong trí tưởng cô nỗi niềm nào đó không thể đặt tên. Nụ cười buồn và những câu thơ mượt mà. *Are you OK, hello, hello...* Nhân viên tổng đài cuống quýt réo gọi. Xin lỗi, tôi gọi lầm số.

Cô gác điện thoại, thầm nhủ lòng. Thôi, ngày mai hỏi hắn cho ra chuyện đã, rồi báo cảnh sát cũng không muộn.

Cô tắt đèn, vén màn cửa sổ, nhìn ra biển thêm một lần theo thói quen. Đêm pha loãng ánh sao. Trong cái nhá nhem nhập nhoạng của mầu sắc, cô thấy bóng ai như hắn, ngồi co ro trên bãi vắng thênh thang. ơi tên tù vượt ngục lạ lùng. Đã có biết bao nhiêu tội phạm thanh toán, giết người không gớm tay mà lại biết ghép vần, ráp chữ làm thơ trong các phim ảnh Việt Nam rồi nhỉ. Thành ra hắn cũng chẳng phải là ngoại lệ hay ho gì.

Đêm về, hắn kể cho cô nghe bao nhiêu là chuyện xưa tích cũ. Hắn bảo hắn chạy trốn dĩ vãng. Hắn quay cuồng theo cuộc sống. Hắn nhốt kỷ niệm trong sâu thẳm tâm tư. Hắn là tên tù vượt ngục.

Anh giống tên tù vượt ngục. Anh trốn chạy khỏi trại giam quá khứ. Biển khơi mịt mờ. Anh sợ lũ kỷ niệm vây quanh anh; lũ kỷ niệm giăng đầy ký ức. Chúc em ngủ ngon! Cô đợi hắn về phòng, quay lại cười với cô thêm một lần nữa, rồi cô đóng cửa phòng mình lại, khóa thật kỹ. Còn chặn thêm cái ghế cho chắc ăn.

Đêm của cô nhập nhòe ác mộng. Một mảnh vỡ của cơn mộng dữ đánh thức cô lúc trời còn tối. Bầu trời phía trên biển oi oi ráng đỏ mầu ớt chín.

Cô hé cửa nhìn qua phòng hắn. Cánh cửa mở tung. Giờ này chắc hắn đang xây lâu đài trên bãi cát. Cô nghĩ ngợi vẩn vơ.

Cuối cùng, cô quyết định quay những con số điện thoại khẩn cấp.

"Hắn đang ngồi trên bãi biển."

Lưỡi cô líu lại. Cô đọc lộn hai lần cái tên bãi biển bằng ngôn ngữ của thổ dân.

"Giờ này?" Giọng người cảnh sát đầy vẻ ngạc nhiên, như thể không tin được rằng hải đảo đang chứa chấp phạm nhân.

"Vâng. Các ông tới ngay đi."

"Nếu hắn trở vô, cô cố nói chuyện tự nhiên, nhưng rất cẩn thận để cầm chân hắn lại. Chúng tôi sẽ đến ngay..."

Nỗi xốn xang không để cô ngồi yên một chỗ. Hai đầu gối rụng rời nhưng cô cũng rán lết ra bãi biển. Cô ném cho hắn cái cười nhạt thếch.

Rồi cô ngồi bó gối trên cát, bồn chồn nghe hắn kể lể.

Hắn úp úp mở mở, như vẫn thường úp mở. Rồi ngần ngừ thọc tay vào túi quần, lôi ra cái túi vải mầu nâu như vải áo nhà sư.

Mặc cho cô hồi hộp, hắn thận trọng gỡ sợi dây, rồi tuồn hai vật đẽo gọt sơ sài hình trái tim và hình thánh giá ra bàn tay. Trái tim cô đập tưởng chừng làm rung nếp áo. Con mắt hắn dán lên hai vật sậm mầu máu bầm như gã phù thuỷ mê man luyện một phép phù.

Bỗng dưng hắn quăng chúng vào những con sóng bạc.

"ơ, sao anh ném đi vậy?" Cô la lên, thảng thốt.

"Máu không à. Bỏ đi!" Giọng hắn hằn học.

Cô càng cuống lên. Vậy là sẽ không còn bằng chứng gì nữa. Cảnh sát sẽ không tin cô. Cô phóng dậy, nhào vào những con sóng, cuống cuồng tìm kiếm.

Hắn ngẩn ngơ vài giây rồi hoảng hốt chạy theo.

Hắn ôm cứng lấy cô. Tóc cô rối bời, dính bết vào nhau. Cái đầu bù xù của cô chà miết cả vào mặt hắn, nhám nhúa.

"Như làm gì vậy?"

Cô cào cấu, xô đẩy. Tên tù vượt ngục phi tang thật đúng lúc. Hắn gian manh, xảo quyệt và nguy hiểm dường nào! Nhưng cô không sợ hắn nữa. Cô vùng vẫy, cô xô đẩy hắn. Cô ngụp lặn tìm trái tim và cây thánh giá gỗ. Hắn kéo cô lên. Hắn ôm cứng lấy cô. Sóng lớn xô hai người ngã nhào. Cánh tay cô quơ quào, vung vẩy. Nước mặn ập vào cuống họng. Cô ngộp, ho sặc sụa. Nước mắt cô dàn dụa. Bàn tay hắn hung hãn miết tình cờ trên khuôn ngực săn cứng. Rồi hai bàn tay ấy đan lấy nhau, thành cái vòng siết quanh cái bụng thon của cô.

Hắn nhấc bổng cô lên, hớt hải, "Em sao vậy, Như?"

Hắn vừa lôi cô vào bờ vừa hổn hển, "Bỏ mấy thứ đó đi. Em phải giúp anh quên..."

Cô gào khan cổ họng, "Trái tim, cây thánh giá, trái tim..."

Hắn lắc mạnh đôi vai mềm của người con gái, "Em phải giúp anh

quên. Em phải giúp anh giải oan cho biển. Biển vô tội. Biển ngàn đời vô tội. Cô gái đi cùng chuyến ghe vượt biên với anh cũng vô tội. Chỉ những tên cướp biển mới có tội. Anh vẫn thấy thật rõ trái tim và cây thánh giá gỗ cô ấy đeo bằng sợi dây gai. Thằng cướp biển giật đứt sợi dây, cắt một đường rướm máu trên cái cổ trắng ngần. Những thằng cướp lôi cô ấy đi. Trái tim và cây thánh giá gỗ văng lại chỗ anh nằm. Anh giữ đã mười mấy năm nay. Anh thù biển cũng đã mười mấy năm nay. Có em, anh có thể quên đi những hình ảnh hãi hùng. Biển bị ghét oan. Vì vậy, anh trả về cho biển. Để anh quên; để anh có thể yên lòng mà nói với em rằng anh sẽ yêu em như đã từng yêu biển."

Hụt hơi, cô đuối người, ngã ngồi xuống cát ướt. Cô oằn người ho khan. Muối mặn nồng đến tận óc cô. Hắn quỳ trước mặt cô. Hắn đưa tay gỡ bệt tóc ướt dính bên má cô. Rồi hắn quơ tay, chỉ ra khơi xa mịt mù. Nước đọng trong tai cô làm thành tiếng ù ù xa vắng. Cô nghe tiếng được tiếng mất mà hắn thì vẫn xôn xao, "Em thấy không? biển... của anh; biển... của em... Biển của tụi mình vô tội... Có em và biển, anh thành người hạnh phúc nhất thế gian. ơ mà, kìa xe cảnh sát làm gì mà chạy ra biển nhiều quá, Như ơi..."❐

01-01-2000

Chủ Đề

giai phẩm văn nghệ
phát hành 1 năm 4 số

Tòa soạn: P.O. Box 286,
11919 N. Jantzen Dr., Portland, OR 97217-8195 USA
Tel: (503) 289-2084
E-mail: trunghoi@juno.com & lamchuong@netzero.net
Báo chỉ bán qua bưu điện
Giá báo: 1 số 10 MK. Ngoài Hoa Kỳ: 12 MK
Một năm (4 số): 32 MK. Ngoài Hoa Kỳ: 40 MK
Check hay money order xin đề : Chủ Đề

Đã phát hành: giai phẩm mùa xuân 2000
nhìn lại 100 năm văn học 1900-1999

Dấu giày đón bình minh

Ngô Nguyên Dũng

Thảo nói với tôi, đáng lẽ chồng em ra đón anh, nhưng hôm nay anh ấy trở mệt, không đi được, rồi chất chiếc va-ly nhỏ lên băng sau, sập cửa lại. Tôi cười:

- Lâu lắm mới thấy lại loại xe này.

Thảo vỗ nhẹ lên mui xe, giọng ve vuốt:

- Nó cũ nhưng ngoan, không nằm vạ dọc đường.

Tôi vào xe, cài dây an toàn. Tôi chỉ dấu hiệu "máy báo động" vẽ hình bàn tay xoè dán trên kính chắn, trêu:

- Ai thèm? Cho chưa chắc có người lấy.

- Giữn hoài anh, đồ cổ mà, cái gì hiếm thì quí.

Chiếc xe chồm lên ở những đoạn mấp mô. Thảo vừa lái vừa huýt sáo. Nhìn sang, tôi thấy nét mặt cô em dâu ngổ ngáo như của một đứa con trai. Thảo không già như tôi tưởng. Gương mặt không trang điểm, hơi xanh. Tóc ngắn, không giống như trong tấm ảnh Vĩnh đã gửi cho tôi.

- Xe "deux chevaux" anh ạ, chậm mà chắc.

Thảo nói. Tôi nghe giọng mình là lạ:

- Bên mình người ta gọi là "xe con cóc". Anh đặt cho nói cái tên mới: ỏỏsong mãỏỏ.

- Để em đánh song mã đưa anh dạo một đoạn quanh biển.

Nói xong, Thảo bẻ tay lái, rẽ ra đường nhựa. Nắng không tươi, rắc thấp thỏm lên vách núi. Cây mọc lưa thưa. Vài cành đơm hoa trắng nhoài ra, trông như những bàn tay nở đoá. Đã thấy biển. Gió yếu. Mặt nước lô nhô gương nắng. Mây đùn lên ở nơi xa, nối biển với trời thành một dải hình vòng cung. Những mảng mây đậm nhạt chắp chồng lên nhau, gợn trong thị giác tôi sắc xanh não nùng kỳ lạ. Tự dưng tôi lờ mờ cảm nhận chuyến du hành này sẽ là mốc điểm ghi dấu một chặng đời đáng nhớ.

Chiếc "song mã" trườn lên dốc. Một bên là vách dựng sừng sững, bên kia là vực cạn trông xuống bãi đá lổn ngổn. Thảo đưa tay trỏ ra xa:

- Tít bên kia là Phi châu.

- Em qua đó lần nào chưa?

- Chưa. Từ khi sang đây tới giờ, chúng em không đi đâu xa. Lúc đầu vì không đủ điều kiện, sau vì không thể.

Tôi hiểu ý Thảo, lảng sang chuyện khác:

- Anh và Vĩnh không giống tính nhau.

Tia mắt Thảo len lén nhìn sang tôi, hai má ửng hồng:

- Nhưng có cùng một khuôn mặt.

Tôi muốn nói thêm, phần số tôi may mắn hơn Vĩnh, nhưng ngập ngừng không ra lời, có cảm giác bất nhẫn. Tôi nhớ mình cũng đã ngập ngừng như thế trong lần điện đàm vừa qua với Vĩnh. Tôi hỏi thăm sức khoẻ cậu em. Giọng cười khinh bạc hắt vào ống nghe, vẫn vậy anh ạ, rồi anh coi, em sẽ sống lâu ngang ngửa ông Bành tổ; đối với chúng em hiện nay, quan trọng không phải là chuyện sống chết, mà là vấn đề khác. Tôi hỏi, chuyện gì nữa đây? Vĩnh ra điều bí ẩn, bảo khi nào gặp nhau mới tiết lộ. Thật ra tôi không muốn đi, nhưng Vĩnh cho hay, có thể đây là mùa hè cuối. Tôi nghe giọng Vĩnh không chút giao động, như đang kể chuyện vừa bán một chiếc xe cũ hay vừa đọc xong một cuốn sách dở tệ. Vĩnh bảo, vợ chồng chúng em mướn một nhà nghỉ mát ven Địa trung hải, mời anh sang chơi. Nghe Vĩnh nói, tâm tư tôi thoắt bừng lên phong cảnh sống động rực rỡ nơi vùng đất ấm mà tôi đã xem biết bao lần qua phim ảnh. Những dải đường đèo uốn quanh sườn núi ven biển, những đồng hoa oải hương tím ngắt, những phố biển phết vôi trắng, những cánh cửa lá sách sơn màu sặc sỡ, những ngõ ngách lát đá lộng gió phần phật hàng dây kẽm phơi áo trắng. Và khu chợ mỹ nghệ phẩm lộ thiên. Tôi yêu tranh và những sản phẩm thủ công. Vĩnh nói làm tôi nôn nóng, qua đây anh tha hồ ngắm tranh và tượng điêu khắc của đám nghệ sĩ du mục, những người Bohème cuối cùng của thời đại chúng ta. Tôi tự hỏi, Vĩnh để tâm tới nghệ thuật từ khi nào vậy? Sở thích của anh em chúng tôi không có nhiều giao điểm. Vĩnh thực tế, so đo giá trị đời sống bằng thước cân vật chất, tước vị xã hội và bề ngoài hào nhoáng. Lúc trước tôi và Vĩnh thường tranh luận về đề tài này, và chưa lần nào tìm ra mẫu số chung. Nhưng càng về sau, khi hay tin Vĩnh lâm bệnh, tự dưng cả hai không còn hăng hái bàn cãi nữa. Tôi có cảm tưởng, góc độ nhân sinh quan cực đoan của chúng tôi không còn chông chênh sỏi sạn, mà từ từ trở nên phẳng phiu rộng rãi như đồng cỏ tách ra vô số những lối mòn cho mọi người tự do vào ra tuỳ ý. Tôi phấn khởi với ý nghĩ này, nên suốt chuyến đi dài, phải chuyển xe hoả nhiều lần,

mà tôi không cảm thấy mệt.

Từ cái nóng oi vớt vát cuối hè vùng trung Âu, tôi xuôi về hướng biển phía nam. Nắng dường như trong hơn. Gió như những nhát lược mềm mại chải lên tóc. Cỏ cây sởn sơ, độ lượng san sẻ đời sống cùng loài người, toả rộng những tàn lá xanh um, ngan ngát những tán hoa tươi mởn, ban phát hương lành vào không gian mênh mông. Đậm nét nhất có lẽ là cách thay đổi của màu xanh. Sắc xanh chỉ có thể cảm nhận hoặc giải thích bằng mật ngữ của hội hoạ, âm nhạc hay thi ca.

Trạm cuối là ga nhỏ phố biển. Cuối mùa du lịch, thưa người. Thảo đón tôi bằng nụ cười tươi, bàn tay đẩy gọng kính mát ngược lên tóc.

Thảo rẽ xe vào lộ đất vạch ngang chéo rừng non. Nắng rắc đốm nhảy múa trên kính xe. Rừng cây toả thành bãi đất rộng hai bên, thấp thoáng những mái ngói đỏ. Xe vừa đậu bên rào gỗ xiêu, từ bên trong Vĩnh thoăn thoắt bước ra, vồn vã ôm chầm lấy tôi. Tay tôi khép quanh lưng Vĩnh, cộm lên nhánh xương nhô. Vĩnh ốm thật. Hai lõm má hóp. Hàm râu lởi cạo làm tăng nét vêu vao. Trõm mắt sâu rực lên long lanh. Vĩnh chỉ kêu được vài tiếng: ỏỏAnh, anh...ỏỏ rồi tất nghẹn, mi mắt chơm chớp, kéo tay tôi vào nhà.

Tôi thì thầm:

- Em khoẻ chứ?

Vĩnh tươi cười:

- Không khí biển thích hợp với em.

Rồi Vĩnh linh hoạt dẫn tôi đi xem nhà. Một phòng khách ngăn góc làm nơi nấu nướng, và hai phòng ngủ. Phòng dành cho tôi có cửa sổ và cửa sau trổ ra một mảng xanh của cỏ cây, của trời, của trí tưởng không vướng bụi phiền muộn.

Vĩnh nói:

- Cửa mở ra hướng đông cho anh tha hồ hưởng nắng sáng. Biết tính anh, sáng này Thảo hái hoa cỏ đồng nội, cắm cho anh một bình.

Tôi đưa mắt nhìn bình hoa trên mặt bàn kê bên cửa sổ. Huệ đất vàng tươi chen với cúc dại và cỏ bông lau. Rèm cửa màu xanh cốm trải bóng nắng vắt ngang phiến gỗ thô. Hương nhựa dìu dịu xông vào mũi tôi, không biết của cỏ hoa hay của thớ gỗ còn tha thiết với đất lành? Lòng tôi gờn gợn cảm xúc lẫn nỗi hoang mang không thể giải thích khi tôi tới một không gian mới. Tôi có ý thức của một con rùa, không bắt kịp tốc độ thời gian. Hôm qua tôi còn loanh quanh giữa lòng phố chật chội quen thuộc, hôm nay đã có mặt tại một nơi ven đại dương nối liền hai đại lục. Tôi nghe hồn mình âm thầm vỡ ra, mở rộng những cánh cửa khép kín bấy lâu, đón lấy màu không gian biêng biếc phủ lên hiên đất sau nhà. Vĩnh lăng xăng trải

khăn lên mặt bàn nhựa trắng, dọn bữa cơm chiều. Hương bếp ngào ngạt. Gia vị quê nhà cào bứt rứt lên khứu giác, lan khắp ngũ quan, bắt tôi quay sang nhìn Vĩnh, thật kỹ. Tôi như người đang soi gương, thấy ra khuôn mặt chính mình đối bóng một vành trăng hạ tuần cong xuống mặt biển không một vẩy sóng.

Tôi đặt tay lên vai Vĩnh, nói như thở dài:

- Trông em ốm quá.

Vĩnh bối rối tránh tia mắt tôi, chậm chạp nghiêng chai rót bia vào ly. Thảo mang dĩa thức ăn ra. Tôm xào sả thơm lừng. Vĩnh ân cần gắp thức ăn vào chén cho tôi, đùa:

- Anh ăn tiếp sức hộ em. Thảo là người nội trợ khéo, tội cái lấy nhầm phải em.

Rồi Vĩnh bật cười lớn:

- Hạnh phúc vợ chồng chúng em như bàn chân và chiếc giày vừa khít, chẳng may giữa đường có viên sỏi lọt vào.

Tôi kêu lên:

- Thì vất nó đi!

Thảo xen vào:

- Ý anh Vĩnh muốn nói viên sỏi của định mệnh.

Vĩnh đề nghị chúng tôi cụng ly, rồi ực một hơi gần cạn. Ngọn gió chiều thốc qua, thổi xốc xếch vòng khăn quấn quanh cổ Vĩnh, để lộ lõm yết hầu trơ xương và mảnh băng dán vết thương động mạch cổ. Tôi bỡ ngỡ nhìn Vĩnh. Không phải vì ngấn cổ xương xẩu, không phải vì dấu băng bó động mạch, mà vì cách đối thoại của Vĩnh, thay đổi gần như trọn vẹn, như trở bàn tay, như góc nhọn mở thành một vạch thẳng lì.

Thảo đổi đề tài:

- Chúng em dự định sáng mai ra biển, anh theo chứ?

- Vâng.

- Chúng em đi sớm để ngắm cảnh mặt trời mọc.

Rồi chúng tôi hâm nóng lại những kỷ niệm thuở còn ở quê nhà. Bóng tối phủ đầy lúc nào không hay. Thảo thắp ngọn nến gió đặt giữa bàn. Tôi không tin ở mắt mình khi thấy những đốm lân tinh chập chờn trên chòm cây gần, buông tiếng ngẩn ngơ:

- Ơ, đom đóm.

Thảo và Vĩnh buông tiếng cười giòn. Vĩnh trầm giọng như sợ xoá tan cảnh tượng trước mắt:

- Anh chờ nghe tiếng dế. Những con dế ở đây hiền lành, không thích đá, chỉ biết ỏn ỹ gọi tình.

Khi đêm vừa đủ sâu, từ những hốc đất kín vang lên âm điệu quen

thuộc, giục giã, nô nức tuổi ấu thơ. Và suốt đêm đầu tiên miệt biển, tôi chập chờn khó ngủ. Tôi không kéo rèm, còn hé cửa cho cung bậc thiên nhiên tràn vào. Có khoảnh khắc tôi tưởng mình hoá thân thành bàn tay huyễn diệu, bôi sạch mọi ranh giới. Những vách ngăn và vực sâu cũng được san lấp. Tâm thức tôi phẳng phiu, sáng loá như của trẻ sơ sinh. Như thể đời sống tôi thật sự khởi đầu từ hôm nay, nơi này, khi tiếng hải yến léo réo xéo ngang trời. Âm động từ phòng khách đánh thức tôi từ giấc ngủ rực rỡ hoang tưởng. Bên ngoài vẫn còn nhem nhuốc tối. Ngọn đèn vàng trong góc bếp soi ấm điệu bộ Thảo đang loay hoay chuẩn bị cho chuyến dạo biển hừng đông. Tôi hỏi Thảo có cần tôi phụ giúp chi không? Thảo nói không cần, và nhắc Vĩnh nhớ mặc đủ ấm, ngăn gió lạnh sớm mai.

Thảo cho xe lăn chậm quanh đoạn đường đèo co ro chưa thức. Vĩnh quay cửa kính xuống, hứng gió lành. Gió mát luồn lách, thốc khăn quấn cổ Vĩnh chạm từng chặp vào mặt tôi, khi tôi nhoài tới trước, định chỉ cho Vĩnh xem viền ánh sáng vừa rựng ngoài khơi xa. Tôi nắm chéo khăn, quàng tay quấn quanh cổ Vĩnh. Vĩnh đưa tay đón lấy theo phản xạ. Những ngón thâm tình chạm nhau hờ hững, rồi đột ngột Vĩnh siết lại. Tôi cảm nhận rõ ràng hơi mát lạnh từ lòng tay hao hụt hồng huyết cầu của Vĩnh truyền sang. Gió run lền bần bật. Thảo hồn nhiên chúm môi huýt sáo một khúc nhạc vui. Vĩnh cất tiếng hoà theo. Tôi cũng ấm ứ nối giọng.

Chúng tôi thong thả xách giỏ mây và khăn chiếu băng qua đồi cát thấp, ra bãi. Trên cao, chim nhàn thức giấc từ khi nào, rộn rã lượn vòng, chuyện vãn inh ỏi. Thảo trải chiếu lên cát. Vĩnh xoắn xuýt mở giỏ mây, lấy bình đựng cà-phê, rót ra tách. Thảo ngồi giữa tôi và Vĩnh. Cả ba cùng khum tay quanh tách cà-phê ấm, vừa nhâm nhi vừa dõi mắt trông ra biển. Lâu rồi, dám chừng hơn mười năm nay, tôi mới có dịp tái ngộ biển. Không hiểu tại sao, giữa tôi với biển có một liên hệ khó giải bày, thứ tâm lý khơi động những nghiệm trải quá khứ và khát vọng tương lai. Biển nhắc tôi nhớ lại những chủ nhật xa xưa cùng gia đình ra chơi Vũng tàu. Tôi ấu thơ trần truồng đứng trơ mắt khiếp sợ những lượn sóng hung hãn xô bờ. Cái sợ mạnh mẽ toát ra hấp lực kỳ lạ, làm thịt da nổi gai, giống như cảm giác bủn rủn khi tôi đứng nơi miệng vực nhìn xuống; sợ, nhưng nếu nhìn lâu tôi sẽ bị đáy sâu thôi miên, bắt tôi xuôi tay buông xuống. Không rõ từ khi nào, tôi chợt nhận ra chuyện tự huỷ có nỗi mê đắm kỳ quặc, thứ mê đắm có lẽ tương tự cái chết của lũ thiêu thân lao vào chụp đèn đêm chói loà. Hoang phí như thứ loé sáng của những ngọn pháo bông. Chút ngắn ngủi của cái đẹp. Nỗi chóng vánh của kiếp người. Nhưng cũng chính vì vậy mà tôi yêu biển, yêu vực sâu, yêu ảnh sắc ngọn pháo bông, yêu giây phút khai sinh của ngày, yêu cuộc sống. Và yêu cả những câu chuyện tự sát.

Sợi khói cà-phê mỏng vướng trước mắt tôi làm quang cảnh rạng đông thêm diễm ảo. Viền trắng khi nãy toả rộng, như rãnh một cửa động từ từ hé mở theo câu thần chú. Ánh đỏ bất chợt hực lên, nhuộm lửa tấm mây vô tình vướng ngang phương đông, gây cảm tưởng nơi đó đang xảy ra một trận cháy lớn. Lửa đốt mây làm một chéo đại dương sôi sục, bốc khói. Tay tôi cũng run cảm hứng lấy hơi thời gian ấm áp. Khói tách cà-phê nhoà vào khói sóng bình minh. Cái ấm nhân sinh tan vào cái nóng biến thiên. Tôi bối rối thấy mình là đứa trẻ khởi sự thân thiện với tính nhạy cảm của biển, cuống chân đuổi theo bầy dã tràng xoen xoét trên bãi. Chuỗi cười khanh khách trong vắt không gợn bụi.

Nắng ngày đỏ hửng chuyển sang cam, đổi vàng, rồi nhạt dần. Vai tôi chạm vào vai Thảo. Không biết Thảo và Vĩnh nghĩ sao chứ tôi đang xúc động như chưa từng. Tôi vừa chiêm nghiệm cuộc chuyển đổi từ đêm sang ngày, từ chết sang sống, chỉ đọc thấy trong kinh sách. Chợt, Vĩnh đứng lên, không một lời, lững thững bước ra bãi, chỗ cát ngậm nước xô vào rồi rút ra, xoá sạch mọi dấu vết. Tôi bật người nối theo chân Vĩnh. Cảm giác ruột thịt uỷ mị dâng nước hai mắt khi tôi nhìn thấy dấu giày Vĩnh lún dấu giầy lát, rồi cát ẩm lạnh lùng lấp lại, nhẫn tâm. Tôi nhanh chân tiến bước sánh đôi Vĩnh. Vĩnh quay sang, đôi mắt lóng lánh ánh ngày, môi nhếch cười, hỏi:

- Đẹp quá, phải không anh?

- Đẹp thê thảm.

Vừa nói tôi vừa khoa tay chỉ quanh. Quay đầu nhìn, tôi lại thấy những dấu giày khắc khoải in trên cát. Một thoáng rồi mất, không chút nấn ná.

Vĩnh cất giọng trầm trầm:

- Chúng em mời anh sang đây, trước để gặp nhau, sau để bàn cùng anh chuyện này.

Tôi choàng tay vỗ lên vai Vĩnh:

- Cứ nói!

Vĩnh ngần ngừ:

- Hơi khó... không hiểu anh nghĩ sao. Anh hẳn biết, em sống... sống không còn bao lâu, mà Thảo lại đang mang thai đứa con đầu lòng...

Vĩnh nghẹn lời, dừng chân, gập đầu, bờ vai nhấp nhô. Sóng thản nhiên lùa nước vào, quấn dưới chân giày, bọt vỡ lách chách. Tôi ngoái nhìn về chỗ Thảo ngồi, thấy chiếc nón rơm Thảo đội rực sáng kỳ lạ. Mới hay nắng đang lên, tưới sổ sàng xuống bãi cát bắt đầu loáng thoáng bóng người. Sóng rút nước. Chân giày lún xuống lao chao như san sẻ cùng Vĩnh niềm xúc động. Tôi kéo tay Vĩnh đi tiếp, nhỏ giọng:

- Anh giúp em và Thảo được chuyện gì?

Phắt cái, Vĩnh dừng lại, nắm chặt hai cổ tay tôi, tia mắt nhoè nhoẹt thiết tha mà giọng chắc nịch bén ngót:

- Nếu em có bề gì, anh thay em cùng Thảo đi tiếp đoạn đời còn lại.

Tôi sững sờ. Thoạt đầu vì cách nói văn hoa của Vĩnh, sau mới nhận ra có điều gì vướng mắc trong lời đề nghị của Vĩnh. Để ý chăm sóc Thảo thường hơn trước thì được, chứ "cùng Thảo đi tiếp đoạn đời còn lại" là sao? Nhưng tôi không hỏi, vì sợ. Tôi là kẻ hèn nhát, luôn luôn khiếp hãi khi đối diện với sự thật. Cái diện mạo của đời sống nhiều khi không phải chỉ là những điều giả dối.

Chúng tôi bước đi đỗi lâu trong câm lặng. Trước mặt, biển cong vòng tay ẩm ướt ôm lấy lưng cát vàng mịn. Sóng thì thầm lời tỏ tình, rì rào, bền bĩ. Khói toả mỏng, lọc bớt cái nắng sung mãn, như chưa hề biết tới thời mưa bão. Tôi vẩn vơ so sánh dấu chân cát xoá với kiếp người. Sao mà ngắn ngủi, chênh vênh. Nhưng ngày vẫn lên, nắng vẫn chiếu, biển vẫn chăm chỉ gửi lời tình tự. Tôi kêu thầm, trời ơi, đó chính là cái thông điệp đang nhú mầm trong bụng Thảo, là hỷ tín cho đời sống, cho nhân loại trong giây lát hiện mất của triệu triệu dấu giày trên cát ấm.

Tôi nghe giọng mình bình thản như thể chấp nhận:

- Thảo biết chuyện này chưa?

Vĩnh tươi tắn:

- Em chỉ mới ngỏ lời bóng gió.

- Thảo phản ứng ra sao?

- Không nói gì cả, cũng không rõ nét mặt Thảo thế nào, vì lúc đó là giữa đêm. Em chỉ cảm thấy vòng tay Thảo dường như chặt hơn, và hơi thở Thảo ấm như nắng phà lên cổ.

Người tôi mọc gai rờn rợn, bất phân giữa nhiều xúc cảm lạ lùng.

Mẩu đối thoại ngắn nhưng ấn dấu đậm nét trong tâm trí tôi. Tự dưng tôi cảm thấy cử chỉ mình vướng vấp thừa thãi khi trực diện Thảo, thêm cảm tưởng dường như Vĩnh cứ dõi nhìn chúng tôi với ánh mắt nửa dò xét nửa cười cợt khuyến khích.

Điểm tâm xong, nắng trở gắt, bãi bắt đầu đông người, chúng tôi xếp dọn trở về. Tới nhà, Thảo bảo phải ra phố mua thức ăn, hỏi tôi và Vĩnh có muốn đi cùng. Vĩnh than mệt. Tôi viện cớ khuya qua mất ngủ vì lạ chỗ, thêm ngả lưng thêm một đỗi. Thật ra, không phải vậy. Từ lúc nghe lời đề nghị của Vĩnh, tôi cảm thấy không còn tự nhiên khi phải tiếp xúc riêng với Thảo. Nỗi nôn nao đón đợi một kỳ nghỉ hè ấm tình bên cạnh hai người thân duy nhất của tôi nơi xứ người chợt nhuốm màu bất an. Vĩnh bắt tôi đắn đo suy nghĩ. Tôi là người mẫn cảm. Những biến động thời cuộc nghiệt ngã buộc tôi sống đời tha hương tự lập, đành đoạn bứng lìa tôi khỏi cội rễ

quê nhà. Thời gian đầu tôi dằn vặt khổ sở vì không có hạnh phúc, dẫu chỉ là thứ hạnh phúc giản dị của một kẻ dần độn, không bao giờ bận tâm tới những xáo trộn bên ngoài. Đơn giản như một bệnh nhân vướng hội chứng mất trí nhớ, nhưng vẫn biết ngóng đợi định kỳ thân nhân vào thăm mỗi sáng chủ nhật, để tề chỉnh thay đổi y phục, thảnh thơi ngồi uống cà-phê cạnh khung kính hướng về cửa ra vào. Chờ. Lúc này tôi ước mình là một người ngu si, là kẻ mất trí nhớ, sống không cần ưu tư về sự hiện hữu của chính mình. Nhưng ngay khi ao ước được như vậy, tôi tự biết mình thiếu hạnh phúc. Khoảng thời gian xa nhà xa quê càng lúc càng tăng, tỷ lệ nghịch với nỗi nhớ nhà nhớ quê. Đôi lúc tôi tưởng mình đã có thể đoạn tuyệt với những suy tư nặng tính duy tâm, như vệ tinh đơn độc tách khỏi hấp lực trái đất, lao vào vũ trụ mênh mông, để quẩn quanh cạnh những tinh cầu thật sự ngu đần, tuyệt đối không có trí nhớ. Nhưng không, tôi vẫn còn bải hoải xúc động chỉ vì một dấu giày vướng víu trên cát. Cả chút nắng bình minh rơi lan vào tách cà-phê sớm mai cũng khiến tôi rùng mình suy tưởng. Dấu giày, sợi nắng và nhữngchuyến du hành hối hả ngắn ngủi của bầy dã tràng thơ ấu, chao ơi, chúng dính líu gì tới đời sống tôi?

Vĩnh gõ cửa, bước vào với nụ cười trên môi. Tôi bật ngồi dậy. Trong tay Vĩnh, một gói nhỏ bọc vải nâu. Thoáng nhìn, tôi biết ngay đó là thứ vải thô nhuộm màu nhựa cây thông dụng ở miền quê bên nhà. Sắc nâu kỳ lạ, như nhuốm đất, như ngấm máu, thứ huyết thống đồng chủng. Vĩnh không nói, tới ngồi cạnh tôi. Thời gian đọng lại, Căn phòng ngừng thở, mở to vòm mắt chói loà ánh sáng, soi ngắm.

Vĩnh chậm chạp cất lời:

- Đây là kỷ vật của cha trao cho em trước ngày em rời nước.

Rồi Vĩnh nâng niu mở bọc. Ngoài quấn vải nâu, trong là lớp giấy bổi mềm mại ố vàng, nhìn kỹ thấy rõ những sớ gỗ lên nước sáng ngời màu tơ tằm. Vĩnh giơ lên cái hộp con lắp ráp sơ sài bằng gỗ thô, thứ hộp mà thuở trước đã có lần cha tôi mua về từ hiệu thuốc bắc, lúc bà nội tôi lâm bệnh nặng; bên trong hộp lót mảnh vải điều óng ả gói hai viên thuốc tễ bọc sáp trắng. Cặp mắt ấu thơ tôi đã tròn xoe tò mò theo dõi từng cử động của cha khi ông nhẹ tay bóp vỡ trứng sáp, lăn ra tễ thuốc đen xỉn. Bà nội không nhai được. Cha tôi dầm tễ thuốc với chút nước sâm, mớm từng muỗng nhỏ vào rãnh môi nội. Tôi xin cha mấy mảnh sáp vụn, hơ nóng, nặn hình con này con nọ, hay xe đầu tăm cắm vài sợi tóc làm que ráy dế. Giờ đây, bất ngờ cái hộp đựng thuốc bắc hiện diện sờ sờ trước mặt tôi. Hồi tưởng tôi nhói kim đâm. Buông buốt những lần từ biệt người thân. Những tễ thuốc gói ghém cẩu kỳ không cứu sống nội tôi. Rồi, tới lượt cha tôi. Và mẹ tôi. Cái chết, những viên thuốc, nỗi đau buộc ràng ruột thịt; tất cả đã

thuộc về quá khứ, tiêu tán, cạn mòn, phai nhạt dần. Chỉ còn lại chiếc hộp gỗ hữu cơ đang nằm trong lòng tay Vĩnh. Tôi thấy lại ánh mắt tròn xoe hau háu năm nào đang cùng tôi dán chặt vào mỗi cử động Vĩnh. Cũng mảnh vải điều óng ả, tươi rói như chưa hề biết tính vô tâm hung bạo của thời gian. Nhưng trong đó không đựng liều thuốc kéo dài sự sống, mà vỏn vẹn một hạt mầm nâu sáng, vân vi những vạch trăng trắng. Tôi thốt kêu:

- Cái gì vậy?

Vĩnh từ tốn:

- Hạt mầm anh ạ, của một loại cây thường mọc ở quê mình, cha có nói, nhưng em quên mất tên. Nhưng điều đó không quan trọng. Đáng nói chăng, theo lời cha thuật lại, nó là kỷ vật lưu truyền của dòng họ mình. Ông bà nội trao lại cho cha, cha cho em. Trong cái hạt mầm này là sự sống ẩn náu, từ đời này sang đời khác, từ thế kỷ này qua thế kỷ kia. Cha bảo, chỉ cần một nhúm đất lành và một cơn mưa ấm... Bây giờ... bây giờ...

Giọng Vĩnh run rẩy, đứt nghẹn:

- Giờ đây... em trao lại cho anh.

Tôi cảm thấy có điều gì sai nhịp trong cái vòng luân lưu huyết thống này. Nó không thích hợp với nhân sinh quan tôi. Nó tô đậm những nghịch lý, những quan niệm địa phương, gia đình truyền thống mà tôi hằng cố công bôi sạch trong ý thức mình. Nó là rào chắn ngăn tôi nhập vào con nước đại dương rầm rì cuốn mất những dấu vết nhân sinh, cản tôi tan vào cái nắng bình minh hoà cùng ao tù hẹp hòi cạn cợt của tách cà-phê bản ngã. Vậy mà, trong giây lát soi ngắm hạt mầm gia truyền, tôi vẫn không tránh khỏi xúc động. Tôi thẫn thờ tưởng ra, rồi sẽ có lúc tôi trao nó lại cho đứa con của Vĩnh. Tôi cầm hạt mầm, đặt vào lòng tay, khép lại.❐

2.2000

Đón đọc
tác phẩm thứ mười do
Văn Học xuất bản
khung cửa nắng
truyện dài của
Ngô Nguyên Dũng

Lão già Otto

Hoài Mỹ

Tôi tình cờ quay lại. Một khuôn mặt già, ốm nhìn về phía tôi. Cười. Tôi không tin khuôn mặt đó muốn cười với tôi, bởi không quen. Tôi đưa mắt đảo quanh. Không có ai khác ở đây, ngoài tôi. Tôi nhìn lại một lần nữa. Vẫn khuôn mặt đó. Và vẫn cười. Tôi đành nhe răng đáp lễ. Đáng lý thôi chứ, nhưng khôn mặt vẫn cười. Hở cả hàm răng; cái mất, cái còn. Đích thị người Na Uy này muốn kết thân với mình. Đang buồn, lại chẳng biết làm cái gì, đi đâu, tôi đành muốn có người nói chuyện vậy, dù khác ngôn ngữ. Tôi lại gần, chào: *Hei*!

Khuôn mặt - vẫn cười - chiếu thẳng vào tôi. Đôi mày nhíu lại. Lúc đó tôi mới nhận được đôi mắt của khuôn mặt: Lé, xanh, tròng trắng đục. Biết mình lỡ trớn, tôi tiến luôn: *Hei*! - một lần nữa. Khuôn mặt đáp lại: Hei! - giọng khàn như trong họng mắc cục đờm lớn. Và khuôn mặt chuyển động - như mếu.

Tôi chợt hiểu, thì ra lúc nãy không phải người này nhìn mình, cười với mình. Khuôn mặt choắt, lưỡng quyền cao quá độ, kéo theo cả đôi má hõm, làm hở hàm răng hô. Từ xa, nhìn như miệng đang toét cười. Lúc cười thật, các nếp nhăn trên khuôn mặt đều đồng loạt hoắm sâu hơn, trật cả răng lẫn lợi. Mắt nhíu lại, giãn dài ra, ươn ướt ở hai khóe. Như muốn khóc.

- Mày có mười đồng không, cho tao.

Tôi chặc lưỡi, móc túi. Được tiền, lão già chạy khập khiễng vào một siêu thị gần đó, lúc sau trở ra, tay cầm chai bia, vừa đi vừa tu. Lão già ngoắc tay ra hiệu. Tôi đi theo. Ra tới phía sau một ngôi nhà thờ cổ, tôi thấy ở đó đã có ba bốn ông già Na Uy khác nữa, cũng đang có rượu trên tay. Lão già lè nhè gì đó, ý như giới thiệu tôi. Các ông già đều nhìn tôi và *"hei"*. Từng ông giới thiệu tên, nhưng tôi chỉ nhớ được lão già đã dẫn tôi vào đây: Otto. Thật tình, nhìn khuôn mặt Otto, khó đoán nổi tuổi thật của

lão ta, nhưng nhất định Otto không còn trẻ nữa rồi, mà già lắm thì cũng chưa hẳn đã đúng, tuy nhiên do dáng đi lọm khọm, tôi gọi Otto là... lão già kể ra cũng không sai và chính Otto cũng không phản đối. Các ông già này nhìn chung, giống nhau. Người nào cũng tóc râu lởm chởm, tròng mắt đỏ ngầu, trong khi da dẻ lại tái mét, quần áo xông mùi đất ẩm, tanh và khai.

- Uống không?

Tôi lắc đầu.

- Thì ngồi xuống đi. Mấy tuổi rồi?

- Sợ phạm tội dụ dỗ trẻ vị thành niên hay sao mà hỏi lý lịch? 33 rồi đó, đủ điều kiện chưa, mấy cha?

- Trông như con nít còn bọc tã. Mày người nước nào?

- Việt Nam.

Ông già đang ngồi dựa lưng vào tường, nói mà không nhìn lên:

- Rượu nước mày ngon số một.

Tôi cười:

- Các cha biết quái gì về nước tôi mà đòi phê bình rượu ngon với không ngon.

Lão già Otto trợn mắt:

- Dỗn mày! Rượu Việt Nam uống vào đã liền. Ngụm đầu, cháy cổ họng, nhưng sau... lịm. Ngon hơn Vodka trăm lần, đúng vậy không?

Ba bốn cái miệng đồng loạt *"ja"* . Tôi nghi ngờ:

- Ở đâu có rượu Việt Nam mà các ông uống?

- Thằng... thằng... tên gì này... Để tao nghĩ... à, thằng Nu...yễn bán cho chúng tao.

- Hả?

- Nó bị bọn cớm chó đẻ chộp rồi.Tội nghiệp! Giờ sợ, không dám nấu lậu nữa.

- Quả tình tôi không biết vụ này, nhưng thấy cũng không cần thiết hỏi thêm. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận nhờ có đồng hương mở đường, tôi được đón nhận dễ dàng vào "thế giới" này. Lúc sau, thấy chán các ông già say, tôi bỏ đi ra, bị một bà Na Uy lớn tuổi chặn lại:

- Đừng bao giờ cho bọn nghiện tiền. Phạm pháp, hiểu không!

Khởi đầu thật tình tôi cũng chẳng hám gì kết thân với các ông say. Nhưng sau này, sẵn đang thất nghiệp, lại khó chịu mỗi khi về nhà nhìn thấy bộ mặt rầu rĩ của bố mẹ, lang thang mãi rồi không hiểu "ma đưa lối, quỉ dẫn đường" thế nào mà chân tôi cũng cứ hướng về phía sau ngôi nhà thờ cổ. Đôi khi đấu hót với những người say, cũng thú, văng tục mà không

ngượng miệng. Trong đám tôi thân nhất với Otto, không hẳn vì lão là người của "thuở ban đầu", nhưng ở Otto ẩn hiện nhiều nét đặc biệt. Otto uống nhiều hơn nói, mà nói lại văn hoa. Các lão già khác uống vào, bạ đâu vạch quần đái đó. Otto không vậy, bao giờ cũng tìm chỗ khuất.

Một hôm tôi đến, thấy một mụ say đang ngồi trên lòng một ông già cũng say. Thấy tôi, mụ nhẩy tới, ôm hôn chùn chụt. Cả đám cười hề hề rồi thay nhau sờ trên móc dưới nữ "đồng nghiệp" này. Trừ Otto. Lão già ngồi tỉ tê uống, nhưng vẫn tỏ ra tỉnh táo lắm. Đôi mắt xanh đục của Otto lim dim vì khói thuốc bốc lên. Lúc sau Otto hất hàm, ra hiệu cho tôi:

- Đi, mày!

Tôi theo Otto. Đằng sau vẫn nổi lên những tiếng cười hềnh hệch, hí hí. Tôi không sánh đôi với lão già Otto, nhưng đi chậm lại. Giữa phố phường đông đúc tôi không muốn để người Na Uy nghi ngờ này nọ. Ở cái xứ sở này văn minh thật đấy, tự do dân chủ cao độ, nhưng người ta vẫn không dành ánh mắt thiện cảm cho những kẻ say sưa. Tôi không rõ Otto nghĩ gì, thấy lão vẫn lầm lũi bước. Dáng lão xiêu vẹo. Nhìn từ phía sau, khó đoán nổi khổ người của lão vì chiếc áo măng-tô quá rộng lại dài xuống gần mặt đất. Nếu không có cái đầu ngúc ngoắc, người ta đã có thể nghĩ chiếc áo khoác đó đang được phép ảo thuật điều khiển cho bay lơ lửng.

Ra khỏi trung tâm thành phố, tới một con đường vắng, tôi tiến sát lưng Otto:

- Mình đi đâu đây, lão già?

Otto không thèm ngó lại, đáp trống:

- Nhà tao.

Lần đầu tiên tôi mới nghe lão nhắc đến tiếng "nhà". Quả thật, Otto đã không nói dối, chỉ có điều ý nghĩa của từ ngữ này đối với lão khác hẳn quan niệm của nhiều người. Không đầy mươi lăm phút sau chúng tôi cùng chui vào một cái hang trong vách núi. Tôi bị hoa mắt, không thấy gì. Đến khi Otto bật được que diêm châm vào một ngọn nến, tôi mới lờ mờ thấy những tấm gỗ dùng để che vách đá. Lão già Otto lấy chân gạt những loong, chai nằm bừa bãi dưới sàn - cũng bằng những tấm gỗ ghép lại. Ngang, dọc lòng hang chừng hai ba thước, như thể hang này vừa được khởi sự đào đã bị bỏ dở. Tôi lại có cảm tưởng, một kẻ tinh nghịch nào đó chỉ đào chơi một vài thước để biểu diễn. Khí lạnh toát ra từ phía. Ánh sáng yếu ớt hắt lên vách gỗ hai hình người giống như bóng ma trơi.

- Ngồi đi!

- Tôi nhìn quanh quất. Không một chiếc ghế, thậm chí không một thùng gỗ hay một hòn đá khả dĩ tạm làm chỗ đặt bàn tọa. Tôi vẫn đứng,

gợi chuyện:

- Nước Na Uy giầu có không lý chính phủ đã quên ông rồi à?

Otto ngừng tay lục lọi đống chai lọ, nhe hàm răng cải mả, ý như cười:

- Mày nên nhớ đây là đất tự do.

- Đành thế, nhưng văn phòng an sinh xã hội vẫn có bổn phận... giúp đỡ những người già... như ông chứ.

- Tao có xin giúp đỡ đếch đâu.

- Nhưng dù sao...

- Lúc đầu chúng nó cũng làm phiền tao lắm, dùng cả bọn cớm định xúc tao về viện dưỡng lão, nhưng tao cự tuyệt kịch liệt. Riết rồi chúng nó cũng phải... thua tao thôi. Bây giờ chỉ còn bực mình mỗi tụi Đạo Binh Đỏ.

- Họ làm gì ông?

- Lâu lâu bọn này lại đem xe nhặt từng đứa tụi tao về bắt thay quần áo, tắm rửa, cắt tóc cạo râu, cho ăn uống... Những ngày lạnh quá, tuyết rơi nhiều, bọn nó lại hốt những thằng... như tao không có nhà cửa đàng hoàng, về giam... trên giường nệm ít bữa. Như dịp Giáng sinh năm kia, bọn nó chở tụi tao... du lịch sang tận Anh quốc.

Tôi nhận thấy từ ngày quen Otto, đây là lần đầu lão già nói nhiều và không nói kiểu nhát gừng thường lệ. Tôi đoán chắc từ sáng đến giờ, lão già mới "súc miệng" vài ba chai nên tâm trí còn minh mẫn, môi lưỡi chưa "đóng băng" nên mới "phát ngôn" được dễ dàng như vậy. Nhưng cũng có thể Otto đang có điều gì vui trong lòng chăng? Tôi hứng chí góp chuyện thêm:

- Cơ quan từ thiện có khác, như vậy là họ cũng rất tử tế, nhân đạo đấy chứ.

- Tao đếch thích kiểu bác ái trình diễn ấy. Mày còn nhớ lời Chúa dạy không, tay trái làm việc thiện thì đừng để tay phải biết. Đằng này bọn nó dùng cả ti-vi, báo chí để khoe cho cả thế giới biết là chúng nó vừa làm việc... phúc đức.

Tôi cười:

- Lão già còn nhớ Chúa cơ à? Lão khó tính quá!

- Tao có nói sai bao giờ đâu, thằng nhãi con!

Tôi định tìm thuốc hút, nhưng khi sờ vào túi, mới sực nhớ đã quên mua. Tôi tiếp nối câu chuyện:

- Nhưng ở thế này, lạnh chết, ông ơi.

- Ban ngày tao đã có mặt trên phố, tối mới mò về đây, mà về thì cũng đã xỉn mẹ nó rồi, còn biết trời trăng mây nước gì nữa mà lạnh với ấm.

Lão Otto kéo từ trong đáy hang ra một tấm nệm dầy với đống mền, quần áo bên trên rồi ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Một mùi khăm khẳm xộc

lên mũi. Tôi vội nín thở, muốn mửa. Tôi tìm chuyện nói để át sự khó chịu này:

- Ai mách cái hang này mà ông biết, tới chiếm làm... nhà?

Nhưng lão Otto chỉ ậm ừ gì đó trong cổ họng. Tôi tiếp tục:

- Otto này, nghe xứ Svein kể hồi xưa ông là tỉ phú, có hai biệt thự trên vùng Fana, đúng vậy không?

Otto không trả lời. Đã thế, tôi không tha lão già:

- Svein còn xác nhận hồi thanh niên ông có người yêu đẹp lắm, làm minh tinh điện ảnh hay kịch sĩ gì đó, phải không nào?

Đôi mày rậm lông của Otto chợt cau lại. Lão gằn giọng:

- Bữa nay mày dở chứng gì mà thẩm vấn tao dữ vậy. Bây giờ câm họng để tao tìm xem còn chai rượu nào... uống dở không.

Biết Otto đã có vẻ giận, tôi chuyển hướng câu chuyện, nửa đùa nửa thật:

- Dám những chai đó đựng nước đái của ông thì... kể như bế mạc cuộc đời!

Otto làm thinh. Tôi ngồi bó gối, thu người lại, bẻ cao cổ áo khoác, xoa mạnh hai tay vào nhau.

- Mày lạnh à?

Tôi gật đầu. Otto lấy bốn năm thanh củi xếp vào một thùng sắt. Lão dùng những tờ nhật trình mồi lửa. Tôi muốn phụ lão một tay. Chợt thấy dưới đống mền ló đầu mấy tờ giấy, tôi lôi ra. Đó là một cuốn tạp chí cũ, nhầu nát. Tôi chỉ kịp nhận ra hình bìa là một tấm ảnh chụp bán thân một thiếu nữ thì ngọn lửa trong thùng sắt cũng vừa gần tàn. Tôi vội xé tờ tạp chí tiếp mồi. Lửa bắt vào giấy bùng lên. Bất ngờ, lão già Otto nhảy xổ lại, giằng những tờ giấy đang cháy dở. Lão dùng cả tay, chân và gần như cả thân mình để dập ngọn lửa, nhưng đã trễ. Trước mắt lão chỉ còn những mảnh tro. Tức thì lão gầm lên như thú dữ. Tôi như thấy trong mắt lão bừng bừng cơn cuồng nộ. Tôi không hiểu nguyên do, vội đứng dậy, lùi sát vào vách gỗ. Lão Otto thở hồng hộc; miệng không ngừng rống lên những âm thanh kỳ quái. Chợt lão vớ được một thanh gỗ, nhắm đầu tôi bổ xuống. Tôi né tránh, nhưng thanh gỗ vẫn xước bên thái dương trái. Máu tóe ra. Tôi hét lên, lao mình ra phía ánh sáng của miệng hang. Lão Otto đuổi theo. Tôi chạy, nhưng vẫn ngoái cổ lại, chửi:

- *Fy faen,* thằng già điên!

Lão tiếp tục đuổi tôi, nhưng chỉ được một quãng ngắn thì gục xuống đường. Tôi bỏ đi. Máu đã chảy ướt đẫm cả vai áo tôi.

Mùa đông năm nay hình như tới sớm. Mới đầu tháng mười một tuyết

đã khởi sự rơi. Tôi chợt nhớ lão già Otto. Dễ đã hơn hai tháng nay tôi không gặp lại lão. Từ cái hôm Otto bất thần nổi điên, phần thất vọng về thái độ của lão, phần được tuyển vào làm trong một hãng cá, tôi như đã quên hẳn các ông bạn già say. Nhưng hôm nay cảnh tuyết rơi khiến tôi chạnh lòng. Thật tình tôi không giận Otto nhiều dù đã bị lão đánh gần vỡ đầu. Tôi chỉ không hiểu lão tiếc tờ báo cũ hay vì cơn ghiền nổi dậy mà không có rượu thỏa mãn. Tôi hình dung cái hang lạnh lẽo của Otto và tự hỏi làm sao lão già có thể chịu đựng nổi thời tiết khắc nghiệt này. Nhân đang kỳ nghỉ, tôi quyết định đến thăm Otto. Tội nghiệp lão!

Bố tôi đi vắng từ chập sáng. Mẹ đang lui cui dưới bếp. Tôi lặng lẽ mở tủ xách bình rượu thuốc năm lít của bố, bỏ vào cái túi vải vẫn đựng thức ăn và quần áo mang đi làm. Tôi muốn đãi ngộ Otto. Lão sẽ được ngất ngây với rượu này. Rượu Việt Nam thứ thiệt. Nhưng trước khi nốc cạn rượu, hẳn Otto sẽ trợn đôi mắt lé của lão lên mà nhìn con rắn, tắc kè với hai ba con hải mã được ngâm chung với những loại trái cây, thảo mộc lạ trong rượu. Chỉ có điều khiến tôi hơi ngại một chút khi nghĩ thể nào bố cũng nổi giận lôi đình lúc khám phá bình rượu quí của mình bỗng "không cánh mà bay". Nhưng tính bố dễ, la lối một hồi rồi cũng êm. Như mẹ lần trước là cùng chứ gì. Phải, lần trước, mẹ nấu một nồi cà-ri gà, định ăn chung với bún, thứ hợp khẩu của bố. Cả nhà chưa ai đụng đũa. Bữa đó, trời mới vào thu, mưa lâm râm, gió rít từng hồi, lạnh, tôi cũng chạnh lòng nhớ đến các ông bạn già say, và cũng tội nghiệp họ. Lợi dụng bố mẹ đang trò truyện trong phòng, tôi trút vội trọn nồi cà-ri vào một chiếc hộp ny-lông, xách đi. Chiều hôm đó chính tôi cũng ngất ngư với các ông già say. Vui quá sức. Các lão được một bữa lạ miệng, khen lấy khen để thức ăn Việt Nam ngon số một, xuất sắc gấp trăm lần món thịt trừu cổ truyền của Na Uy. Sáng hôm sau, mẹ mở vung chỉ thấy nồi không. Mẹ ngơ ngác hỏi, tôi bảo vì mẹ cho quá nhiều nước cốt dừa nên thịt chóng thiu, phải đổ đi kẻo ăn vào bị thổ tả. Mẹ chửi, tôi lánh nạn vào phòng đóng cửa lại, nằm nghe nhạc. Chừng mươi phút sau, chỉ còn văng vẳng tiếng mẹ xụt xùi.

Tôi đập tay một hồi vào tấm gỗ che cửa hang, gọi thật lớn Otto, Otto, nhưng không có tiếng trả lời. Tôi kiễng chân nhìn vào bên trong. Tối om. Có thể lão già đã chết thối trong đó quá. Nghĩ thế nhưng tôi không tìm cách vào. Tôi đeo bình rượu thuốc đi ngược trở lên trung tâm thành phố, tìm đến phía sau ngôi nhà thờ cổ. Mấy ông già say đang ngồi co ro như gà mắc mưa giữa những lùm cây mà vào mùa này đã trụi gần hết lá. Mặt mũi người nào cũng tái xanh vì lạnh. Tóc râu sũng nước. Mùi khói thuốc quyện với mùi khai nước tiểu bốc lên nồng nặc hơn mọi lần, gây lợm giọng. Tôi đặt túi vải xuống thềm đá, thận trọng lôi bình rượu ra. Như có

phép lạ, các bộ mặt bao quanh bỗng rạng rỡ hẳn lên, các thân hình linh động liền. Tôi thấy chẳng cần cho các ông già này nhìn các chất ngâm trong rượu, và cũng vô ích nếu bây giờ giảng giải này nọ cho họ nghe. Ông nào cũng đang hau háu chìa ống loong không cho tôi rót rượu vào.

- Otto đâu?

Tôi hỏi sau khi đã cung cấp rượu hết lượt. Ông già Svein chu môi, nốc một hơi dài, khà một tiếng rồi mới trả lời:

- Bọn Đạo Binh Đỏ rước nó mấy bữa nay rồi.

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa, tại sao?

- Nó thuộc diện khác tụi tao.

Tôi lắc đầu không hiểu, muốn hỏi thêm, nhưng thấy không ông già nào còn chú ý tới mình nữa, nên thôi. Sau cùng tôi nói như hết, hy vọng âm thanh in được phần nào vào các bộ não đã khởi sự chao đảo:

- Nhớ đừng đập bể hay bán cái bình này, của bố tôi đó. Giữ cẩn thận để còn có cái mà mang rượu tới nữa.

Nhưng chỉ có tiếng cười hềnh hệch đáp lại. Tôi bỏ đám ông già say, định tâm tìm thăm Otto.

Cơ quan từ thiện Đạo Binh Đỏ nằm gần trung tâm thành phố nên tôi đi bộ tới cũng mau. Người tiếp tôi là một phụ nữ trung niên; khuôn mặt xương xương, khó nhìn, nhưng đôi mắt rất đẹp. Bà hỏi sự liên hệ giữa tôi và Otto. Tôi giải thích:

- Ông Otto coi tôi như... con ruột,

và bịa thêm:

- Thỉnh thoảng tôi vẫn đem thức ăn cho Otto. Ông ấy rất thích thực phẩm Việt Nam, đặc biệt món phở tái nạm và chả giò.

Sắc mặt bà ta vẫn lạnh. Bà nhìn tôi từ đầu xuống chân như kiểu quan sát một vật để định giá trước khi muốn mua. Tôi nhìn sâu vào đôi mắt của bà để trấn át sự bất mãn đã khởi sự nhen nhúm trong đầu. Phút sau bà ta mới chậm rãi lên tiếng tiếp; giọng đanh:

- Cậu có uống rượu không?

Tôi bực, nhưng vẫn cố trấn tĩnh:

- Bà cứ việc ngửi miệng tôi, ắt biết.

Bà lườm, nhưng rồi cũng trả lời điều tôi mong đợi:

- Otto được đưa vào bệnh viện Haukeland rồi.

Tôi giật mình:

- Ông ta bị gì vậy?

- Sưng phổi vì lạnh, kiệt sức vì thiếu dinh dưỡng.

- Có trầm trọng lắm không, bà?

Bà ta nhún vai thay câu đáp. Tôi nhã nhặn (vì vẫn nhìn đôi mắt của bà) cám ơn và chào bà rồi vội vã ra khỏi văn phòng. Chiếc taxi đưa tôi tới tận cửa bệnh viện trung ương. Nhân viên chỉ dẫn cho tôi số phòng Otto nằm, sau đó căn dặn không được nói chuyện lâu vì bệnh nhân cần tĩnh dưỡng.

Tôi đẩy nhẹ cửa, dón dén bước vào. Otto được dành một phòng riêng. Dưới sáng mờ nhạt của ngọn đèn ống, tôi gần như không nhận ra lão. Mặt lão già trắng bệch. Râu tua tủa. Tóc xác xơ. Hai má hõm sâu bất thường, càng đưa lưỡng quyền nhô lên cao hơn. Đôi môi khô nứt nẻ, cong tớn lên, không che nổi hết mấy cái răng còn lại như cố bám hờ vào bờ lợi vốn cũng đã ngả mầu tím ngắt. Cặp mắt nhắm, nhưng không khép kín. Cả thân hình lão chìm sâu dưới lớp vải mền màu xanh nước biển. Tôi không dám động mạnh, chỉ đứng nhìn lão. Mãi lúc sau bỗng Otto nấc lên như nghẹt thở. Tôi khẽ gọi:

- Otto... Otto... tôi tới thăm ông nè.

Hai mắt Otto từ từ nhướng lên. Môi, miệng lão chuyển động. Tôi không dám chắc lão cười, nhưng tôi vẫn cúi xuống gần tai lão, thân thiện hỏi thăm:

- Ông đỡ không, Otto?

Lão gật gật đầu. Cặp mắt lão đã mở to được rồi. Tôi thấy hai tròng xanh không đều nhau của lão nay đục nhiều hơn trước, như bị lớp sương mù mỏng che. Otto luồn tay dưới tấm mền như muốn tìm kiếm vật gì. Tôi muốn giúp lão, nhưng không biết chắc chắn sự ăn mặc của lão ra sao dưới lớp mền. Nhưng rồi bàn tay gầy trơ xương của lão cũng đưa lên được trước mặt tôi một cái túi ny-lông nhỏ, trắng đục; bên trong hình như có một tấm phong bì gấp đôi lại. Giọng lão thì thào, yếu ớt:

- Gửi... thư này... cho tao...

Tôi nhận lấy và bỏ ngay vào túi áo khoác:

- Cứ an tâm ông nhé, tôi sẽ làm theo ý ông.

Khi tôi ra về thì trời cũng đã xế chiều. Các công sở, văn phòng đều đóng cửa rồi. Phố xá không còn tấp nập. Xe cộ lưu thông thưa thớt. Tuyết không còn rơi nữa, nhưng gió vẫn thổi mạnh. Tôi đón xe buýt về nhà. Tâm trí tôi miên man nghĩ đến Otto. Tôi cảm thấy buồn buồn, thương thân phận đơn côi của lão.

Bố mẹ tôi đang ngồi xem tivi ở phòng khách. Dấu hiệu chứng tỏ hôm nay bố tôi đã không nhấp ly rượu thuốc như thường lệ trước bữa cơm. Tôi an tâm vào phòng nằm. Sực nhớ lá thư của Otto, tôi lục túi áo khoác. Tuy đã được bọc trong lớp ny-lông, nhưng chiếc phong bì cũng đã quá cũ, lem luốc những vết bẩn. Tên và địa chỉ của người của nhận đã phai mờ gần

hết. Tôi không thể đoán nổi chữ gì thì chắc hẳn bưu điện cũng không thể chuyển thư này. Để bảo đảm, tôi định sáng sớm mai sẽ hỏi Otto, thay phong bì mới, viết lại tên và địa chỉ người nhận trước khi gửi đi.

Đêm ngủ, tôi gặp một giấc mơ kinh khủng: Tôi và Otto đánh nhau. Lão già lấy những hòn đá lớn ném tôi tới tấp. Tôi bị trúng đá vào trán; máu chảy đầm đìa. Tức giận, tôi tìm được một con dao săn, xông tới đâm lão lòi ruột. Tôi giật mình tỉnh giấc. Mồ hôi rịn nhớp nháp trên da thịt. Kim đồng hồ dạ quang trên mặt bàn đêm chỉ đúng một giờ khuya. Tôi nằm trằn trọc tới sáng. Đầu nặng, miệng đắng, chân tay mỏi, rã rời.

Tôi tới bệnh viện sớm hơn giờ ấn định được phép vào. Tôi phải ngồi chờ ở phòng đợi gần một tiếng. Khi lên đến căn phòng mà tôi đã thăm Otto chiều qua, nhìn vào, tôi không thấy bệnh nhân. Giường trống. Không nệm. Không mền. Không cả những ống truyền dưỡng khí. Chỉ còn ánh đèn mờ nhạt. Một luồng điện lạnh chạy dọc sống lưng tôi. Vừa lúc, một nữ y tá đi tới. Tôi vội lên tiếng:

- Ông Otto nằm ở đây...

Không để tôi hỏi hết câu, cô khẽ lắc đầu:

- Rất tiếc. Ông ấy đã chết đêm qua rồi. Theo tôi nhớ, hình như vào lúc 0 giờ 56 phút. Xin chia buồn.

Tôi tưởng mình đứng không vững nữa nếu tay không kịp vịn vào tường.

Nghĩ lại cơn ác mộng đêm qua, tôi bần thần cả người.

Ra khỏi bệnh viện, thay vì về nhà, tôi lững thững đi vào công viên, ngồi ở một ghế đá. Bốn bề thinh lặng. Chỉ có tiếng gió rì rào. Khí lạnh thấm vào tận xương tủy. Tôi lấy trong túi ra chiếc phong thư mà Otto đã nhờ tôi gửi. Tôi thở dài. Tôi đã không thực hiện nổi lời trăn trối của lão già. Ngẫm nghĩ một lúc, tôi xé phong bì với hy vọng mỏng manh tìm được tên và địa chỉ của người nhận. Nhưng bên trong, tôi chỉ thấy một tờ giấy trắng đã ngả màu vàng xỉn. Những nếp gấp lâu ngày như muốn chia tờ giấy làm bốn mảnh. Các dòng chữ viết bằng loại mực ngày xưa không những đã nhợt nhạt, lem luốc vì độ ẩm mà còn thấm in mặt nọ chồng lên mặt kia. Tôi tuyệt vọng khi đã không đoán nổi tối thiểu lấy một chữ. Tuy nhiên tấm ảnh kèm theo mặc dầu cũng đã bạc màu theo thời gian, nhưng tương đối còn rõ. Người trong hình là một cô gái duyên dáng, tươi trẻ và đẹp quí phái. Tôi choáng váng khi sực nhớ tấm ảnh thiếu nữ được in trên bìa tạp chí mà hôm nào tôi đã vô tình dùng làm mồi châm lửa.

Tôi bỗng nghe tiếng lão già Otto gầm gừ trên những ngọn cây.❐

Kịch câm

Nam Dao

Gửi tặng Tào Mạt, dẫu đã quá mười năm

Lời mào đầu:

Người chết có lẽ là những kẻ dễ dãi nhất đối với những người bần cùng. Sự khoan nhượng đặc biệt đó rất dễ thấy: nếu các bạn không sợ, xin hãy đi với tôi vào nghĩa trang Z ở Gò Vấp. Nếu như các bạn sợ - thì cũng như tôi thôi - chúng ta cùng chờ một đêm trăng sáng. Đó là dịp mỗi tháng tôi mang máy ảnh đến để chụp bắt cái không khí giữa sống và chết của cõi nửa âm nửa dương mập mờ xanh xao nơi trần thế, chỗ người đang sống căng những tấm bạt làm đủ thứ lều tạm bợ giữa những nấm mồ lạnh lẽo chơ vơ đùn lên mặt đất thành gò đống, cái vô danh, cái có ghi tên ghi tuổi của những người xa xưa đã sống cách đây năm, mười, thậm chí hai ba mươi năm.

Số người lăn lóc trong những túp lều trong nghĩa địa có đủ hạng, đủ thứ, đủ cỡ, đủ tuổi, nhưng tựu chung họ chia nhau chỉ một cái chữ bần cùng, tĩnh từ (hay gọi là trạng từ cũng được) chỉ ra số phận của họ. Cư ngụ giữa những nấm mồ, họ giỡ lều ban sáng. Đêm đến, họ lại dựng lại. Dần dần, họ mất tên họ nhưng có đất, trở thành nào là *Bà già mồ Vũ văn Trọng, Cha què mả bà Lưu thị Hai, Con nhỏ gò Quách Văn.* Tên người chết thế là thành địa chỉ. Rồi riết, họ kêu nhau *bà già mồ Trọng, Cha què mả Hai* và v.v... Từ đó đất ai nấy ở chứ không còn cái cảnh tranh nhau chỗ cao chỗ thấp, chỗ bị nước ngập, chỗ khô, chỗ có bóng râm, chỗ thì chỉ nắng. Trật tự của hình thức tư hữu đó đôi khi bị đảo lộn vì có những kẻ đói khổ ở đâu tràn đến nhập cư. Và giữa những người bần cùng chẳng còn gì để mất - kể cả tên tuổi, quá khứ và những giấc mơ dang dở - sự khoan nhượng dẫu

không hẳn tự nhiên nhưng cũng dễ dàng hơn là đối với "bọn nó".

Trong mớ ngôn từ ở đây, "bọn nó" không phải là cư dân của nghĩa địa, "bọn nó" có tên có tuổi, có nghề nghiệp nhà cửa. Các bạn và tôi đều thuộc *bọn nó* cả. Dĩ nhiên thông cảm với "bọn nó" không dễ. Trường hợp tôi có khác. Và đó là câu chuyện tôi kể hầu các bạn, một câu chuyện giải trí, không phải là chuyện ma trong nghĩa địa, cũng không phải là chuyện nỗi niềm của những kẻ bần cùng. Chuyện ma khó tin mặc dầu người nghe ra mồ hôi lạnh. Chuyện nỗi niềm bần cùng thì nhan nhản như chính những kẻ bần cùng, kể sợ nhàm.

Câu chuyện tôi xin kể đến từ nghiệp vụ của tôi. Là phóng viên báo TTTP, năm nay đúng ba mươi tuổi, tôi đã có sáu năm trong nghề. Vào dịp cởi trói tư duy, chúng tôi tuy không tin là dây trói đã đem ra cắt bỏ, nhưng cũng lạm nghĩ rằng chân tay mình có thêm chút tự do cục cựa. Được đồng nghiệp giao phó, tôi trách nhiệm một cái phóng sự về vấn đền nhà đất của thành phố. Vấn đề này nan giải vì lượng người mỗi ngày một lớn, một phần vì đẻ nhiều, một phần vì dân tứ xứ kéo về thành phố kiếm ăn. Và cái phóng sự đưa tôi đến nghĩa địa Z. Tôi lân la làm quen với hai người.

Người thứ nhất là anh Nguyễn Chính Trực ngụ cạnh mồ trung tá Trần Hiển Vinh, bia còn bốn chữ "vô cùng thương tiếc, 1926 - 1967", nhưng hai chữ *trung tá* bị đẽo đi nhìn chỉ còn lờ mờ. Hẳn vì đấy là trung tá ngụy. Cư dân nghĩa địa gọi anh Trực là *Trung tá*, mặc dầu anh là bộ đội đặc công chính cống, đã từng nằm ba năm ròng ở Củ Chi, bị bom xăng cháy xém mặt, hai mắt mù, nay sống với một con chó, lông trắng nhưng anh lại gọi nó là "ông" Mực, hẳn vì anh chỉ nhìn thấy độc một thứ màu u tối.

Người thứ hai là anh Trần Vị Quốc. Anh xưa là chuẩn úy Biệt động quân đóng ở Quảng Ngãi. Khi kéo chạy, anh bị kẹt ở Long Bình, và ở phút cuối anh rộng lượng tặng lại cho cuộc chiến sắp kết thúc một cái chân trái. Nay anh sống cạnh mồ bà Nguyễn thị Ba, bia còn tấm ảnh lờ mờ, và cư dân nghĩa địa gọi anh là *anh Ba Quốc*. Ba Quốc có vợ và một con. Con anh chị năm nay lên sáu.

Trung tá và *Ba Quốc* hợp doanh trong một dịch vụ có tính văn hóa. Cả hai gọi tôi là "chú" nhà báo. Vâng, thưa các bạn, tôi lúc đó hãnh diện nhận cái danh hiệu nhà báo đó. Nào ngờ, sau đó... Nhưng khoan, xin cho tôi từ từ kể lại câu chuyện cho có đầu có đuôi. Vâng, một câu chuyện không có ma dẫu ở khung cảnh nghĩa địa, chỉ có những nhân vật rất người: anh Trực, gọi là *Trung tá*, anh Ba Quốc, chị Ba và cháu nhỏ, rồi "chú" nhà báo là tôi. Sau cùng phải kể "ông" Mực. Mực rốt cuộc diễn xuất một vai rất người, nên cụm từ "chỉ có những nhân vật rất người" là một cụm từ chính xác và, dĩ nhiên, rất hiện thực. Để có thêm dữ kiện hình ảnh,

tôi xin tả thêm:

Trung tá (TT): trung niên, đeo kính đen, răng vổ, vàng khói thuốc, quần ống thấp ống cao, áo "bộ đội" sờn cổ, đắp vá, ngồi cạnh "ông" Mực nằm ve vẩy đuôi.

Chú nhà báo (CNB): khoảng 30 tuổi, quần áo giản dị, đầu bù xù, mắt đeo kính trắng, cổ đeo máy ảnh có gắn flash.

Anh Ba Quốc (BQ): cụt một chân, mặt mũi năng nổ, tay chống nạng, quần áo cũng xác xơ.

Chị Ba (CB): trung niên, người tầm thước, ăn mặc rách rưới, chân đi lẹt quẹt.

Cháu nhỏ (CN): như 40 triệu cháu khác, không có gì đặc biệt ngoài sự nhem nhuốc xem ra có hơn trung bình. Cháu tuy không nói gì nhưng có mặt trong mọi hoạt cảnh, chỉ lạc lõng nhìn, đôi khi rên lên *Lậy ông lậy bà, làm phúc...*

MÀN I
TỪ PHÓNG SỰ NHÀ ĐẤT ĐẾN HỌC LÀM VUA

Cảnh 1

Nghĩa địa, giữa hai nấm mồ, trong một túp lều. Trăng sáng, lạnh lẽo. Gió xào xạc. Có tiếng dế kêu. Thỉnh thoảng, chó tru lên từng hồi. Văng vẳng tiếng nhị ả ê.

TT: (giọng nhà quê miền Bắc, hơi ê a, có tật khịt khịt mũi khi nói) Quái thật, chẳng thấy Ba Quốc đâu, mà đã hẹn đi hẹn lại rồi, chú nhà báo ạ! *(đưa tay gãi đầu)* Đến mồ ông Chín kéo "bố" sang đây thì sao mà lâu thế nhỉ? *(tay đập đập vào Mực, tay kia với điếu cầy).*

Trung tá vê thuốc lào, châm đóm, tiếng rít thuốc sòng sọc. Im lặng. Chú nhà báo ho khẽ vì khói thuốc, tay quạt vào không khí.

TT: (mơ màng) Ấy cái nghề này nó cũng cực nhọc chứ chẳng phải nhàn nhã gì! Mà lâu lâu phải đổi mới, không thì nhàm... *(tay nâng cây nhị lên, Trung tá kéo một tiếng, rồi thì thào)...* mà nhàm thì "nấy" đâu ra thưởng *(cười hì hì).*

CNB: Trong khi chờ đợi, Trung tá kể về đời Trung tá cho nghe, được không?

TT: (lại cười) Có quái gì đâu mà kể cơ chứ! Lớn lên, thằng nào lại chẳng lính tráng... Và lính, thì đi đánh nhau giải phóng miền Nam. Đời lính cũng lắm cái vui. *(ngẫm nghĩ)* Tớ vào nằm Củ Chi năm bảy hai. Ba

năm không thấy mặt trời. Này, chú nhà báo có biết say đất là say thế nào không?

CNB: (lắc đầu) Say sóng thì biết. Say thuốc lào, cũng có, nhưng say đất thì chịu ông anh!

TT: (chép miệng) Trong địa đạo lâu, đến lúc lên mặt đất, hễ nhìn chân mình là say như say thuốc lào, ngã sấp mặt xuống mà không gượng lên được! Đất lúc đó nhìn uốn lượn như sóng, nhấp nhô đến chóng cả mặt, chú nhà báo ạ! *(cười)* Tớ vừa đứng được thì bị pháo... Mắt thấy nháy lửa, rồi tối sầm xuống. Cái nháng lửa ấy là cái cuối cùng tớ thấy... *(thở dài, lại cười buồn bã)* Và từ đó là cái đen đen lục đục lờ mờ...

Bỗng có tiếng nói "... Zậy, khỏi phải nhìn mấy cái hổng ai ưa nhìn đó Trung tá ơi!". *Tiếng nạng chống, rồi Ba Quốc vào, xếp nạng vào góc, lò cò nhảy ra, ngồi xuống cạnh Trung tá, miệng kêu.*

BQ:... Thiệt đó chú nhà báo. Lắm lúc mù mà hơn sáng đó. *(tay rót nước, quay vỗ vai Trung tá)* Chắc anh chưa kể về tui cho chú nhà báo nghe! *(tay chỉ Trung tá)...* chú nè, đây là đặc công. Còn tui *(tay vỗ vô ngực)*, Tiểu đoàn Sáu Biệt động quân nguỵ - hà, hà *(tay lại đập vào cái chân cụt)* Zậy mà còn may đó chớ! Chú nhà báo biết, "Túy ngoạ sa trường quân mạc tiếu, "xưa nay" chinh chiến kỷ nhân hồi!".

CNB: Cha, anh Ba cũng biết thơ Đường ta! Bảnh thiệt!

BQ: Lai rai, lai rai thôi mà! Nè Trung tá, "bố" coi bộ đi tới nơi rồi *(thở dài)*. Con vợ tôi còn biểu, đổ cho ông chút cháo... zậy mới trễ chút. Chắc chú nhà báo nóng ruột... Xin lỗi nghen!

CNB: "Bố" là ai vậy hai anh?

TT: Ông ấy cũng làm ăn với chúng tôi... *(quay sang Ba Quốc)*. Mà "bố" có nóng sốt gì không anh Ba?

BQ: (lắc đầu) Không! Ông cứ kêu lạnh hoài. Vợ tui nó thoa dầu nóng cho ổng, ổng cứ tiếp tục rên hừ hừ... *(quay nhìn chú nhà báo)*. Nè, nói thật nghen! Chú phỏng vấn gì thì phỏng vấn mồm, đừng hình ảnh chi ráo trọi, "bọn nó" truy thì có chôn xuống nghĩa địa này nó cũng đào mả lên tìm, chết cha tụi tui... Còn cái vấn đề nhà cửa chi đó, chú nhà báo coi, tụi tui cắm trại với người chết, nhà cửa chi mà hỏi...

CNB: (cười) Cắm trại dựng lều cũng là nhà. Tối cắm, sáng gỡ là loại nhà kỳ lạ nhất thế giới đấy. Xin hỏi Trung tá, chủ nhân ông, câu đầu tiên. Bây giờ tối về dựng lều, trong ba thước vuông đây, Trung tá sinh hoạt ra sao...

*TT: (ầm ừ):...*Ừ nhỉ, sinh hoạt à? Tôi về thì phải đợi anh ba đi tắm rửa với thằng cháu, rồi chị Ba nấu cơm. Sau đó, anh ba đưa tôi đi tắm, chỗ máy nước nằm bên rìa nghĩa địa... Tắm cởi áo, nhưng vẫn mặc quần đùi

nhé .. Rồi nhân tiện giặt giũ. Rồi về. Thế là cả nhà cùng ăn bên anh Ba, chỉ có "ông" Mực phải đợi phần cuối cùng... Cơm thì nấu, nhưng đồ ăn là đồ ăn xin. Cái ăn được, chị Ba giữ lại. Cái khó nuốt, phần "ông" Mực. *(cười hì hì)*... Vậy mà tiêu chuẩn còn khá hơn ngày mình ở bộ đội. Chỉ có cái là kể ra cũng không rẻ. Tiền thu hoạch, *(tay vỗ vào vai Ba Quốc)* anh ấy chỉ chia cho một phần năm, bảo là phải trừ tiền cơm và "dịch vụ". Một phần năm lại có cả phần "ông" Mực. Còn "bố", "bố" cũng được một phần năm. Còn lại là phần anh Ba. Lý do, anh ấy bảo anh ấy còn kiêm cả đạo diễn...

CNB: (ngạc nhiên) Đạo diễn? Diễn gì?

BQ: (cười hà hà) Chú nhà báo không biết đâu. Đoàn tụi tui có "bố", Trung tá, "ông" Mực và tui đây là đoàn kịch "Tha Phương", thường diễn một ngày ba suất. Suất một là trên đường Nguyễn Hữu Cầu ven chợ Tân Định. Suất hai, chợ Thị Nghè và suất ba, tụi tui lân la "du kích" diễn ở Cầu Kho bên Khánh Hội...

CNB: (ngắt lời) Thiệt hả! Mà mấy anh diễn gì?

TT: (ê a) Thì diễn kịch. Pha chèo vào vọng cổ. Chèo, có tôi miền Bắc *(tay nâng cây đàn nhị lên quơ quơ)*. Còn vọng cổ, là Ba Quốc và "bố". Chất miền Nam mà lỵ! Kết hợp chèo và vọng cổ là cái nét đặc trưng của đoàn kịch Tha Phương...

CNB: (giọng cười cười) Không có vai nữ, diễn viên nữ không có à?

BQ: (giơ tay gõ vào nạng) Ban đầu, vợ tui đóng vai nữ chứ! Nhưng sau, thu nhập không khá, nó bỏ. Nó biểu làm ăn xin trên đường Đồng Khởi khá hơn. Sau khi đóng tiền "đứng", thu nhập của nó bằng cả đoàn kịch nói tụi tui. Ban đầu tui không ưng! Sau, đói quá, "dịch vụ văn hóa" thu nhập kém nên con vợ tui nó áp lực nặng. Nó biểu "... mấy anh cứ phát triển văn hóa, phần tui, tui lo bữa cơm nào cũng có cá, có thịt. Và ngày chủ nhựt là ngày nghỉ, không ai phải lao động cả... Chịu chưa?

TT: (thở dài) Ăn xin thì khổ... Nhưng muốn có văn hóa phải hy sinh. Chị Ba xung phong tự nguyện *(anh bứt rứt)* cho anh em...

CNB: (xoa tay, lắc đầu)... vâng, thế xin quay về câu hỏi, sinh hoạt thế nào?

TT: À, à... Chín giờ, đoàn kịch Tha phương "họp". Cứ vài tháng, lại đổi kịch. Khi đó thì tập với nhau. Tôi kéo nhị, hát chèo. Anh Ba ca cải lương, gẩy ghi ta điện. "Bố" đập trống. Kịch bản thì anh Ba lo, lấy chỗ này ghép vào chỗ kia... Nhưng cơ bản mà nói, chúng tôi có gắng đáp ứng nhu cầu cao của khán giả...

CNB: (bật cười)... Thú vị thiệt! Báo TTTP không biết có những nghệ sĩ nhân dân như hai anh.

BQ: (ngắt, hớn hở) Nhân dân thiệt nghen! Kết hợp chèo và cải lương là thống nhất Bắc Nam. Ảnh *(tay chỉ Trung tá)* là đặc công, tui *(tay chỉ vào ngực mình)* là Biệt động mà hợp doanh, thế là hòa hợp dân tộc. "Bố" gõ trống, tượng trưng cho truyền thống, còn vợ tui nó đóng góp nuôi người làm sự nghiệp văn hóa, nó thêm vào một cái là có bốn "đảm đang" nêu cao tinh thần "mẹ chiến sĩ". Ha, ha... Chỉ kẹt là vẫn còn cảnh ngăn sông cấm chợ, nộp sưu hơi nhiều... Nhưng với "kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa", bây giờ hành nghề dễ hơn thời bao cấp. Đám nhà buôn có cửa hàng cũng chịu chơi trong tinh thần "tư sản dân tộc". Chỗ chợ Tân Định, tụi tui diễn nên kéo khách, và được những cửa hàng trả cho "kinh phí tiếp thị" một cách đàng hoàng... Công an thì thu "dịch vụ trật tự", tụi tui trả một nửa, mấy cửa hàng trả một nửa, rất có tính "hạch hoán kinh tế"...

CNB: (giơ tay lên)... Hai anh mai có diễn không? Nếu tới quay phim cho truyền hình, mấy anh có phiền không?

Trung tá nhìn Ba Quốc. Ba Quốc nhìn lại Trung tá. Đúng lúc đó, có tiếng gọi anh Ba. Đó là chị Ba, tay dắt đứa cháu, nói vọng sang.

CB: "Bố" ngủ rồi! Coi bộ ổng mệt dữ. Mười giờ rồi, mấy cha còn lào xào chi đó... Đừng có nhậu nghen! Sáng mai phải dậy sớm, đừng quên!

Đèn tắt.

CẢNH 2

Nghĩa địa. Lều gia đình Ba Quốc. Chỉ có chị Ba và cháu nhỏ. Đèn tắt. Tiếng ho. Chú nhà báo hiện ra.

CNB: (độc thoại, tay cầm máy ghi âm) Kể cho anh em tòa soạn nghe, không ai tin. Chuyện phóng sự nhà cửa mình vẫn tiếp tục, nhưng màn kịch nhân dân thì làm sao bỏ qua được. *(cười)* Bà tổng biên tập lập nghiêm "... Nè, đừng có phá kế hoạch nghe! *(múa máy điệu bộ như trả lời)* "Thưa thủ trưởng, đâu có dám phá. Phóng sự về kịch chỉ là kế hoạch phụ! Cái vụ này dành cho báo Chủ Nhật. Đây là phụ thu của kế hoạch chính, thủ trưởng chớ lo". Bả bồi "... Phụ thu thì được, nhưng báo không có chi thêm đâu!" *(chép miệng)* "... thì cũng được, phấn đấu tốt mà, chị...". Bả nheo mắt "... đi ghi âm nghe thử đã". OK *(đập tay vào máy ghi âm)*. Rồi...

CNB: (gọi) Anh Ba à! Có nhà không?

CB: (ló đầu ra) Anh kiếm anh Ba? Ảnh sắp về tới... A, chú nhà báo hả?

CNB: (gật đầu) Chào chị Ba. Bữa nọ chưa gặp chị, nhưng anh Ba và

Trung tá có nói về chị rồi!

CB: (cười) Có chi đâu mà nói... chú nhà báo vô chơi nghen. Cái lều này rộng hơn một chút thì có chỗ tiếp khách. Nè, chú ngồi lên đây nè...

CNB: (nhìn xuống đất) Gì đó chị?

CB: Cái mả đó. Nhưng chỗ này là chân người chết, không sợ bất lịch sự đâu! Chú cứ ngồi đi!

CNB: (ngồi xuống, tay để vào máy ghi âm) Bữa nay, chị cho làm nghiệp vụ nghe! Chị cho phép tôi phỏng vấn chị, được không?

CB: (lắc đầu) Thôi mà chú. Nói thì được chớ ghi âm phỏng vấn thì thôi. Phức tạp lắm!

CNB: Phức tạp làm sao chị?

CB: (lại lắc đầu) "Bọn nó" nghe biết, khổ cho tụi tui. Đời tụi tui kể ra thì toàn chuyện vất vả, có chi đâu mà vui. Không vui, tức là không lạc quan, không lạc quan tức là phản động... Thôi đi chú.

CNB: (phản đối) Phỏng vấn chuyện diễn kịch thì vui chứ sao không vui?

CB: A, tui tưởng chú phỏng vấn tui về cái nghiệp vụ "khất thực" chớ!

CNB: Không, nghiệp vụ đó, mình nói chuyện chơi để tôi hiểu thêm sinh hoạt của đoàn kịch Tha Phương. Tôi nghe là không có chị, đoàn kịch không sống nổi!

CB: (cười hiền lành) Thì cũng cung cấp chút đỉnh chi viện nhau mà chú! Chú biết, làm văn hóa như mấy ổng cũng khó. Diễn xong một suất, "bố" cầm cái nón đi vòng vòng, nhưng người ta lảng liền, né xa... Một suất, diễn bốn mươi lăm phút. Ba người mà thu chỉ cỡ mười ngàn... Bằng tôi, nếu hên, nhiều khi chỉ xin được một lần cũng cỡ đó. Nhưng phải có nghiệp vụ, chú à!

CNB: (ngạc nhiên) Nghiệp vụ thế nào chị?

CB: (lại cười) Trước hết, phải biết hóa trang, biết chọn giờ, biết chọn chỗ và xoay tua.

CNB: (cười cười) Chị giải thích cho nghe, tôi không hiểu... Hóa trang là sao?

CB: Này nghe. Làm ăn vào ban sáng bắt đầu cỡ chín giờ, mười giờ. Trước đó, phải bôi mặt cho lấm lem, lấy áo vừa rách vừa dơ ra. Rồi quay tua. Từ chín tới mười một giờ, ở gần khách sạn Cửu Long, tên Majestic cũ đó. Nghỉ trưa, ra chợ Cũ, tìm chỗ thay cái áo khác, cần thì độn bụng lên nhìn như có chửa. Từ hai tới năm giờ, tới khách sạn Tao Đàn. Sau đó, lại thay áo, rồi kiếm một cái khách sạn khác, khách sạn Độc Lập hay Hữu Nghị. Làm vậy, là đối khách. Chỗ ngon là gần khách sạn có du lịch nước ngoài. Phải chia tiền xâu với trật tự giữ chỗ. Tuần làm một khu. Tuần sau

phải khất thực khu khác. Đi lòng vòng chớ khách nhận được mặt mình, đâu dễ mà cho lần thứ hai... Làm ba vòng thì má con tui về nghĩa địa cũng cỡ tám giờ tối... Đó, sinh hoạt của tôi vậy, mỗi tuần làm sáu trên bảy, Chúa Nhựt thì nghỉ để bồi dưỡng lấy sức...

CNB: (ngập ngừng) Vậy chị thu nhập được nhiêu?

CB: Tùy! Tùy khách du lịch vô nhiều hay ít. Tùy thời điểm. Tết tới, người mình hảo tâm hơn chút. Ngày mồng Một ta, cũng vậy... Kẹt nhất là mấy ngày lễ lớn như ngày Độc Lập 2-9, công an đuổi, chạy tùm lum. Hoặc là có hội nghị quốc tế, cũng vậy... Mình phải giữ cái bề mặt thành phố cho nó đẹp, mấy ổng nói zậy! Đó, thu nhập có thay đổi, nhưng tui so với mấy người công nhân viên tôi biết, cỡ hai lần lương cô giáo cấp một đó chú nhà báo à!

CB: (bỗng suỵt suỵt)... chú đừng nói ra nghen! Nói lợi tức zậy, cả nước đi ăn xin thì thu nhập mỗi người như tui chắc là phải xuống... Nhưng chú à, cái nghề này nhục lắm. Làm ba năm rồi, tôi vẫn còn thấy nhục... May mà tui có được hạnh phúc gia đình...

CNB:(lại ngạc nhiên) Hạnh phúc gia đình?

CB: (tay chỉ đứa bé nằm ngủ) Thằng nhỏ không ốm đau. *(chị cười)* Còn ảnh, ảnh không chim chuột mèo mỡ, thương mẹ con tui, cái chi cũng chiều... *(lại cười)*. Zậy là hạnh phúc chứ!

CNB: (ngập ngừng) Thế còn tương lai gia đình? Chị nghĩ gì về tương lai...

CB: (cười) Tương lai? Cuối cùng thì ai cũng chết! Trước mắt, còn người có tiền còn xin được. Nghe nói năm tới là năm du lịch theo như Đảng và Nhà Nước kế hoạch chi đó. Tui thiệt mừng, chắc là gia đình tui kiếm được một mớ, chú à... Rồi khá, tụi tui phải tìm một nơi nào đó mua hay sang, có hộ khẩu đàng hoàng để thằng nhỏ *(tay lại chỉ)* có thể đi học...

CNB: Chắc lúc đó chị đổi nghề, xoay sang buôn bán...

CB: Cũng tính zậy... Nhưng chưa biết. Hoặc là tui phụ mấy ổng đóng vai "nữ". Tui lên sáu câu cũng ngon lắm à nghen!

Đúng lúc đó, Ba Quốc bước vô.

BQ: Cha cha, tự hào dữ... *(cười nhìn chị Ba)*. Sao em Ba *(giọng rất cải lương)*, bữa nay khá không em?

CB: (cười) Khá, anh! Có một cặp người Tây cho năm đô... Hên quá heng!

BQ: (nhìn chú nhà báo) Hẹn chú nhưng lại cứ mắc với "bố". Ổng bữa nay nằm lì cả ngày. Tui có nói là qua dợt kịch để chú ghi âm, nhưng ổng than mệt... Chắc để bữa khác, được không?

CẢNH 3

Nghĩa địa. Túp lều của Trung tá trong nghĩa địa. Đèn rọi để quay tivi sáng trưng. Trong lều chỉ có Trung tá, "ông" Mực, Ba Quốc và một phóng viên truyền hình (PVTH).

Tiếng nói: sửa soạn quay này. Ba, hai, một... *(tiếng khúc gỗ đập nghe một cái cách)*

PVTH: Báo chí trong những ngày vừa qua xôn xao qua sự kiện một đoàn kịch nghiệp dư, tên là Tha Phương, đã xuất hiện và trình diễn những kịch phẩm dân tộc xuất sắc, tạo nên một không khí văn hóa hiếm hoi ở những nơi như chợ búa, quán nước, vỉa hè... của thành phố quang vinh mang tên Bác. Một phóng viên của báo TTTP, người phát hiện ra hiện tượng này, đã viết "... Chưa bao giờ nghệ sĩ lại xuống đường gần với nhân dân đến thế! Trên đường Nguyễn Hữu Cầu ven chợ Tân Định, vòng trong vòng ngoài, đồng bào đã nhiệt liệt vỗ tay cổ võ từ phút đầu đến phút cuối buổi trình diễn vở "Lý Nhân Tông học làm vua", một vở chèo do Tào Mạt dựng, được bổ sung hài hòa bằng những bài cải lương hát theo phong cách miền Nam...". Trong chương trình đặc biệt hôm nay, chúng tôi trực tiếp truyền hình hai diễn viên chính của đoàn kịch Tha Phương. Xin giới thiệu:

- Ông Nguyễn Chính Trực *(đèn rọi vào Trung tá)* và
- Ông Trần vị Quốc *(đèn rọi vào Ba Quốc).*

PVTH (cầm micrô, đi lại trước mặt Trung tá): Xin chào nhà nghệ sĩ. Ông có thể cho chúng tôi biết ông đã đến với nghệ thuật thoại kịch từ bao lâu, trong trường hợp thế nào, cũng như những vấn đề kết hợp chèo và cải lương là hai phong cách rất dị biệt về tinh thần cũng như thể điệu?

TT: (đèn rọi vào) À, dạ *(luống cuống, tay vỗ vỗ "ông" Mực)* Đến từ bao lâu? Chèo thì tôi biết chèo từ năm lên sáu lên bảy, từ ngày Hòa bình lập lại đấy. Tôi sinh đẻ ở Mỹ Văn, thuộc tỉnh Hưng Yên. Như mọi thôn làng ở miền Bắc, chèo là thể loại dân làng chúng tôi ưa chuộng... Cả thày lẫn bu tôi khi còn sống... hễ cứ hát là hát chèo cho nên *(lại luống cuống)*... cho nên tôi... nhập tâm bắt chước hát theo...

PVTH: (cười) Xin ông cho nghe thử một, hai câu ông đã nhập tâm...

TT: (luống cuống, tay với cây nhị) Dạ, dạ *(kéo nhị, nuốt nước bọt, cặp mắt mù nhướng nhướng lên, hát)*

"Ớ này, ới ai ơi, ai ơi còn nhớ... ai
tắm mát ở cái, ở cái, ngọn sông Đào..."

PVTH: Tuyệt vời, cực hay... *(quay sang Ba Quốc)* Còn ông, nghệ sĩ

cải lương. Tôi lại cũng xin hỏi một câu tương tự, ông đến với cải lương vào trường hợp nào?

BQ: (lúng búng, cười) Cũng như ảnh *(tay chỉ Trung tá)* zậy! Hồi nhỏ tui nghe hát, tui hát theo. Radio ngày nào mà không có cải lương. Nhà tui ở Bình Thạnh, sát hông là nhà hàng xóm suốt tối mở radio nghe... riết rồi tui thuộc...

PVTH: Ông có thể hát một đoạn không?

BQ: (với cây đàn ghita điện, dạo một khúc) Hồi nhỏ tui thích hát mấy cái zui zui. Mấy anh không biết chớ hồi đó sách kiếm hiệp Kim Dung ăn khách dữ lắm. Ai cũng biết Trương Vô Kỵ, Triệu Minh, Tạ Tốn... trong Cô Gái Đồ Long đó... Rồi tụi tui diễn, hát như vầy *(Ba Quốc hắng giọng, ngửng cổ lên xuống rất mùi)*

"Thúc phụ ơi! Người ta đã rạch nát mặt nàng Hân Ly và xẻo tai Chu Chỉ Nhược. Còn Đồ Long đao và kiếm Ỷ Thiên (thì) người đã đã mang theo đi khỏi đảo Long Xà!".

PVTH: (vỗ tay) Hết xẩy. Cự kỳ mùi... *(quay sang Trung tá)* Nay xin hỏi lại, đoàn kịch Tha Phương đã thành hình như thế nào?

TT: (luống cuống) Trong trường hợp cả anh Ba *(nhìn Ba Quốc)* và tôi đói. Chúng tôi cùng cảnh ngộ, người mù kẻ què, lại đều là thương phế binh, nên dễ thông cảm nhau. Thấy tôi chỉ biết bơm xe, anh cho tôi hợp doanh sửa xe đạp. Thế rồi mù thì mù, vẫn vá xe được... Vặn ốc, một lúc cũng quen... Nhưng khi kinh tế "bung" ra thì xe đạp ít đi. Xe gắn máy, chúng tôi không đủ trình độ kỹ thuật... Thế là... buồn thì hát... Rồi đói. Không lẽ đi ăn xin? Anh Ba bảo "lập gánh hát chơi!". Tôi sợ lắm, không dám. Anh với tôi hết tiền, rủ nhau về nghĩa địa này. Hồi đó còn vắng, cứ đêm đêm, chúng tôi hát. Hát cho ma nghe nên không ngượng. Chị Ba... thì phải... đi kiếm ăn, chúng tôi đàn ông mà vô dụng. Chị ấy bảo, cứ đi hát dạo đi... Người ta không cho thì thôi. Dân mình yêu văn hóa, chắc rằng chẳng chê bỏ hai anh đâu. Tôi ngần ngừ nhưng anh Ba hăng lên. Anh ấy lại lôi "bố" về - À quên, xin nhắc đó là diễn viên thứ ba trong đoàn, hôm nay đau ốm, không thể ra gặp Truyền hình...

BQ: (ngắt)..."bố" về làm thính giả. Chà, ổng khen "tụi bay hát zậy là quá xá hay!". Ổng nói, nếu không chê, cho tao một chân diễn viên. Tao thuộc tuồng cổ, muốn hát bội, tao cũng thuộc... Đó, đoàn thành hình. Bắt đầu, ảnh *(đập vào tay Trung tá)* đặt tên là Kịch đoàn Tương Lai. "Bố" kêu: "Tao sắp bảy mươi, chết đến nơi rồi, mà chết thế này là xa quê tao ở dưới Sóc Trăng... Đặt là Tha Phương, nghe tội nghiệp người ta mới cho tiền. Tụi bay trẻ, tui bay "hồ hởi" quá hè, ĐM, chết đói hết...". Tui không chịu, bắt bầu, đa số thắng thiểu số cho nó dân chủ. Đó, tui thua và đoàn kịch

Tha Phương ra đời...

PVTH: (cười cười) Thật là lý thú. Và đây là cái gương phấn đấu kiên quyết của những tầm vóc vươn lên trong mọi khó khăn. Dĩ nhiên, khó khăn chỉ tạm thời và thuận lợi mới là cơ bản. Quả vậy, Tha Phương ra đời và từ những bước đầu đã đi đến ổn định... Xin lại hỏi hai nghệ sĩ, hai vị kết hợp chèo và cải lương là có ý đồ nghệ thuật kết hợp hai truyền thống lớn, có phải không ạ?

Trung tá nhìn Ba Quốc. Ba Quốc nhìn Trung tá, đùn lại cho nhau câu trả lời.

TT: (ngập ngừng) Cũng có một tí... Nhưng cái khó nó bó cái khôn. Tôi chỉ hát được chèo, anh Ba thì cải lương, có muốn khác cũng chẳng được.

PVTH: (reo) Quá đúng. Cực kỳ. Chính thực tế mới là đòn bẩy đẩy ra sáng tạo. Và sáng tạo hiện thực xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân nên ắt được nhân dân ủng hộ... Vâng. Xin hỏi hiện nay, chúng tôi nghe nói là đoàn đang diễn vở "Lý Nhân Tông học làm vua" có phải không ạ?

BQ: (cười) Đúng! Đây là vở chèo của ông Tào Mạt viết mừng Nghị Quyết IV và V. Tụi tui chế biến cho thêm cải lương vô để chúc Nghị Quyết VI thành công...

PVTH: (giơ tay) Bây giờ có thể yêu cầu hai nghệ sĩ biểu diễn cho một đoạn để quần chúng thính khán giả thưởng ngoạn không?

BQ (nhìn Trung tá, rồi ghé vào tai PVTH, nói nhỏ): Truyền Hình có dự định cát-sê gì cho không? Dạo này kiếm khó lắm...

PVTH: (gật gật) Xin mời hai vị *(cười rất tươi)*, và xin trân trọng giới thiệu với quí thính khán giả một đoạn trong vở kịch "Lý Nhân Tông học làm vua".

Đèn tắt.

Cảnh 4

Vẫn túp lều của Trung tá, ánh sáng mờ đi, tiếng nhị và tiếng đán ghita điện nổi lên. Có tiếng người đến xem lao xao xung quanh. Rồi PVTH đếm "ba, hai, một... cách".

Đèn rọi vào Trung Tá.

TT: (nghiêm trang, hát)
"Chấp hành nghị quyết Đại hội Đảng
Chúng tôi hát "bài ca giữ nước"
Giờ lịch sử sáu trăm năm trước

Soạn nên trò tặng bạn thiếu niên
Gương xưa lắm lúc phải soi
Tích chèo nay hát làm vui
Hát người trước hát để soi răn mình
Muôn năm đất nước quang vinh..."

(Nói)

Chuyện xảy ra vào thời vua Nhân Tông, có Lê Cảnh Thịnh là Thái sư và Lý Thường Kiệt là Thái úy. Lê thái sư chuyên quyền, có ý đồ thoán ngôi, định dùng pháp thuật giả cọp để vồ ăn sống vua. Hắn nghênh ngang... *(hát chèo)*

Gặp thời, bay nhẹ tựa lông hồng
Một ngón tay đưa vạch núi sông
Ta muốn lên cao nghìn vạn trượng
Đem quân tiến trị khắp tây - đông!

(Nói) Hê hoạn, năm nay đã trên sáu mươi, chống lại và nhất định gặp vua.

BQ: (chạy ra, vỗ ngực) Khuyển đây *(đi đi lại lại)*. Cái thằng Hê hoạn, thiệt là dở hơi *(nhái giọng Bắc)*. Lê Thái sư sai ta đi, lần này ta trốn cũng không nổi... *(ca cải lương)*

Ta đã nói
Nó không chịu nghe
Cái thằng hề đó... ngu
Người sai - thì ta - phải đi
Đừng có trách ta là thô bạo... ớ

(Tay chỉ Trung tá, quát) Nè, Hê hoạn!

(Hát) Hê ơi, tui biểu là ông đừng nói bậy. Mà sao ông cứ cứng cổ cứng đầu. Lê Thái Sư quyền bính đầy mình nên đã sai tui tới đây bắt ông...

Hê hoạn: (cười khà khà) Bắt ta làm chi?

Khuyển: (giơ tay lên trời, thở ra) Bắt ông phải chết!

Hê hoạn: (lại cười) Ta tội chi?

Khuyển: (nói xẵng) Quan Thái Sư truyền tội của ông là từ cái lưỡi không biết uốn. Kiếp sau làm người thì tập cho nó dẻo đi nghe! *(chỉ tay)* Quan truyền cho ông chọn một trong ba cách chết. Một, lấy dải lụa này thắt họng cho chết lè lưỡi. Hai, có cục nhân ngôn uống vào, chết lưỡi rụt lại. Ba, dao đây cắt họng, chết lưỡi lìa mồm. Ông chọn cách nào?

Hê hoạn: (nhảy lên làm như sợ, nhưng lại cười hà hà) Không! Không được. Tắt thở thì khó chịu. Thuốc độc lại đắng. Còn cắt cổ, đau lắm, ta không ưng. Chú Khuyển ơi, ta với chú chẳng thù chẳng oán. Ta chịu chết, nhưng xin chú cho ta chết cách của ta. Chú đào cho ta cái huyệt rồi vào

lấy cho ta vò rượu. Ta uống cho say mê say mệt là chú trói ta cho chặt rồi chôn xuống đất. Ta chết êm chết ngọt thì chú có phúc có phần, ta sẽ phù hộ vợ con chú... Khi chú đào huyệt, ta hát cho chú nghe.

Hề hoạn (cười): Bằng lòng nhé, này ta hát này:

Chết chìm trong vũng nước nông
vớt lên lại đắm muôn trùng biển sâu
Hỏi cõi người vì đâu mà khổ thế
Rượu đầy bầu há để chén không
Nào mời *(tay nâng ly, nhìn Khuyển đang lắc đầu từ chối)*
Đường đời ngang dọc tha hồ
Thảnh thơi mượn tạm một bồ gió trăng
Nào mời *(uống cạn ly)*
Hôm nay ngồi giữa trời giữa đất
Rượu đầy vơi
A! Trăng xuống đây rồi
Hỡi chị Hằng Nga...
Trăm năm trong cõi người ta
Quyền uy cho lắm để mà hại nhau
...
Đời người thoảng qua đi mấy chốc
Nhưng nước non gấm vóc khôn cùng
Cắp bầu đi khắp núi sông
Lấy trăng làm bạn nhưng mong đổi đời
...

Khuyển: (giục) Nhanh lên, uống nữa đi.

Hề hoạn: (hát)

Quan có nịnh, có trung
Người có thiện, có ác
Hề này *(cười)*, có chân có ngụy
Ha ha
Hề này một kiếp làm vui
Thấy kẻ ăn bẩn ăn tham ta cười tủm cười ruồi
Thấy nịnh hót, ác gian ta cười khinh cười bỉ
Thấy nhố nhăng ta cười ầm cười ĩ
Thấy bất công ta cười đắng cười cay
Ta cười, cho sáng lẽ dở lẽ hay
Kẻ gian hoảng vía người ngay hả lòng.

Khuyển: (tần ngần) Tôi biết, tôi biết... *(ca cải lương)* Biết mà hề ơi! Tôi đâu có làm được chi để đền bù cho Hề bao nhiêu cay đắng. Biết mà tôi

đành đào huyệt chôn cho xong cái kiếp một...con người *(đàn đánh lên).*

Hề hoạn: (đến vỗ vai an ủi Khuyển) Không sao! Đừng lo.. Không Hề này thì Hề khác. Ta chỉ là người đi góp nhặt tiếng cười thiên hạ... *(lại hát)*

Nếu còn kẻ nhố nhăng bậy bạ
Thì dân gian lại nẩy ra hề
...
(Nói) Rượu sắp hết rồi, đào huyệt nhanh lên!
Nhắn ai, trong cõi hồng trần
Làm người phải lấy chữ Nhân làm đầu
Ta đi, hát láo dăm câu
Bốn bầu cạn sạch!
Ta uống nốt bầu trời trong
Buông câu giữa thinh không lặng ngắt
Một ánh trăng trong vắt vừa bay
A, trăng bay, trăng bay
Sông núi cũng đang quay
Ta xin uống cả bầu trời
Trở về với đất là nơi sinh thành
Trời cha đất mẹ ân tình

(Im lặng một lát rồi nói) Cám ơn chú Khuyển nhé. Con chim sắp chết cất tiếng kêu than. Con người sắp chết cất nên lời nói phải. Ta cảm ơn chú đã nhọc nhằn vì ta.

Đèn tắt.

MÀN II
TỪ KỊCH NÓI ĐẾN KỊCH CÂM

Cảnh 1

Nghĩa địa. Túp lều Trung tá. Có Ba Quốc, thằng nhỏ, chị Ba ăn mặc sạch sẽ ngồi trên chiếu. Trung tá và chú nhà báo vào.

BQ: (cười ha hả) Cha, kẹt chi mà bắt tụi tui đợi lâu quá. *(tay khui bia)* Rồi chú nhà báo, làm một ly. Bây giờ thái lai rồi!

CNB: (cười) Hai nghệ sĩ thành công quá. Lên truyền hình trông chuyên nghiệp lắm. *(Quay sang chị Ba)* Thôi nhé, bây giờ chị phải vào đoàn. Vai nữ không có diễn viên. Này, nếu có đứa nào nó chụp hình chị đang... *(ngập ngừng)*...khất thực ở trên đường Đồng Khởi chỗ khách sạn Cửu Long thì... tiêu luôn đoàn kịch Tha Phương đấy...

CB: (cười)... Được, để tính sau chú nhà báo. "Bố" kêu mệt không qua được! Chút xíu mang đồ ăn qua bển cho "bố" nghen, anh Ba.

BQ: (ôm vai Trung tá) Nào. Zô đi. Một trăm phần trăm nghen! *(Uống, đặt ly xuống, gắp rồi vừa ăn vừa nói)* Sáng nay hai anh em tụi này có được ông Phó chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Quận tiếp. Hỏi ở đâu, ảnh *(vỗ vai Trung tá)* nói ở nghĩa địa. Ổng nhẩy nhổm. Rồi ổng kêu thư ký vào dặn dò. Lát sau, ổng biểu đoàn kịch phải có nhà cửa đàng hoàng. Đợi mấy bữa nữa Ủy Ban sẽ thu xếp cho *(cười)*... Ngon rồi, phải không chú nhà báo?

TT: (cũng cười) Ông ấy bảo Ủy Ban có chế độ bồi dưỡng nghệ sĩ và sẽ xét trường hợp của chúng tôi... Thật, cũng nhờ bài báo trên TTTP của chú. Sau đó, đài truyền hình lại chiếu lên. Thế là Quận I, Quận II cho người tới đề nghị hợp đồng trình diễn... Mấy cửa hàng ở chợ Tân Định bây giờ trả gấp đôi. Chú nhà báo thấy không, đời lên hương thơm phưng phức... Chúng tôi có tiền nên chuyến này mua được thuốc cho "bố". Kể lại, ông ấy không tin, kêu "bay ba xạo!"... hà hà.

BQ: (rót bia, nâng lên) Zô, zô nữa đi! *(Ngửa cổ uống, rồi nhìn chị Ba)* Thôi nghe em, qua mời em vào đoàn thủ vai chính. *(Giọng ngà ngà say)* Qua sẽ soạn vở "Bà Triệu" cho em. Bà Triệu vú dài ba thước đó... hà hà, em có đủ... sức... đóng không cà?

CB: (nguýt) Quỉ chùa! Tầm bậy nào.

BQ: (cười) Bả quê ở Phong Châu, giận loài tham bạo...

CNB: (ngắt lời) Không, quê ở Phong Châu là quê bà Trưng chứ!

BQ: (giả lả) À quên! Dạo này lu bu, sử sách quên hết cha nó rồi! Nè Trung tá *(vỗ vai)*, còn cái vở Thị Kính Thị Mầu chi đó, mình tính luôn đi nghen. Anh nói vở đó hay lắm mà...

TT: (cười) Hay lắm, hát chèo mà đóng Thị Mầu thì cực kỳ. Chị Ba tập chèo đi, dễ lắm...

CB: Thôi đi mấy ông ơi! Mơ mộng lãng mạn quá! *(chị đứng dậy, tay xách cà mền thức ăn)* Mấy anh ngồi, tui mang qua cho "bố" nghen!

BQ: (cười, say) Về lẹ nghen em. Không em *(giọng cải lương)* tắt lửa bình khô rượu... Về lẹ nghen, qua đợi... *(nhìn chú nhà báo)* Zô, zô đi chớ!

Chị Ba đi ra. Đèn mờ dần. Tiếng ly cụng nhau. Tiếng cười nói. Tiếng zô, zô... Được một lát, đèn bỗng bật sáng.

Chị Ba lật đật chạy vào, mặt đầy nước mắt.

CB: (khóc) "Bố" đi rồi! Để tay vào mũi không thấy thở nữa!

Đèn rọi. Ba Quốc đang cầm ly bia để ngang miệng, Trung tá gắp, chú nhà báo cười. Tất cả bỗng bất động. Đèn mờ dần, bất chợt tắt ngủm.

Trong bóng đen, người ta nghe tiếng Ba Quốc "Zậy hả? Trời ơi!" rồi

tiếng chân, tiếng chai bia đổ. Tiếng Trung tá hộc lên "cho tôi đi với!". Tiếng chú nhà báo "Anh Ba chờ tôi!". Tiếng chị Ba "Đợi đó Trung Tá, đưa tay tôi nắm, té đó!". Tiếng "ông" Mực tru lên.

Im lặng. Đèn tắt. Tiếng nhị ai oán đệm vào tiếng ghita cải lương và tiếng nấc.

Lát sau, Ba Quốc vừa khóc vừa hát nho nhỏ ... "Bố" à, đời người nước chảy mây trôi, sinh là ký mà tử là qui". Tiếng nhị kéo lên thê thiết. Chị Ba khóc tức tủi. Đèn dần dần sáng lên. Vẫn túp lều Ba Quốc, nhưng mỗi người ngồi một góc. Ánh trăng chiếu xuống xanh nhớt đổ bóng người ngã soài ra. Thằng bé con anh chị Ba Quốc thức giấc hỏi "... Má, có chuyện chi đó?".

CNB: (thở dài) Chôn cất, chuyện chôn cất thế nào?

Tất cả im lặng. Trung tá chép miệng, lẩm bẩm. Lát sau, chị Ba nhìn chú nhà báo.

CB: Như tụi tui, dẫu có chết trong nghĩa địa cũng phải kéo ra lộ. Công an tới lượm, rồi mang chôn...

BQ: (ngắn ngừ) Nhưng lần này khác. Tui và Trung tá khai đoàn kịch có "bố" là diễn viên với ông Phó chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Quận rồi.. Hay lên xin với ổng cho chôn cất "bố" đàng hoàng... Biết đâu ổng...

CB: (ngắt lời)...ăn thua gì. Lại thêm rách việc. Nội cái vụ "bọn nó" điều tra điều mẹ là mất ráo trọi bây giờ... Chết là hết, chôn đàng hoàng hay không đàng hoàng cũng zậy...

TT: (thở dài) Thôi thì mua quần áo mới thay cho "bố" cho sạch sẽ rồi hãy kéo ra lộ...

CB: (xua tay) Zậy là ổng sẽ chôn ở truồng. "Bọn nó" sẽ lột lấy quần áo ổng...

BQ: (ôm đầu)... Bây giờ lấy ai thế "bố" vai lão đây! Uổng quá, vừa mới dợt xong tuồng ÂN ĐỀN NGHĨA TRẢ có ba vai... không lẽ đem bỏ à!

CNB:...."Bố" có thân nhân không để còn báo?

Cả ba người kia lắc đầu.

Bỗng nhiên "ông" Mực lại tru lên như gọi ma. Gió lạnh ở đâu xào xạc thổi về, thản nhiên để mặc lũ người dưới này loay hoay chuyện trần thế.

Cảnh 2

Chú nhà báo ngồi dựa lưng vào một cái mả trước túp lều của Trung

tá, vẻ mặt lo lắng.

Độc thoại:

- Thật là không thể, không thể tưởng tượng ra nổi. Đến tình thế này, chẳng làm sao mà xoay sở được. Bà tổng biên cẩn nhẫn, phóng sự nhà đất bị Thành Phố ách lại vì cái tội nhân đó mà đưa lên Truyền Hình hai người hát dạo, bôi lem nhem chế độ bằng những hình ảnh què cụt mù lòa. Hỏi kỹ, Tuyên Huấn Trung ương rà soát, lệnh vào bắt ngưng ngay. Thành Phố phản ứng yếu xìu. Ủy Ban Nhân Dân Quận sợ, lơ đi như không biết. Hai nghệ sĩ, Ba Quốc và Trung tá, bị gọi lên sở ở Trần Hưng Đạo. Áp lực thế nào, chưa rõ. Bà tổng biên lại bảo, đến hỏi cho kỹ đã... Bả dặn, thứ nhất là cẩn thận. Thứ nhì là cẩn thận. Và thứ ba, lại càng cẩn thận. *(Cười rồi hừ một tiếng)* Dạ, thưa thủ trưởng, em sẽ cẩn thận hết mình... Em tư duy cẩn thận, cởi trói cũng cẩn thận, cởi trói tư duy lại càng cẩn thận... Tốt hơn, bả lầu bầu, không tư duy thì khỏi trói. Chỉ lúc đó mới không cần cẩn thận... Dạ, thủ trưởng có lý. Nhưng không tư duy thì là đi ngược Nghị Quyết Đảng, dặn là phải đổi mới tư duy. Không tư duy, thì đổi mới tư duy làm sao?

Tiếng nạng chống. Tiếng chân. Tiếng "ông" Mực gừ gừ nhận ra người quen. Ba Quốc vào, Trung tá nắm dây tròng "ông" Mực lập chập bước theo.

BQ: (giọng mệt mỏi) Chú nhà báo hả! Gay rồi...

CNB: Gay làm sao anh Ba?

BQ: Mấy ổng biểu, kịch gì, kịch cỡm phá rối an ninh à? Bôi nhọ chế độ à?

TT: (xen vào) Tôi hỏi bôi nhọ làm sao? Vở "Bài ca giữ nước" bôi nhọ gì? Một ông, giọng khề khà bảo, này, anh bạn, anh bạn hát "Ơ... a.... tắm máu ở cái ngọn sông Đào". Sông Đào ắt là đỏ. Tắm máu lại kết hợp với màu đỏ, màu cờ của đất nước... Thế là sao? Tôi cãi, tôi hát *tắm mát*, có hát *tắm máu* đâu! Ông ấy lấy băng, đưa vào máy, bảo nghe đi. Tôi nghe, đúng là chữ tắm *mát* có thể nghe lầm như *máu*, hay *máy*... Tôi thưa với ông hát chèo thì phải láy cho nó ra chèo... Ông ấy cười nhạt, bảo đúng là miệng lưỡi không xương...

BQ: (chặc lưỡi) Phần tui, ổng phán tôi hát cái gì bậy bạ của Kim Dung đó là văn hóa đồi trụy. Dám mang văn hóa đồi trụy lên Truyền Hình thì thiệt tui gan to như gan bọn "diễn biến hóa bình". Tui không biết cái băng đảng này làm chi, tui chỉ nói là tui diễn kịch chứ không diễn biến hòa bình. Ổng lập nghiêm, kêu cả hai anh đều là phản Cách mạng, bôi nhọ nhà nước, rắp tâm gây rối loạn trong nhân dân...

TT: (cười nhạt) Tôi giận quá, nhưng lại sợ. Tôi quì xuống chân ông tôi kêu: Gia đình tôi có ba liệt sĩ, tôi thì cống hiến cả hai con mắt cho cuộc chiến đấu thần thánh chống Mỹ cứu nước. Thày tôi cũng chết cho Cách mạng, Tây bắt đánh đến chết ở Côn Đảo. Tôi lớn lên trong xã hội chủ nghĩa, đến tuổi nghĩa vụ là nhập ngũ, nằm ba năm dưới địa đạo Củ Chi, làm sao chỉ hát một câu chèo mà phản Cách mạng được! Ông ấy lạnh lùng phang một câu ca dao "Dò sông dò biển dễ dò, mấy ai có thước để đo lòng người!»...

BQ: (xen vào) Còn tui, tui nói tui thì xưa là ngụy. Nhưng Nhà nước có chủ trương hòa giải hay hóa giải dân tộc gì đó. Còn cái vụ văn hóa đồi trụy thì tui biết là sách chưởng có cấm, nhưng chợ trời còn đầy ra, sao không ra chợ mà bắt... Ổng đập bàn một cái rầm, quát "... nói năng hay nhỉ, vậy là biết có tội mà vẫn làm hả?". Tui tức khí, tính chết bỏ...

CB: (đã về, đứng nghe, nay lên tiếng) Anh tính chết rồi bỏ mẹ con tui sao? *(Xùy một tiếng, chị tiếp)* Rồi sao? Mấy ổng không bỏ tù hai anh, hai anh mới về tới đây. Nhưng chắc đâu là chỉ xài xể rồi cho về, phải không?

TT: Mấy ông ấy cấm không cho diễn kịch nơi công chúng nữa! Mấy ông ấy làm sẵn một cái giấy, bảo chúng tôi tự nguyện vì hiểu rằng việc chúng tôi làm có hại cho trật tự, an ninh. Anh Ba tính ký đại. Tôi yêu cầu anh ấy đọc. Tôi không ký. Ký thì làm gì để kiếm ăn đây? Mấy ông ấy bảo về suy nghĩ lại, nhưng ký hay không ký cũng cấm...

CNB: (gãi đầu) Gay thật!

CB: (cười nhạt) Diễn kịch thu nhập có nhiêu đâu, thôi hai anh "hành khất" như tui, là xong...

BQ: (cáu kỉnh) Giễu dở. Không! Kẹt nữa là hợp đồng với mấy tiệm trên đường Nguyễn Hữu Cầu, lấy nửa tiền trước cho một tháng, tiêu hết rồi. Nào là lo cúng vái "bố", nhậu mừng chiến thắng, mua quà cho thằng nhỏ, mua dây tròng cổ mới cho "ông" Mực... Bây giờ không cho diễn là mình phá hợp đồng với tư sản dân tộc, lấy chi mà trả nợ đây...

CB: (buông thõng) Quịt nợ còn hơn đi ở tù đó, mấy ông!

Cảnh 3

Trên đường Nguyễn Hữu Cầu ven chợ Tân Định.

CNB: (độc thoại) Những ngày sau, tôi lơ chuyện hai nhà nghệ sĩ kết hợp chèo và cải lương, hai thể loại văn nghệ truyền thống, một ở đầu Nam, một cuối Bắc của đất nước anh hùng chúng ta. Tôi lơ vì không biết phải làm gì. Tôi lơ, vì sợ. Bà tổng biên nói "Thôi nhé. Im. Im rơ. Chuyện

nhà đất cũng im luôn. Rút về cố thủ rồi tính sau...". Tôi thầm nói, rút thì rút. Rút dễ thôi!

Sự đời *(nói một cách cải lương)* sao mà đầy oan trái. Một bữa, có người tới tòa báo hỏi tôi. Tôi ra. Chị Ba tay dắt cháu nhỏ, quần áo sạch sẽ, bảnh bao nữa là khác, đứng đó. Chị thì thào "Chú nhà báo ạ, chú phải giúp hai ảnh!". Theo lời chị kể, cô bác tư sản dân tộc chợ Tân Định có lên Công an Quận "trao đổi". Họ kêu ca là đoàn kịch Tha Phương thu hút khách qua lại, và đó là sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa và kinh tế, thể hiện như một phương pháp tiếp thị rất Việt Nam. Họ lại đòi là nếu không cho diễn, thì Nhà nước phải hoàn lại cho họ khoản nửa hợp đồng họ đã trả trước cho đoàn kịch. Ủy Ban ậm ừ, nói rằng để chuyển yêu cầu lên Thành Phố. Hai tuần sau, vẫn không có động tĩnh chi. Họ lên Sở. Lần này, họ làm đơn, ký vào đó là hàng trăm nhà tư sản dân tộc có cửa hàng, sạp hàng ở chợ. Trên Sở, người có trách nhiệm lại ậm ừ, nói rằng sẽ chuyển yêu cầu ra Trung Ương. Ông ta cười "... Thành Phố thì thoải mái thôi. Trong này thoáng. Xin đồng bào yên tâm". Lại thêm một tuần trôi qua, vẫn không động tĩnh. Đám tư sản dân tộc đòi hai nghệ sĩ lên, bảo "Diễn đại! Tới đâu thì tới!". Ba Quốc gật đầu. Trung tá lắc. Ảnh biểu ".. Không chơi dại!". Ảnh cùng "ông" Mực lên Sở. Ông trách nhiệm kêu "Chưa giải quyết vì đâu có đơn của hai anh đâu! Hai anh lại chưa đăng ký đoàn kịch với Thành Phố...". Chị Ba nhìn tôi "... đăng ký và làm đơn với Sở, đâu biết tìm ai mà nhờ "thủ tục" giùm. Bữa nay lên "thỉnh" cầu chú nhà báo".

Sự đời sao mà đầy oan trái. Lơ thế nào được nữa. Tôi soi gương, thấy mình vẫn là người. Tôi thấy không thể làm gì khác hơn, nhưng vẫn sờ sợ, tôi dặn hai nhà nghệ sĩ rằng đừng nói là ai giúp. Hai anh ấy gục gặc. Thế là tôi làm đơn đăng ký đoàn kịch. Và đơn xin lưu diễn ở chợ Tân Định. Tôi có làm một chút áp lực "nhân dân", kêu là trước đây đoàn kịch đã có cống hiến, được mọi tầng lớp nhân dân ủng hộ, và nay thì cùng nhau xin Nhà nước chấp thuận cho... Nhưng họa vô đơn chí. Sở gọi hai nhà nghệ sĩ lên, phạt "vi cảnh" vì trình diễn mà không có phép, hẹn đóng tiền phạt là sẽ cấp phép tạm thời cho "sinh hoạt". Tiền phạt "vi cảnh" cho sáu tháng trước là sáu mươi triệu! Ba Quốc chửi "ĐM, có sáu mươi triệu thì ai phải đi hát dạo nữa!".

Bà con tư sản dân tộc ở chợ Tân Định lần này rủ nhau cùng "bãi thị" rồi kéo nhau lên Sở đặt "yêu cầu văn hóa". Tôi báo với tòa soạn. Bà tổng biên gật gù, dặn ".. Theo sát tình hình thôi. Nhớ chụp ảnh. Còn tin thì vẫn cứ cẩn thận". Tôi đá giò lái, kêu cả đám Truyền Hình cho có hình ảnh sống động. Trên Sở, người trách nhiệm lại cười cười, bảo thôi, bà con ai về chỗ nấy, tiếp tục làm ăn. Sở chỉ cần lưu giữ bản kịch để duyệt. Trung tá

nói, đó là vở *Lý Nhân Tông học làm vua*, đã được in năm 1986. Như vậy, vở đã được Trung Ương duyệt rồi. Người trách nhiệm gật gù, kêu được, thế là được... Bà con hò reo vui vẻ.

Về chợ, họ khác nhau, rồi giăng biển quảng cáo "... Đoàn kịch Tha Phương lại cống hiến, vở Lý Nhân Tông học làm vua, hồi ba, vào mười giờ sáng chủ nhựt...".

Tôi vỗ vai Ba Quốc nói "Rồi, thấy chưa. Cái chính thắng, cái ngụy thì thua!". Ba Quốc cười khà khà. Chị Ba cũng cười. Chỉ có Trung tá là vẫn ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Hỏi, Trung tá đáp, cái vai vua ở hồi ba do "bố" đóng. "Bố" chết rồi, lấy ai đóng thay bây giờ... Ba Quốc ngẩn người, nhưng lại cười khà khà, kêu dễ mà, dễ mà... để đạo diễn này lo...

Chuyển cảnh:

Ven chợ Tân Định, trên đường Nguyễn Hữu Cầu. Có một tấm bạt căng ngang, trên viết "Lý Nhân Tông học làm vua, đoàn kịch chèo cải lương Tha Phương hân hạnh trình diễn". *Tiếng khán giả ồn ào.*

Đèn tắt. Tiếng ồn ào lắng xuống.

Đèn rọi lên, soi sân khấu. Giữa là một cái ghế. Hai bên, Ba Quốc đóng vai Lý Thường Kiệt (LTK), Trung tá đóng vai Hề Nhỡ, học trò của Hề hoạn đã bị chôn sống.

LTK: (hướng về chiếc ghế) Muôn tâu bệ hạ! *(nhái giọng Bắc, ngâm)*

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư

(Tiếng đàn, ca cải lương)

Bệ hạ ơi! Ngoài cửa ải giặc Lý Giác đã xưng vương xưng bá. Trong biên thùy, dân đang hoảng đang kinh. Tuổi thần chẳng qua xấp xỉ tám mươi, phải đi võng cũng còn xua được giặc.

Được lộc hậu ngồi cao đến hàng nguyên tể

Nếu ngồi nhìn giặc Giác thì nhắm mắt không yên

Huống hồ đánh giặc ngoài và đánh giặc trong vốn dĩ khác nhau.

Đánh giặc ngoài, cần dũng cần mưu

Đánh giặc trong, cần uy cần đức

Uy làm cho phục

Đức làm cho tin

Hề Nhỡ: (múa tay, vái cái ghế không)

Muôn tâu Thánh Thượng! *(hát)*

Cái con quạ nó ăn tầm bậy tầm bạ thì nó chết

Cái con diều hâu nó ăn trộm gạo nếp làm chay
Cho nên
Đẻ ra chưa đủ một ngày
Mà nghe chuyện đã lăn quay ra mà cười
Mà nghe chuyện đã lăn quay ra mà hề...

LTK: (nhìn Hề Nhỡ) Ta nghe như tiếng Hề hoạn.

Hề Nhỡ: (vái Lý Thường Kiệt, hát) Bởi chưng trên đời còn lắm kẻ nhố nhăng nhăng nhố. Cho nên từ bụng mẹ chui ra tôi đã phải nhe răng. Tôi, Hề Nhỡ, là học trò thầy tôi Hề hoạn. Người đã nói thẳng, nói thật và rồi mắc nạn...

LTK: (thở dài) Ta biết rồi! *(quay lại, quì trước cái ghế không, hát)*
Nam quốc sơn hà là non sông đất nước ta
Không phải chỉ có sông có núi
Phải có người
Người phải có đầu có cuối
Có nghĩa, có nhân, có trí, dũng, liêm, trung
Áo ấm, cơm no, tướng mạnh binh hùng
Biết ơn nhớ tổ tiên, biết kính cha, thương mẹ
Biết đùm bọc lẫn nhau, đói no chia sẻ
Ấy mới Nam quốc sơn hà
Ấy mới Nam đế cư...

Hề Nhỡ (Cũng quì xuống, vái cái ghế) Phải, phải...

Tiếng vỗ tay ran lên một hồi lâu trong khi đó, đèn tắt.

Chuyển cảnh

Vẫn chợ Tân Định, nhưng chỉ có chú nhà báo.

CNB (Độc thoại): Vở kịch như thế là thành công. Những nhà tư sản dân tộc đòi tăng số buổi trình diễn lên bốn. Từ tám đến chín giời sáng. Từ mười một đến mười hai giờ. Và rồi từ ba giờ chiều đến bốn giờ. Bữa cuối cùng, từ sáu đến bảy giờ tối. Mỗi lần, bà con đứng hàng trong hàng ngoài. Trật tự chợ bắt đầu bán vé đứng, vé ngồi và không khí chợ náo nhiệt hẳn lên. Chị Ba bỏ nghiệp vụ "khất thực", nay đang tập một vai "nữ", ăn mặc đỏm dáng và giữ trách nhiệm ngả nón "thu" tiền. Chị Ba tươi cười la "... Bà con, hãy thù lao những nghệ sĩ nhân dân chân chính!". Giấc mơ sang nhà, có hộ khẩu đàng hoàng, cũng từng bước mò mẫm lò dò về phía hiện thực.

Riêng tôi, tôi rất vui. Vui hệt như khi trả được nợ, người nhẹ tênh. Nhưng thưa quí vị, nếu cứ vui mãi thì hóa ra cuộc đời dưới trần gian này chẳng khác chi trên thiên đàng.

Họa vô đơn chí! Trên Sở gọi đoàn kịch và tôi lên "làm việc" vào một buổi tối. Họ biết rõ tôi đã làm "thủ tục" và đơn từ. Người trách nhiệm nhìn tôi, vẻ lãnh đạm, thậm chí khinh bỉ. Anh ta trừng mắt bảo: "Anh là loại chuyển lửa!". Tôi ngạc nhiên "Chuyển lửa? Lửa gì". "Thôi, đừng ngoan cố! Tôi đã liên lạc với cơ quan anh, và đang tiến hành điều tra toàn bộ những hoạt động của anh... Hừ, hoặc các anh có chủ đích chống phá Cách mạng, hoặc các anh mất cảnh giác để định lợi dụng... ". Tôi lại càng ngạc nhiên hỏi "Địch ở đâu? Là ai?". Anh ta hừ một tiếng "...A, định bắt bẻ phải không?". Quay sang Ba Quốc và Trung tá, anh ấy hất hàm "... Gọi là Vua, là bệ hạ, là thánh thượng, rồi thì thụp vái một cái ghế không có ai ngồi, thế có phải là các anh định xỏ xiên chế độ là không có Vua, tức là không có lãnh đạo, phải không?". Ba Quốc kêu "Chết cha! Hiểu lầm đó cán bộ!". "Sao, hiểu lầm sao?". Lúc đó Trung tá từ tốn "Dạ thưa ông, đoàn kịch chúng tôi trước có ba người, một người thủ vai Vua. Nhưng ông ấy già, chết rồi. Chúng tôi lại chưa tìm được người thay thế!". Anh cán bộ trừng mắt "Ông ấy tên là gì? Thân nhân có ai? Còn giấy khai tử đâu?". Anh Ba Quốc vội vàng "...Thưa cán bộ, ổng tên là Đỗ Quang Vinh, tụi tui gọi là "bố". Không nghe ổng nói có thân nhân. Còn cư ngụ... (anh ngần ngừ) ở nghĩa địa làm gì có hộ khẩu. Mà không có hộ khẩu, khai tử thế nào được. Công an Quận lượm xác ông trên đường Cách Mạng Tháng Tám đem chôn chỗ nào tụi tui cũng không hay!". Lần này, cán bộ bật cười, nhưng chỉ một giây sau lại lạnh lùng, nghiêm mặt "...Ở nghĩa địa! Bí mật thật. Cứ như các cụ xưa đi làm Cách mạng chống Pháp, chống Mỹ... Nhưng các anh bí mật thế thì nay rõ ra cái ý đồ chống Cách mạng. Thậm chí, bí mật vì các anh dự tính chống phá bằng bạo lực phản Cách mạng... Ghê nhỉ *(cười nhạt)*...Vì thế cái ghế không Vua thì chỉ là cái nhỏ thôi... Chính ý đồ vũ trang, bạo lực kia mới là cái chính. Chúng tôi phải giữ các anh để điều tra!".

Đêm đó, ba người chúng tôi ở lại Sở. Chị Ba không thấy hai anh về, cả đêm không chợp mắt. Sáng sớm, chị lên chợ Tân Định, kể cho các nhà tư sản dân tộc nghe chuyện. Đã thành công một lần, các nhà tư sản lại bãi thị, giăng bạt *"Kịch Lý Nhân Tông học làm vua, vì trục trặc kỹ thuật, kiếu lỗi xin hoãn trình diễn"*. Dân chợ xôn xao, không ai hiểu lẽ gì, lại kéo nhau lũ lượt lên Sở. Họ vừa đi đến chợ Bến Thành thì "lực lượng chống biểu tình" đã hờm chờ. Bà Y, chủ tiệm vàng Phúc Lộc nhảy chồm chồm "Dân đây, ngon bắn đi!". Mợ X, tiệm mỹ phẩm Thiên Sắc, éo le "... tụi tui

hỏi cho ra lẽ thôi, đấu tranh hòa bình mà!".

Thưa quí vị, họa vô đơn chí! Và lần này là đại họa.

Đèn rọi vào chú nhà báo, tay vuốt tóc, mặt nghệt ra.

Độc thoại (tiếp):

...Tôi cứ tưởng lại đại họa. Không phải. Cách giải quyết của "trên" rất "có tình, có lý". Một vị đứng tuổi cho gọi ba chúng tôi lên. Ông ta nói giọng thân ái: "... Chắc lại hiểu lầm. Cấp dưới, nhất là thanh niên, hay kết luận "nóng vội". Tôi đã đọc hồ sơ và điện cho Trung Ương..." Ông ta nhìn tôi, gật gù "... Vả lại, đồng chí đây là đảng viên, gia đình cũng đảng viên từ thời chống Pháp... Nhưng có hai yêu cầu. Đây là Trung Ương nhấn. Thứ nhất, vở kịch của Tào Mạt cũng có mắc mớ "vấn đề". Thứ hai, để cái ghế không mà gọi là Vua thì dễ sinh hiểu lầm. Đấy, có đúng thế không?". Nhìn Ba Quốc và Trung tá gục gặc đầu, ông mỉm cười, giọng hiền lành: "... Vì thế, tôi mong các vị nghệ sĩ khắc phục cho!". Ba Quốc nhìn Trung tá. Trung tá nhìn tôi. Khắc phục thế nào? Trung tá thở dài nhìn xuống đất: "... Dạ, thôi. Đoàn kịch giải tán, thế là xong!". Ba Quốc cũng thở dài: "Bây giờ nợ chủ mấy cái sạp, cái cửa hàng ở chợ đã trả xong, tụi tui "dẹp tiệm" cho yên!".

Lần này, cả ba chúng tôi nhảy nhổm lên vì ngạc nhiên, nghe ông ta kêu: "Không! Các ông phải tiếp tục phục vụ quần chúng chứ. Phải tiếp tục phát huy văn hóa văn nghệ... Quần chúng đang kéo đến Sở, có yêu cầu ấy... Nhân dân ta vốn yêu văn hóa và quí trọng nghệ sĩ! Các ông cứ tiếp tục diễn kịch... ". Trung tá ngần ngại hỏi "... Dạ thưa, kịch bản có vấn đề, diễn viên đóng vai Vua không có, diễn thì diễn thế nào?". Ông đứng tuổi lại cười, vỗ vai Trung tá: "... Cái gì mà chẳng khắc phục được. Đây nhé, cứ để tên vở kịch là *Lý Nhân Tông*, nhưng bỏ ba chữ *học làm Vua*. Đó là điều thứ nhất. Kịch bản có vấn đề thì ta diễn kịch câm. Cứ nói theo kịch bản, nhưng không nói ra lời là được. Đó là điều thứ hai. Còn lại, thửa mũ mãng của Vua, rồi khoác lên bất cứ ai đấy, miễn là ngồi im, thì rõ vua là Vua sống. Có Vua, chứ ai bảo được là không Vua nào! Đó là điều thứ ba. Các ông thông chưa *(lại cười hề hề)*, khắc phục thế, các ông bằng lòng chứ! Đoàn kịch phải tiếp tục...".

Thế là, tối hôm đó, trong túp lều Trung Tá, chúng tôi lại mua la-de, đồ nhậu, cùng nhau động não giúp đạo diễn Ba Quốc chỉnh lại cách sắp xếp để đóng kịch câm. Chị Ba mua giấy làm mũ Thiên Tử, cân đai, và còn bày đặt kê một cái bàn nhỏ cạnh ghế làm Vương án, có bút lông, mực tầu

đàng hoàng. Anh Ba Quốc nói với vợ: "Ba nè, em ngồi làm vua, qua vẽ cho em cái râu là nữ thành nam liền...". Chị Ba lắc đầu "... Thế ai đi xin "thù lao" nghệ sĩ. Không nhanh chân là khán giả bỏ đi hết liền. Lúc phải móc tiền là lúc "chiến lược" nhất!". Trung Tá gật, nói: "Tôi đóng Hề Nhỡ, không cần "ông" Mực. Cho ông đội mũ, đeo cân đai, vẽ thêm cái mặt có râu cho ra vẻ Thiên Tử móc vào hai tai là được...". Ba Quốc vỗ đùi kêu: "... Thiệt, tập thể có khác. Sáng tạo vô cùng... làm chủ vậy mới chắc ăn!".

Chuyển cảnh

Ven chợ Tân Định. "Ông" Mực ngồi trên ghế, đầu có mũ mão Thiên Tử, miệng gừ gừ. Trung Tá thủ vai Hề Nhỡ, và Ba Quốc, vai Lý Thường Kiệt.

LTK (hướng về chiếc ghế, hát nhưng miệng mấp máy, không phát ra lời. Đó là đoạn hát mà khán giả đến xem nhiều lần đã thuộc nên khi Ba Quốc mấp máy

Uy làm cho phục
Đức làm cho tin"

thì khán giả đồng loạt vỗ tay).

Hề Nhỡ (múa may, vái cái ghế trên có "ông" Mực, miệng mấp máy. Đến câu

Mà nghe chuyện đã... đã lăn quay ra mà cười
Mà nghe chuyện đã... đã lăn quay ra mà hề"

thì khán giả lại đồng loạt vỗ tay).

LTK (nhìn Hề Nhỡ, miệng mấp máy).

Hề Nhỡ (vái Lý Thường Kiệt, miệng mấp máy)

LTK (thở dài, quay lại quì trước cái ghế trên có "ông" Mực, miệng mấp máy hát. Khi miệng mấp máy đến câu

"... Ấy mới Nam quốc sơn hà
Ấy mới Nam đế cư"

thì khán giả lại đồng loạt vỗ tay).

Hề Nhỡ (cũng quì xuống, vái cái ghế trên có "ông" Mực, miệng mấp máy "Phải! *phải!*" thì khán giả vừa vỗ tay, vừa rầm rầm kêu "Hoan hô, hoan hô!".

Trong tiếng reo, người ta bỗng nghe tiếng còi hụ, tiếng xe, tiếng lốp rít và tiếng phanh gấp. Chị Ba chưa kịp xin "thù lao", kêu hoảng hốt "bọn nó!".

Lời kết:

Đèn rọi vào chú nhà báo
Độc thoại:

Vâng, tưởng là đại họa. Lại không. Đến lúc nghĩ rằng không có họa, chỉ còn phúc, thì lại họa. Sự đời sao mà đầy oan trái *(chặc lưỡi)*. Đang ngồi trong tòa soạn thì các "anh ấy" đến, bảo lên Sở làm việc. Đến Sở, đã thấy Trung tá, Ba Quốc, cả chị Ba, cháu nhỏ và ông Mực vẫn còn đội mũ Thiên Tử, mình quấn cân đai. Ba cán bộ cùng "làm việc" nay vẫn cái anh tre trẻ, cái ông già già, và bây giờ thêm một chị tuổi ở cái độ xồn xồn. Ông già già xưa có cái giọng thân mật, mặt nay rất nghiêm. Chị cán bộ lạnh như tiền, hình như do Trung Ương phái vào. Chị bắt đầu nói, và giơ một băng video, bảo "Chúng tôi quay hết". Nhìn ông Mực, chị tiếp: "... ảnh con chó tôi cũng cho chụp đủ kiểu". "Ông" Mực thè lưỡi ra gừ gừ. Ông già già gằn giọng"... Các anh xỏ xiên. Trước cái ghế trên không có Vua. Bây giờ, (tay chỉ ông Mực) Vua là con chó à!". Ông đứng dậy xô ghế quát: "... Lần này, không khoan thứ nữa! Đi cải tạo, đi hết...".

Sau buổi làm việc đó, tôi bị câu lưu ở Sở và từ đó, tôi không có tin gì về đoàn kịch Tha Phương. Trong một tháng liền, công việc của tôi là viết kiểm thảo, kể lại đủ ngọn ngành. Viết xong, lại viết lại. Tại sao? Cứ viết đi. Cơ quan tôi có can thiệp nhưng hình như không có hiệu quả gì. Vợ tôi đến gặp bà Tổng biên, chị ấy bảo phải kiên trì. Vợ tôi đáp: "...Em kiên trì từ ngày mới đẻ". Bà Tổng biên ngậm ngùi: "... Tôi thì mất kiên trì, sắp đổi công tác rồi! Chị xem ở Hà Nội có ai giúp được không?". Vợ tôi gọi điện thoại về cho mẹ. Mẹ bảo "... Cha mày ở trong Trung Ương thật, nhưng bây giờ phức tạp lắm, bay như chơi". Vợ tôi lại kêu "... Hổ còn không ăn thịt con!". Mẹ tôi mắng: "Mày ngu, thằng chồng mày cũng ngu. Người khác!". Vâng, quả có khác. Tôi không bị đi cải tạo và sau khi được Nhà nước giữ để điều tra, tôi lại về. Đến Tòa soạn, bà Tổng biên tập của tôi không còn đó. Một số bạn bè xưa cũng vậy. Còn lại, cả đồng nghiệp cũ lẫn mới, họ đều lảng tránh, hoặc lạnh lùng nhìn tôi như một kẻ xa lạ. Đồng chí bí thư cơ quan bảo: "... Cậu "được" ra biên chế! Bây giờ tha hồ làm ăn nhé...". Tôi cười, cám ơn.

Một tối, cũng có trăng, tôi quay lại nghĩa địa Z, ở Gò Vấp. Cư dân bây giờ có vẻ đông đúc hơn. Tôi tìm mả Trung tá Trần Hiển Vinh. Không thấy bóng Trung tá của tôi, bộ đội đặc công tên Nguyễn Chính Trực, kẻ đã bị bom xăng mù hai mắt. Tôi lại đi tìm mả bà Nguyễn Thị Ba, lòng chập chờn hy vọng tìm được chuẩn úy biệt động quân tên Trần Vị Quốc, người

đã để một cái chân trái ở Long Bình tặng cho ngày cuối cùng của một trận chiến. Tôi cũng không thấy. Tôi hỏi thăm. Không ai biết Ba Quốc, chị Ba...

Cũng ngay buổi tối đó, tôi đến ven chợ Tân Định. Ông già bán mì nước góc Hai Bà Trưng và Nguyễn Hữu Cầu vẫn đó. Tôi lại hỏi: Bác ơi! Cái đoàn kịch Tha Phương đó, nó còn diễn không? Ông ấy ngửng lên nhìn tôi, lắc đầu. Thế bác có thỉnh thoảng thấy ông nghệ sĩ cụt chân trái và ông nghệ sĩ mù hai mắt của đoàn không? Ông ấy cúi xuống, lắc đầu. Tôi lại hỏi, thế bác có thấy một con chó trắng lông xù không?

Ông ấy gật đầu, bảo nó chạy quanh quẩn kiếm ăn ở mấy đống rác. Tôi mừng quá. Tôi chạy vào, đi quanh. Kìa! "ông" Mực, tôi gọi to. Mực quay lại gừ gừ. Đánh hơi ra người quen, "ông" vẫy đuôi, nhưng chỉ đứng nhìn. Tôi bước tới, miệng kêu "ông" Mực, "ông" Mực, rồi lấy tay xoa lên đầu, vuốt lên lưng. Mực kêu hích hích như khóc. Tôi đi, ông bước theo, rất tự nhiên.

Tôi đi, ra ngồi quán bụi, gọi đế. Đế, một chai. Nhớ câu thơ lính của Quang Dũng, "Rượu chỉ một ly thôi. Uống lên cho đỏ mặt...", tôi nhấp rượu nhưng buột miệng ngâm nga những câu thơ của ai, chả còn nhớ là của Nguyễn Bính hay của Huyền Trân. Thơ rằng:

"... Thì cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi!
Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta, (tay chỉ về phía khán giả) *với nhà ngươi cả tiếng cười...".*

Đèn rọi, chú nhà báo đứng như tượng đá, nước mắt ràn rụa. Đèn tắt dần. Ở đâu tiếng nhị kéo lết nhẹ rồi vắng đi như chưa hề có thật bao giờ.

MÀN HẠ

Nhà Xuất bản *Văn Học*
Nhà Phát hành *Văn Nghệ*
đã phát hành khắp nơi tác phẩm mới nhất của
Lâm Chương
Lò Cừ
tập truyện ngắn, giá 10 Mỹ kim

Giới thiệu Giữa Hai Miền Mưa Nắng của Hoàng Mai Đạt

Bùi Vĩnh Phúc

Giữa Hai Miền Mưa Nắng là một cuốn tạp ghi đặc biệt, mặc dù nó chỉ kể lại những kỷ niệm chân thật của một con người bình thường trong cuộc sống giữa đời. Ba bài đầu ghi lại những kỷ niệm lớn lên và bươn chải của tác giả trong cuộc sống trên đất Mỹ. Bài cuối cùng, là bài dài nhất và có thể xem như là bài chính yếu tạo nên xương thịt của quyển sách, kể lại chi tiết chuyến đi về Việt Nam thăm nhà của tác giả với vợ con mình. Ba bài đầu, kể chuyện trên đất Mỹ, lại là những kỷ-niệm-tìm-về. Tìm về với những dấu vết của tuổi trẻ mình. Những kỷ niệm buồn cười, ngô nghê nhưng lại hết sức đáng yêu của tác giả, gắn bó với những địa danh trên nước Mỹ. Phong cách viết đáng yêu và có cái giọng nghịch ngợm thông minh của Irwin Shaw trong *Strawberry Ice Cream Soda*. Bài cuối, kể chuyện Việt Nam, lại liên hệ đến những kỷ-niệm-tìm-thấy. Cụm từ mà tôi vừa dùng, thoạt nghe, có vẻ như là một sự nghịch lý. Một thứ *oxymoron*, một thứ tu từ pháp. Nhưng thật sự, nó không được tôi dùng ở đây với mục đích chơi chữ. Tôi gọi những kỷ niệm mà Hoàng Mai Đạt ghi lại trong bài viết chính–hay đúng hơn là một loạt 26 bài viết nhỏ cùng gắn vào một chủ đề–của anh trong tập sách này, bài Những Ngày Về Biên Hòa, là những kỷ-niệm-tìm-thấy chỉ bởi một lẽ duy nhất: tôi thấy anh đã tìm ra, đã bắt được những kỷ niệm ấy, mặc dù trước khi về Việt Nam anh đã chưa từng thật sự sống với chúng để có thể gọi tên chúng là kỷ niệm.

Kỷ niệm, theo nghĩa bình thường, là những gì đã được sống qua, và, trong một cách thế nào đó, ở một mức độ đậm nhạt của một nỗi thiết tha hạnh phúc hay gắn bó đau khổ nào đó, đã ghi những dấu ấn lên cuộc sống của một con người. Rời quê hương năm 1975, vào khoảng năm 14 hay 15 tuổi, gần như tất cả những gì tác giả đã ghi nhận được trong cuộc trở về

quê của mình là những điều rất mới đối với anh. Hai mươi ba năm với bao nhiêu đổi dời dâu biển, trong cuộc sống của những con người cũng như trên khuôn mặt của cả một quê hương! Phường phố, nhà cửa, nếp sinh hoạt và phong cách sống của con người. Tất cả đã mang thật nhiều nét thay đổi. Vậy mà khi dấn mình vào cái môi trường sống rất khác lạ đó, tiếp cận với những cảnh đời rất khác biệt so với lối sống, nhịp sống và phong cách sống thường hằng của mình trong suốt 23 năm trên nước Mỹ, tác giả, trong mắt nhìn của tôi, vẫn bắt gặp được những kỷ niệm của chính mình. Nguồn gốc của những kỷ niệm này gần như không có tính cách vật lý. Chúng không phải là những gì đã được sống qua trong quá khứ để bây giờ trở thành những kỷ niệm của một con người. Chúng là những hiện thực tươi rói đập mạnh vào cảm giác cũng như suy nghĩ của Hoàng Mai Đạt trong những ngày về thăm quê hương. Nhưng khi tiếp xúc với chúng, cho dù đó là những đụng chạm và những gặp gỡ đầu tiên, tác giả vẫn cảm thấy là mình đã được gặp lại "cố nhân".

Cái cách tác giả kể lại câu chuyện của mình đã cho người đọc, là tôi, thấy thế. Tại sao mới lần đầu gặp gỡ mà đã có cảm tưởng là gặp lại "cố nhân"? Tôi nghĩ rằng điều này chỉ có thể được lý giải bằng một phân tích tâm lý. Tôi nghĩ mặc dù xa quê hương từ nhỏ, tất cả những ấn tượng mà Hoàng Mai Đạt có về quê hương, dù là rất mỏng manh và thưa thớt, đều đã được anh gìn giữ như một chất men. Để, hai mươi ba năm sau, khi giáp mặt lại với quê hương, cái chất men đã được ủ kỹ ấy đã làm dậy lên cả một nồi bột bánh là những hình ảnh hiện tại rất lạ, rất mới, rất đáng yêu cho dù là có những lúc cũng rất buồn này. Cái vô thức trong anh đã bừng dậy. Cái vô thức cất giữ mãi cho anh những gì là tinh túy, là thiết tha của quê hương, đã như một ngọn lửa sống lại từ những tro than của những ấn tượng mờ xa hun hút. Và anh đã nhìn thấy ngay trong những hiện thực mới mẻ và nóng hổi của quê hương những kỷ niệm mà anh đã chưa từng sống. Đối mặt với chúng, anh tưởng như mình đã sống chúng, đã hòa lẫn với chúng tự một thuở nào. Những kỷ-niệm-tìm-thấy trong lần gặp gỡ đầu tiên ấy, bây giờ, sau khi Hoàng Mai Đạt đã trở về với đời sống thường nhật ở California, đã trở thành một thứ kỷ niệm bậc hai. Đó là hai tầng kỷ niệm mà tôi nhìn thấy trong cuốn sách của anh. Và, qua đó, tôi tin rằng anh là một người có hạnh phúc.

Cái cảm thức hạnh phúc ấy, tôi nghĩ, bắt nguồn từ một điểm tựa tâm lý. Có quê hương trong lòng, người ta có thể nhìn thấy những kỷ niệm (mà người ta đã từng sống hay chưa từng sống qua) của chính mình ngay khi người ta trở về để nhìn lại quê hương từ những khoảng cách của thời gian đằng đẵng hay của những không gian sống xa tắp. Cái tâm thức hạnh

phúc ấy, tôi nghĩ, nó giống như một điểm quy chiếu. Từ điểm quy chiếu ấy, người ta nhìn thấy những điều thiết tha và cảm động trong những gặp gỡ và đối diện với cuộc sống mỗi ngày trên quê hương. Nhất là quê hương khi được nhìn lại. Cái cảm thức hạnh phúc về quê hương ấy lúc nào cũng có mặt trong rung động của Hoàng Mai Đạt, người xa quê trở về. Nó là một hiện diện thường trực, giống như hình ảnh của con sông Đồng Nai đối với người dân Biên Hòa trong một đoạn văn của anh:

"Sông Đồng Nai chảy sâu vào tâm thức người Biên Hòa, tuôn trào trong lời nói thường ngày, quá bình thường và chỉ có người lạ như tôi mới để ý đến. Tôi nghe họ nói "quán hủ tiếu bên này sông", "lò gạch bên kia sông", "ngõ hẻm chạy xuống sông", "công viên sát mé sông" trong những mẩu chuyện hằng ngày. Như muốn làm quen với người lạ, con sông vẫn luôn ẩn hiện ở đâu đó gần những nơi chúng tôi ghé qua. Lặng lờ bên dưới một đoạn cầu gỗ chật cứng xe, rạt rào đằng sau một xóm nhà, hoặc thấp thoáng bên kia công viên gần một khu chợ được vá víu với hằng chục tấm màn che."

Câu văn của anh sinh động, nhiều sức sống, và tràn đầy hình ảnh thiên nhiên. Nó tươi mát và mang chứa trong nó những màu sắc đáng yêu, kéo ta gần lại với những hạnh phúc nhỏ bé hằng ngày. Hãy xem cảnh đèo Ngoạn Mục dưới mắt nhìn của anh:

"... Xe bắt đầu xuống dốc khi mặt trời chưa ló dạng. Từng dải sương mù trắng mỏng giăng ngang những đỉnh đồi xanh lá, uyển chuyển như lớp nước cốt dừa chưa quyện hết vào ly chè bánh lọt. Chiếc minivan lượn qua lượn lại trên con đường hẹp và ngoằn ngoèo nhiều lần, cho chúng tôi cái cảm tưởng như đang bay vào đám mây sương mù màu trắng nước dừa. Cùng lúc uống hết cảnh ngọt ngào và hùng vĩ, tôi cũng được hưởng mùi nguy hiểm của đèo Ngoạn Mục. Tài xế rà thắng xe khét lẹt, kêu kin kít. Ở hai bên đường cứ khoảng vài chục thước lại có một miễu cô hồn. [...] Từ trên đỉnh cao, [...] đường đèo uốn lượn như một con trăn cam đỏ dọc theo sườn núi..."

Và đây là một cơn mưa ở Sài Gòn, trong Xóm Cây Me:

"Sáng hôm sau chúng tôi đã thức dậy với một bất ngờ đầy thú vị. Trời mưa. Chèn ơi, một cơn mưa mát rượi!

Mưa đã rơi đều đặn xuống đằng sau nhà nơi tôi lần mò đến lu nước để đánh răng. Vừa ngồi rửa mặt dưới mái hiên tôi vừa nghe tiếng mưa rơi lách tách trên mái nhà. Những giọt mưa đã rơi xuống dãy ngói đỏ của nhà hàng xóm, và những dòng nước đã nhảy lưng tưng qua bức tường trước khi rơi đều xuống chân tôi. [...] Trên một tàng mận lớn giữa sân trước, những hàng mưa đã lao xuống nhẹ nhàng và tung tăng trên những chiếc lá

mận xanh um. Ở bên kia bức tường, có tiếng người đang đạp xe lèo lách qua những vũng nước trong con hẻm chật hẹp."

Tạp ghi của Hoàng Mai Đạt có những nét đáng yêu như thế. Nhưng nó cũng có những nhận xét chân thật và đầy tình người. Lại có những lúc nó mang nhiều nét dí dỏm. Nhưng trên hết, nó là một nỗi niềm thiết tha lắng đọng. Nó nhìn ra trong những cảnh đời thường những khía cạnh mang đậm nét con người, cho dù là cái thế giới của loài người vẫn cứ mỗi ngày mỗi trở nên máy móc, in đậm những ảnh hưởng của cơ giới và của điện toán trên đời sống của nó. Không cần những suy tư và triết lý sâu xa, tạp ghi của Hoàng Mai Đạt đem chúng ta trở lại đời sống với những ánh mắt và nụ cười, những chia sẻ và chịu đựng, những khổ đau và hy sinh, những thiết tha và hy vọng... vốn là những chất liệu muôn đời của một cuộc sống có ý nghĩa. Nằm giữa lòng quê hương, trong một lúc bất chợt tỉnh dậy giữa đêm, Hoàng Mai Đạt cảm nghiệm:

"Tôi mơ màng giữa mùi mít tố nữ phảng phất trong phòng và nhớ lại những bóng người đứng ngồi vất vưởng ở hai bên đường. Tôi không quên đám trẻ ăn mày, những người lớn rách rưới đứng bán vé số và mấy thanh niên lái xe ôm phạch ngực áo để lộ xương sườn. Trong lúc dạo phố, tôi chỉ thấy loáng thoáng bóng họ trong sự náo nhiệt của đô thị. Thế nhưng đến lúc nằm yên tịnh trong bóng tối, tôi chợt thấy họ rõ ràng hơn, kể cả những động tác ngửa tay xin tiền, miệng nói huyên thuyên và ánh mắt chờ đợi người khác móc chút tiền. Trong vũng nước ao tù Sài Gòn, tôi không biết có bao nhiêu con cá đang bị chìm dưới đáy bùn mà vẫn nhẫn nhục chịu đựng như họ."

Giữa Hai Miền Mưa Nắng là một tập tạp ghi có nhiều tình người. Tôi lại muốn nhấn mạnh điều đó. Nó là kỷ niệm và là đời sống máu thịt của Hoàng Mai Đạt. Những kỷ niệm trong ấy chân thành, thiết tha và bình thường như kỷ niệm của mỗi một chúng ta. Và, bởi thế, chúng cũng có rất nhiều khả năng để gợi lại và làm sống dậy trong mỗi chúng ta những kỷ niệm và đời sống máu thịt của chính mình. Khi đã trở về California, tác giả tập sách này vẫn cảm nhận:

"Giữa cành lá lấp lánh ánh sáng mùa xuân và mùa hè California, tôi vẫn thấy nhiều bóng đen ngồi ở bên đường, mấy đứa bé bán vé số bám theo du khách, và những phụ nữ làm việc trong bóng tối tại Việt Nam. Tôi nhớ hai bà lão quanh quẩn trong nhà, nhớ khói thuốc trong một buổi nói chuyện thâu đêm, nhớ cơn mưa trút xuống khu xóm nghèo, và nhớ xóm làng lụp xụp dọc theo đường lên cao nguyên."

Cái nhớ ấy, tôi nghĩ, là một dấu chỉ của hạnh phúc. Cho dù cái hạnh phúc ấy có pha trộn trong nó nhiều buồn thương xa xót cay đắng trong

đời. Nỗi nhớ ấy như một cái kim la bàn để chỉ hướng cho lòng mình.

Tôi tin là Hoàng Mai Đạt, với nỗi nhớ ấy, là một người có hạnh phúc.

Và tôi mong là mỗi người chúng ta cũng có được những hạnh phúc như thế.

Bùi Vĩnh Phúc
California, XII-1999

PHỐ VĂN

TẠP CHÍ SINH HOẠT VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT. RA HÀNG THÁNG

Số ra mắt phát hành trung tuần tháng 5.2000

"Sài Gòn,
đóa quỳ vàng trong trí nhớ".

Bài vở của:
TÔ THÙY YÊN, TRIỀU HOA ĐẠI, BÙI BÍCH HÀ, NGUYỄN XUÂN THIỆP, NHƯ NGỌC, NGUYỄN THANH CHÂU, PHAN LẠC PHÚC, THẢO TRƯỜNG, TRÚC CHI, LÊ MINH HÀ, ĐINH CƯỜNG, ĐỒNG VỌNG, HÀ THÚC SINH, TRẦN MỘNG TÚ, MAI NINH, NGUYÊN NHI, NGUYỄN TRUNG DŨNG, TÂM THANH, MIỆNG, CHINH, LÂM CHƯƠNG, TRẦN LONG HỒ, HỒ MINH DŨNG, HOÀNG NGA, ĐAN THANH, TRĂNG BẠC PHƯƠNG, HẢI PHƯƠNG, PHAN NI TẤN, NGUYỄN THỊ THANH BÌNH, HOÀNG XUÂN SƠN...

Liên lạc: NGUYỄN XUÂN THIỆP
tạp chí PHỐ VĂN
P.O. Box 451568
Garland, TX 75045-1568
Điện thoại: (214) 563-5662
E-mail: tapchiphovan@aol.com

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Đức Phổ, ***Một chỗ về,*** thi tập do Sông Thu xuất bản, bìa và phụ bản Nguyễn Trọng Khôi, phổ nhạc Tống Hữu Hạnh, trình bày Anh Khoa & Sao Khuê. Sách dày 140 trang, giá 10 MK.

Đức Phổ không thuộc vào những người ưa làm thơ cầu kỳ, khó hiểu, càng quái dị càng tốt. Ý thơ đơn giản. Thơ vần, hoặc bảy chữ hoặc lục bát biến thể đôi chút bằng cách ngắt câu, xuống dòng. Cái đáng yêu của thơ Đức Phổ là tấm lòng đến với tấm lòng, là sự sẵn sàng chia sẻ những vui buồn của đời mình với bạn đọc, như lời tâm sự giữa hai người bạn. Xin đọc thử lời mời vào xuân trong "Một chỗ về":

một thoáng hồng thơm nghe thật rõ
đau hay rằng lá rụng trong hồn
rượu mới vẫn tràn trăm cốc cũ
sao tình tràn không để dấu chân?

và những mầm xanh hiện rõ lên
từ một phía chân trời xa lắm
lòng dang rộng mời em hãy đến
thắp ngọn-đời-ta đầu một năm.

Thư từ liên lạc: Đức Phổ
6945 Doncaster Rd.
Jonesboro, GA 30236 USA
Phone: (770) 487-9019 E-Mail: ducpho@juno.com

📖 Nguyễn Xuân Việt, ***Thời gian Biển khơi,*** thơ, Chim Lạc (Paris) xuất bản, sách dày 130 trang, không thấy đề giá bán.

Tác giả là một họa sĩ sơn mài, đem tranh qua triển lãm ở Paris và nhân tiện cho in tập thơ của mình trên xứ người. Con một gia đình Việt ở Thái lan, năm 14 tuổi cha mẹ gửi về quê ngoại Nam Định để học chữ, từ đó cuộc đời tác giả trôi nổi theo vận nước, cuối cùng trở thành một họa sĩ tranh sơn mài, học trò yêu của họa sĩ Nguyễn Gia Trí.Nguyễn Xuân Việt tâm sự: Tập thơ "thời gian Biển khơi" sinh ra trong những năm tháng ấy, hút nhựa từ chính cuộc sống ấy. Những bài đầu tiên chợt đến bên dòng sông Vàm Cỏ Đông, những bài cuối tưởng sẽ kết thúc ở thành phố Ngọc Viễn Đông. Thật bất ngờ năm 1996 tôi gặp lại cha mẹ và các em tôi ở Thái lan sau 33 năm xa cách. Và cuối năm 1999 tôi đến Paris, nên tập thơ kết thúc ở Kinh Đô Ánh sáng"

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Huỳnh Hữu Ủy, ***Mấy nẻo đường của Nghệ thuật và Chữ nghĩa***, tập hợp tiểu luận của tác giả viết trong những năm gần đây về hội họa, văn chương, do Văn Nghệ xuất bản, sách dày 280 trang, giá 13 MK (ngoài Mỹ 15 MK).

Có thể chia nội dung sách làm ba phần:

Phần văn chương đề cập tới Bùi Giáng, Đỗ Long Vân và Nguyễn Đức Sơn.

Phần nghệ thuật tạo hình đề cập tới tranh và các họa sĩ Nghiêu Đề, Đinh Cường, Nguyễn Đồng & Nguyễn thị Hợp, Bé Ký, Salvador Dali, Chagall

Phần thảo luận bên giá vẽ: nói chuyện với các họa sĩ Phan Nguyên, Trịnh Cung, Khánh Trường, Rừng.

Sách đã phát hành khắp nơi. Bạn đọc ở xa, xin liên lạc nhà xuất bản và phát hành Văn Nghệ

📖 Hoàng Nga, ***Bay đi cánh chim biển***, tập truyện ngắn, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Sách dày 230 trang, giá 10 MK.

Đây là tác phẩm thứ ba được xuất bản của Hoàng Nga, sau haitập truyện ngắn "Như một vết chim bay" và "Tháng Giêng tháng Bảy buồn như nhau" do Làng Văn xuất bản.

Bạn đọc đã thích thú đọc truyện của Hoàng Nga trên Văn Học, chắc

đã thấy rõ tài viết truyện độc đáo của nhà văn nữ này. Từ những chuyện thông thường trong đời sống hằng ngày, nhiều khi là chuyện "không có gì", Hoàng Nga vẫn có thể viết thành một truyện ngắn linh động, đọc hấp dẫn lôi cuốn từ đầu đến cuối. Giọng văn tinh nghịch, nhưng đằng sau vẻ tinh nghịch luôn giấu những nụ cười buồn, cho nên cuối truyện, luôn luôn có dư vị mang mác. Nhà văn Mai Kim Ngọc nhận xét về văn Hoàng Nga: "Bà lấy những cảnh đời rất bình thường làm cốt truyện. Tay không, bà bước vào cõi nhân tâm, tìm được trong cái tầm thường những tác phẩm văn học hay"

Nhà phát hành Văn Nghệ đã phát hành rộng rãi "Bay đi cánh chim biển" đến các hiệu sách. Nếu ở xa, bạn đọc có thể liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ.

📖 Phạm thị Quang Ninh, ***Cùng nhau trôi nổi,*** hồi ký, Việt Đạo xuất bản, sách dày 280 trang, giá 12 MK.

Theo lẽ thường, chỉ những "người của công chúng" mới viết hồi ký, vì thỏa mãn được cả hai nhu cầu: nhu cầu của con người nổi tiếng muốn kể lại đời mình để bổ túc cho những danh vọng đã có, và nhu cầu của công chúng tò mò muốn biết thêm đời tư của những người mà họ đã được nghe danh. Nhưng đời sống tị nạn của cộng đồng Việt không trôi theo những lẽ thường: đời bất cứ ai cũng trải qua quá nhiều thăng trầm, và sau khi cuộc sống ổn định, nhiều người muốn kể lại cuộc đời mình. Phong trào viết hồi ký vì thế nở rộ, và may mắn là từ đó có rất nhiều cuốn hồi ký hay.

Tác giả ngoài vai trò người vợ, người mẹ, nhà giáo, còn là phu nhân của một nhà hoạt động chính trị năng nổ: ông Hà Thế Ruyệt.

Sách do Văn Nghệ phát hành.

📖 Bích Huyền, ***Lối cũ chẳng sao quên*** - (The Trail I Will Never Forget), tập hợp những bài viết ký giả Bích Huyền kể về cuộc sống gian truân của gia đình mình sau khi Cộng sản chiếm Miền Nam, chồng của tác giả - một sĩ quan cấp tá Quân đội VNCH - phải đi cải tạo tại MIền Bắc và chết trong tù- tác giả một mình nuôi con, và cuối cùng đem cả gia đình qua định cư tại Mỹ. Bằng một lối viết chân thành và đơn giản, tác giả đã khiến người đọc xúc động, sau đó suy nghĩ về một chế độ đã tạo ra những nỗi khổ ấy. Một ưu điểm khác của sách là "Lối cũ chẳng sao quên" được dịch sang Anh ngữ, in song song bên nhau, rất dễ phổ biến trong giới trẻ và những độc giả Mỹ. Sách dày 150 trang, giá 10 MK.

Ý kiến

● **Phạm Xuân Nguyên, Hà nội, Việt Nam:**

Tôi đọc *Văn Học* số 167 (tháng 3/2000) trên mạng, thấy đăng bài viết của mình về văn học năm 1999. Cảm ơn *Văn Học* đã cho đăng. Nhưng vì bản *Văn Học* lấy là qua tạp chí *Quê Hương* là bản đã biên tập, nên thành ra bài bị ngắn. Tôi gửi theo đây bản chính đã đăng nguyên vẹn trên phụ trương *Người Hà nội* số Tết Canh Thìn vừa qua để *Văn Học* tùy nghi.

Văn Học xin đăng lại nguyên bản bài "Buồn vui văn học năm cuối thế kỷ" để bạn đọc hiểu rõ hơn nhận định của tác giả.

"Khép lại cái năm có ba con 9 đứng sau số nghìn, nhìn lại văn học nước nhà, lòng buồn vui lẫn lộn. Văn học một năm như buổi chợ phiên. Cũng ồn ào, tấp nập. Cũng kẻ bán người mua. Cũng hàng đắt hàng rẻ. Cũng của thật của giả. Cũng thứ tươi thứ thiu. Cũng tăng giá hạ giá. Cũng bỏ vốn thu vốn. Cũng tranh giành cãi cọ. Cũng mặc cả đắn đo. Cũng nói thách nói tướng. Cũng người được kẻ mất. Cũng cháy chợ vỡ đình. Phiên chợ đã vãn, năm cùng tháng tận rồi, người coi chợ một năm nhìn, và nghe, và thấy, và ngẫm, bây giờ đóng cửa chợ, lấy cuốn sổ ghi chép riêng ra đọc. Những dòng ghi học theo cách của Thánh Thán bày ra đây cho khách chợ đọc chơi.

Sách ra nhiều, đủ các loại sách, đủ các dạng sách, đủ các "tít" sách. Bây giờ chỉ sợ thiếu tiền mua sách, không sợ thiếu sách để mua. Tuyển một người, tuyển nhiều người. Tuyển một năm, tuyển nhiều năm. Tuyển một nước, tuyển nhiều nước. Tuyển khu vực, tuyển thế giới. Giấy tốt, bìa bắt mắt, trình bày dễ coi, nhìn cuốn nào cũng thấy có vẻ mời chào. Sách nhiều nên cũng thêm nhiều nhà sách (ai đặt cái tên "nhà sách" nghe đúng và hay hơn nhiều những cái tên "hiệu sách", "cửa hàng sách", khách vào

nhà sách tha hồ tự mình thoải mái lựa chọn). Các nhà sách đua nhau lớn diện tích, đẹp trang trí, tiện địa điểm. Quả là thế giới sách, nói không ngoa. Những năm trước đã được thế, năm 1999 còn được thế, các năm tới chắc vẫn được thế. Vậy, chẳng cũng sướng sao!

Sách ra nhiều, nhưng sách đáng là tác phẩm đọc được không nhiều, là tác phẩm hay càng hiếm. Truyện ngắn vẫn là thể loại nổi trội về số lượng mà chất lượng chưa có gì đột biến. Tiểu thuyết và trường ca năm nay chừng như rộ lên nhưng còn chờ lắng lại. Đi giữa rừng sách trong các nhà sách kiếm một cuốn đọc chơi thì dễ, tìm một cuốn đọc thật thì khó. Tìm được rồi, đọc được rồi, mà việc khen chê thế nào cũng không đơn giản. Vậy, chẳng cũng buồn sao!

Tác phẩm sáng tác "quậy" được không khí xôn xao trong năm là cuốn *Cơ hội của Chúa* của Nguyễn Việt Hà. Một tác giả mới toe, dù không phải lần đầu xuất hiện. Cuốn tiểu thuyết hơn bốn trăm trang, bằng nội dung và cách viết của nó, đã khiến được độc giả không thể thờ ơ, đã kéo được giới trong nghề phải lên tiếng tranh cãi, đã không bị rơi vào sự im lặng tẻ vắng của bao cuốn sách khác. Vậy, chẳng cũng sướng sao!

Cuộc tranh cãi quanh *Cơ hội của Chúa*, vẫn như bao lần, thường nhanh chóng bị chuyển từ văn chương sang thái độ, do một lối đọc văn như đọc vấn đề. Tác phẩm, ở phía bị phê phán, hiện ra như một bức tranh ảm đạm, bi quan về thực tại cuộc sống. Nhân vật hóa thành tác giả từ hành vi đến phát ngôn, từ chuyện quen xài rượu Tây đến chuyện hay sính tiếng Tây. To chuyện đến mức cả người và sách, cả người viết sách và người in sách, khéo mà bị mất cơ hội. Vậy, chẳng cũng buồn sao!

May, tác phẩm có giá trị của nó. Những nhân vật trẻ trong đó là người của hôm nay. Tác giả là người của hôm nay. Họ nhìn cuộc sống bằng con mắt thế hệ mình, bằng con mắt hôm nay. Cách nhìn có thể khác, cái nhìn không khác. Do đó họ buồn bực nhưng không chán nản, đau khổ vẫn ham sống. Cuộc sống đang thử thách họ và họ đang đi tìm chính mình. Đôi bạn trong tác phẩm là một mẫu mực hiếm có của tình bạn, rất hiện đại và rất nhân bản, một sáng tạo của người viết. Cách viết của tác phẩm linh hoạt, tự nhiên, có tính tiểu thuyết. Đối với một tác giả mới, ở tác phẩm dài hơi đầu tiên, nếu kéo được người đọc đến với mình, hẳn anh ta có một cái gì đó. Vậy, chẳng cũng sướng sao!

Cố nhiên, "cái gì đó" có ở Nguyễn Việt Hà chưa chắc chắn, chưa ổn định. Anh sẽ phải sớm biết mình biết người sau thử thách đầu tiên này trên trường văn trận bút. Phê bình ở cái chợ văn chương xứ ta có vẻ thạo "đòn hội chợ". Quy kết, chụp mũ là hai cái đòn gánh thường sẵn sàng được giơ lên đánh đòn. Dân chợ ồn ào xúm lại xem cho rõ binh tình thì sự

đã rồi. Trong cảnh lao xao đó, ai nghe được tiếng người điềm đạm nói rõ cái đúng sai, hay dở. Có một bài viết dài, tỉ mỉ, sâu sắc, vừa bám chắc văn bản tác phẩm vừa khái quát nâng cao lý luận, phân tích đúng và hay chỗ được chỗ chưa được của *Cơ hội của Chúa*, tiếc nó không được cơ xuất hiện. Bài đó in ra nhiều người sẽ vỡ lẽ: à ra phê bình văn học là thế. Vậy, chẳng cũng buồn sao!

Phê bình là thế, nhưng ít người biết thế. Bởi vậy, tập sách *Chân dung và Đối thoại* của Trần Đăng Khoa đã gây tranh cãi trong giới ở chỗ thế nào là phê bình văn học. Nhà thơ "trẻ" đã ở bên kia ngưỡng "tứ thập nhi bất hoặc" viết chân dung các đồng nghiệp, đối thoại với các đồng nghiệp, tựu trung là nói chuyện văn chương, mà cũng là chuyện cuộc đời, chuyện thế thái nhân tình. Một lối viết tung tẩy, sinh động, có giọng riêng. Một cách nhìn chủ động, mạnh dạn về khá nhiều tác giả, tác phẩm đã ổn định, đã có vị trí. Cuốn sách đọc gây thích thú và khó chịu. Độc giả đổ xô nhau tìm mua, và đọc, và cười. Nhà xuất bản nối vòng quay in lại nhiều lần. In cả riêng một tập những bài viết quanh cuốn này. Xét về sự bán chạy của sách văn học, lại là sách phê bình, thì *Chân dung và Đối thoại* quả là một hiện tượng. Vậy, chẳng cũng vui sao!

Tập sách của Trần Đăng Khoa là sự cảm nhận văn chương của một người sáng tác - một nhà thơ. Anh có cách thẩm thấu giá trị văn thơ của mình. Anh khá rành các chuyện bếp núc trong nghề. Anh có quan hệ gần gũi thân tình đến suồng sã với những đối tượng được khen chê. Anh có uy tín của một tài năng. Anh có một chỗ lập ngôn được bảo đảm. Đó là những cái đã làm nên Trần Đăng Khoa từ lâu nay trong thơ, giờ đây hiệu lực của nó vẫn còn khi anh chuyển sang cái viết ngoài thơ. Thành công của tập sách là nhờ vậy. Nhưng để tạo thành giá trị phê bình văn học thì thế vẫn chưa đủ. Viết phê bình cần kiến thức, cần lập luận và cần nhận định. Anh đưa ra nhiều nhận định, có những điều rất bạo, nhưng lập luận chưa chắc và kiến thức chưa đủ, khiến cho những nhận định còn lung lay và khập khiễng. Một số nhà phê bình không thích kiểu Trần Đăng Khoa cứ nói vống lên, nói tung ra mà không chứng minh gì cả. Một số nhà sáng tác lại khen anh vượt lên mọi phê bình đã có, mở ra một phê bình mới, tập sách của anh là đích thực phê bình văn học. Lại có người bừng bừng nộ khí vu cho anh theo vết "phủ nhận", "lật đổ" ở đâu đó. Mọi chuyện đơn giản thôi, những bài viết của Trần Đăng Khoa đậm chất dân dã, ít tính hàn lâm. Anh cứ lối anh đi. Và giới phê bình cứ theo nghiệp chuyên mà làm. Vậy, chẳng cũng buồn sao!

Các nhà thơ, té ra, lại là những người lắm lời. Người cãi nhau nhiều nhất trong năm, có lẽ, vẫn là nhà thơ Trần Mạnh Hảo. Cãi, đến như lu loa

(bài trên *Thế giới mới*). Cãi, đến thành ra tự mâu thuẫn (bài trên *Tri thức trẻ*). Cãi trên mọi phương diện, mọi vấn đề, với mọi nhà. Cãi, đến nhàm tai chán miệng. Cãi, đến không còn ai cãi lại. Cãi, như không thể cãi. Cố nhiên, được cãi và cãi được là hai chuyện khác nhau. Cổ nhân bảo: nói phải có người nghe. Lại bảo: nói phải củ cải cũng nghe. Thơ ông đọc vẫn được, mà những bài ông viết đọc khó vô. Cái tâm chăng? Cái tài chăng? Giờ đây thấy vắng tiếng ông Hảo trên các trang báo mới là chuyện lạ, còn ông vẫn nói là chuyện thường. Vậy, chẳng cũng vui sao!

Những cuộc thi văn thi thơ năm nào cũng có. Như một hình thức thúc giục viết. Như một cách cầu tài. Như một kiểu phát hành. Dưới góc độ nào mở cuộc thi cũng đều là được. Có thi thì có thưởng. Thưởng thấp hay cao, thưởng đúng hay trật, tùy ở tính chất mỗi cuộc và ban giám khảo mắt xanh hay mắt xám. Người đọc chỉ quan tâm duy nhất một điều: các tác phẩm được thưởng có chất lượng văn học xứng đáng, đích đáng hay không. Ngó qua mấy cuộc thi trong năm hay vắt từ năm trước qua năm nay ở Hội Nhà văn, báo *Văn Nghệ*, tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* thấy không khí phẳng lặng, yên bình. Chưa nghe có tiếng "ồ, à" với một tác giả, một tác phẩm dự thi, để giật mình mừng vui. Đâu như có cuộc đang tính kéo dài thêm thời hạn để chờ, may ra. Vậy, chẳng cũng buồn sao!

Hội Nhà văn, giải thưởng hàng năm, vẫn chưa ban bố. Không khí nghe chừng cũng là so bó đũa chọn cột cờ, mà khéo không cả bó chẳng được một cột. Mà thà cứ thế còn hơn. Thật có thì trao, không có thật thì thôi. Tuy nhiên, nếu mấy năm liền giải toàn cho loại làng nhàng thì cũng nên xét do bởi tại đâu chất lượng văn học không cao lên được. Điều này thuộc loại "biết rồi, khổ lắm, nói mãi", nhưng khổ lắm, nói mãi, có biết cho đâu. Các tờ báo của Hội cũ nhiều mới ít và chất văn học thì hơi bị thấp. May còn tờ *Văn Học Nước Ngoài*, nhưng số hội viên thực đọc nó chắc không nhiều, một khi đã chịu đọc thiên hạ thế giới thì ở trong nước người ta sẽ biết e dè thận trọng mỗi khi định lên tiếng "phán" một điều gì về văn chương. Tờ mới *Văn Học Việt Nam* bằng tiếng Anh mới ra số đầu là ăn của sẵn (những bản dịch đã có), cái không sẵn thì lại sai. Đưa văn chương nước nhà ra nước ngoài là một việc cực cần thiết, nhưng nếu làm không khéo (cả chọn lựa tác phẩm lẫn dịch thuật) sẽ là lợi bất cập hại. Cách đưa tốt nhất vẫn là nâng cao văn học Việt Nam ngang tầm nhân loại, "hữu xạ tự nhiên hương", bên ngoài sẽ tìm đọc và giới thiệu ta từ chính tiếng ta. Như một số tác giả thời kỳ đổi mới. Vậy, chẳng cũng vui sao?

Chợ đã vãn, phiên chợ văn năm cuối thế kỷ. Nhìn lại buồn nhiều hơn vui, dẫu kẻ coi chợ trong những ghi chép sơ sài của mình đã cố cân đối vui buồn lẽ này lẽ kia. Thời khắc đang sống là buổi hoàng hôn của một

thế kỷ và một thiên niên kỷ. Câu ca ai hát vẳng lên kia "Chiều chiều lại nhớ chiều chiều". Một thế kỷ văn chương quốc ngữ đã hiện đại hóa cơ bản văn học Việt Nam với giai đoạn bản lề then chốt 1932 - 45. Thế kỷ tới mặt hàng cần thiết và đắt giá ở chợ văn hàng năm là sự cập nhật hóa hiện đại. Những người cầm bút Việt Nam đã qua và đang đến phải cùng nỗ lực phá bỏ tính chất "tỉnh lẻ" của văn học nước nhà. Trước thềm một bình minh thế kỷ mới, khép lại cái năm Mèo 1999, kẻ coi chợ xin chào tạm biệt. Hẹn gặp lại ở những chợ phiên văn học sau."

● **Võ Công, Redmond WA, USA**

Tôi xin có hai ý kiến với Văn Học. Không phải vì ở đây thiếu thì giờ mà tôi đưa ý kiến này. Nhưng vì chúng tôi muốn các nhà văn, nhà phê bình nên sửa đổi. Trước tiên là chúng tôi không mất thì giờ đọc những bài viết dài dòng, không thiết thực, cần thiết (lúc góp ý, trao đổi), thứ đến là không làm giảm giá trị (vì viết dài, ý hẹp, vô ích) của một nhà văn hay một nhà phê bình.

1. Về phỏng vấn:

Xem video phỏng vấn ca sĩ "nổi tiếng", tôi thấy ca sĩ nổi tiếng thường trả lời dài dòng, lạc đề, còn ca sĩ nổi tiếng vừa vừa lại trả lời gọn, đúng. Trên màn ảnh chúng tôi còn tạm O.K. vì có khi bị khớp, không chuẩn bị, và ca sĩ chỉ chuyên nghiệp hát chứ không chuyên nghiệp viết như các nhà văn. Trong khi đó, các nhà văn, nhà phê bình...khi được một tạp chí phỏng vấn, họ đã có chuẩn bị, có thì giờ để suy nghĩ. Vậy mà khi trả lời phỏng vấn, các nhà văn, nhà phê bình nói lung tung, dài dòng, không đúng nên không hay. Cho nên khi đọc bài phỏng vấn xong, độc giả nghĩ: Tại sao ông ấy viết hay mà trả lời...lạ vậy?

2/Về các bài góp ý, trao đổi giữa các văn hữu và các nhà phê bình:

Theo dõi những bài đăng trên Văn Học, tôi thấy các nhà văn, nhà phê bình không nắm được từ "góp ý" hay "trao đổi". Cho nên các bài góp ý hay trao đổi trở thành một bài "khảo luận", hoặc nếu đứng trong phòng thì các vị ấy giống như một ông thầy giáo nói với học trò. Có một điều lạ là các vị cũng ưa phô trương, làm như các vị là thợ mộc đóng tủ: lôi các học tự điển, điển tích, ca dao, tục ngữ...ra dẫn chứng đủ cả, không thiếu một học nào. Điểm này, chỉ đưa một hai dữ kiện là đủ, đâu có cần phải trích dẫn ông Tây bà Đầm dài dòng như vậy. Mà viết càng dài dòng thì càng có nhiều kẻ hở. Theo dõi các bài trả lời phỏng vấn, tôi thấy ông Võ Phiến trả lời gọn, dí dỏm, rõ ràng.

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Trương văn Nhi (Houston TX), Việt Chi Bookstore (Atlanta GA), Phan Ngoc Minh (Frankfurt Germany), Lê Hoà (Santa Clarita CA), Bùi Minh Đức (Lausane, Thụy sĩ), Barr Smith Library, Univ. of Adelaide, Australia, Nguyễn Huy Thứ (Fountain Valley CA đổi địa chỉ), Leon Nguyễn (Decatur IL), Bùi Quang Diễm Thu (Smyrna GA), University of Massachusett (Boston MA), Hoàng Lan Nguyễn (Santa Ana CA), Trần thị Lệ Chi (đổi địa chỉ, San Jose CA), Rev. Thích Minh Đức (Redwood CA), Trang van Nguyen (Garland TX), Tường Lưu (Houston TX), Ky Nguyen (Gretna, LA, đổi địa chỉ), Minh Do (Lowell MA), Nguyễn Thanh Châu (Phoenix AZ)

● Bài nhận được trong tháng:

"Hội chứng chiến tranh VH" gửi từ Fairfaax VA, "Giao cảm" gửi từ Hawthorne CA, "Cần thơ còn hoa ô môi nở", "Chiều đông nhìn hoa tuyết", "Chuyện người homeless", ""Tùy bút 30.4", "Mưa San Jose, Mưa Đà lạt", "Chuyện người hái nắng" gửi từ San Jose CA, "Em khều anh", "Già rồi", "Em đàn bà" gửi từ Garden Grove CA, "Bản Kiều Nôm trong Thư viện Anh quốc", "Một vài nhận xét về bản Kiều Nôm cổ Liễu Văn Đường 1871" gửi từ San Jose CA, "Thơ mừng cưới cháu ở Westminster" gửi từ Burke VA

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

● Nhắn tin chung:

Một số bạn đọc ở Âu châu không quen cách ghi ngày tháng ở Hoa Kỳ đã tưởng lầm hạn mua báo đã hết. Ban Quản trị Tạp chí Văn Học một lần nữa xin giải thích rõ: Ngày hết hạn trên nhãn gửi báo ngoài phong bì được ghi theo cách ghi ngày tháng ở Hoa Kỳ, nghĩa là *ghi tháng trước, rồi tới ngày, và năm.*

Ví dụ: **3/1/00** nghĩa là hạn mua báo của quí vị đến ngày 1 tháng 3 năm 2000 là hết. Hơn thế nữa, mỗi khi hạn mua báo đã đến hay sắp đến (hai tháng trước và hai tháng sau), máy vi tính tự động in hàng chữ PLEASE RENEW - XIN GIA HAN trên nhãn địa chỉ.

Văn Học trân trọng cảm tạ quí bạn đọc đã gia hạn kịp thời mỗi khi hết hạn, nhờ thế Văn Học vẫn đều đặn tới tay bạn đọc suốt 15 năm qua.

SÁCH MỚI NĂM 2000

- TĂNG SĨ VÀ TRIẾT GIA 22MK
  Hội luận về tôn giáo - Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: Triết gia ***Jean-Francois Revel*** (cha) và nhà bác học-tăng sĩ ***Matthieu Ricard*** (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. ***Linh Thụy*** chuyển ngữ.
- CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
  tiểu luận ***Nguyễn Minh Cần***
- GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG 13MK
  tạp ghi ***Hoàng Mai Đạt***
- MÙI HƯƠNG QUẾ 14MK
  truyện ***Dương Như Nguyện***
- RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
  18 chuyện văn nghệ, ***Võ Đình***
- MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
  Huỳnh Hữu Ủy

VĂN NGHỆ
Nhà xuất bản và nhà sách
9351 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel (714) 934-8574
Fax (714) 934-8514

E-Mail: **vannghe@pacbell.net**
Homepage:**http://home.pacbell.net/vannghe**

Ở vùng không có nhà sách xin liên lạc với Văn Nghệ để lấy thư mục hơn 600 tựa sách giá trị.

ĐÓN ĐỌC

TUYỂN TẬP THƠ VĂN HẢI NGOẠI NĂM 2000

QUY TỤ 67 TÁC GIẢ

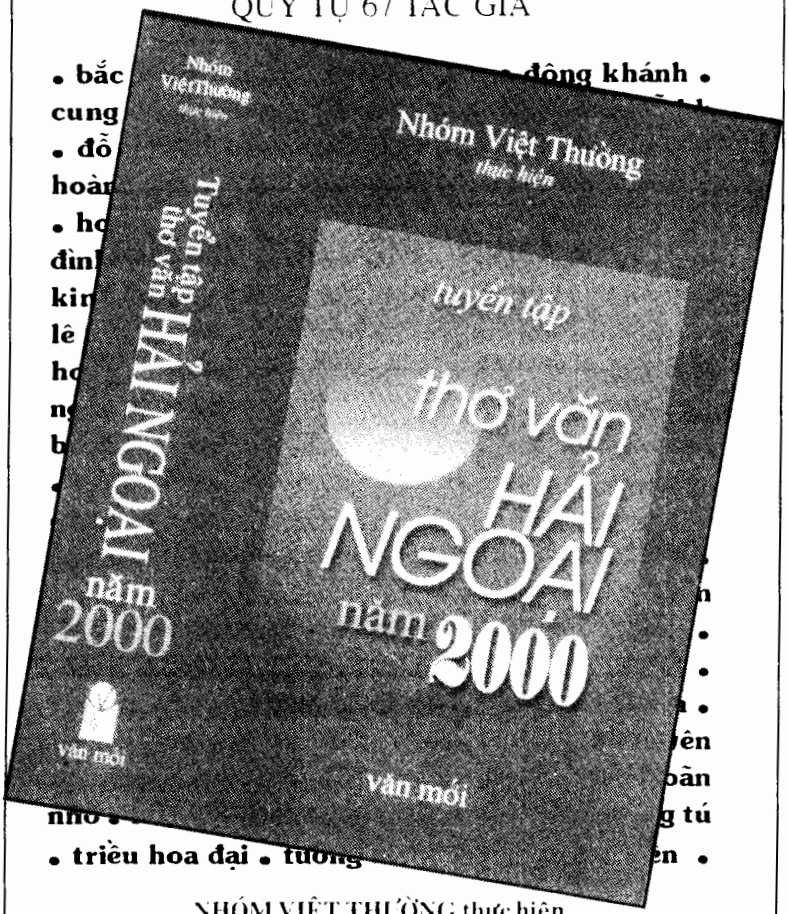

NHÓM VIỆT THƯỜNG thực hiện
VĂN MỚI xuất bản

PHÁT HÀNH MÙA XUÂN NĂM 2000

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn _____năm, từ số _____tháng _____,gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một Tác Phẩm mới vừa phát hành tháng 2 năm 2000

BAY ĐI CÁNH CHIM BIỂN

Tập truyện của nhà văn nữ Hoàng Nga

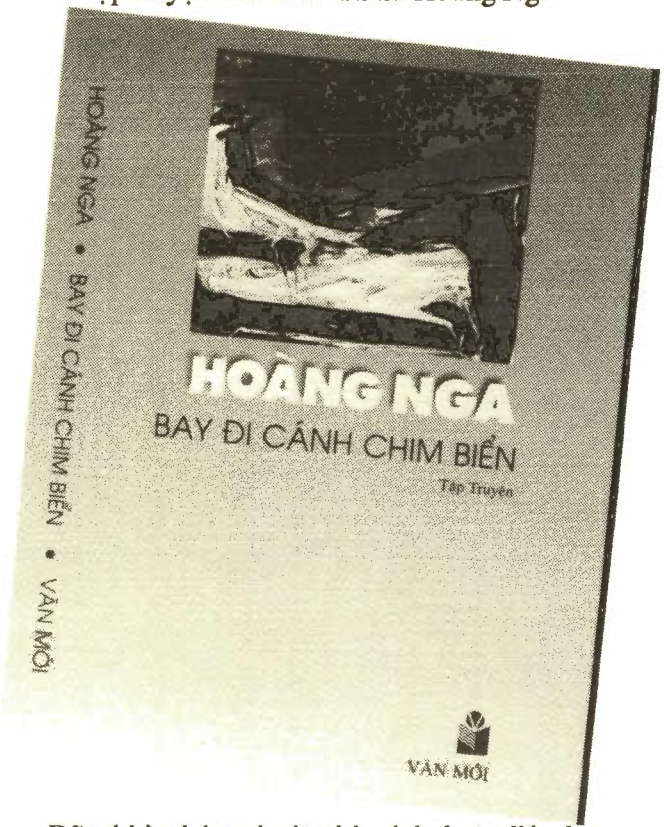

Đã có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:

Nhà phát hành Văn Nghệ

P.O. Box 2301, Wesminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 527-5761

NHÀ SÁCH

VĂN NGHỆ

SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO

9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA

Tel (714) 934-8574

Email: vannghe@pacbell.net

Homepage: http://hom.pacbell.net/van nghe

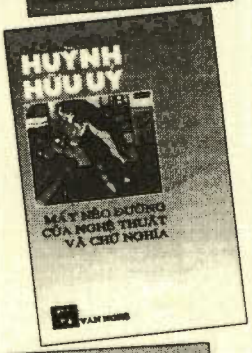

Trên 13 năm hoạt động liên tục, nhà xuất bản VĂN NGHỆ đã tạo được nhiều thành quả đáng kể cho văn học Việt Nam trong lẫn ngoài nước. Đối với độc giả, khi chọn mua sách, cũng rất yên tâm khi nhìn thấy tác phẩm được in ra bởi VĂN NGHỆ.

Để phục vụ độc giả hữu hiệu hơn, đầu tháng 12 năm 1999, nhà xuất bản VĂN NGHỆ sẽ khai trương một nhà sách mang cùng tên, với các ưu điểm sau:

- Nằm ngay trung tâm Little Saigon. Là cơ sở sách báo, tape nhạc, CD, Video... của người Việt Nam hải ngoại lớn nhất và đầy đủ nhất.
- Tập trung kinh sách Phật nhiều nhất của các châu Âu, Á, Úc, Mỹ, Anh, Pháp và Việt ngữ.
- Nhằm tạo mối tương quan giữa người sáng tác và người đọc, mỗi tuần một tác giả sẽ được mời đến để gặp gỡ, tặng chữ ký cho người mua sách (hoặc đã mua ở bất cứ nhà sách nào)
- Sắp xếp hợp lý, qui củ, giúp độc giả dễ dàng truy tìm mọi tác phẩm thuộc mọi chủ đề.
- Là nơi duy nhất trên thế giới có riêng một khu vực trang trọng cho các tác phẩm thơ ca.
- Mỗi tuần đều có sách báo mới.

Giá:$4.00